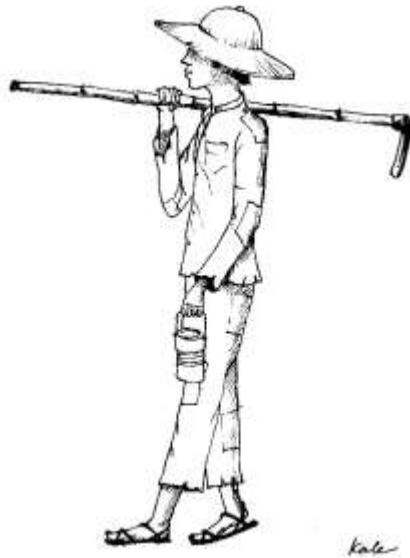


17 Năm

Trong Các Trại Cải Tạo Của CSVN

Hồi Ký Kale



Lời Mở Đầu

Tôi không là văn sĩ, và cũng không có tham vọng làm một nhà văn. Tôi không phải là một nhà ái quốc theo đúng nghĩa của nó. Tôi chỉ là một người Việt Nam bình thường, làm những công việc bình thường trong một quốc gia không bình thường! Giống như hàng trăm ngàn người ở miền Nam Việt Nam sau ngày 30 tháng tư năm 1975, tôi đã vào những trại tập trung của Cộng Sản, cái mà chúng đặt tên là “Trại Cải Tạo”, để rồi đã phải trải qua suốt gần 17 năm dài ở trong ấy. Viết những trang hồi ký này, tôi chỉ muốn làm một chứng nhân của một giai đoạn lịch sử chứ không có tham vọng kết án những cái gọi là “tội ác của Cộng Sản” hay nêu gương những người anh hùng bất khuất ở trong đó.

Những người Việt “Quốc Gia” mà trong đó có tôi đã thất bại trong cuộc chiến mà người Mỹ đặt tên là “*Chiến Tranh Việt Nam*” – cuộc chiến của Mỹ ở chiến trường Việt Nam - . Tôi không biết kết quả thật sự của cuộc chiến ấy là người Mỹ đã thắng hay bại mặc dù sau khi “*Chiến Tranh Việt Nam*” chấm dứt thì khối Cộng Sản đã lần lượt sụp đổ, nhưng điều mà tôi thấy rõ là những người Việt Quốc Gia đã phải chết trong các Trại Cải Tạo của Cộng Sản hay đang phải lưu vong khắp thế giới, và những người Việt Cộng Sản đang ngự trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Chúng ta đã thất bại vì chúng ta đã không nêu được cái chính nghĩa “Quốc Gia” trong khi “Việt Cộng” có cái chính nghĩa “Giải phóng” đất nước của họ. Những nhà lãnh đạo của chúng ta đã làm gì trong thời gian chiến tranh, điều đó hẳn là hầu hết chúng ta đã nhìn thấy! Chúng ta đã bị lãnh đạo bởi những người chỉ biết nghĩ đến quyền lợi cá nhân hay tập đoàn hơn là quyền lợi chung

của đất nước. Chúng ta mệnh danh là những người “Việt Quốc Gia” nhưng lại trở thành những người đánh thuê cho Mỹ. Khi Mỹ rút lui thì chúng ta không còn một khối người “Việt Quốc Gia” nữa mà đã trở thành những toán quân rã ngũ. Đa số những nhà lãnh đạo thì lo đi tìm sự an toàn riêng cho bản thân và gia đình họ, phần lớn còn lại thì âm thầm hoặc tìm phương lẩn trốn ra nước ngoài hoặc nộp mình vào các trại cải tạo để mong hưởng sự “khoan hồng” của “Đảng và Nhà Nước”.

Ở trong trại Cải Tạo, chúng ta cũng không có một sự đoàn kết nào mà lại sống âm thầm, nghi ngờ nhau, đổ lỗi nhau, hoặc tự chia rẽ nhau. Cộng Sản đã khai thác triệt để những nhược điểm ấy để dễ dàng điều hành các trại cải tạo của họ.

“Mỗi người Việt Nam đều có trong đầu một ông quan”, không biết cái thành ngữ này có đúng hay không, nhưng tôi thấy không ai trong chúng ta muốn làm một con ốc trong một cỗ máy mà chỉ muốn làm người điều hành cỗ máy ấy mà thôi, để rồi rốt cuộc thì chẳng ai có một cỗ máy nào để điều hành!

Chúng ta đã thất bại và những người Cộng Sản đã chiến thắng. Điều ấy là một thật tế không thể chối cãi được! Mặc dù giờ đây thì đất nước ta đang bị cai trị bởi một chủ nghĩa “phi nhân” trong khi cả thế giới đã phải từ bỏ, điều quan trọng mà tôi thấy được là đất nước ta không còn chiến tranh nữa, dân tộc chúng ta không còn chết chóc tang thương nữa. Phần còn lại của chúng ta và của các thế hệ mai sau là làm thế nào để đất nước Việt Nam chúng ta thoát khỏi những tắc nghẽn của một chủ thuyết sai lầm để mà tiến lên.

Tôi viết những trang hồi ký này chỉ để ghi lại những gì đã diễn ra cho chính bản thân tôi cũng như cho những người bình thường nhất ở trong những cái gọi là “Trại Cải Tạo” của Cộng Sản. Tất nhiên còn nhiều điều mà tôi không được chứng kiến hay trải qua, cũng như những điều mà tôi không thể nào nhớ hết được. Vì thế tôi mong những ai đã sống trong giai đoạn ấy nên ghi lại và tổng hợp thành một bức tranh toàn diện về các trại cải tạo của Cộng Sản Việt Nam.

Như tôi đã nói, tôi không là một nhà văn cho nên không có trình độ để trao chuốt văn ngôn. Các bạn đọc nên xem đây như là một lối kể chuyện của một người bình thường. Đối với những ai đã sống trong các trại cải tạo thì coi như đây là một đóng góp để nhớ lại thời gian đen tối và đau khổ của chúng ta. Còn đối với những ai chỉ nghe nói đến hai chữ “Cải Tạo” thì coi như đây là một sự tìm hiểu thêm về một giai đoạn của đất nước.

*Ghi nhớ tất cả các bạn đồng cảnh và
những người đã chết trong các trại Cải Tạo.*

Gửi tất cả tình thương về mẹ!

KALE

Phần 1

Tôi Đã Ở Lại

Chương 1 .Dấu Hiệu Đầu Tiên: Cuộc Di Tản Chiến Thuật.

Trước ngày 30 tháng tư năm 1975, những tin tức về sự mất mát ở các tỉnh miền Trung Việt Nam đã khiến tôi rất lo lắng. Là nhân viên của cơ quan tình báo chính quyền Nam Việt Nam, điều gì sẽ xảy đến cho tôi một khi Cộng Sản tiến vào Sài Gòn? Tôi đã nghe thấy nhiều về những sự thảm sát ở Huế khi Cộng Sản tiến vào thành phố ở miền Trung này vào Tết Mậu Thân, 1968. VC dùng dây kẽm gai cột người ta lại với nhau rồi chôn sống; VC bắt người ta phải tự đào hố rồi bắn chết họ trong ấy. . . . Những cuộc di tản của hàng trăm ngàn người từ những thành phố miền Trung là một bằng chứng xác minh sự sợ hãi của nhân dân đối với Cộng Sản. VC tạo sự kinh hoàng trong nhân dân ngay cả đối với những người dân thường. Dưới chiêu bài giải phóng, VC tạo nên cuộc chiến để nhằm thôn tính miền Nam Việt Nam; chúng thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và bắt đầu cuộc chiến chống lại chính phủ Việt Nam Cộng Hoà mà chúng gọi bằng ngụy quyền miền Nam Việt Nam.

Khi quân đội Mỹ vào Nam Việt Nam, VC đổi chiến tranh Việt Nam thành cuộc chiến chống lại cái mà chúng gọi là Đế Quốc Mỹ. Chúng đồng hoá Mỹ với Pháp; chúng nhập chung cuộc chiến tranh Việt Nam với cuộc chiến chống Pháp thành một. Thật ra, Cộng Sản đã cướp công của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến chống Pháp để rồi chúng thôn tính miền Bắc Việt Nam biến thành một quốc gia theo chủ nghĩa Cộng Sản. Việt Nam bị chia thành hai quốc gia: Miền Bắc Cộng Sản và Miền Nam Dân Chủ. Hai nước sẽ phát triển riêng rẽ để chờ một cuộc thương thuyết để thống nhất đất nước. Thề chế chính trị của quốc gia sẽ định đoạt bởi người dân qua một cuộc tổng tuyển cử dưới sự kiểm soát của tổ chức quốc tế. Tôi không muốn kể lại đây lịch sử của đất nước tôi vì đã có nhiều sách vở đề cập đến vấn đề này, nhưng vì có vài chi tiết có liên quan đến việc tôi đã ở lại đất nước trong khi hàng trăm ngàn người dân đã ra đi trong những ngày của cái gọi là “giải phóng” của Cộng Sản.

Ba tôi đã gia nhập tổ chức Việt Minh, một tổ chức do Cộng Sản thành lập nhằm mục đích quy tụ dân chúng để chống Thực Dân Pháp. Ông đã bị giết trong cuộc chiến ấy vào năm 1952, trước khi hoà ước Genève được ký kết, do đó tôi là con của một gia đình có người anh hùng đã chết trong chiến tranh, một “liệt sĩ” theo như danh từ của Cộng Sản. Tôi không thể hình dung được cha tôi như thế nào vì ông đã chết khi tôi mới lên bảy, và ông đã bỏ nhà đi vào mật khu từ khi tôi mới lên hai. Tôi nghe nói ông là một cán bộ kinh tài của quân du kích. Trên đường đi công tác, ông cùng một người bạn bị phục kích và bị giết sau khi ông đã bắn chết hai lính lê dương và một lính Pháp. Tôi vẫn thường có một ít tự hào về cha tôi. Tôi còn có ba anh chị họ tập kết ra Bắc vào năm 1954, và tôi có nghe nói họ đã đi du học ở các nước Xã Hội Chủ Nghĩa. Một người bác của tôi cũng là một người Cộng Sản; ông ta bị bắt nhốt ở trại tù Côn Nôn từ năm 1956 đến năm 1962. Sau khi thả ra, ông lại tiếp tục hoạt động cho VC và chết năm 1970; ông ta cũng là một liệt sĩ! Với một gia đình như vậy, đôi lúc tôi nghĩ đơn giản rằng VC sẽ không trừng phạt tôi một khi chúng vào Sài Gòn.

Mặt khác, tôi nghe nói rằng Cộng Sản là những người vô gia đình, vô tôn giáo, vô tổ quốc; họ chỉ có duy nhất Đảng Cộng Sản của họ mà thôi! Trong tình trạng mập mờ đó, tôi không thể tưởng tượng được họ sẽ đối xử với tôi thế nào khi sự việc xảy ra!

Sự thiếu hiểu biết về Chủ nghĩa Cộng Sản, về những người Cộng Sản khiến tôi cùng nhiều người dân miền Nam bị lẫn lộn giữa những người Cộng Sản với những nhà ái quốc. Khi còn trẻ, tôi vẫn thường tôn sùng những người Cộng Sản, đặc biệt là Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, tôi đã đồng hoá họ với những nhà ái quốc. Tôi cũng từng nhập chung cuộc chiến tranh Việt Nam với cuộc chiến chống Thực Dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Tôi đã từng làm nhiều bài thơ yêu nước đăng trên những tạp chí Sinh Viên. Thêm vào đó, sự lộn xộn của chính phủ Nam Việt Nam từ Tổng Thống Ngô đình Diệm đến Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu khiến mọi người dân miền Nam trông chờ một chính phủ vững mạnh ngỏ hầu có thể xây dựng đất nước. Hầu hết nhân dân miền Nam thường trông về cơ cấu chính quyền miền Bắc như một mẫu mực mà họ mong muốn. Thủ tướng Phạm Văn Đồng của Bắc Việt đã ở tại vị từ năm 1954 đến năm 1975 có lẽ là một minh chứng hùng hồn cho một cơ cấu chính quyền vững chắc!

Mặc dù có nhiều điều tồi tệ đã xảy ra trong khối Cộng Sản, từ Liên xô, Trung Quốc, và các nước Đông Âu, chúng tôi vẫn hy vọng Cộng Sản Việt Nam sẽ khác hơn. Những cuộc đấu tố ở miền Bắc trong giai đoạn cải cách ruộng đất sau 1955 với những cảnh con cái đấu tố cha mẹ, vợ đấu tố chồng, cũng chưa đủ thuyết phục để nhân dân oán ghét Cộng Sản. Những hình ảnh về cuộc thăm sát tại các vùng tạm chiếm của Cộng Sản bị nghi ngờ là chiến thuật tuyên truyền của Chính Phủ Nam Việt Nam. Dân chúng bị lẫn lộn giữa cái tốt và cái xấu về những người Cộng Sản. Họ không thể phân biệt giữa chủ nghĩa Yêu Nước với chủ nghĩa Cộng Sản.

Cuộc di tản chiến thuật khỏi Buôn Mê Thuột, Đà Nẵng được loan báo như một việc thực thi Hiệp Định Paris. Tôi chẳng biết gì về nội dung của Hiệp Ước này, nhất là những điều mật ước mà tôi nghe nói về việc phân chia đất nước tại vĩ tuyến 12 ở Phan Rang, một tỉnh miền Trung, để nhường cho Mặt Trận Giải Phóng. Hầu hết những gì tôi nghe được thường là những tin đồn. Trong một quốc gia đang có biến động chính trị, tin đồn nhiều khi còn được tin tưởng hơn những gì mà chính phủ phổ biến.

Mặc dù là một nhân viên tình báo của chính quyền Nam Việt Nam, tôi không hề học tập về Chủ Nghĩa Cộng Sản. Trong nhiệm vụ hàng ngày, tôi chống lại những tổ chức của Sinh Viên thuộc Viện Đại Học Sài Gòn. Tôi chỉ biết rằng đó là những tổ chức con đẻ của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, một tổ chức của VC. Tôi đã thành công trong việc tái chiếm Ban Đại Diện Sinh Viên Đại Học Khoa Học vào năm 1972 từ trong tay của nhóm Bùng Sóng, một tổ chức của Cộng Sản. Mặc dù bị lên án tử hình trên đài phát thanh giải phóng về việc ấy, tôi vẫn thờ ơ. Họ chỉ biết bí danh tôi chứ không biết tên thật của tôi, hơn thế nữa, tôi vẫn đang sống trong vùng của mình. Ngược lại, nếu Cộng Sản chiếm Sài Gòn, điều gì sẽ xảy ra cho tôi một khi họ biết tôi là ai? Sự lo lắng cộng với sự thiếu hiểu biết khiến tôi không còn biết phải làm gì.

Chương 2 . Những Điều Đó Xảy Ra Chính Trong Gia Đình Tôi.

Ngày 19 tháng tư năm 1975, sau khi đưa vợ tôi vào văn phòng để làm việc, tôi ghé qua nhà mẹ tôi như thường lệ. Tôi gặp Tài, em tôi vừa từ Đà Nẵng về đến nhà. Tài là trung sĩ Thông Dịch viên trong Hải quân Nam Việt Nam. Đà Nẵng là một thành phố lớn ở miền Trung và cũng là một hải cảng quan trọng. Tài chỉ còn một bộ đồ dính thân vì đã phải trải qua bao nhiêu phương tiện mới về được đến nhà. Em tôi đã kể lại cho nghe bao nhiêu chuyện kinh khủng mà nó đã chứng kiến trên đường đi từ Đà Nẵng về Sài

Gòn. Khi ở trên một chiếc tàu, một người đàn bà nhờ nó bế đứa con để bà ta đi tìm một đứa khác đã bị thất lạc; sau đó bà ta biến mất vào đám đông. Nó không biết phải làm sao, và làm thế nào để bế đứa trẻ về nhà trên một lộ trình quá xa như thế, do đó nó đưa đứa trẻ cho một người lạ rồi chạy đi mất. Dân chúng chen chúc nhau leo lên tàu; nhiều người bị rơi xuống biển chết chìm.

- “Tại sao em không đi luôn ra ngoại quốc?” Tôi hỏi Tài.

- “Vì họ ra lệnh về Sài Gòn để chống lại VC.”

- “Em có thấy VC vào Đà Nẵng không?”

- “Không, tôi chẳng thấy ai ngoài dân chúng di tản khỏi Đà Nẵng. Họ ra lệnh chúng tôi rời Đà Nẵng cho VC, nhưng tôi chẳng thấy VC nào trong thành phố khi tôi rời nơi ấy. Tôi cũng không hiểu sao chúng ta lại thất bại mà không có cuộc đụng độ nào.”

- “Em có nghe nói gì về những mật ước của Hoà Ước Paris không?”

- “Họ nói nhiều về những điều này, nhưng thật ra tôi không được ai phổ biến một cách chính thức hết khi họ ra lệnh rời Đà Nẵng.”

- “Làm sao em về được đến nhà?” Tôi tò mò hỏi.

- “Đầu tiên, tôi đi theo tàu tôi về đến Cam Ranh. Từ đó đến Vũng Tàu, tôi lên được một chiếc tàu của Hải Quân Mỹ vì tôi là Thông dịch viên.”

- “Sao tàu em không về Sài Gòn?”

- “Tôi không biết; nó đi luôn ra đảo Phú Quốc.”

- “Em thấy gì trên đường về Sài Gòn?”

- “Dân chúng sợ hãi; họ nói đến VC và những cuộc tàn sát dù họ chẳng thấy một tên VC nào trong thành phố. Họ chen chúc nhau trên đường ra hải cảng. Họ chất mọi thứ lên xe đạp, xe gắn máy, hay gánh lên vai. Trẻ con khóc lóc vì lạc mất cha mẹ; vài người nằm chết trên vỉa hè. Hàng ngàn người dân rời bỏ nhà cửa khi nghe VC về đến hoặc nghe các đơn vị quân đội ta rút lui. Anh làm trong Phủ Trung Ương Tình Báo, anh có biết gì về chương trình của Chính Phủ hay của Mỹ đối với tương lai của đất nước ta hay không?” Tài bắt thần hỏi tôi.

- “Không!” Tôi lúng túng trả lời.

Tôi bảo Tài lấy quần áo tôi thay ra vì nó quá dơ sau hơn mười ngày đường. Khoảng 10 giờ, Lân, anh họ tôi từ cơ quan đến. Anh ấy là thượng sĩ Hải Quân. Vào Quân Đội từ năm 1962, anh ta làm về truyền tin trong Hải Quân Việt Nam ở tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân Sài Gòn. Anh ấy đến hỏi tôi có định sửa soạn đi với anh ta ra ngoại quốc khi cần thiết không. Tôi trả lời anh ấy: “Tôi nghĩ chắc Cơ Quan của tôi đã chuẩn bị chương trình riêng cho nhân viên rồi. Trong trường hợp khẩn cấp, tôi sẽ gặp anh ngay.”

Thật ra tôi không biết phải làm sao trong lúc ấy. Nghe tin về trình trạng căng thẳng của đất nước, tôi rất phân vân. Chúng ta có thể chiến đấu chống lại VC nếu họ tiến vào Sài Gòn; tại sao lại phải rời bỏ đất nước mà không chiến đấu chứ? Quân Lực chúng ta vẫn hùng mạnh. Vũ khí chúng ta vẫn còn đầy đủ ngay cả nếu Mỹ có ngưng viện trợ đi nữa. Tôi không thể hiểu nổi tại sao chúng ta lại thua khi chúng ta đang giành được chiến thắng trên mặt trận và ngay cả ở hậu phương. Những sự rút lui của các đơn vị quân lực chúng ta khỏi các tỉnh miền Trung mà không có một trận đánh nào xảy ra đã làm dân chúng đâm ra hoang mang sợ hãi. Dân chúng di tản khỏi các thành phố mặc dù chưa thấy một VC nào tiến vào. Toàn bộ sự kiện ấy đã tạo nên một sự rối ren chưa từng thấy cho đất nước.

Tôi nhìn ra đường phố trước nhà. Tiệm sửa xe đạp và xe gắn máy vẫn mở cửa như thường lệ. Tiệm tạp hoá vẫn ồn ào. Tiệm may và hớt tóc vẫn có khách. Vài người bán hàng rong đang rao hàng. Bộ hành vẫn ung dung. Xe hơi, xe gắn máy, và xe đạp vẫn qua lại. Mọi cái dường như vẫn sinh hoạt bình thường; không thấy một dấu hiệu nào của chiến tranh. Dân chúng Sài Gòn đã quá quen thuộc với chiến tranh kể từ năm 1945; họ nghe tiếng súng một cách lơ đãng ngoại trừ trường hợp nó nổ ngay bên cạnh họ.

Năm 1954, một triệu người dân miền Bắc di cư vào Nam; họ đã kể lại bao nhiêu điều ghê gớm về Cộng Sản, nhưng dân miền Nam vẫn nghi ngờ. Dân miền Nam đoán rằng những người dân miền Bắc vì quá nghèo đói đã vào Nam để kiếm sống. Chủ nghĩa Cộng Sản hay Chủ Nghĩa Xã Hội trong đầu óc của người miền Nam chỉ đồng nghĩa với sự đói nghèo. Sự tuyên truyền của Chính Phủ Nam Việt Nam không đủ để chiêu dụ nhân dân miền Nam chán ghét chế độ Cộng Sản, thường thì dân chúng nghĩ đến quyền lợi của họ hơn là lý tưởng chống Cộng. Bên cạnh đó, họ vẫn cho rằng nếu VC tiến được vào Sài Gòn, họ có thể có đủ thời gian để rời khỏi đất nước: Cuộc di cư của hàng triệu dân miền Bắc sau hiệp định Genève là một minh chứng cho ý nghĩ đó.

Tôi vẫn nghĩ đã có sẵn một kế hoạch di tản riêng của cơ quan tôi khi sự việc diễn ra, nhưng tôi lại nghĩ mọi việc không đến nỗi quá tồi tệ đến như vậy! Tôi chẳng hề muốn đi đến Mỹ hay bất cứ một quốc gia nào khác. Tôi sẽ ở lại đất nước nếu Cộng Sản để tôi làm một người dân bình thường, nếu không có sự trả thù. Mặc khác, tôi nghĩ Việt Nam sẽ tạm thời là một quốc gia trung lập khi chiến tranh chấm dứt. Một cuộc thương thuyết sẽ diễn ra sau đó để bàn về việc thống nhất đất nước. Trong thời gian ấy, tôi có thể chọn lựa giữa việc ở lại hay ra đi.

Chiến tranh Việt Nam là cuộc Nội Chiến hay cuộc chiến giữa Chủ Nghĩa Cộng Sản và Chủ Nghĩa Tư Bản, cuộc chiến tranh Giải Phóng hay cuộc chiến tranh Ý Thức Hệ. Đó chỉ là những danh từ! Dân tộc Việt Nam ước muốn chấm dứt cuộc chiến ấy càng sớm càng tốt dù họ chưa biết điều gì xảy ra sau đó.

Trên hai mươi năm chịu đựng chiến tranh, dân tộc Việt Nam đã quá chán ngán; chính tôi cũng thế! Sinh ra năm 1945, năm của Đệ Nhị Thế Chiến; Nhật Bản xâm chiếm đất nước tôi từ tay Thực Dân Pháp. Tôi đã sống qua ba cuộc chiến chống Nhật, Pháp, và cái gọi là chiến tranh Giải Phóng. Tôi chỉ mong mọi hoà bình đến với đất nước tôi. Hy vọng của tôi cũng đơn giản như những lời yêu cầu của dân chúng Mỹ khi họ tụ tập đòi hỏi binh sĩ của họ rời khỏi Việt Nam ngay tức khắc. Sống bên kia bờ Thái Bình Dương, họ chẳng biết gì về sự đau khổ của nhân dân Việt Nam khi phải gánh chịu cuộc chiến giữa Cộng Sản và Tư Bản. Hàng ngàn lính Mỹ chết trong chiến tranh Việt Nam làm rung động người Mỹ và cả Thế Giới. Thế thì hàng triệu người Việt Nam đã chết

trong cuộc chiến ấy thì thế nào đây? Ý nghĩ ấy khiến tôi tức tối! Những giọt nước mắt đột nhiên trào ra.

Chương 3. Một Tình Huống Bi Thảm

Tôi có hẹn với những cộng tác viên của tôi vào trưa ấy, do đó tôi phải đến nhà hàng Sing-Sing ở đường Phan Đình Phùng để gặp họ. Lễ, người đã từng là Chủ Tịch Ban Đại Diện Sinh Viên Đại Học Khoa Học, một trong những cộng tác viên ấy hỏi tôi.

- “Anh có biết gì về việc rút lui của chúng ta khi VC chiếm Sài Gòn không?”

- “Không, chưa biết!” Tôi lúng túng trả lời.

- “Tôi chuẩn bị đi ra ngoại quốc trong vài ngày tới; anh có đi với tôi không?”

- “Tôi nghĩ còn quá sớm để có quyết định như vậy. Ngoài ra, tôi còn phải hỏi sếp trước đã. Anh có tin tức gì cho tôi không?” Tôi hỏi về công việc để tránh những câu hỏi của Lễ.

- “Nhóm *Bùng Sóng* đang trỗi dậy ở trường sau một thời gian dài vắng bóng.”

- “Tôi đã biết điều ấy; còn Hoan và Thắng thì thế nào?”

Nhóm “*Bùng Sóng*” là một tổ chức nằm vùng của VC đã được thành lập ở Đại Học Khoa Học từ năm 1965; Hoan và Thắng là hai lãnh tụ của nhóm ấy. Khi tôi thành công trong việc tái chiếm Ban Đại Diện Sinh Viên Đại Học Khoa Học từ nhóm này thì nhóm Bùng Sóng biến mất. Hoan và Thắng trốn vào mật khu của VC. Chúng tôi bắt được Giàu, trưởng nhóm Bùng Sóng.

- “Chúng tôi chưa thấy Hoan và Thắng xuất hiện.” Lễ đáp lời tôi.

- “Tôi phải đi gặp sếp cái đã. Hẹn các anh ngày mai lúc 10 giờ; chúng ta sẽ bàn về việc tương lai khi tôi biết được ít nhiều.”

Đó là lần cuối cùng tôi gặp Lễ vì anh ta không đến gặp lại tôi vào ngày 20 tháng tư như đã hẹn trước. Tôi đoán anh ta đã rời bỏ đất nước.

Tôi đến nhà an toàn ở đường Phan Thanh Giản. Dù đã 2 giờ trưa, hầu hết nhân viên đều ở đó để chờ đợi sếp Long. Chúng tôi đều mong mỏi biết rõ mọi điều đang diễn ra trong nước và kế hoạch của Cơ Quan. Đạp, thư ký của sếp bảo rằng Long đang có cuộc họp trong Dinh. Tôi nghĩ có lẽ ông ấy đang gặp Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng không biết hỏi ai để xác minh điều ấy. Sau khi bị một máy bay F-5 do Nguyễn Thành Trung, trung uý thuộc Không Lực Việt Nam Cộng Hoà lái, thả bom vào dinh tuần trước, ông Thiệu đang ẩn mình trong dinh.

Sếp tôi, Ông Long, mới 35 tuổi, còn quá trẻ khi được giữ chức vụ. Ông ta hơi mập và tóc xoăn nên mọi người trong cơ quan thường gọi là Long Quấn để phân biệt với một

vài “Long” khác. Vì thường chơi Tennis vào buổi trưa nên da ông rám nắng; ông ta đi khá nhanh mặc dù đôi chân hơi ngắn. Tôi nghe nói ông ta có họ hàng xa với Bà Thiệu, đệ nhất phu nhân. Ông ta cũng ở tại Mỹ Tho, một tỉnh của miền Nam, gần nhà của gia đình Bà Thiệu. Tôi không biết điều đó thật không, nhưng tôi nghĩ Long rất có tài trong nhiệm vụ của ông ấy. Ông ta làm việc rất tận tụy nữa; nhiều người thì cho rằng vì ông ấy độc thân và lại có học vấn khá. Đó là điều rất hiếm trong một cơ quan đang điều hành hầu hết bởi những sĩ quan quân đội. Long đã tốt nghiệp Đại Học Luật Khoa và Trường Quốc Gia Hành Chánh.

Trong công tác hàng ngày, chúng tôi thường làm việc không có giới hạn giờ giấc. Đôi khi chúng tôi làm đến 2, 3 giờ khuya, ăn vài món gì đó rồi lại làm việc tiếp. Lúc khác chúng tôi lại ngủ cả ngày để lấy lại sức lực. Suốt thời gian làm ở Cơ Quan, tôi chưa hề nghỉ phép thường niên vì không có thời giờ. Tình trạng chính trị của Sài Gòn quá rối ren. Sinh viên của Viện Đại Học Sài Gòn và Viện Đại Học Vạn Hạnh (của Phật Giáo) biểu tình hầu như hàng ngày để đòi hoà bình và chống lại chính quyền. Hầu hết những cuộc biểu tình này đều bị giạt dây bởi VC hay bởi những đảng phái chống lại chính phủ. Trung tâm của nó phát xuất từ chùa Ấn Quang. Tôi không biết nhiều về mục đích của các đảng phái đối lập, nhưng tôi nghĩ rằng trong một quốc gia đang có chiến tranh, mọi sự gây xáo trộn đều là giúp đỡ cho kẻ thù.

Long về đến nhà an toàn vào khoảng 3 giờ chiều, ông ta trông mệt mỏi và chậm chạp, không còn cái vẻ nhanh nhẹn như mọi ngày. Chúng tôi chờ đợi một tin xấu! Ném cặp lên bàn, ông ta bắt đầu bằng một giọng nói thấp.

“Hôm nay tôi có đi họp; họ không đề cập gì về hiện tình đất nước. Họ chỉ bảo rằng chúng ta phải xếp đặt mọi việc tùy theo những gì mà chúng ta thấy cần. Mỹ đã bỏ rơi chúng ta, do đó chúng ta phải chiến đấu bằng chính sức lực của chúng ta. Chúng ta sẽ gặp lại vào ngày mai trong Cơ Quan để làm những việc phải làm.”

Với những lời nói mập mờ ấy, chúng tôi biết rằng đất nước đang gặp khó khăn. Chúng ta chỉ là những quân cờ trên bàn cờ của những cường quốc. Họ đến đây với danh nghĩa của Hoà Bình; họ rời bỏ chúng ta cũng với danh nghĩa của Hoà Bình. Chúng ta phải chiến đấu một mình với Cộng Sản, không chỉ với Cộng Sản Việt Nam mà với Cộng Sản trên toàn địa cầu! Mỹ và Đồng Minh đã chấm dứt viện trợ có nghĩa là chúng ta phải tự gánh lấy gánh nặng của cuộc chiến. Chúng ta không sợ sự hy sinh xương máu mà chúng ta rất sợ sự phản bội.

Tôi gặp Tuấn và Banh, những người bạn thân của tôi trong Cơ Quan trước cửa nhà an toàn. Banh cho biết Thuận và Giang đã đi rồi! Banh đã từng là Chủ Tịch Sinh Viên Luật Khoa năm 1973. Thuận và Tuấn đã từng làm việc chung với tôi khi chúng tôi mới vào làm ở Cơ Quan. Chúng tôi thường thu lượm tin tức của Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn và của các nhóm chống chính quyền thuộc cái gọi là “Thành Phần Thứ Ba” vào những năm 1969-1970 trước khi làm việc cho Ban A17. (Ban chúng tôi có mật danh là A17 vì hiện lúc ấy có 17 phân khoa thuộc viện đại học Sài Gòn). Giang là người làm chung với tôi trong công tác; anh ta cưới một cô vợ giàu có và có lẽ gia đình họ đã tìm được cách vượt biên khi họ nghe được những tin tức có hại cho tài sản của họ. Tôi nghĩ có lẽ Thuận đã ra đi với gia đình anh của anh ta vì họ làm việc trong sân bay Tân Sơn Nhất. Chúng tôi cũng thông cảm cho họ về việc rời bỏ này; họ phải lo đến cuộc đời họ và gia đình họ trước tiên.

- “Chúng tôi chưa tính gì hết. Chúng tôi nghĩ phải chờ đợi kế hoạch chung của Cơ Quan vì chúng tôi không có phương tiện riêng. Còn anh thì thế nào?”

Banh cười nói dường như muốn che dấu những lo lắng của mình.

- “Tôi thì nghĩ chúng ta nhất định sẽ có kế hoạch chung vào ngày mai.”

Tôi cố giữ bình tĩnh. Tôi không thể biết làm gì trong lúc ấy. Leo lên một chiếc tàu nào đó trong bến tàu Sài Gòn đối diện với trụ sở trung ương của chúng tôi hoặc đi vào phi trường để lên một chiếc phi cơ nào đó đến một quốc gia khác, điều này tôi có thể làm được cho một mình tôi, nhưng còn vợ tôi với đứa nhỏ còn trong bụng kia thì làm thế nào đây; cô ta đang có mang tám tháng. Điều tôi chờ đợi là một kế hoạch chung của cơ quan để di tản trong vòng trật tự, điều này sẽ an toàn hơn cho vợ tôi.

Chúng tôi cưới nhau vào năm 1972 sau gần ba năm quen biết. Chúng tôi gặp nhau vào tháng 11 năm 1969; ngày đầu tiên tôi vào nhận việc ở Cơ Quan và cũng là ngày sinh nhật thứ 20 của vợ tôi. Chị vợ tôi và anh rể cô ta cũng làm trong Cơ Quan. Khi gặp cô ấy ở phòng nhận việc, tôi rất kinh ngạc vì cô ấy trông quá trẻ để làm việc cho một cơ quan tình báo! Cô ta mới vừa tốt nghiệp trung học.

Sau gần ba năm chung sống, vợ tôi có mang và cũng rất hạnh phúc với đứa con trong bụng. Thật ra đó là lần thứ hai cô ấy có mang; lần đầu đã bị sảy vào tháng thứ hai. Vợ tôi rất khổ sở khi một bác sĩ báo cho biết cô ấy không thể có con được vì một chứng bệnh nan y. Tôi đã phải đưa vợ tôi đi đến đủ loại thầy thuốc, kể cả những lang băm. Một bà thầy thuốc đông y bảo rằng bà ta có thể cho thuốc để vợ tôi có được một đứa con duy nhất mà thôi, và đó là đứa mà cô ấy đang mang trong bụng.

Cuộc sống chúng tôi trong thời gian này rất bình an. Cô ta làm trong phòng tuyển mộ ở trụ sở trung ương; tôi vẫn thường đưa vợ tôi đến nơi làm việc mỗi bữa sáng và rước về mỗi bữa chiều. Tôi ít khi vào Cơ Quan vì tôi làm cho một ban công tác ngoại vi. Lương bổng chúng tôi không đủ xài nên tôi phải dạy thêm môn hoá học cho vài trường trung học tư thục ở Sài Gòn; đó là nguồn thu nhập chính của chúng tôi và cũng là ngụy thức của tôi.

Nếu cuộc đời chúng tôi trôi qua một cách êm đềm như thế, tôi đã không phải viết những trang hồi ký này! Những biến động bất ngờ đã xảy đến làm đảo lộn hết mọi việc và mọi người dân trong đất nước tôi. Hàng triệu người Việt Nam phải rời bỏ quê hương lưu vong trên toàn thế giới. Hàng trăm ngàn nhân viên chính quyền và quân đội Việt Nam Cộng Hoà đã bị giam trong những cái gọi là “trại Cải Tạo” của Cộng Sản từ Bắc chí Nam và một số đã chết trong ấy. Việt Nam trở thành một quốc gia nghèo nhất trên thế giới. Đó có phải do lỗi của chúng tôi hay không? Tôi không muốn đổ lỗi cho bất cứ ai khác, nhưng chúng tôi làm được gì trong hoàn cảnh ấy? Chúng tôi không thể giải quyết được gì ngay cả hoàn cảnh cá nhân nữa. Làm sao chúng tôi có thể tự chống lại được với Cộng Sản trên toàn thế giới trong khi chúng tôi bị trói tay bởi sự bỏ rơi của một cường quốc và các Đồng Minh?

Tôi không phải là một lãnh tụ của Việt Nam Cộng Hoà. Tôi không biết gì về những chiến lược của chánh phủ Việt Nam, nhưng tôi nghĩ cái gọi là “*chiến lược*” của những quốc gia nhỏ cũng chỉ là “*chiến thuật*” của những cường quốc mà thôi! Chúng tôi có thể chống lại VC trong những ngày tháng ấy và sẽ chết cho tổ quốc chúng tôi. Tôi

không chối bỏ điều ấy, nhưng làm sao chúng tôi làm được việc ấy một khi họ buộc chúng tôi phải từ bỏ sức mạnh của chúng tôi.

Tôi nghe rất nhiều lời phê bình đổ lỗi cho Chính Quyền nhất là các nhà lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hoà về việc đánh mất Nam Việt Nam. Tôi không biết điều đó đúng không, nhưng tôi nghĩ chúng ta cần phải chấp nhận cái lỗi chung của chúng ta đừng đổ cho vài người, ngay cả những cấp lãnh đạo. Tôi không bào chữa cho họ hay cho chúng ta. Tôi chỉ muốn nói để hiểu sự thật về những gì xảy ra trong đầu óc chúng ta trong những tháng ngày ấy. Chúng ta lẫn lộn giữa sự an toàn cho chính chúng ta và sự an nguy của đất nước, giữa sự ở lại hay ra đi. Tôi nghĩ những kẻ đã rời bỏ Việt Nam trong lúc ấy chưa hẳn là hèn nhát, những người đã ở lại chưa chắc đã là anh hùng. Mỗi người có hoàn cảnh và cơ hội khác nhau, và tôi đang cố nhớ lại hoàn cảnh và cơ hội của chính bản thân tôi trong thời gian ấy để tìm hiểu tại sao tôi lại ở lại!

Tôi đến đón vợ tôi tại văn phòng của cô ta ở Số 3 Bến Bạch Đằng, đối diện với Bến Tàu Sài Gòn. Quang cảnh bến tàu rất bình thường; những chiếc tàu chiến của Hải Quân Việt Nam vẫn đậu nối đuôi nhau dưới bến. Vài thủy thủ và sĩ quan Hải Quân đang đi bộ trên vỉa hè gần Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Tư Dinh của Thủ Tướng nằm im lặng dưới bóng cây đa. Vài người lính gác đứng nghiêm phía trước dinh. Con đường Bạch Đằng từ Nguyễn Huệ đến Thống Nhất là khu vực quân sự; chỉ những người làm bên trong ấy mới được vào. Tôi cố tìm xem có điều gì bất thường hay không, nhưng chẳng thấy gì cả! Tôi tự hỏi tại sao mọi việc trông quá bình thường trong một hoàn cảnh lộn xộn như vậy của đất nước. Tôi hỏi vợ tôi sau khi cô ấy ngồi phía sau xe gắn máy:

- “Em có nghe về kế hoạch của Cơ Quan mình không?”

- “Không! Việc gì vậy anh? Em nghe có người nói rằng sếp chúng ta sẽ rời cơ quan và ông Phụ Tá Lộc sẽ thay thế. Đó chỉ là tin đồn vì em thấy ông Bình vào Phủ sáng nay.”

- “Anh chưa biết điều gì thật sự xảy ra, nhưng anh nghĩ có lẽ có những hoàn cảnh xấu có thể đưa đến sự mất nước.”

Vợ tôi chẳng quan tâm gì đến vấn đề chính trị. Cô ấy chẳng để ý điều gì ngoại trừ cuộc sống hàng ngày của chúng tôi. Tôi vẫn nhớ lúc Đảng Dân Chủ của Tổng Thống Thiệu ra mất dân chúng, cờ của đảng ấy có hình dạng đối nghịch với cờ của Bắc Việt với nền vàng ngôi sao đỏ treo khắp nơi; tôi đùa với vợ tôi rằng đó là cờ của VC. Sợ hãi, cô ta bảo tôi lái xe qua đường khác để tránh! Tôi không biết cô ta sẽ bảo tôi làm gì đây một khi lời nói đùa của tôi biến thành sự thật, một khi cây cờ đỏ sao vàng treo khắp nơi trong Sài Gòn! Tôi mỉm cười với ý nghĩ ấy để dấu đi sự lo lắng trong lòng.

Chúng tôi đến nhà ba mẹ vợ tôi để tìm hiểu xem họ có biết gì không. Chị vợ tôi làm trong Ban Nghiên Cứu nói với tôi rằng chị ấy nhìn thấy những tin tức xấu trên tờ trình cho Tổng Thống mà chị ấy đánh máy hàng ngày. Tình trạng tồi tệ của đất nước chúng ta đã diễn ra, đặc biệt là những tỉnh miền Trung, sau khi Tổng Thống ra lệnh rút các đơn vị quân đội khỏi Buôn Mê Thuột qua đường liên tỉnh lộ số 7. Hàng ngàn dân chúng đã bị chết trên con đường mà báo chí gọi là Đại Lộ Kinh Hoàng này. Tôi đã đọc được tin này trên báo chí, nhưng tôi không biết được điều gì sẽ xảy ra sau đó, nhất là kế hoạch cho đất nước theo như Hoà Ước Paris. Tôi muốn có một lời giải thích rõ ràng của những nhà lãnh đạo, và đang chờ đợi điều ấy. Làm việc cho một cơ quan trực

thuộc Phủ Tổng Thống, tôi nghĩ phải có một kế hoạch cho chúng tôi một khi có điều gì đó xảy ra.

Linh, chồng của chị vợ tôi nói:

- “Tôi thì không nghĩ VC có thể vào được Sài Gòn.”

- “Sao anh biết chắc vậy?” Tôi cắt lời anh ta.

Linh làm trong Ban Huấn Luyện của Cơ Quan. Anh ta trả lời tôi một cách lúng túng. “Tôi nghe nói chúng ta nhường một phần đất của chúng ta từ vĩ tuyến 12 đến vĩ tuyến 17 cho Mặt Trận Giải Phóng và tạo thành một tuyến phòng thủ vững chắc từ Tuy Hoà để sẵn sàng thương thuyết với VC và Bắc Việt theo mật ước của Hoà Ước Paris.”

- “Anh nghĩ chúng ta có đủ sức để đánh lại VC mà không cần viện trợ của Mỹ hay không?”

- “Tôi nghĩ có thể được. Trong Tết Mậu Thân, chúng ta chưa có những vũ khí tối tân như M16 mà chúng ta vẫn thắng được VC với AK. Giờ đây chúng ta có nhiều thứ.”

- “Sau trận chiến Nam Lào, quân đội chúng ta yếu hơn; tôi không biết chúng ta có thể chịu đựng được một cuộc tổng tấn công như Tết Mậu Thân hay không?”

- “Chiến trường ở Đường 9 Nam Lào là một cuộc thí quân! VC biết hết mọi chiến lược của chúng ta. Tôi nghĩ có lẽ đó là kế hoạch của Mỹ, họ không muốn quân đội ta quá mạnh đến nỗi họ khó có thể điều khiển.”

- “Mọi cái chúng ta nghĩ chỉ là điều chúng ta suy đoán. Chúng ta không có được những lời giải thích rõ ràng của những nhà lãnh đạo của chúng ta. Giờ đây tôi nghĩ có lẽ chúng ta phải quyết định những gì phải làm trong tình trạng nguy kịch này. Chúng ta nên tự đặt kế hoạch cho chính mình chứ không nên chờ đợi từ những nhà lãnh đạo của chúng ta nữa.”

- “Làm sao chúng ta có thể tự mình làm được gì?” Linh đột nhiên hỏi.

- “Đó là lý do mà chúng tôi đến đây. Vợ tôi và tôi không thể làm gì được một mình, nhưng tôi nghĩ tất cả chúng ta hợp lại thì có thể có được một ý kiến hay!”

Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Mỗi người đều có riêng một mối lo. Tôi nghĩ chẳng ai có thể biết phải làm gì trong lúc ấy nên tôi phá tan bầu không khí im lặng nặng nề ấy.

- “Chúng ta sẽ suy nghĩ đến những điều này và sẽ bàn lại sau vậy.”

Trên đường về nhà, tôi đi ngang qua chợ Bến Thành, một trung tâm thương mại của Sài Gòn và của miền Nam Việt Nam. Xe cộ đầy đường. Hàng hoá tràn ngập trên vỉa hè. Khách hàng chen chúc trong những cửa hàng. Vài cặp tình nhân vai sánh vai lang thang trên vỉa hè Lê Lợi. Mọi việc diễn ra giống như mọi ngày. Tôi không thể nhận ra được không khí chiến tranh trong một bối cảnh như vậy. Quán cà phê “La Pagode” trên đường Lê Lai nơi tôi thường ngồi uống cà phê và nghe nhạc vẫn đang mở cửa; tiếng nhạc quen thuộc êm đềm vọng ra khi tôi đi ngang qua. Tiếng chuông của nhà thờ Đức

Bà vang lên một giọng ngân làm nhẹ nhàng tâm hồn tôi. Là một Phật Tử, nhưng tôi lại thích nghe tiếng chuông ấy vì nó khiến tôi cảm thấy nhẹ nhàng bởi giọng điệu trong sáng của nó. Trụ sở vĩ đại của Toà đại sứ Mỹ nằm một cách kiêu hãnh đối diện với trụ sở của Toà đại sứ Anh Quốc nằm im lìm trên đại lộ Thống Nhất. Vài quân nhân thủy quân lục chiến Mỹ trong chiến phục với M16 trên tay đứng gác ở cổng Toà Đại Sứ và trên hai vọng gác ở góc tòa nhà.

Chúng tôi về đến cư xá Thanh Đa nơi chúng tôi đang ở. Gia đình chị vợ tôi ở tầng trên, cũng nơi ấy; hai người đã về trước chúng tôi. Chúng tôi vừa dời về đây vài tuần nên chỉ có một ít đồ đạc trong nhà: một bộ đồ bằng mây trong phòng khách, tấm nệm trải trên sàn trong phòng ngủ, vài đồ đạc để nấu nướng trong nhà bếp. Phòng ăn vẫn trống trơn. Tôi nhìn ra cửa sổ. Dòng sông Thanh Đa lấp lánh trong ánh chiều. Vài chiếc ca nô rẽ sóng phía xa xa. Hàng dừa bên kia sông im lìm phản chiếu bóng cây trên mặt sông. Màu tím nhạt của bầu trời kết hợp với màu xanh đậm của cây cối tạo nên một bức tranh hài hoà. Tôi thích được thưởng thức một cuộc sống như thế, nhưng điều gì đây sẽ xảy ra cho tôi trong một bối cảnh đất nước như thế này! Sự lo âu đột nhiên xâm chiếm lấy hồn tôi.

Những tiếng gõ cửa làm gián đoạn dòng suy nghĩ của tôi. Linh ghé qua để trò chuyện như thường lệ, nhưng tôi nhìn ra được đáng về buồn bã của anh! Linh và Lan, chị vợ tôi, có hai đứa con trai. Tôi không nhớ họ lấy nhau vào thời gian nào, nhưng con của hai người một đứa lên ba còn một đứa mới vài tháng tuổi. Linh di cư vào Nam năm 1954 và hiện đang làm việc trong Cơ Quan. Họ gặp nhau trong ấy. Cao khoảng một thước bảy, với khuôn mặt dài và luôn tươi cười, Linh dễ gây cảm tình với mọi người. Theo Linh hôm nay còn có Hào, bạn cùng học với tôi ở Đại Học Khoa Học, làm trong Cơ Quan và hiện đang biệt phái sang Cảnh Sát. Hào vừa cưới vợ cách đây không lâu; tôi nghĩ anh ta cũng đang lo lắng cho số phận mình. Tôi hỏi Hào có biết gì không, nhưng anh ta chỉ nhún vai mà không trả lời gì hết.

Tôi bắt đầu cuộc nói chuyện sau khi vừa ngồi vào chỗ ở ngoài ban công.

- “Hai anh có ai biết tin tức gì liên quan đến diễn tiến cuộc chiến đang diễn ra ở Xuân Lộc không?”

- “Chúng ta đang đưa hết quân vào chiến trường ấy. Tôi hy vọng chúng ta có thể chặn đứng được VC ở đó để chờ viện trợ của Mỹ.” Hào xác định.

- “Tôi thì không tin Mỹ sẽ tiếp tục viện trợ nữa! Tổng thống Mỹ Gerald Ford đã thất bại trong việc yêu cầu Quốc Hội Mỹ viện trợ 722 triệu đô la. Có lẽ bây giờ chúng ta phải tự lực mà thôi.” Linh nói.

- “Các anh nghĩ Tổng thống Pháp, Valery Giscard d’Estaing, có thể giúp chúng ta được gì trong việc tìm kiếm một giải pháp cho Việt Nam không?” Tôi hỏi một cách vô hy vọng.

- “Đó là cố gắng của Pháp để giúp Việt Nam, tôi nghĩ đó cũng là một thoáng hy vọng cho chúng ta và cũng là ước muốn của đám “thành phần thứ ba” nữa.” Hào lại nhún vai.

Tôi nghĩ tất cả mọi người trong chúng ta đều lo lắng cho số phận của đất nước và của chính bản thân mình trong lúc ấy. Chúng tôi đều làm trong cơ quan tình báo, thế mà lại chẳng biết gì về kế hoạch của quốc gia. Tất cả những gì chúng tôi biết được phần lớn là từ báo chí ngoại quốc.

Trong những ngày này, những tin tức từ những tạp chí như Times hay Newsweek hay từ những đài phát thanh như Voice of America và BBC dường như đều có ý định đập đổ đất nước chúng tôi. Tân “nội các chiến tranh” của Tổng Thống và Tân Thủ Tướng dân sự Nguyễn Bá Cẩn không thể nắm vững được chính quyền. Dân chúng hoang mang về những tin đồn tung ra khắp nơi. Trừ vài cá nhân giàu có có thể bỏ ra tám ngàn đô la để mua một tấm giấy thông hành, mọi người khác đều không thể có được điều kiện để trốn ra khỏi nước một khi VC tiến vào, ngay cả những người làm việc cho Mỹ và cho Chính Phủ và Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà. Mọi người đều đang mong chờ Mỹ định đoạt dứt số phận của họ theo như Tổng Thống Mỹ đang yêu cầu Quốc Hội Mỹ chuẩn chi ngân khoản tài trợ để giải cứu hai trăm ngàn người dân miền Nam đã cộng tác với Mỹ trong cuộc chiến. Thật là một điều bi thảm khi phải đặt cả cuộc đời mình trong tay của người khác!

Hội đàm Paris là chiến thắng cho cả VC lẫn Mỹ. Sự sụp đổ của Phnom-Penh là sự bắt đầu. Điều gì kế tiếp sẽ xảy ra cho đất nước chúng tôi? Một chiếc phi cơ vận tải C5A bị rơi một cách kinh hoàng vào tuần qua làm chết nhiều trẻ em mồ côi vẫn là một mối nghi ngờ về việc Mỹ đang có ý định bỏ rơi Việt Nam. Một khi số trẻ em mồ côi hầu hết là lai Mỹ đã ra đi, chúng tôi không biết số phận của chúng tôi sẽ ra sao tiếp theo đó. Có thể nào nhờ đó mà Mỹ có thể tiếp cứu chúng tôi dễ dàng hơn khi điều tồi tệ nhất xảy ra, hay đó chính là điều duy nhất mà người Mỹ làm được ở Việt Nam trước khi họ phải tay. Với những sự việc như thế, tại sao chúng ta không tự tìm cách cứu lấy mình. Tôi hỏi Linh và Hào về khả năng có thể di tản khi cần thiết.

- “Chúng ta không có tiền để mua thông hành, do đó chỉ còn cách chờ kế hoạch chung của Phủ.” Linh nói một cách buồn bã.

- “Tôi thì hy vọng rằng Cơ Quan của chúng ta đã có sẵn sàng một kế hoạch. Tôi không thể nào nghĩ được một cơ quan tình báo mà lại không có sẵn một kế hoạch để lo cho nhân viên trong tình huống nguy kịch.” Hào nói một cách không chắc chắn.

- “Ngoài ra, Cơ Quan chúng ta nằm kế bên bến tàu; tôi nghĩ trong tình hình khẩn cấp chúng ta có thể leo lên tàu để ra đi. Điều đáng lo cho chúng ta là gia đình chúng ta.” Tôi nói mà buồn rầu nghĩ đến vợ tôi.

Chúng tôi đều biết rằng trong tình trạng khẩn cấp thì chính gia đình chúng tôi là cái mà chúng tôi lo âu nhiều nhất, và những gì chúng tôi đang bàn tính chính là về sự an toàn cho gia đình chúng tôi. Tôi vẫn thường nghe một thành ngữ rằng: “nước mất, nhà tan”, và sự tuyên truyền của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà về sự “Tám Máu” khi VC tiến vào luôn luôn là một ám ảnh trong tâm tư tôi. Tôi không sợ chết nếu nó có thể đem lại sự an toàn cho gia đình tôi, nhưng tôi chỉ lo sợ cho sự đau khổ mà gia đình tôi phải chịu khi việc tồi tệ diễn ra.

Một khoảng khắc im lặng bao trùm sau lời tôi nói. Tôi không biết làm thế nào để phá tan sự im lặng ấy, do đó tôi kể lại những điều mà tôi nghe sắp tôi nói vào sáng hôm ấy. Cuối cùng tôi đi đến một kết luận rất vô nghĩa.

- “ Có lẽ chúng ta sẽ biết được ít nhiều vào sáng ngày mai trong Cơ Quan.”

Hào từ già. Linh bảo tôi đi với anh ấy sang nhà chị anh để hỏi coi có chương trình nào không. Anh rể của Linh là một giám đốc trong bộ Dân Vận và Chiêu Hồi. Ông ta không có ở nhà, và chúng tôi hẹn gặp lại hôm sau.

Chúng tôi về nhà với tâm tư rất bối rối. Linh bảo tôi gói ghém những thứ cần thiết để phòng tình huống khẩn cấp. Chúng tôi chỉ có một cái túi xách tay nhỏ từ những ngày đi trắng mặt, do đó chúng tôi lên mượn Linh một cái ba-lô cho dễ mang và còn phải phụ giúp vợ tôi vì cô ấy quá nặng nề với cái bầu. Tôi bỏ vào túi xách vài bộ quần áo cho chúng tôi, và một ít đồ dùng cho đứa trẻ sắp ra đời nữa. Tôi nói đùa với vợ tôi rằng nếu con chúng tôi sanh ra trên đường đi trốn thì phải đặt tên nó là “Di Tản” để nhớ lại chuyện này. Chúng tôi cười để xoa đi bao nỗi lo sợ.

Chương 4. Phủ Trung Ương Tình Báo Chuẩn Bị Di Tản

Tôi đến Trụ Sở Trung Ương sớm hơn mọi ngày. Sau khi đưa vợ tôi vào văn phòng, tôi đi thẳng đến khu nhà của Ban A17 chúng tôi thay vì đi đến trường để dạy học mặc dù hôm ấy tôi có giờ dạy. Tôi không thể nào xuất hiện trước mặt học trò của tôi được. Tối hôm qua, tôi đã mất ngủ mặc dù đã uống thuốc ngủ; quá nhiều vấn đề khiến tôi bị nhức đầu. Tôi phải nói vợ tôi gọi báo bệnh dùm.

Khu nhà Ban A17 của chúng tôi ồn ào chứ không im lặng như thường lệ. Tôi nghĩ rằng giờ ấy còn sớm thế mà mọi người đều có mặt đông đủ. Đẹp, thư ký của sếp tôi đang đánh máy cái gì đó. Tuần bảo tôi cô ta đang làm danh sách và địa chỉ của nhân viên đề phòng trường hợp khẩn cấp. Ở nước tôi vào lúc ấy, người dân chưa dùng điện thoại ngoại trừ những gia đình giàu có hoặc các cơ sở thương mại. Sự liên lạc với nhau thường được thực hiện bởi những liên lạc viên; anh ta lái xe gắn máy đi tìm những người cần thiết để báo lại những điều cần phải làm. Đôi khi chúng tôi lại không ở tại nhà mình, do đó chúng tôi cần có một địa chỉ chính xác trong những trường hợp như thế này. Tôi ghi lại địa chỉ của mẹ tôi thay vì địa chỉ của tôi vì tôi không muốn ở một mình trong nhà tôi trong trường hợp này.

- “Có gì xảy ra trong cơ quan chưa?” Tôi hỏi Tuần.

- “Chưa có gì đặc biệt! Tôi nghĩ chắc phải đợi sếp vào thì mới biết. Không biết các nơi khác trong Phủ có làm danh sách không, nhưng theo tôi thì chắc phải có điều gì đó quan trọng.”

- “Ai sẽ là người liên lạc? Tôi nghĩ chắc là Hiệp và Điền chứ gì?”

- “Tôi cũng nghĩ thế, nhưng theo tôi thì chúng ta nên vào đây thường hơn để tự lo liệu lấy mình. Tại sao anh không điện thoại hỏi bà xã ở bên đó xem có gì không?” Tuần đột nhiên hỏi tôi.

- “Tôi cũng định sẽ điện thoại hỏi vợ tôi, Lan và Linh nữa để chúng ta có thể biết được vài điều đang diễn ra trong cơ quan.”

Với hàm râu chưa cạo, Tuấn trông lớn hơn số tuổi ba mươi hai. Chúng tôi thường gọi đùa là tên Tây lai vì hàm râu quai nón và cái sống mũi cao của Tuấn. Trong những ngày đầu tiên mới vào làm trong cơ quan, Tuấn và tôi thường làm chung với nhau trong “Đội Công Tác Sinh Viên”. Chúng tôi gia nhập các cuộc biểu tình của sinh viên để thu nhặt tin tức. Chúng tôi cùng nhập ngũ chung một ngày, ở chung trong một trung tâm huấn luyện. Sau khi trở về làm cho Cơ Quan, tôi phụ trách công tác ở Đại Học Khoa Học còn Tuấn ở Đại Học Văn Khoa, nhưng chúng tôi vẫn thường hỗ trợ nhau. Vợ của Tuấn cũng là bạn học với vợ tôi; chúng tôi thỉnh thoảng vẫn đi chơi chung với nhau do đó hai chúng tôi là những người bạn thân.

- “Tôi nghĩ chúng ta đang đứng ở bên bờ vực.” Tuấn cắt ngang. “Hai vợ chồng tôi chắc sẽ tính chuyện ra đi càng sớm càng tốt!”

- “Hy vọng hai người sẽ làm được việc ấy. Hoàn cảnh hai người tương đối dễ dàng hơn tôi; vợ tôi quá nặng nề với cái bầu, tôi không thể làm gì khác hơn là chờ đợi chương trình của cơ quan. Hơn nữa, tôi nghĩ không lẽ một cơ quan tình báo mà lại không có một chương trình lo cho nhân viên trong tình trạng nguy kịch hay sao.”

- “Tôi hy vọng thế, nhưng ít ra chúng ta cũng nên nghĩ đến điều ấy. Tôi thật không biết tình trạng đất nước ta quá tồi tệ đến thế sao.” Tuấn lo lắng nói.

Mọi nhân viên trong ban chúng tôi đang bàn tán về tình trạng xấu của đất nước, nhưng thật ra chúng tôi không rõ nó tồi tệ đến mức nào. Chúng tôi không thể tin được một ngày chúng tôi có thể mất nước mà chỉ nghĩ đến một trận chiến lớn với VC khi chúng tôi tiến vào Sài Gòn mà thôi. Có tin đồn là chúng tôi sẽ rút về vùng 4 ở đồng bằng sông Cửu long để chống lại VC. Nhưng cuộc chiến ở Xuân Lộc vẫn đang tiếp diễn. Chúng tôi làm trong một cơ quan chuyên lo về những vấn đề chính trị, nên cũng không biết nhiều về việc quân sự. Đó chính là nhược điểm của chúng tôi.

Trong một quốc gia mà chiến tranh diễn ra quá lâu, các vấn đề chính trị, quân sự, và kinh tế đều bị lẫn lộn nhau. Những nhà lãnh đạo quân sự trở thành lãnh đạo chính trị đã tạo thành sự lộn xộn cho quốc gia. Đất nước không có được một nhà lãnh đạo lớn có thể kết hợp sức mạnh của toàn dân để chống lại kẻ thù. Phó thủ tướng Trần Văn Hương, người đại diện cho miền Nam nhưng lại không có thực quyền, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu là một trung tướng nhưng lại không đại diện được cho quân đội. Mỗi một tướng lãnh là một ông vua trong vùng với quyền lực riêng của mình. Sự chia rẽ trong hàng ngũ tướng lãnh càng lúc càng trầm trọng khiến binh lính trở nên nghi ngờ. Thiếu Tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ, cựu Phó Tổng thống, và Đại Tướng Dương Văn Minh, kết hợp với nhóm Phật Giáo Ấn quang và với cái gọi là “Thành Phần thứ Ba” để chống lại Tổng Thống. Họ đều muốn tổng thống phải từ chức. Tôi không biết họ làm được gì cho đất nước một khi họ nắm quyền hành. Một vài ngôi sao sáng trong bầu trời chính trị đã bị giết chết như Nguyễn Văn Bông, giám đốc trường Quốc Gia Hành chánh và cũng là chủ tịch đảng Cấp Tiến.

Tôi nghĩ phương cách hay nhất là sự đoàn kết toàn dân như một câu tục ngữ của Việt Nam “*Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết*”. Tôi không đổ lỗi cho các nhà lãnh đạo về sự đánh mất đất nước, nhưng chính họ là những người đã nắm vận mệnh đất nước trong tay. Có một câu nói của người xưa rằng “*nhất tướng công thành vạn cốt khô*”, tôi nghĩ thêm rằng “*nhất tướng thất bại triệu cốt khô*!”

Tôi điện thoại hỏi vợ tôi ở phòng tuyển mộ và chị vợ tôi ở Ban Nghiên cứu; họ đều đã làm danh sách cho nhân viên. Chúng tôi hiểu rằng đó là dấu hiệu xấu của đất nước. Tuy nhiên chúng tôi không biết được xấu đến mức nào, và chúng ta phải làm gì để giải quyết. Đi ra nước ngoài như nhiều người đã làm, chuẩn bị chống lại VC khi chúng tiến vào Sài Gòn, hay rút về đồng bằng sông Cửu Long như tin đồn? Chúng tôi không biết thật sự phải làm gì. Chỉ làm một danh sách thì không thể giải quyết được gì! Chúng tôi muốn có một lời giải thích rõ ràng, và chúng tôi đang chờ sếp vào.

Long đi nhanh vào phòng. Chúng tôi nhìn nhau lo lắng. Điều này bất thường vì ông ta không có thói quen như vậy. Ông ta thường đi vào hội trường để trò chuyện với chúng tôi trước khi vào văn phòng riêng. Chúng tôi đều mong những lời của ông ta. Khoảng nửa giờ sau, ông ta đi ra với một dáng buồn bã.

“Tôi rất lấy làm buồn mà báo tin rằng chúng ta đang phải trải qua một giai đoạn khó khăn và nguy hiểm. Nhiều áp lực buộc Tổng Thống phải từ chức, và tôi không biết ông ấy có từ chức không. Tôi cũng không biết ai sẽ thay Tổng Thống Thiệu nếu ông ấy từ chức. Phó Tổng Thống chỉ là tạm thời mà thôi. Thêm vào đó, tôi không biết đất nước sẽ ra sao trong tình trạng như thế này. Chúng ta đang lập danh sách theo như lệnh của cấp trên, nhưng tôi không biết để làm gì. Tôi chỉ mong chúng ta bình tĩnh trong mọi tình huống. Chúng ta sẽ làm việc như thường lệ, và chúng ta cũng sẽ hợp sức nhau.”

Nhiều cái “*tôi không biết*” của ông Long khiến chúng tôi phân vân hơn lúc nào hết. Chúng tôi không chờ đợi một ý kiến mơ hồ như vậy. Trong tình trạng như thế, chúng tôi nghĩ một cấp chỉ huy cần nên trình bày rõ ràng sự thật cho nhân viên chứ không nên che lấp bằng những lời lẽ mập mờ. Chúng tôi không cần biết ai sẽ là Tổng Thống; điều chúng tôi cần muốn biết là tình trạng đất nước như thế nào và chúng tôi phải đối phó ra sao. Tôi nghĩ ông Long cũng đã bị mơ hồ bởi vì ông ta là bà con với bà Thiệu; một khi ông Thiệu từ chức, ông Long cũng mất đi hậu thuẫn và cũng có thể mất đi chức vụ. Có lẽ ông ta đã quá chú ý đến địa vị của mình nhiều hơn là vận mạng của đất nước! Ông Long là một ứng viên sáng giá trong chức vụ Đặc Ủy Trưởng mặc dù ông ta còn trẻ và không phải là một sĩ quan quân đội. Ông ta đã thành công hầu hết trong mọi công tác mà ông ta nắm giữ, và ông ta cũng có học vấn hơn nhiều người lãnh đạo trong cơ quan. Trong ban của chúng tôi, hầu hết nhân viên đều đã tốt nghiệp bậc Trung Học, và một số tốt nghiệp Đại Học. Để điều hành một ban như thế, Long có nhiều thuận lợi hơn một sĩ quan quân đội mặc dù cơ quan đang được lãnh đạo bởi quân đội.

Long đã đi sau khi nói chuyện. Tuấn, Banh, và tôi đi ra quán cà phê La Pagode như thường lệ trước khi đi gặp các cộng tác viên.

- “Các bạn có nghĩ rằng ông Thiệu sẽ từ chức hay không? Tôi bắt đầu.

- “Tôi nghĩ ông ta sẽ từ chức vì dân chúng có vẻ không ưa ông ấy sau vụ độc diễn trong kỳ bầu cử Tổng Thống vừa qua. Tuy nhiên tôi không biết ai sẽ làm Tổng Thống trong lúc này.” Banh nói nhanh, “tôi nghĩ có lẽ Tướng Dương Văn Minh và Tướng Nguyễn Cao Kỳ là sáng chói nhất.”

- “Tôi thấy Big Minh đã nắm vai trò lãnh đạo một lần rồi và đã không làm được gì cho đất nước. Còn ông Kỳ là một Cao Bồi trong quân đội; làm thế nào ông ta có thể lãnh đạo đất nước trong tình huống như thế này?” Tuấn đưa ý kiến.

- “Tôi cũng đồng ý! Đối với tôi thì sự thay ngựa giữa dòng không phải là một giải pháp hay trong lúc này. Ông Thiệu thật ra không hoàn hảo trong vai trò của ông ấy đang nắm, nhưng nếu phải chọn giữa ba người này thì có lẽ tôi chọn ông ta. Ngoài ra tôi không biết ai thích hợp hơn trong lúc này.” Tôi góp ý.

- “Theo tôi thấy thì vài vị tướng lĩnh và cái gọi là “Lực Lượng Thứ Ba” muốn thương thuyết với VC về hoà bình đất nước, nhưng làm sao chúng ta tin được Cộng Sản.” Tuân nói.

- “Đúng vậy! Người Mỹ đã không còn muốn cái mà họ gọi là “Chiến Tranh Việt Nam” nữa; dân chúng Mỹ thì nghĩ rằng đây là cuộc nội chiến giữa Nam và Bắc Việt Nam. Họ muốn chúng ta tự giải quyết cuộc chiến của chúng ta. Họ cũng chẳng cần biết rằng đây là cuộc chiến tranh giữa Chủ nghĩa Cộng Sản và Chủ nghĩa Tư Bản mà chúng ta chính là nạn nhân. Tôi nghĩ chính người Mỹ muốn ông Thiệu từ chức và giải quyết chiến cuộc qua thương thuyết, và đó là áp lực chính.” Banh nói nhanh nhẩu như thường lệ.

Hàm râu càm mà không có ria mép khiến Banh trở nên trông buồn cười ở cái tuổi mới hai mươi sáu. Banh là họ hàng bên ngoại với gia đình Đỗ Kiến ở Mỹ Tho; Đỗ Kiến Nhiều, đô trưởng Sài Gòn là cậu của anh ta. Tôi cũng nghe nói rằng gia đình Đỗ Kiến là họ hàng với Bà Thiệu, đệ nhất phu nhân. Một khi nhà lãnh đạo đặt họ hàng ông ta trong các chức vụ quan trọng điều đó có nghĩa là ông ta không tin tưởng cấp dưới. Đó cũng là lý do để các lực lượng khác có cơ hội đối kháng. Sự sụp đổ của nền Đệ nhất Cộng Hòa và cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm và các em của ông ta Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn là một chứng minh rõ ràng. Các tăng lữ Phật Giáo đã nắm vai trò chính trong sự lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa, và giờ đây họ lại nắm phần quan trọng trong sự đối đầu với tổng thống Thiệu. Lực Lượng thứ Ba thật ra cũng chẳng có thực lực ngoài hai tướng Kỳ và Big Minh mà cả hai đều có sự khác biệt nhau. Vài người khác như bà luật gia Ngô Bá Thành, luật sư Trần Ngọc Liễng, giáo sư Châu Tâm Luân, ni sư Huỳnh Liên, vân vân chỉ dựa vào lực lượng Phật Giáo Ấn Quang; thật ra thì VC chính là phần tử chính len lỏi trong đó. Nguồn nhân lực chính là lực lượng Sinh Viên thì đã bị nhóm sinh viên của chúng tôi bao vây từ năm 1972 sau khi chúng tôi thành công trong việc giành lại Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn từ tay Huỳnh Tấn Mẫm, một tên Cộng Sản. VC không còn có thể lợi dụng Sinh Viên được nữa nên chúng thành lập vài nhóm như “Lực Lượng Thanh Niên Cứu Đới”, và “Nhóm Ký Giả ăn mày” để khuấy động tình hình Thủ Đô.

Ngoại trừ vài lực lượng chống đối với Tổng Thống Thiệu, tình hình thủ đô vẫn lặng yên sau khi cuộc rút lui khỏi Buôn Mê Thuật và Đà Nẵng được loan báo. Dân chúng cho rằng Nguyễn Văn Thiệu là chướng ngại cho hoà bình; nhiều áp lực từ mọi phía yêu cầu ông từ chức. Cơ quan chúng tôi là một bộ phận trực thuộc phủ tổng thống, do đó sự thay đổi tổng thống cũng đồng nghĩa với sự thay đổi trong cơ quan.

- “Theo các anh thấy thì thay đổi tổng thống có thể giúp đất nước ta tiến đến hoà bình hay không?” Tôi hỏi.

- “Tôi không nghĩ vậy!” Tuân nói một cách buồn bã, “đã nhiều lần chúng ta thay đổi cấp lãnh đạo nhưng càng khiến tình hình thêm rối ren mà thôi.”

- “Tôi cũng đồng ý! Sau khi nền đệ nhất cộng hoà bị lật đổ, người Mỹ đưa quân vào khiến cuộc chiến càng lúc càng thêm gay gắt. Đất nước ta đã nhiều phen thay đổi cấp lãnh đạo, nhưng không ai có khả năng giữ được tình hình yên ổn như lúc còn Ngô Đình Diệm.” Banh nói thêm.

- “Tôi thì nghĩ các cấp lãnh đạo của chúng ta chỉ muốn tranh giành quyền lực chứ không nghĩ đến vận mạng của đất nước.” Tuân nhận định. “Tôi rất tiếc cho các vị lãnh đạo của chúng ta bởi vì chúng ta phải phục vụ cho những kẻ không biết nghĩ đến gì ngoài quyền lợi của chính họ.”

- “Chúng ta còn trẻ, và chúng ta muốn mang hoà bình lại cho đất nước. Tôi nghĩ nếu VC không quá tôn sùng cái chủ nghĩa Cộng Sản của chúng thì tốt hơn chúng ta giao đất nước này cho họ để nhân dân có được hoà bình.” Tôi nói một cách thành tâm.

- “Tôi cũng nghĩ thế! Chúng ta đã quá mệt mỏi với cuộc chiến. Hàng trăm năm qua chúng ta chưa có cơ hội để xây dựng đất nước.” Banh nói; “Tôi hy vọng một ngày nào đó sẽ không còn chiến tranh để chúng ta có thể làm được những điều mà chúng ta muốn làm.”

Tôi đến nhà hàng Sing Sing trên đường Phan Đình Phùng để tiếp xúc với các cộng tác viên, nhưng không gặp Lê như đã hẹn. Nhân, Nghĩa, Trung, Tâm, Vinh, Trí, và Lâm đều hy vọng biết được vài điều gì đó. Tôi nhắc lại những điều tôi nghe được từ sếp và yêu cầu họ hãy làm những điều cần thiết để tự cứu lấy mình. Họ là những cộng tác viên trẻ đã giúp tôi trong việc chiếm lại Ban Đại Diện Sinh Viên Đại Học Khoa Học trong những ngày đầu. Nhân, trưởng nhóm ấy bị cụt mất một chân. Tôi không biết điều gì đã xảy ra cho hắn vì tôi không bao giờ hỏi lý do. Hắn luôn luôn trông có vẻ tươi cười vui vẻ. Những người này chỉ mới đang học năm đầu tiên ở Đại Học Khoa Học, nhưng lại làm việc rất thành công. Trong một tình trạng như thế này, họ còn quá trẻ để tự định đoạt lấy tương lai mình, và điều mà họ có thể làm được có lẽ là chờ đợi kế hoạch chung của cơ quan! Tôi hiểu họ đang chờ một lời giải thích rõ ràng chứ không phải những gì mà tôi vừa nói. Tôi nói một cách lúng túng.

“Tôi biết tôi đã không có được những gì mà các anh mong đợi, và chính tôi cũng rất lo lắng như các anh. Tình trạng của tôi có lẽ còn khó khăn hơn các anh. Tôi rất tiếc. Tôi nghĩ chúng ta đành phải tự giải quyết lấy vấn đề của chính chúng ta chứ không nên quá trông chờ vào Cơ Quan. Tôi hy vọng các anh hiểu điều tôi nói.”

Từ hôm ấy, tôi ở lại nhà mẹ tôi vì tôi không muốn bị lỡ cơ hội mỗi khi Cơ Quan cần liên lạc. Tôi đã bảo những cộng tác viên của mình nên tự giải quyết lấy mọi việc, nhưng tôi cũng vẫn dựa vào Cơ Quan!

Lân, Phụng, Tài và tôi chơi bài tứ sắc và nói chuyện nhau. Phụng là em của Lân và cũng là trung sĩ Hải Quân. Anh ta từng ở nhà mẹ tôi lúc còn đi học, và anh ta cũng cưới một cô thợ may trong tiệm may của mẹ tôi. Tôi kể cho họ nghe những điều xảy ra trong Cơ Quan của tôi sáng nay cùng những gì mà Cơ Quan đang chuẩn bị. Tôi nghĩ họ cũng như tôi đều lo lắng cho sự an nguy của gia đình. Ở đất nước tôi, đàn ông luôn làm chủ gia đình và quyết định mọi việc quan trọng trong gia đình. Lân có 3 con nhỏ, Phụng thì chỉ mới có một đứa; chỉ có Tài là còn độc thân nên không lo gì cả ngoại trừ chính bản thân nó. Đề tài chính trong cuộc đối thoại của chúng tôi đều nhằm vào tình trạng của đất nước và làm thế nào để thoát thân khi sự việc tồi tệ diễn ra. Với 3 người

đang làm cho Hải Quân Việt Nam, việc di tản bằng tàu thật quá dễ dàng, nhưng tôi vẫn luôn tin vào kế hoạch của Cơ Quan và trông chờ vào kế hoạch ấy. Tôi nói với họ điều tôi đang suy nghĩ và họ cũng đồng ý như vậy.

Linh đến đi với tôi tới nhà của chị anh ta. Anh rể anh ta, Thụ, là tổng giám đốc trong bộ Dân Vận Chiêu Hồi gặp chúng tôi như đã hẹn trước.

- “Anh có dự định gì trong vấn đề di tản một khi tình trạng khẩn cấp xảy ra không?” Linh hỏi ngay.

- “Chưa!” Thụ trả lời một cách hấp tấp, “nhưng đã có vài việc xảy ra trong Bộ vào sáng nay.”

- “Điều gì vậy?” Linh hỏi một cách lo lắng.

- “Ông Tổng Trưởng Hoàng Đức Nhã bảo rằng có nhiều áp lực buộc Tổng Thống phải từ chức, và có lẽ ông ấy phải nhượng bộ thôi. Tôi không biết khi nào và điều gì sẽ xảy ra, nhưng chúng tôi cũng đang chuẩn bị cho việc thay đổi ấy vì Nhã là họ hàng với ông Thiệu.”

- “Tôi đã nghe điều ấy rồi, và sáng nay Cơ Quan chúng tôi đã làm danh sách nhân viên.” Tôi giải thích. “Hôm qua tôi cũng có nghe nói việc Nguyễn Khắc Bình nhường quyền lại cho Nguyễn Phát Lộc, nhưng việc này chưa xảy ra.”

- “Tôi nghĩ việc ấy sẽ đến nhanh thôi!” Linh thêm vào. “Anh có ý nghĩ thế nào về tình trạng đất nước ta không?”

- “Tôi nghĩ chắc rất là phức tạp. Người Mỹ muốn chúng ta giải quyết tình trạng chiến tranh bằng chính bản thân chúng ta, nhưng họ lại áp lực khắp mọi mặt. Vài vị tướng lại muốn Tổng Thống phải từ chức để hoà đàm với VC, nhưng họ lại không biết làm thế nào nói chuyện được với Cộng Sản vì CS là những người không bao giờ tôn trọng thoả ước. Tôi không biết ai sẽ làm Tổng Thống khi ông Thiệu từ chức: Nguyễn Cao Kỳ và Dương Văn Minh là hai ứng viên sáng chói. Với Kỳ thì có lẽ sẽ có chiến tranh thay vì thương thuyết. Ngược lại Minh hiện là người được nhóm “Lực Lượng Thứ Ba” hậu thuẫn mà lực lượng này lại đang hợp tác với VC. Tôi không biết việc gì sẽ xảy ra một khi Big Minh nắm quyền.” Thụ trả lời theo nhận định riêng.

- “Chúng tôi đến đây để hỏi xem anh có kế hoạch gì không một khi tình trạng nguy kịch xảy ra.” Linh cắt lời. “Chúng ta nên có dự định riêng chứ không thể hoàn toàn trông cậy vào chính phủ hay vào Mỹ.”

- “Tôi chưa có ý định nào cả, nhưng cũng đã nghĩ đến điều ấy rồi. Tôi nghĩ chúng ta sẽ có đủ thời giờ để đi một khi sự việc xảy đến. Anh có nhớ khi chúng ta di cư khỏi miền Bắc sau khi hiệp định Genève ký kết không? Tôi không nghĩ rằng đất nước bị mất quá nhanh đến nỗi chúng ta không có thời giờ để chuẩn bị ra đi.” Thụ trả lời một cách thành thật.

Tôi biết rằng Thụ chưa có ý tưởng gì cho việc rút lui vào lúc ấy vì anh ta không muốn mất một địa vị mà anh ấy đang có. Sau vài câu chuyện xã giao, chúng tôi từ giả ra

về. Linh có vẻ hơi thất vọng vì anh ta nghĩ anh rằng anh ta có thể giúp được anh ta trong tình huống ấy.



Chương 5. Những Báo Hiệu Về Sự Sụp Đổ Của Việt Nam Cộng Hoà

Ngày 21 tháng tư năm 1975, tôi đến văn phòng trong cơ quan rất sớm, các bạn tôi cũng thế. Họ đang bàn tán về việc bàn giao nhiệm vụ giữa ông Đặc Ủy Trưởng Nguyễn Khắc Bình với ông Nguyễn Phát Lộc, phụ tá Điều Hành. Chúng tôi đã biết việc này xảy ra là kết quả của sự thay đổi trong phủ Tổng Thống, và mọi việc đang bắt đầu!

Ông Long, sếp chúng tôi cũng đến rất sớm. Ông ta bảo chúng tôi giữ bình tĩnh, nhưng tôi nghĩ chính ông ta lại thấy không có vẻ bình tĩnh chút nào. Ông ta đi quanh các phòng và hội trường nói nhiều chuyện khác nhau nhưng lại tránh không đề cập đến việc đang xảy ra trong Dinh. Chúng tôi nghĩ chắc ông đã biết về việc chúng tôi đang suy đoán về sự từ chức của Tổng Thống.

Thật ra Nguyễn Văn Thiệu hay ai khác làm Tổng Thống không thành vấn đề với chúng tôi. Điều chúng tôi quan tâm chính là vận mệnh của đất nước và số phận của chúng tôi. Ai sẽ là Tổng Thống và ông ta sẽ làm gì để đối phó với vận mạng của đất nước? Phó Tổng Thống Trần Văn Hương không đủ sức để nắm chức vụ. Tướng Dương Văn Minh là người muốn hoà hợp với Cộng Sản. Cựu Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ có lẽ sẽ dẫn đất nước đến một trận chiến lớn.

Chúng tôi chẳng sợ chết nếu phải chiến đấu với VC. Chúng tôi cũng biết rằng mọi sự hòa hợp với Cộng Sản sẽ đưa đến sự thất bại bởi vì chúng sẽ không bao giờ giữ lời giao ước. Nhưng chúng tôi lại không có được sự lựa chọn nào! Áp lực chính là người Mỹ; đó mới chính là sự đau khổ cho dân tộc nước nhỏ. Tôi nghĩ người Mỹ không muốn chúng ta đánh nhau nữa. Họ muốn có thương thuyết để có một nền hòa bình trong danh dự như họ thường nói, và điều này có nghĩa là họ chọn Big Minh để thực hiện điều họ muốn. Nguyễn Văn Thiệu đã nói rằng: *“Đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì mà Cộng Sản làm”*. Tôi không biết ai là tác giả thật sự của câu nói ấy, nhưng tôi nghĩ quả thật điều đó rất đúng.

Cô thư ký của sếp, Đẹp, vẫn tiếp tục đánh máy danh sách địa chỉ của nhân viên. Vài người muốn thay đổi địa chỉ, và vài người không vào cơ quan ngày hôm qua. Sự bàn giao chức vụ trong cơ quan diễn ra rất lặng lẽ; không có một nghi thức nào, không có sự tham dự của nhân viên, vì vậy chúng tôi sẽ không biết gì nếu không ai loan báo. Tin đồn về sự bàn giao này đã thành sự thật. Chúng tôi lại cũng nghe nói rằng Nguyễn Phát

Lộc, tân Đặc Ủy Trưởng chỉ có nhiệm vụ duy nhất là lo chuẩn bị việc di tản cho chúng tôi. Chúng tôi hỏi sếp về tin đồn này, nhưng ông ta từ chối không chịu nói; ông ta chỉ nói rằng mọi việc sẽ diễn tiến theo sự sắp xếp. Những lời nói mập mờ này không làm chúng tôi bằng lòng, và chúng tôi quả thật không biết giải quyết tình trạng chúng tôi ra thế nào: hoặc là chờ đợi cơ quan hay tự tìm lấy phương kế riêng mình để thoát thân.

Sự từ chức của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu được loan báo chiều hôm ấy, và bài diễn văn dài chín mươi phút của ông ta được truyền đi trên đài truyền hình và đài phát thanh khắp cả nước. Chúng tôi nghe một cách lơ đãng dù tổng thống có một dáng vẻ rất là buồn rầu và giận dữ. Chúng tôi đã biết trước việc này rồi, và chúng tôi cũng còn biết rằng ông cụ 72 tuổi, Phó Tổng Thống Trần Văn Hương chỉ làm Tổng Thống tạm thời mà thôi. Điều chúng tôi đang lo là ai sẽ thay thế tiếp theo và ông ta sẽ đối phó ra sao với tình trạng của đất nước.

Lời kêu gọi đoàn kết để chống kẻ thù của Trần Văn Hương chỉ là nghi thức. Ông ta không có thực lực để huy động sức mạnh của các tướng lãnh và của nhân dân. Dân chúng không còn tin tưởng chính quyền nữa. Họ đổ cho chính quyền là tham nhũng và đưa quốc gia đến tình trạng hiện thời. Tôi không biết đó là sự thật hay chính là ảnh hưởng của sự tuyên truyền của VC. Nếu điều đó đúng thì sự tham nhũng của cấp lãnh đạo trong chính quyền và quân đội chính là sự tàn phá đất nước trong chiến tranh vì điều này khiến kẻ thù có cơ hội để làm tan nát sự đoàn kết toàn dân. Dân chúng sợ Cộng Sản, nhưng họ lại không tin tưởng vào chính quyền. Điều đó đã khiến một người nào có nhiệt tâm kết hợp toàn dân để chiến đấu chống Cộng sẽ rất khó khăn. Hầu hết mọi người Việt Nam đều biết câu tục ngữ *“đoàn kết là sống, chia rẽ là chết”*, nhưng không ai thực hiện điều ấy. Quả thật là một điều khó khăn! Làm thế nào chúng ta có thể đối phó với việc này cho dù chúng ta có sức mạnh và nhiệt tình đi nữa?

Cái chết của vị tổng thống đầu tiên của Việt Nam, Ngô Đình Diệm, vào năm 1963 đã bắt đầu cho sự xáo trộn trong cấp lãnh đạo ở Nam Việt Nam; sự từ chức của Nguyễn Văn Thiệu có lẽ là sự mở màn cho sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa! Chúng tôi đều nghĩ đến điều này, nhưng không ai biết phải làm sao để giải quyết vấn đề của đất nước và của chính bản thân chúng tôi. Chúng tôi hy vọng rằng sẽ có cơ hội để chiến đấu một trận chiến cuối cùng với VC và mong rằng cái gọi là các quốc gia Đồng Minh sẽ không bỏ rơi chúng tôi trong cuộc chiến ấy.

Trận chiến ở Xuân Lộc đã thất bại trước khi Tổng Thống từ chức. Vài dư luận cho rằng Mỹ đã ngăn không cho tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh Sư đoàn 18 dùng một loại vũ khí hóa học để dành chiến thắng trong trận chiến ấy! Chúng tôi không biết điều đó có thật vậy không, nhưng sự thất bại này là sự thất vọng cho mọi người trong thủ đô vì đó là tuyến phòng thủ cuối cùng về phía Đông Bắc Sài Gòn.

Sự viện trợ của các nước Đồng Minh đặc biệt là của Mỹ chỉ là một sự mơ hồ sau khi Tổng Thống Mỹ Ford bị quốc hội Mỹ phủ quyết ngân khoản viện trợ 722 triệu Mỹ Kim về quân sự khẩn cấp cho chính phủ Sài Gòn. Những cuộc di tản của người Mỹ, Nhật, và những người ngoại quốc khác ra khỏi Sài Gòn là một bằng chứng rõ ràng về sự bỏ rơi của Mỹ. Cuộc chiến hai mươi năm chấm dứt trong sự từ chức của tổng thống dưới áp lực nặng nề của nhiều phía. Tôi không biết Tân Tổng Thống có thể nào đối phó với hòa bình của đất nước hay không. Trong lúc ấy, tôi chỉ nhìn thấy viễn ảnh của sự mất nước sẽ xảy ra khi chứng kiến trên truyền hình Ông Trần Văn Hương di chuyển rất khó khăn dưới sự trợ giúp của người khác. Mặc dù trong diễn văn, ông ta thề rằng ông

ta sẽ chiến đấu cho đến khi nào mọi lực lượng đều chết hết hay đất nước mất đi và sẽ được chôn chung với các chiến sĩ, tôi nghĩ chắc ông ta không có cơ hội thực hiện lời thề vì ông ta đã quá già yếu ở cái tuổi bảy mươi hai.

Rõ ràng rằng sự chuyển giao chức vụ trong cơ quan là để chuẩn bị cho việc di tản cho nhân viên, nhưng chúng tôi cũng không thấy một chương trình nào cả. Một cơ quan tình báo phải sắp xếp rất nhiều điều một khi muốn bỏ cuộc như việc tiêu hủy hồ sơ, chuẩn bị phương tiện vận chuyển cho hàng ngàn nhân viên và gia đình, vân vân... Chúng tôi chỉ được khuyên là nên giữ bình tĩnh trong mọi tình huống và chờ đợi quyết định của cấp trên. Tôi nghĩ họ chẳng dám quyết định gì hết. Một vài người có cơ hội riêng đã đi ra ngoại quốc, số còn lại không thể tự lo lấy mình được thì đang phải chờ đợi trong vô vọng một kế hoạch của cấp lãnh đạo.

Những ngày tiếp theo quả là những ngày dài nhất của chúng tôi. Lời kêu gọi của Tân Tổng Thống giữ vững vị trí để chống lại kẻ thù được ban ra như một mệnh lệnh. Chúng tôi phải ứng trực một trăm phần trăm trong cơ quan. Chúng tôi phải ở lại trong văn phòng cả ngày ngoại trừ khi đi tiếp xúc với cộng tác viên hay về nhà thay quần áo. Chúng tôi không biết làm gì mà chỉ còn biết tùm tùm nhau đánh bài và bàn tán. Tôi không biết đang chờ đợi việc gì: một trận chiến với VC, một cuộc di tản, hay sự sụp đổ của đất nước. Thật là một tình huống bi thảm!

Vợ tôi cũng phải ở lại trong văn phòng, và chúng tôi chỉ gặp nhau vào buổi cơm trưa. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho cô ấy với cái bầu trong lúc này. Cô ta là một người phụ nữ nhỏ nhắn mà tôi hay gọi đùa là “fragile”, và cô ta cũng rất thích cái tên ấy. Trong tình trạng ấy, tôi không hiểu cô ta có đủ sức để chịu đựng hay không. Tôi tự hỏi cái bầu ấy là một niềm hạnh phúc hay chính là nỗi buồn của cô ta mặc dù cô ta đã chờ đợi nó rất lâu. Tôi không thể nào có quyết định gì cho chúng tôi mỗi lần nhìn vợ tôi. Cô ấy quá mảnh mai và cái bầu thì lại quá nặng nề; làm thế nào có thể leo lên tàu để làm một chuyến đi đến một nơi vô định! Tôi sẽ không thể nào bỏ mặc vợ tôi một mình trong lúc ấy vì cô ấy cũng làm việc cho cơ quan, và tôi cũng không muốn bỏ rơi cô ta để tìm cách tự cứu lấy mình. Tôi nghĩ rằng chúng tôi sẽ cùng chết nếu tình trạng tồi tệ diễn ra. Điều tôi mong mỏi là con tôi sẽ được sanh ra trước khi tình trạng tồi tệ xảy đến, chúng tôi sẽ tìm ra một phương cách cho chúng tôi: trốn ở đâu đó, đi ra khỏi đất nước, hay tự sát nếu cần thiết.

Bên cạnh tình trạng xáo trộn của đất nước, chúng tôi vẫn phải làm công tác thường lệ. Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn đã được bầu một cách thành công. Phạm Minh Cảnh, cộng tác viên của tôi trở thành Chủ tịch. Lễ ra mắt Tân Ban Chấp Hành vẫn được tổ chức như thường lệ. Thay vì tổ chức ca nhạc trong buổi lễ ra mắt, lần này chúng tôi cho chiếu một phim đã bị xem là tội lỗi vào thời ấy, đó là phim Exorcist. Tôi không biết tại sao sếp lại chọn phim ấy vì nó đã bị cấm từ lâu bởi cơ quan kiểm duyệt của chính phủ. Tôi cũng không đến dự buổi lễ vì tôi không muốn cho vợ tôi xem phim rùng rợn trong khi cô ấy đang mang thai và cũng chính vì tôi đang quá lo lắng cho số phận của chúng tôi trong hiện tình của đất nước. Điều đầu tiên mà Tân Tổng Hội yêu cầu là cho tấn công Bắc Việt bằng vũ khí nguyên tử để giải quyết tình trạng miền Nam. Tôi nghĩ đó quả thật là một điều vô ích và buồn cười bởi vì không ai trên thế giới còn muốn một cuộc chiến tranh nguyên tử. Chiến Tranh Việt Nam chính là cuộc chiến tranh cục bộ giữa chủ nghĩa Tư Bản và chủ nghĩa Cộng Sản để tránh một cuộc chiến toàn cầu. Mọi thứ vũ khí hiện đại nhất của hai phe Đông Tây đều đã được thử nghiệm trên chiến trường Việt Nam trong suốt hai mươi năm. Có lẽ đây là lúc phải chấm dứt cuộc

chiến ấy! Điều đáng buồn là chúng ta, những người lính Nam Việt Nam đã bị hy sinh bởi những nước lớn.

Trận chiến ở Xuân Lộc đã chấm dứt với sự thất bại của sư đoàn 18; những người lính thất trận rút lui một cách vô trật tự về thủ đô. Các đơn vị VC bao vây Sài Gòn; hỏa tiễn của VC rơi khắp nơi trong thủ đô, ngay cả trong bộ chỉ huy cơ quan. Trong khi đó chính phủ dưới sự lãnh đạo của một ông cụ già, Trần Văn Hương, đã bị VC từ chối việc đại diện để thực hiện cuộc hòa đàm. Ở Mỹ, Tổng Thống Ford loan báo rằng đối với người Mỹ thì chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt. Điều còn lại đối với Mỹ là việc di tản cho sáu ngàn người Mỹ ở Việt Nam. Để di tản cho khoảng hai trăm ngàn người Việt Nam có liên quan với Mỹ, họ cần một đơn vị rất lớn, và điều này khó có thể được quốc hội Mỹ chấp thuận.

Tôi cảm thấy rất đau lòng khi phải đặt số phận mình trong tay những người sống bên kia bờ đại dương, những kẻ không quan tâm đến gì khác hơn là quyền lợi của họ. Rõ ràng rằng dân chúng Mỹ đã quá sợ cuộc chiến mà họ cho rằng dài nhất trong lịch sử Mỹ; họ mong có hòa bình! Họ không muốn tiếp tục cái mà họ gọi là “*Chiến Tranh Việt Nam*”, nhưng tôi nghĩ họ chẳng quan tâm gì đến hàng triệu người Việt Nam mà số phận của họ đang bị đe dọa một khi Cộng Sản chiếm cứ. Năm 1972, cái gọi là “Việt Nam Hóa Chiến Tranh” sau hiệp định Paris đã dọn đường cho sự rút quân đội Mỹ khỏi Việt Nam. Người Mỹ cuối cùng sẽ ra khỏi Việt Nam để chấm dứt cuộc chiến tranh mà họ càng lúc càng bị lún sâu vào vũng lầy.

Người Mỹ cho rằng Chiến Tranh Việt Nam là cuộc chiến tốn kém nhất trong lịch sử Mỹ, và họ không muốn đổ tiền vào cái lỗ không đáy ấy nữa. Họ đổ cho chính quyền Việt Nam là tham nhũng và đã làm mất nước, nhưng họ không cho nhân dân Việt Nam tự chọn lựa cấp lãnh đạo. Họ đòi hỏi Việt Nam phải thực hiện dân chủ như ở Mỹ với sự tự do hoàn toàn và với sự đối lập. Tôi nghĩ điều này quả thật là quá viễn tưởng đối với một nước đang ở trong chiến tranh hàng trăm năm.

Hầu hết mọi đảng phái đối lập và ngay cả trong các tổ chức chính quyền, VC đều có người len vào để thúc đẩy những phần tử bất mãn làm việc có lợi cho chúng. Thay vì giúp đỡ cho việc xây dựng một chính quyền mạnh thì Mỹ lại giúp cho các tổ chức chống đối để Cộng Sản có cơ hội lợi dụng. Những phong trào sinh viên học sinh từ Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Văn Nuôi đều bao gồm những người Cộng Sản từ cấp lãnh đạo đến các người ủng hộ. Cái gọi là mẹ và chị trong các phong trào này chẳng ai khác hơn là những người Cộng Sản. Nếu chính quyền đàn áp các phong trào này thì bị cho rằng chính quyền đã dùng bạo lực với dân bà và thanh niên, nếu không thì càng lúc càng thêm xáo trộn cho đất nước. Các vấn đề này càng ngày càng làm chính quyền trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Tôi không bào chữa cho chính quyền, nhưng trong nhiệm vụ hàng ngày tôi đã từng đối đầu với những khó khăn này. Điều tôi muốn nói ở đây là một quốc gia có chiến tranh không giống như một đất nước đang hòa bình, và chúng ta cần nên chấp nhận trách nhiệm của mình chứ không nên đổ cho chính quyền mà thôi. Tôi vẫn luôn nhớ một thành ngữ của Trung Hoa rằng: *Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách* (Sự còn mất của đất nước là trách nhiệm của mọi người ngay cả kẻ thất phu.)

Sự di tản của người Việt Nam là đề tài chính trong những ngày này đặc biệt là đối với sĩ quan và nhân viên chính quyền Nam Việt Nam, nhưng thường dân lại đầy ắp phi cảng Tân Sơn Nhất. Quốc lộ 15, con đường chính để di tản từ Sài Gòn đã bị VC siết

chắc. Hầu hết những sĩ quan Nam Việt Nam có phương tiện đều đã đưa gia đình ra đi, nhưng số còn lại thì tự hỏi việc ra đi này có quá sớm hay không! Vấn đề khó khăn cho chúng tôi lúc ấy là một cuộc ra đi quá sớm là việc đầu hàng mà không có chiến đấu, nhưng nếu để quá trễ thì lại không còn kịp nữa. Tổng Thống từ chức Nguyễn Văn Thiệu đã rời Sài Gòn đi Đài Loan mặc dù trong diễn văn từ chức ông ta đã nói rằng ông ta chỉ từ chức chứ không bỏ cuộc. Nguyễn Khắc Bình, Đặc Ủy Trưởng đã đi ngay ra nước ngoài sau khi bàn giao quyền hành. Vài vị lãnh đạo trong cơ quan như ông phụ tá Tấn, Giàu, ông Tâm trưởng ban A, đã bỏ cuộc và ra đi. Trong khi đó lệnh từ tân Tổng Thống là phải giữ vị trí để chuẩn bị trận chiến đấu cuối cùng. Mọi việc đang xảy ra khiến chúng tôi hoang mang hơn lúc nào hết. Ông Long, sếp chúng tôi cố gắng trấn an chúng tôi bằng cách hiện diện thường xuyên trong văn phòng, nhưng tôi nghĩ ông ấy cũng đang rất lo lắng vì ông ta không có những phong cách thường ngày. Ông ta đi vòng quanh và tránh những câu hỏi của chúng tôi về hiện tình của đất nước.

Chương 6. Ngày Cuối Cùng Của Đất Nước

Những tiếng nổ vọng từ xa cộng với tiếng ồn của xe cộ khiến cho bộ mặt thủ đô trở nên kỳ lạ. Tiệm ăn và rạp chiếu bóng đông nghẹt người, những ngân hàng cũng thế. Người Việt Nam rút tiền ra để mua đô la và vàng; giá đô la tăng từ 118 đồng lên 500 đồng rồi lên đến hàng ngàn, giá vàng cũng tăng vọt lên. Những người chuẩn bị di tản cần đô la và vàng để mua hộ chiếu và lo cho cuộc sống của họ ở quốc gia khác; những người khác thì không còn tin vào tiền tệ của Việt Nam và tin vào ngân hàng nữa một khi sự việc xảy đến. Thẻ tín dụng cũng có chỗ đứng trong chợ đen ở Sài Gòn lúc ấy.

Mặc dù thủ đô trông dường như rất yên ổn khi nhìn vào những sinh hoạt bình thường, một sự nặng nề đang bao trùm lấy đầu óc dân chúng. Họ đang chờ đợi điều gì đó đang xảy đến. Đó là một điều ghê gớm đối với những sĩ quan Nam Việt Nam; đó là sự chờ đợi một cuộc sống trong hòa bình, nhưng cũng đầy những điều không dự đoán được đối với người dân thường. Dù sẽ có một trận chiến lớn hay một thỏa hiệp với VC, điều đó đều đồng nghĩa với cái chết sớm hay muộn mà thôi.

Chúng tôi sẽ chấp nhận một trận đụng độ chứ không chịu bỏ cuộc, nhưng chúng tôi lại không có được sự chọn lựa bởi vì chúng tôi không có quyền. Điều gì xảy đến cho chúng tôi một khi VC chiếm thủ đô: một biển máu, một sự trả thù, và họ sẽ đối xử thế nào với kẻ thù của họ. Mọi cái đều đồng nghĩa với cái chết. Tại sao chúng ta không chịu chấp nhận cái chết trong danh dự thay vì cái chết trong tủ nhục? Hàng triệu sinh mạng của đồng bào đang bị đe dọa, nhưng dường như mọi người đều thờ ơ. Cuộc sống vẫn diễn tiến như lệ thường! Dân chúng Sài Gòn quá quen thuộc với chiến tranh kể từ thời Thuộc Địa Pháp, từ cuộc tổng tiến công của VC vào Tết Mậu Thân 1968, và từ “mùa Hè đỏ lửa” 1972. Vài người còn hy vọng rằng vài chiến thắng của VC chỉ là tạm thời giống như Tết Mậu Thân: người Mỹ bỏ cuộc lúc đầu nhưng rồi sau đó họ lại giúp Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa giành lại chiến thắng. Tôi nghĩ rằng ít ai ở Nam Việt Nam có thể tưởng tượng được sự mất nước lại diễn ra dễ dàng như trở bàn tay.

Sự hỗn loạn trong hàng ngũ lãnh đạo đã xảy ra ngay sau khi Nguyễn Văn Thiệu từ chức. Phó Tổng Thống Trần Văn Hương không thể nắm được quyền lực; sự cố gắng để hòa đàm là mục tiêu chính của tân tổng thống mặc dù ông ta đã tuyên bố sẵn sàng chiến

đầu với VC nếu cần thiết. Cộng Sản tuyên bố ngay tức khắc rằng chức Tổng Thống của Hương không thể chấp nhận được vì Hương là “*anh em với Thiệu*”. Các đơn vị quân đội Miền Bắc và VC đang bao vây Sài Gòn sau khi sư đoàn 18 thất bại ở mặt trận Long Khánh. Sân bay Biên Hòa và Tân Sơn Nhất cùng vài nơi trong đô thành đều bị hỏa tiễn của VC pháo kích vào. Trong khi đó ở Mỹ, Tổng Thống Ford loan báo rằng: “*Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, và người Mỹ có thể lấy lại sự tự hào của họ trước chiến tranh Việt Nam.*” Điều đó có nghĩa rằng không còn cơ hội nào để Mỹ giúp đỡ Nam Việt Nam nữa, và nếu có một trận chiến toàn diện, chúng ta phải đối đầu với tình thế bằng chính sức lực của chúng ta.

Trong khi Hương đề nghị một cuộc hòa đàm bằng cách cử một Bộ Trưởng ra Hà Nội, thủ đô của Bắc Việt, thì Cộng Sản vẫn tiếp tục từ chối sự hợp tác hòa bình. Trong một bài diễn văn, tân Tổng Thống nói rằng: “*Đồng Minh của chúng ta đã bỏ rơi chúng ta, do đó chúng ta phải tự bảo vệ tổ quốc chúng ta. Sài Gòn có thể trở thành một biển lửa và một núi xương nếu có một cuộc chiến toàn diện xảy ra mà điều này tôi rất muốn tránh.*”

Vào ngày Chúa Nhật, 27 tháng Tư 1975, dưới áp lực của đại sứ Mỹ G. Martin và các nhà lãnh đạo miền Nam Việt Nam, Trần Văn Hương tuyên bố từ chức sau sáu ngày giữ chức Tổng Thống. Ông ta nói rằng ông ta sẽ trao quyền lại cho người được quốc hội Nam Việt Nam chọn lựa để thực hiện hòa bình cho Nam Việt Nam.

Chúng tôi nhận tin ấy với sự vô vọng hoàn toàn; chúng tôi phải tìm mọi cách để thoát khỏi đất nước. Chúng tôi đều biết Tổng Thống kế tiếp chính là Dương Văn Minh người đang là một lãnh đạo cao cấp của “Lực Lượng Thứ Ba” (một thành phần đứng trung gian giữa chính phủ Nam Việt Nam và Cộng Sản) và có liên hệ với Phật Giáo chùa Ấn Quang. Một cuộc hội đàm trong thế yếu như vậy có nghĩa là sự thất bại; điều đó có thể tránh một cuộc tắm máu cho nhân dân chứ không thể tránh được sự trả thù đối với chúng tôi, những kẻ thù của Cộng Sản.

Cuộc bàn giao chức vụ Tổng Thống giữa Hương và Minh sáng sớm ngày 28 tháng Tư diễn ra rất lặng lẽ và đơn giản. Trong lời diễn văn, Minh hứa với Hương (người mà Minh thường gọi bằng Thầy) rằng ông ta sẽ không làm mất sự tin tưởng của Hương để tránh cuộc tắm máu cho dân chúng trong Thủ Đô. Minh chấp nhận một chính phủ liên hiệp bao gồm Cộng Sản, những người Trung Lập, và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Cái gọi là thành phần trung lập là vài tổ chức ở Miền Nam như Thành Phần Thứ Ba, Phật Giáo Ấn Quang, Hòa Hảo, Cao Đài, và Công Giáo. Điều đầu tiên là Minh tuyên bố sẽ thực hiện một trong những điều kiện tiên quyết của Cộng Sản cho việc hòa đàm: *Yêu cầu quân đội Mỹ và nhân viên cùng dân sự Mỹ phải rời Việt Nam trong vòng 24 giờ*. Không có một điều nhắc nhở gì đến hàng triệu nhân viên chính quyền và quân đội của Nam Việt Nam ngoài việc ra lệnh phải ngưng bắn ngay tức khắc.

Trong Cơ quan chúng tôi, có nhiều lệnh khác nhau về việc thiêu hủy và không thiêu hủy hồ sơ. Lò thiêu đã đầy giấy; không thể nhét thêm vào được nữa. Sếp tôi lần đầu tiên thảo luận về việc di tản, nhưng ông ta lại không có quyết định nào mà lại phải chờ kế hoạch chung của Cơ Quan. Chúng tôi biết rằng Cơ Quan chúng tôi tùy thuộc vào CIA của Mỹ và cấp lãnh đạo của chúng tôi phải hỏi các cố vấn Mỹ trước. Người Mỹ chỉ có 24 giờ để rời khỏi Việt Nam. Làm thế nào họ có thể giúp chúng tôi? Tất cả chúng tôi đều tuyệt vọng! Vài người đi qua cảng Sài Gòn đối diện với cơ quan để leo

lên tàu ra đi, nhưng những người khác thì lại lúng túng với hoàn cảnh mà phải chờ đợi kế hoạch chung của cơ quan trong sự tuyệt vọng.

Sau khi nghe sếp ra lệnh về việc tập trung tại nhà an toàn ở đường Hai Bà Trưng vào sáng ngày hôm sau, tôi ghé chở vợ tôi về. Trời gần như tranh tối, nhưng vài chiếc trực thăng vẫn tiếp tục lượn vòng trên bầu trời. Đường phố có vẻ khác lạ hơn hôm qua: bộ hành đi vội vã, những người lính vũ trang và không vũ trang đi lại khắp nơi, xe nhà binh chạy cùng khắp. Dù đã có lệnh ngưng bắn ban ra từ tân Tổng Thống Minh, hầu hết quân nhân và Cảnh sát không rời súng. Vài phi công Việt Nam Cộng Hòa tức giận về nỗi đau của đất nước đã dùng phi cơ A-37 tấn công phi cảng Tân Sơn Nhất, đốt cháy vài chiếc phi cơ trên phi cảng và tạo nên tiếng nổ vọng vào đến trung tâm Sài Gòn. Vài quân nhân Việt Nam trong chiến phục của Thủy Quân Lục Chiến và Nhảy Dù dùng súng M16 bắn vào các trực thăng. Những người lính Việt Nam Cộng Hòa đã quá thất vọng không biết làm gì hơn là bày tỏ mối bất bình bằng cách bắn vào những người Mỹ đang di tản, nhưng không có điều gì xảy ra cho họ ngoài việc một chiếc trực thăng bị rớt xuống biển khi đang đáp lên một mẫu hạm của Mỹ. Dân chúng lái xe đạp và xe gắn máy chờ đầy hàng hóa lấy từ những kho hàng của Mỹ bỏ rơi lại ở Tân Cảng, Thủ Đức, cách Sài Gòn khoảng 10 dặm.

Thủ Đô trở nên rối loạn ngay sau khi Big Minh lên cầm quyền. Trụ sở tòa đại sứ Mỹ bị bao vây bởi những người dân muốn vào để chiếm một chỗ trong trực thăng đang đáp trên sân thượng. Những người lính gác Mỹ trong quân phục Thủy Quân Lục Chiến với súng M16 cầm tay đứng nghiêm một cách lơ đãng ở các vọng gác. Đám đông phía trước cánh cổng đóng kín giờ giấy tờ lên cao; đôi khi cánh cổng mở ra và tôi thấy vài người Tây phương đi vào. Tôi cũng thấy vài người Việt Nam phía trong tòa đại sứ. Người Mỹ cuối cùng phải rời Việt Nam trong vòng 24 giờ, do đó việc di tản này diễn ra rất vội vã và ồn ào càng lúc càng tạo nên sự nghi ngờ trong dân chúng. Mọi người dân trong thủ đô dường như cảm thấy việc mất nước đã gần kề. Dân chúng đổ ra đường để xem trực thăng trên trời, hoặc tìm đường di tản, hoặc đi thu nhặt những hàng hóa từ những kho bỏ lại của Mỹ. Các quân nhân Việt Nam cùng với cảnh sát không còn muốn can thiệp vào nữa. Tất cả đã tạo thành một quang cảnh rối loạn chưa từng thấy!

Lần đầu tiên tôi mang về nhà một khẩu súng ngắn. Tôi không muốn cho vợ tôi biết nên giấu nó trong góc ngăn tủ kéo. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi làm việc này, nhưng tôi cảm thấy một chút nào đó lo ngại và sợ hãi cho hành động này của tôi. Tôi đoán rằng tôi đang chuẩn bị cho cái chết của chúng tôi, hay chỉ cho chính mình tôi nếu tôi không đủ can đảm để giết chết vợ tôi khi sự việc diễn ra. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho đứa con còn trong bụng dù là trai hay gái. Tôi đã từng nói với vợ tôi về việc đặt tên cho con là Anh Hoàng nếu nó là trai và Hoàng Anh nếu là gái. Trong hoàn cảnh ấy, tôi không biết nó có được sanh ra hay không. Tôi tự nghĩ rằng một trận chiến cuối cùng có thể không xảy ra, nhưng việc mất nước thì chắc không thể tránh được.

Cộng Sản hay Tư Bản không có ý nghĩa gì đối với tôi. Cuộc chiến tranh kéo dài quá lâu trên đất nước sẽ chấm dứt, và tôi nghĩ không bên nào thắng trong chiến tranh Việt Nam vì người Việt cả hai phía đã chết quá nhiều trong cuộc chiến. Tôi không nói đến những người lính, tôi chỉ muốn nói đến những thường dân, những người dân vô tội đã bị giết chết trong một cuộc chiến rất vô nghĩa. Nếu tôi chết đi khi chiến tranh chấm dứt, tôi sẽ chỉ là một trong những người lính chiến đã chết trong cuộc chiến ấy. Tôi hy vọng rằng dân tộc tôi sẽ hạnh phúc trong hòa bình cho dù dưới chế độ Cộng Sản. Tôi nghĩ

rằng cho dù là Cộng Sản hay Tư Bản, mọi người đều là người Việt; điều đó còn tốt hơn là đất nước trong tay bọn Thực Dân. Những ý nghĩ này khiến tôi có một chút an lòng, và tôi về nhà với một tâm tư hơi nhẹ nhàng để tìm một phương cách thoát đi.

Ngồi phía sau xe gắn máy, vợ tôi không nói gì trên đường về nhà, nhưng tôi cảm thấy nước mắt thấm ướt cổ tôi nơi mà cô ấy áp mặt vào. Tay vợ tôi ôm chặt hơn mọi ngày. Tôi hiểu rằng cô ta đang lo sợ một sự việc kinh khủng xảy ra, và cô ta cũng sợ phải mất đi niềm hạnh phúc mà cô ta đang hưởng. Tôi không biết làm thế nào để làm vợ tôi an lòng ngoài việc vuốt ve tay cô ta. Gần ba năm chung sống, tôi luôn luôn đưa vợ tôi đi đến những nơi mà cô ấy muốn đi. Bất cứ khi nào vào Cơ Quan, tôi thường vào văn phòng để hôn vợ tôi trước khi đến văn phòng của tôi. Cô ấy thường hay nhắc đến lần đầu tiên đi xem phim với nhau, tôi đã chúc cô ta một đêm ngon giấc trước khi từ giả ra về và bảo với tôi rằng cô ấy đã yêu tôi kể từ lúc đó. Chúng tôi đã từng dự định sẽ có hai đứa con, một trai và một gái, nhưng khi biết vợ tôi chỉ có thể có được một đứa con duy nhất, chúng tôi hy vọng đó sẽ là trai. Ở đất nước chúng tôi, tư tưởng trọng nam khinh nữ có lẽ là một thói tục, và có lẽ chúng tôi cũng không thoát khỏi thói tục đó. Thật ra, tôi chỉ muốn con trai để vừa lòng vợ tôi mà thôi; tôi không quan tâm mấy về việc có con trai hay con gái. Tôi biết rằng đứa con là niềm hạnh phúc cho vợ tôi, nhưng trong hoàn cảnh chúng tôi như thế này thì không biết đó là hạnh phúc hay sự hối tiếc. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho vợ tôi, cho đứa con chưa chào đời, và cho cả chính tôi nữa! Chúng tôi đang kẹt vào một tình huống khó gỡ. Tôi chỉ còn biết dựa vào kế hoạch chung của Cơ Quan, nhưng nhìn cảnh di tản vợ tôi của người Mỹ, tôi biết rằng chúng tôi không còn có thể dựa vào họ được nữa. Làm thế nào họ có thể giúp chúng tôi một khi chính họ còn phải rút lui một cách vội vã như vậy? Tôi không biết cái lệnh cho người Mỹ rút lui trong 24 giờ là của Big Minh hay xuất phát từ phía Mỹ, nhưng theo tôi thì mọi việc đều bắt nguồn từ Washington bởi vì người Mỹ đã muốn rút lui trong danh dự. Họ rút khỏi Việt Nam theo lệnh của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà chứ không phải họ bị thua trận; có lẽ điều đó có nghĩa là danh dự đối với họ!

Tôi hoàn toàn không biết ai đã chiến thắng trong chiến tranh Việt Nam, nhưng tôi cảm thấy chúng tôi đã bị bỏ rơi sau khi cuộc chiến chấm dứt. Năm 1963, Dương Văn Minh đã dọn đường cho quân đội Mỹ vào Việt Nam để chống lại Cộng Sản. Năm 1975, chính Dương Văn Minh lại nắm quyền hành để thương thuyết với Cộng Sản, và người Mỹ lại có cơ hội rút lui toàn bộ khỏi Việt Nam. Thật là một cuộc lập lại theo chiều ngược của lịch sử.

Lịch sử Việt Nam đã trải qua một ngàn năm dưới ách đô hộ của Trung Hoa, một trăm năm dưới chủ nghĩa Thực Dân Pháp, và trên hai mươi năm trong cuộc chiến giữa hai chủ nghĩa Tư Bản và Cộng Sản. Mọi người Việt Nam đều mong hòa bình hơn bất cứ người nước nào trên thế giới, nhưng trước hết phải là nền hòa bình trong tự do chứ không phải bị lệ thuộc vào bất cứ nước nào.

Dân Việt Nam không thể phân biệt được chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Cộng Sản, vì thế họ đồng hóa cả hai với nhau. Chính phủ Nam Việt Nam đã không thể nêu rõ điều này cho dân chúng, và hầu hết dân chúng đã coi Cộng Sản là những nhà ái quốc còn Mỹ là quân xâm lược. Thêm vào đó, sự can thiệp trực tiếp vào Việt Nam của quân đội Mỹ khiến chính phủ Nam Việt Nam mất chính nghĩa chống Cộng và đẩy dân chúng chống lại Mỹ. Dân chúng không còn tin tưởng vào chính quyền Nam Việt Nam cho dù có nhiều sự tuyên truyền để giải thích về sự tàn bạo của Cộng Sản. Cộng Sản gọi chính quyền Nam Việt Nam là ngụy quyền và dân chúng dường như đã tin rằng chính phủ

Nam Việt Nam chỉ là công cụ của Mỹ. Cuộc chiến giữa Tư Bản và Cộng Sản đã biến thành cuộc chiến tranh giải phóng để chống lại cái gọi là “Đế quốc Mỹ”. Tôi nghĩ tất cả những điều đó bắt nguồn từ việc can thiệp trực tiếp của Mỹ ở Việt Nam trong khi Liên Xô và Trung Quốc chỉ đổ vũ khí và tiền bạc vào Việt Nam; họ không đưa quân đội vào Việt Nam ngoại trừ những cố vấn.

Tôi không hiểu sao cả Mỹ lẫn Cộng Sản đều nói rằng họ đã chiến thắng cuộc chiến. Người thất bại thật sự có lẽ là chính chúng tôi, Chính Phủ và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa!

Chúng tôi phải chấp nhận tất cả những gì xảy đến bởi vì chúng tôi đã thất bại cuộc chiến cho dù có đổ cho ai đi nữa. Tôi biết điều ấy và cũng đang chờ đợi trong đau khổ những bất hạnh xảy đến cho tôi và gia đình tôi. Không biết lúc nào những điều này xảy ra, vài ngày nữa hay vài tháng nữa, nhưng điều ấy phải đến, không thể tránh được bởi vì bất cứ một sự liên hiệp nào với Cộng Sản đều luôn luôn là một sự tự sát nhất là liên hiệp trong thế yếu. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh điều ấy: Một lần vào năm 1945 chánh phủ liên hiệp giữa Cộng Sản và một vài đảng phái khác chỉ là tạm thời để Cộng Sản có thời gian loại trừ những người không Cộng Sản, và vào năm 1954 không lâu sau khi Cộng Sản ký hiệp định Geneve, bộ đội của họ đã vượt vùng phi quân sự để xâm lăng Nam Việt Nam. Tôi không nghĩ cái chính phủ liên hiệp mà Big Minh đề nghị sẽ được Cộng Sản chấp thuận một khi chúng đang thắng thế. Ngay cả nếu cho chúng chấp thuận giải pháp đó của Big Minh, điều đó cũng chỉ là tạm thời để chúng nắm chính quyền và loại trừ những người khác. Sự thất bại của chúng tôi chỉ là vấn đề của thời gian.

Khi tôi về đến thì mọi người đã tụ họp đầy đủ tại nhà mẹ tôi. Lân, Phụng, Tài và tôi cùng chia xẻ những lo lắng với nhau vì chúng tôi có cùng hoàn cảnh. Lân và Phụng đã quyết định không ra đi theo tàu của họ vì vợ không chịu đi đâu. Tôi nghĩ không người Việt nào muốn rời đất nước họ trừ trường hợp rất cần thiết. Dân tộc Việt Nam từng sống trong vòng của lũy tre làng của họ; họ ít khi đi khỏi nơi họ từng sống ấy, và họ rất tự hào với nơi họ sinh trưởng cho dù nơi ấy có nghèo nàn đến đâu chăng nữa. Hàng triệu người dân miền Bắc Việt Nam di cư vào miền Nam vào năm 1954 khi Cộng Sản chiếm miền Bắc. Họ xây dựng làng xóm của họ và sống với nhau; họ giữ gìn tập quán riêng của họ mặc dù họ sống trên một phần đất của Việt Nam, tôi không thể tưởng tượng người Việt sẽ ra sao một khi họ sống ở nước ngoài. Thêm vào đó, mọi người đều không biết họ sẽ đi đến đâu một khi họ leo lên chiếc tàu hay là chiếc trực thăng. Tất cả đều là một sự đánh cuộc với số mệnh. Đối với tôi, tôi sẽ không đi một mình bởi vì tôi không muốn bỏ lại vợ tôi với đứa con còn trong bụng. Trong trường hợp cần thiết, tôi định sẽ trốn một nơi nào đó chờ đợi vợ tôi sanh nở xong; sau đó chúng tôi sẽ tìm một cách nào đó để trốn đi. Một điều mà tôi tiên đoán lúc ấy là sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp giữa Big Minh và Cộng Sản, do đó tôi có đủ thời gian để chuẩn bị cho việc di tản cho chúng tôi. Tôi đã nói điều suy nghĩ này với vợ tôi để trấn an cô ta và cũng để tự trấn an lấy mình.

Tối hôm ấy, chúng tôi gói ghém mọi cái cần thiết để chuẩn bị cho việc tập trung tại nhà an toàn của sếp vào ngày mai. Tôi không thể ngủ được mà cứ nghĩ ngợi đến mọi điều đã xảy ra trong đời mình. Mùi cà phê và thuốc lá trong phòng làm tôi thức suốt đêm. Vợ tôi đã chìm vào giấc ngủ say vì có lẽ cô ta quá mệt mỏi, tôi đoán thế. Đó là một đêm yên lặng ngoại trừ tiếng trực thăng bay lượn trên bầu trời và tiếng nổ vọng từ xa. Lệnh giới nghiêm vẫn còn hiệu lực, do đó không có xe cộ hay bộ hành nào ngoại

trừ xe nhà binh đang làm nhiệm vụ. Ánh sáng hỏa châu trên bầu trời chiếu qua cửa sổ và soi sáng con đường nhỏ phía dưới tầng gác sau nhà mẹ tôi, nơi tôi đã từng sống vào thời thơ ấu. Cái bàn viết nhỏ nơi tôi ngồi làm bài từ lúc học tiểu học đến đại học vẫn nằm trong góc phòng; những hình vẽ ngộ nghĩnh vẫn còn trên mặt bàn. Chiếc giường tôi đang nằm cũng là chiếc giường nơi tôi đã ngủ khi còn bé. Sách vở của tôi từ trung học đến đại học vẫn còn xếp gọn trên chiếc kệ do tự tôi làm. Không có gì thay đổi ngoại trừ ý nghĩ của chính tôi. Tôi cảm thấy tiếc nuối cho thời niên thiếu mà tôi không bao giờ còn sống lại được.

Tiếng ho của mẹ tôi phía dưới nhà kéo tôi về hiện tại. Tôi nghe tiếng rót nước vào ly và tiếng bước đi của mẹ tôi. Đó là những âm thanh mà tôi đã từng nghe một thời gian dài. Mẹ tôi là một người đàn bà đáng người nhỏ nhắn, nhỏ hơn khổ người đàn bà Việt Nam trung bình, nhưng bà không yếu. Mẹ tôi có thể ngồi may suốt ngày bên bàn máy may để kiếm tiền nuôi chúng tôi. Cả cuộc đời của bà là một sự hy sinh cho các con. Cha tôi đã rời gia đình ra đi vào một khu vào lúc bà còn rất trẻ, và ông đã bị giết chết trong một trận chiến với lính Pháp khi mẹ tôi mới 29 tuổi. Kể từ lúc đó, bà phải tự nuôi con. Là một người thợ may, hàng ngày mẹ tôi đã phải làm việc rất cực nhọc từ sáng sớm đến tối mịt. Bà cho chúng tôi đi học và mong muốn chúng tôi phải tốt nghiệp đại học để khỏi phải nghèo như bà. Khi tôi làm cho chính quyền Nam Việt Nam, em gái tôi trở thành giáo sư, và em trai tôi là thông dịch viên, chúng tôi yêu cầu mẹ tôi đừng làm việc nữa, nhưng bà nói rằng bà đã quen làm việc và không thể ngồi không để chờ nhận tiền của chúng tôi. Tôi nghĩ cuộc đời mẹ tôi chính là một tấm gương sáng cho các người đàn bà Việt Nam. Trong lúc ấy, tôi cảm thấy một chút hối tiếc là đã chưa được đền đáp công ơn của mẹ tôi, và tôi cũng không biết có còn cơ hội để thực hiện được điều này không.

Sáng sớm hôm sau tôi chở vợ tôi đến nhà an toàn ở đường Phan Thanh Giản. Em út tôi, Tuấn và em họ tôi, Nghĩa cùng đi với tôi. Tôi muốn có hai đứa đi theo để nếu tôi phải ra đi thì sẽ không bị cô độc ở nước ngoài. Thêm vào đó Nghĩa đã từng là cộng tác viên của tôi ở Đại Học Khoa Học, do đó nó cũng nên ra đi để được an toàn hơn.

Chúng tôi đi ngang qua Tòa Đại Sứ Mỹ trước khi đến trụ sở an toàn. Đường phố trông có vẻ bận rộn hơn những ngày trước. Những người lái xe gắn máy chạy về phía trung tâm thủ đô với những túi xách chất đầy phía trước và người đi cùng ngồi phía sau. Mặc cho kẽm gai phía trên tường rào và những người lính gác Thủy Quân Lục Chiến, vài người Việt Nam đang leo lên tường rào của Tòa Đại Sứ Mỹ, chen chúc vào cửa chính và cửa hông để cố len vào trong đó. Hàng ngàn dân chúng với những đồ đạc của họ đứng đầy quanh trụ sở tòa đại sứ và cổng chính của Trụ Sở Cảnh Sát Quận Nhất, phía sau tòa đại sứ. Những người đi tản đang chờ trực thăng trên những sân thượng của vài căn nhà ở trung tâm Sài Gòn, họ đứng vây quanh những người lính gác hải quân trên con đường đi vào cảng Sài Gòn. Thật là một cuộc di tản vô trật tự! Tôi không thể thấy một người Tây Phương nào trong đám đông cạnh Tòa Đại Sứ Mỹ; có lẽ họ đã đi hết vào tối hôm qua.

Nhà an toàn đầy đặt nhân viên; tôi nghĩ không còn cái ý nghĩa của nhà an toàn nữa rồi. Tôi thấy mọi người đều hiện diện đầy đủ kể cả những cộng tác viên của tôi cùng gia đình họ. Điệp, một họa sĩ trong ban chúng tôi cùng bà vợ đang mang bầu gặp tôi ở phía trước cửa và bảo tôi rằng ông Long, sếp chúng tôi, đang gọi điện thoại cho ông Lộc, tân đặc ủy trưởng, để hỏi về việc di tản cho nhân viên và gia đình. Chúng tôi lo lắng chờ đợi. Tuấn cùng vợ đến chào vợ chồng tôi. Chúng tôi nói chuyện về những

điều đang xảy ra trong thủ đô, nhưng điểm chính là số phận cũng như hoàn cảnh của chúng tôi. Trung, Tâm, Trí, Lâm, Vinh, và Nhân, những cộng tác viên của tôi vây quanh tôi và hỏi nhiều điều mà tôi không thể trả lời được. Tôi tự hỏi tại sao họ không chịu tự di tản vì họ còn trẻ và độc thân nữa, quá dễ dàng leo lên một con tàu nào đó trong cảng Sài Gòn. Tôi nghĩ có lẽ họ cũng chờ đợi kế hoạch chung của cơ quan. Một sự chuẩn bị không hoàn chỉnh chính là một thảm họa trong trường hợp khẩn cấp như thế này đây. Do hoàn cảnh của vợ tôi, tôi sẽ không ra đi được nếu không có kế hoạch chung của cơ quan.

Ngay sau khi tôi đến, Long, trong một dáng vẻ buồn phiền, đi ra khỏi phòng và nói rằng cuộc di tản của cơ quan sẽ không thể thực hiện ngay được vì người Mỹ phải lo cho họ trước. Ông ta yêu cầu chúng tôi tự tìm cách di tản lấy một mình nếu không muốn tự hợp tởm hôm ấy tại trụ sở đường Nguyễn Huệ để chờ trực thăng Mỹ. Chúng tôi lần lượt đi ra khỏi nhà an toàn. Sau khi chia số tiền mặt phí còn lại, Long và Hiệp, nhân viên an ninh của ban, trốn vào trụ sở Cảnh Sát quận nhất và leo vào Tòa Đại sứ Mỹ bằng cổng sau. Hầu hết chúng tôi đều phải ra về để tìm cách tự cứu lấy mình.

Tôi đi ngang qua cảng Sài Gòn và thấy chiếc lambretta của Vũ Công Tuấn, bạn cùng làm với tôi bỏ ở đó; tôi biết anh ta đã ra đi theo tàu Hải quân ngay sau khi rời nhà an toàn. Tôi hỏi Tuấn và Nghĩa có muốn đi vào cảng hay không, nhưng cả hai đều không muốn. Trên đường về nhà, tôi ghé qua nhà Điệp để xem coi họ có cách nào ra đi không vì vợ của Điệp cũng đang có mang như vợ tôi, nhưng họ cũng không có kế hoạch nào khác. Tôi đành phải ra về chờ đợi sự việc sẽ đến trong sự thất vọng tột cùng.

Trực thăng vẫn còn bay lượn trên không, và vài tiếng súng bắn một cách vô vọng lên bầu trời. Tiếng gầm của đại bác và hỏa tiễn vang vọng từ xa. Vào trưa hôm ấy, một chiếc trực thăng phản lực cùng hai chiếc phi cơ chiến đấu bay thẳng về phía Đông trên bầu trời; nhiều tiếng súng bắn lên từ mặt đất cùng vài cụm khói trắng nổ bên trên tiễn đưa những người ra đi. Đó là chuyến di tản cuối cùng của người Mỹ, có lẽ là của đại sứ Mỹ Martin.

Người Mỹ đã đến Việt Nam dưới chiêu bài là giúp người Việt gìn giữ tự do của họ, và rồi người Mỹ lại rời Việt Nam không một nghi thức tiễn đưa nào ngoài sự giận dữ của những người dân bị bỏ rơi.

Thực dân Pháp đã rời Việt Nam vào năm 1954 sau khi thua trận Điện Biên Phủ, nhưng họ lại không đi bằng cửa sau như người Mỹ. Họ đã giúp những người đã cộng tác với họ hoặc những người không muốn sống với Cộng Sản đi vào miền Nam hay sang Pháp. Tôi thật không hiểu tại sao một cái gọi là “cường quốc” như Mỹ lại không thể tìm ra được giải pháp nào để ra đi trong danh dự thay vì chạy trốn một cách vội vã như vậy! Họ luôn miệng bảo rằng họ đã chiến thắng trong cuộc chiến Việt Nam, và họ đã trao cho lính của họ những chiếc huy chương đủ loại; tại sao họ lại để ông đại sứ của họ chạy trốn như một kẻ phản bội.

Những người dân Sài Gòn đổ ra đường để xem cuộc ra đi cuối cùng của người Mỹ với sự khôi hài xen lẫn với ít đắng cay tủi nhục. Những người lính Nam Việt Nam coi đó như sự đau khổ của họ. Những nhà lãnh đạo của họ đã từ chức hay trốn chạy, những đồng minh của họ đã rút lui. Làm thế nào họ có thể đối phó được với tình hình trong khi cái gọi là “chính phủ hòa bình” của “lực lượng thứ ba” buộc họ phải từ bỏ vũ khí? “Lực lượng thứ ba”, những kẻ đã làm xáo trộn hậu phương để giúp kẻ thù, lại

đang cai trị đất nước để nói chuyện với kẻ thù. Làm thế nào tôi có thể tin được họ? Con đường di tản của tôi đã bị chặn lại; hoàn cảnh tôi đang ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Tôi chỉ còn biết ngồi chờ cho mọi việc xảy đến với tôi ngay cả cái chết mà tôi cũng đang chuẩn bị. Tôi nghĩ chắc không có gì tồi tệ hơn là chờ đợi một điều xấu nhất xảy đến mà không có một cách nào để tự vệ.

Đêm 29 tháng tư năm 1975 quả là một đêm dài nhất trong cuộc đời tôi. Tôi không đến trụ sở cơ quan đường Nguyễn Huệ như hẹn vì tôi biết đó chỉ là một lừa dối cuối cùng. Người Mỹ đã đi hết rồi, ai lo cho chúng tôi, một nhóm người di tản to lớn như vậy. Tôi nghĩ con đường di tản duy nhất là đi vào cảng và leo lên tàu, nhưng tôi lại không thể làm được việc ấy. Cuộc tụ họp ở Nguyễn Huệ đêm ấy đã thất bại; vài người đã ra đi bằng tàu Hải quân, nhưng số đông thì trở về nhà sáng hôm sau trong nỗi tuyệt vọng.

Tiếng nổ của bom, hỏa tiễn, và đạn pháo nghe vọng từ xa suốt đêm. Đài phát thanh Sài Gòn chỉ truyền thanh quân nhạc: Một thói quen của đài ấy khi có một biến cố quan trọng. Người Việt đã từng nghe loại nhạc này từ cuộc đảo chánh 1963 lật đổ nền đệ nhất cộng hòa, từ Tết Mậu Thân 1968, từ những cuộc đảo chánh chống chính phủ của Dương Văn Minh và của Nguyễn Khánh. Lần này thì dòng nhạc ấy đang chuẩn bị cho một biến cố quan trọng nhất, có lẽ là cho sự mất nước! Đài tiếng nói hoa kỳ đã ngưng phát thanh bài White Christmas được phát liên tục trước đó; sự rút lui của Mỹ đã hoàn tất. Đài BBC thì loan báo rằng Tổng Thống Dương Văn Minh của Việt Nam đã thất bại trong dự định hợp tác với VC, và các đơn vị quân đội Cộng Sản đang bao vây Sài Gòn chờ đợi sự đầu hàng của Big Minh. Cộng Sản cho rằng Minh chỉ là sự tiếp nối của một chính phủ do Mỹ giúp đỡ.

Chúng ta đã thất bại, và đất nước chúng ta phải mất trong một hai ngày tới. Các đơn vị Cộng Quân đang bao vây thủ đô. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã tan rã hoàn toàn. Hầu hết các nhà lãnh đạo của chúng ta đã trốn chạy, và tân tổng thống thì ra lệnh buông vũ khí. Cuộc hòa hợp nếu diễn ra cũng chỉ là một tự sát. Tôi đã nghe phát thanh suốt đêm chờ đợi sự việc tồi tệ nhất diễn ra với nỗi thất vọng hoàn toàn. Tôi đã không thể kiềm được những giọt nước mắt trào ra.

Chương 7. Những Ngày Đầu Tiên Trong Chế Độ Cộng Sản.

Ngày 30 tháng tư năm 1975, một ngày lịch sử mà chắc không một người Việt nào ở trong nước hay đang lưu vong trên toàn thế giới có thể quên được. Tôi choàng dậy sớm mặc dù đã không ngủ tối hôm qua. Vợ tôi vẫn còn ngủ say; tôi không muốn đánh thức cô ấy vì tôi muốn cô ấy được an ổn tâm thần cho dù sự việc tồi tệ nhất có diễn ra ngay vào sáng hôm đó. Con đường phía trước nhà mẹ tôi đã ồn ào mặc dù lệnh giới nghiêm vẫn đang còn hiệu lực. Dân chúng đi lui tới rất vô trật tự; xe gắn máy bóp còi inh ỏi.

Tôi biết sẽ có điều gì đó diễn ra vì đêm qua tôi đã nghe nói đến việc mất nước trên những đài phát thanh. Tôi quả thật không hiểu tại sao những cái gọi là cơ quan ngôn luận của thế giới tự do lại thường xuyên có những thông tin có lợi cho đối phương như vậy. Cuộc tàn sát ở Mỹ Lai và hình ảnh của ông Nguyễn Ngọc Loan, chỉ huy trưởng Cảnh Sát Việt Nam, bắn một tên VC trong Tết Mậu Thân được đăng tải trên nhiều báo

chí và tập san, nhưng tôi chưa hề thấy một hình ảnh nào về sự tàn sát ở Huế, Quảng Trị, khi VC tạm chiếm các thành phố này, hay những hình ảnh của trẻ em ở một trường tiểu học ở Cai Lậy bị giết bởi đạn pháo kích của VC. Cuộc chiến tranh được coi là dài nhất và thâm trầm nhất sau cuộc Thế Chiến Thứ Hai thì không thể nào tránh được việc giết chóc những người dân vô tội. Những kế hoạch tuyên truyền của những cơ quan thông tin đã khiến Cộng Sản đạt được sự đúng đắn trong khi cái gọi là Đồng Minh thì lại mất đi sự ủng hộ của quần chúng. Sự thất bại của chủ nghĩa Tư Bản trong chiến tranh Việt Nam không do chính cuộc chiến mà bắt nguồn từ những phong trào phản chiến ở Mỹ và trên thế giới.

Tôi đang chờ đợi sự khủng hoảng của đất nước với niềm tuyệt vọng vô bờ. Dân chúng thì dường như quá quen với chiến tranh nên vẫn sống như thường lệ. Tôi không thể phân biệt được ai là VC ai không vì mọi người đều là người Việt. Đó cũng chính là điều khó khăn cho tôi trong nhiệm vụ hàng ngày. Đôi khi tôi nghĩ sự chấm dứt cuộc chiến này có lẽ sẽ tốt hơn đối với nhân dân tôi cho dù chiến thắng thuộc về phía bên nào. Chúng ta đều là người Việt dù là Cộng Sản hay Tư Bản. Điều tôi hy vọng chính là dân tộc tôi sẽ sống trong hòa bình và giàu có hơn. Một trăm năm trong chủ nghĩa Thực Dân và ba mươi năm chiến tranh đã khiến đất nước tôi trở thành một nước nghèo nàn và tan nát nhất thế giới. Nếu VC có thể đem lại hạnh phúc và ấm no cho toàn dân thì quả thật chiến thắng của họ rất xứng đáng. Đời tôi thì cũng chỉ như một hạt cát trong bãi sa mạc, và nếu tôi có chết đi thì cũng không là gì cả. Ý nghĩ này khiến tôi có một chút an tâm.

Tiệm may của mẹ tôi vẫn mở cửa như thường lệ. Thợ may vẫn đến làm việc, khách hàng vẫn đến và đi như không có chuyện gì xảy ra. Khoảng 10 giờ 30 sáng, tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố trên đài phát thanh việc đầu hàng Cộng Sản một cách vô điều kiện. Ông ta nói rằng *“việc đầu hàng này sẽ tránh việc tắm máu của dân chúng một cách vô ích”*, và ông ta yêu cầu *“quân đội Việt Nam Cộng Hòa hãy buông vũ khí trong trật tự và chờ đợi tại chỗ để bàn giao cho VC.”*

Tôi nghe nhiều tiếng súng nổ vài nơi nào đó rất gần. Mặc dù đã có lệnh ngưng bắn, vài chiến binh nhảy dù gác ở Viện Ung Thư gần nhà mẹ tôi đã nổ súng vào các đơn vị VC và rồi tự sát. Vài cuộc đụng độ lẻ tẻ vẫn xảy ra ở Bà Quẹo, gần trại Hoàng Hoa Thám của quân Nhảy dù. Những chiến sĩ tuyệt vọng và không có cấp chỉ huy đã tự động gây nên những cuộc đụng độ cuối cùng trước khi tự sát. Họ là những người cuối cùng ngã xuống cho đất nước. Tôi không biết họ có phải là những vị anh hùng hay không, nhưng tôi rất ngưỡng mộ những hành động đó. Tôi đã không đủ can đảm để làm việc ấy mặc dù tôi cũng đã suy tính việc này rồi khi tôi mang súng về nhà. Quả là rất khó có thể quyết định tự chấm dứt cuộc đời mình ngay cả trong hoàn cảnh hoàn toàn tuyệt vọng đi nữa.

Tiếng súng đã thưa dần. Đường phố càng lúc càng trở nên náo nhiệt; tôi không thấy một VC nào ngoài những đứa trẻ cầm súng M16 và mang băng vải đỏ trên tay áo ngồi trên những chiếc xe đủ loại từ xe nhà binh đến xe dân sự lấy được từ những người di tản. Dân chúng gọi họ là những *“nhà cách mạng ba mươi”* có nghĩa là những người lợi dụng thời cơ để trở thành những nhà cách mạng ngay trong ngày 30 tháng 4 năm 1975. Họ từng là những học sinh, sinh viên, hay những nhân dân tự vệ trong vùng. Những người lính Nam Việt Nam thì trở về nhà trong bộ đồ lót: binh phục và vũ khí của họ đã bỏ lại nơi nào đó trong đường phố. Lời kêu gọi của tướng Nguyễn Hữu Hạnh trên đài phát thanh Sài Gòn yêu cầu binh sĩ và sĩ quan ở lại vị trí để bàn giao

cho VC đã không có hiệu lực; mọi người đều cố tìm đường thoát thân hay trở về nhà. Những người di tản thất bại đang vội vã quay về lại nhà. Dân chúng đứng trước cửa nhà để cố xem coi VC ra thế nào trong lần đầu tiên trong cuộc đời của họ! Tất cả những điều này đã tạo nên một quan cảnh rất khôi hài.

Mọi người đều có những suy nghĩ rất khác nhau. Binh sĩ và sĩ quan Nam Việt Nam thì lo lắng về số phận của họ; những người giàu có thì lo cho của cải của họ, và dân nghèo thì lại chờ đợi sự thay đổi số phận của họ theo như Cộng Sản hứa hẹn. Những sự lo lắng cộng với mong chờ đã tạo nên một sự kỳ lạ chưa từng thấy trong đời tôi.

Vào Tết Mậu Thân, dân chúng đã vội vàng di tản ngay khi nghe VC đến. Giờ này đây, họ không còn biết chạy đi đâu vì VC đã chiếm toàn bộ đất nước rồi! Số phận của họ không còn nằm trong tay của chính họ nữa. Họ phải chờ đợi điều gì đó đến với họ. Đài Phát Thanh Hà Nội ra lệnh các đơn vị VC không được đụng đến một cây kim hay sợi chỉ của dân chúng, nhưng vài người thì nói đùa rằng VC thích lấy những cái quý giá hơn là những cây kim hay sợi chỉ. Vài người khác còn đùa rằng kể từ đây họ không còn lo sợ bị VC pháo kích nữa vì Mặt Trận đã giải phóng Sài Gòn! Sự chịu đựng của dân chúng đã quá sức đến nỗi họ có thể đùa ngay cả trong sự tuyệt vọng tột cùng của họ.

Lời kêu gọi của tướng Nguyễn Hữu Hạnh cùng giọng ca của Trịnh Công Sơn trong nhạc phẩm *“Nối Vòng Tay Lớn”* liên tục nhau phát thanh trên đài Sài Gòn. Trịnh Công Sơn, một nhạc sĩ nổi tiếng của Nam Việt Nam, trong những năm 1960 – 1970 đã cùng với nữ ca sĩ Khánh Ly hát những ca khúc phản chiến trong các Đại Học ở Nam Việt Nam để thúc đẩy các phong trào chống chính quyền trong sinh viên. Nhiều lần chúng tôi đã nêu việc này lên cấp trên, nhưng chính quyền không có lý do để đàn áp cho đến khi Trịnh Công Sơn nhập ngũ. Các phong trào ca hát chống chiến tranh và chống chính quyền này vẫn tiếp tục cho đến ngày nay Trịnh Công Sơn ra mặt là một tên Cộng Sản với bản nhạc *“Nối Vòng Tay Lớn”* chào mừng các “đồng chí” của anh ta (*từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay...*). Tôi không biết gì về Nguyễn Hữu Hạnh chỉ vì tôi không trực tiếp ở trong quân đội. Tôi cũng không biết ông ta là Cộng Sản hay chỉ là người Cơ Hội.

Xe cộ, binh phục, và vũ khí bỏ bừa bãi đầy trên đường phố. Trẻ con nghịch đùa với vũ khí và đạn pháo M30, và cũng đã có vài tai nạn xảy ra. Vài người tháo rời những thứ trong xe cộ do những người di tản bỏ lại và lấy đi những gì lấy được. Không còn cảnh sát giữ trật tự đường phố nữa nên xe cộ bị tắc nghẽn và mất trật tự. Vài thanh niên mang băng đỏ đã tự đứng ra làm người chỉ dẫn lưu thông cố duy trì trật tự.

Khoảng trưa, đơn vị VC vào chiếm Đài Phát Thanh Sài Gòn và tuyên bố chấp nhận việc đầu hàng vô điều kiện của tướng Dương Văn Minh, tổng thống cuối cùng của cái gọi là *“Ngụy Quyền Nam Việt Nam”*. Đó là lần đầu tiên tôi nghe danh từ “ngụy quyền” và “ngụy quân”. Cùng lúc đó, Cộng Sản tuyên bố rằng Sài Gòn trở thành thành phố Hồ Chí Minh. Tôi không còn nghe tiếng của Trịnh Công Sơn và Nguyễn Hữu Hạnh đâu nữa. Bài ca *“Sài Gòn Quật Khởi”* đã thay vào đó, và đó cũng là lúc mà dân Sài Gòn lần đầu tiên được nghe một loại nhạc vừa nhanh vừa có âm điệu giống như nhạc Tàu. Sài Gòn đã được tiếp thu bởi cái gọi là *“Ủy Ban Quân Quản Thành Phố”* do tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch.

Vài chiếc xe Molotova, loại xe nhà binh của Liên Xô, bắt đầu thấy xuất hiện trên đường phố chở đầy những bộ đội Bắc Việt trong quân phục xanh với “nón cối” một loại nón

của bộ đội Bắc Việt. Dân chúng đổ ra đường để chào đón những người lính Cộng Sản, những con người còn quá trẻ và quá lạc lõng trong ánh sáng chói lọi của Sài Gòn. Đó là cách mà dân Sài Gòn chuẩn bị cuộc sống của họ với những người Cộng Sản! Những lo lắng của họ đã thành sự thật, và họ đành phải chào đón những người Cộng Sản với niềm vui để che dấu những lo âu đang mang trong lòng. Tôi không thể phân biệt được ai là kẻ có một cảm tình thật sự!

Vẫn còn vài người chở trên xe đạp hay xe gắn máy những hàng hóa lấy được trong những nhà kho bỏ lại chen lẫn với dân chúng đang chào đón những bộ đội chiến thắng. Dân Sài Gòn bắt đầu giảm đi những lo âu khi thấy những bộ đội Bắc Việt rất là luộm thuộm và lạc lõng. Trẻ con bắt đầu quen dần với VC và chúng còn leo lên cả trên những chiếc xe tăng của VC. Trong lúc đó thì đài truyền hình Sài Gòn lại chiếu cảnh một chiếc xe tăng Cộng Sản cày bừa lên cánh cổng mở rộng của dinh Tổng Thống, bắn một cách vô nghĩa vào tòa nhà, và cây cờ của VC đã được kéo lên nóc dinh. Cờ ba màu của mặt trận giải phóng miền Nam treo khắp nơi. Vài tiệm của người Tàu còn treo cả cờ của Trung Cộng nữa.

Cuộc chiến ghê gớm nhất trong hai mươi năm đã chấm dứt một cách dễ dàng; những người chiến thắng thì ngỡ ngàng, và những kẻ thất bại thì vẫn chưa tin vào sự thật! Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, nhưng cái gì đây sẽ tiếp tục sau cuộc chiến? Đối với những sĩ quan của chế độ cũ và đối với bản thân tôi thì dĩ nhiên là đang chờ đợi những cuộc trả thù. Bất cứ điều gì xảy đến, chúng tôi đều phải chấp nhận hết vì chúng tôi đã chiến bại. Cái chết sẽ là điều cuối cùng; tôi nghĩ thế. Nhưng đối với nhân dân nước tôi, đặc biệt là dân Sài Gòn, điều gì sẽ đến với họ đây khi họ là những người đã quen sống với sự tự do? Nền hòa bình mà Cộng Sản mang đến cho đất nước tôi dường như là khó chịu ngay đối với những người dân chưa hề có dính líu gì đến chế độ cũ. Sự đối nghịch giữa những bộ đội miền Bắc và dân Sài Gòn trông quá rõ ràng nhất là về bên ngoài. Những bộ quân phục luộm thuộm với những đôi dép râu của VC quả thật rất khó được chấp nhận bởi dân Sài Gòn, những người đã quen với thời trang.

Không lâu sau khi tiếp thu Sài Gòn, Ủy Ban Quân Quản thành phố Hồ Chí Minh ban hành một số quy định nhằm mục đích làm thay đổi lối sống của Sài Gòn: bất cứ ai còn sống theo lối sống của Mỹ như mở hộp đêm, khu giải trí, hoặc ăn mặc “sặc sỡ” sẽ bị phạt. Nhiều thanh niên nam nữ bị cắt quần ống loe và mái tóc dài. Trên đường phố đã thấy có dấu hiệu của sự thay đổi: chiếc áo dài truyền thống đã biến mất để thay vào đó bằng áo bà ba và quần đen. Bảng khẩu hiệu và bảng hiệu của các cửa hàng cũng đổi màu thành nền đỏ chữ vàng. Bệnh viện Từ Dũ đổi tên thành “*xưởng đẻ*”! Bệnh viện Nguyễn Văn Học thành “*Bệnh Viện Nhân Dân tỉnh Gia Định*”. Danh từ “*nhân dân*” được dùng khắp nơi: Quân Đội Nhân Dân, Công An Nhân Dân, Chính Quyền Nhân Dân, và đặc biệt là “Tòa Án Nhân Dân”. Mọi cái đều là của nhân dân, nhưng Cộng Sản điều khiển hết mọi thứ. Trong mọi văn bản của VC, luôn có tiêu đề:

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam

Độc Lập, Hòa Bình, Trung Lập.

Nhưng không ai tin đây là một quốc gia trung lập ngoại trừ một nước Cộng Sản.

Ngày thứ Năm, 1 tháng Năm 1975 cũng là ngày Lao Động của Cộng Sản Quốc Tế. VC tổ chức một cuộc diễn binh vĩ đại gồm có xe tăng T-54 và PT-76, hỏa tiễn SAM của Sô

Viết và tất cả mọi thứ vũ khí của các nước Cộng Sản. Hàng trăm ngàn người dân Sài Gòn và vùng phụ cận hiếu kỳ đổ xô vào xem.

Tôi đưa vợ tôi đến nhà ba má cô ấy. Đường phố đông đúc. Mặc dù tôi nghe rằng vài tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa đầu hàng, nhưng VC đã tuyên bố rằng chúng đã hoàn tất nhiệm vụ giải phóng đất nước. Cuộc diễu hành được tổ chức ở Sài Gòn, trước dinh Tổng Thống cũ chính là để ăn mừng chiến thắng của họ. Đường phố được trang hoàng bởi rừng cờ và biểu ngữ màu đỏ chói, màu của máu. Tôi nhìn thấy những biểu ngữ như: *“Không có gì quý hơn Độc Lập, Tự Do”*, *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi”*. Hầu hết những khẩu hiệu đều mang tên tác giả là Hồ Chí Minh. Tôi không biết những cái đó có đúng không, nhưng có một khẩu hiệu đã khiến tôi buồn cười. Khẩu hiệu đó cũng nói rằng do Hồ Chí Minh là tác giả: *“Kế hoạch mười năm là trồng cây, kế hoạch trăm năm là trồng người”*. Tôi đã biết câu nói này là của Quân Di Ngô, một chiến lược gia thời Đông Chu, vào thế kỷ thứ 5 trước Thiên Chúa giáng sinh.

Hình của Hồ Chí Minh treo cùng khắp nơi với câu: *“Chủ Tịch Hồ Chí Minh Vĩ Đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”*. Hồ đã từng là người Cộng Sản đầu tiên của Việt Nam và là một người Cộng Sản Quốc tế ở Liên Xô, Hồ đã chết vào năm 1969 sau khi thất bại trong việc mưu toan thôn tính miền Nam vào Tết Mậu Thân. Vào lúc này thì người dân miền Nam đã nhận thức được điều mà họ đã từng nghe nói về *“Bác và Đảng”*. Ở miền Bắc Việt Nam, không có gì ngoài Bác -bác Hồ- và Đảng -đảng Cộng Sản-. Đối với người dân trong chế độ Cộng Sản miền Bắc Việt Nam thì gia đình, tổ quốc, tôn giáo đều không có ý nghĩa gì ngoài Bác và Đảng! Và giờ đây điều đó đã trở thành cái thực tế để nhân dân miền Nam chiêm nghiệm những gì mà họ đã nghe được trước kia. Nghĩ đến điều này, tôi bỗng cảm thấy tội nghiệp cho dân tộc mình.

Bằng cách ban hành những quy định cho nếp sống mới, VC đã loại trừ tự do cá nhân của dân chúng, và bằng cách đóng cửa báo chí, họ đã chấm dứt quyền tự do ngôn luận của người dân. Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?

Đường phố từ nhà tôi đến nhà ba mẹ vợ tôi đã được trang hoàng đỏ chói. Cờ ba màu của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam chen lẫn với cờ đỏ của Bắc Việt và cờ của Cộng Sản Trung Hoa treo trước mọi nhà. Băng biểu ngữ và vài băng hiệu cũng nhuộm màu đỏ. Dân Sài Gòn thích ứng rất nhanh với hoàn cảnh. Nhưng vẫn còn dấu hiệu của những cây cờ ba sọc đỏ của VNCH đã được vẽ lên trước đây. VC chưa đủ thời giờ để xóa hết những thứ này cũng như những khẩu hiệu cũ: *“Đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm”* hoặc *“Đất nước còn là còn tất cả, đất nước mất vào tay Cộng Sản là mất tất cả.”* Những cái ấy dường như là một chứng tích cho dân chúng để họ có cơ hội nhận rõ những hành động của Cộng Sản trong những ngày sắp tới.

Một cuộc chiến tranh tàn bạo đã chấm dứt một cách dễ dàng, nhưng tôi nghĩ vết thương của nó sẽ không dễ gì hàn gắn được. Đối với người dân miền Nam, những người đã quen sống trong tự do, chắc sẽ không dễ gì sống được trong một chế độ độc tài, nhất là dưới chế độ Cộng Sản.

Anh chị vợ tôi, Linh và Lan, đều ở bên nhà ba má vợ tôi. Họ chưa dám ở nhà họ một mình. Linh nói với tôi rằng chúng tôi phải trình diện tại cơ quan vào ngày mai, 2 tháng 5 theo lệnh của ông Lộc, nguyên đặc ủy trưởng. Tôi không biết phải làm sao vì tôi đã

nghe nói rằng người tiếp thu cơ quan là Nguyễn Tá, người đã từng làm việc chung với tôi trong khi tôi còn làm trong ban nội chính. Tá đã trốn vào mật khu khi bị nghi ngờ là VC. Tôi từng đi công tác ở Đà Lạt với Tá khi tôi đang theo dõi những hoạt động của nhóm “Lực Lượng thứ ba”, nhưng tôi nghĩ chắc anh ta chỉ biết bí danh của tôi chứ chưa biết tên thật.

- “Tôi nghĩ chúng ta phải lựa chọn thôi bởi vì không thể nào trốn tránh mãi được. Sinh mạng chúng ta giờ đây giống như con cá nằm trên thớt, chúng ta không còn gì khác hơn là phải đánh cuộc với số mệnh.” Linh nói.

- “Chúng ta thì coi như đã chết rồi từ ngày hôm qua.” Tôi trả lời. “Tôi thì chẳng còn tha thiết đến điều gì nữa cả, tôi sẽ đi vào cơ quan ngày mai với anh để xem tình hình thế nào. Nhưng tôi cảm thấy không yên tâm về vợ tôi với cái bầu của cô ta.”

Chúng tôi nhìn nhau im lặng. Linh và tôi có cùng hoàn cảnh vì chị vợ tôi và vợ tôi đều cùng làm trong cơ quan. Tôi không biết có nên để vợ tôi đi trình diện hay không, nhưng rồi cô ấy không muốn ở nhà để chờ đợi tôi. Vợ tôi cũng muốn được cùng chấp nhận mọi điều xảy ra cho chúng tôi. Thêm vào đó, vợ tôi cũng không thể trốn đi đâu được vì hồ sơ giấy tờ vẫn còn lại trong văn phòng, và VC đã biết mọi điều về chúng tôi.

Phần 2

Trại Cải Tạo Long Thành



Trại K1 Gia Trung

Chương 8 . Cải Tạo

Hầu hết nhân viên của Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo không thể di tản được đều có mặt ở trụ sở trung ương sáng ngày 2 tháng 5 năm 1975 nhưng lại ở ngoài sân thay vì trong văn phòng như mọi ngày. Chúng tôi phải trình diện cho cái gọi là “*Ủy ban Quân Quản*” của “*Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời*”. Mọi người cố giữ vẻ bình tĩnh, nhưng không ai có thể che dấu được sự lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt. Mặc dù rất đông người trong sân, một sự im lặng nặng nề bao phủ khắp nơi. Ai nấy đều thì thầm với nhau dường như sợ rằng lời nói của mình có thể bị người khác nghe được. Không như tôi đã dự đoán, Tuấn, Banh, và hầu hết những người làm việc với tôi như Nhân, Trung, Tâm, Trí, Lâm, Vinh, đều ở lại. Tôi nghĩ họ đều độc thân, hay gần như độc thân, việc leo lên một con tàu nào đó để đi là một việc rất dễ dàng đối với họ. Tuy nhiên, tôi đoán rằng có lẽ họ đều đã quá tin vào kế hoạch di tản chung của Phủ. Một kế hoạch không hoàn chỉnh đã tạo nên một tình trạng bi thảm như thế này đây! Giờ này thì mọi người chỉ còn biết giao tính mạng mình cho sự may rủi mà thôi.

Sau khi đã điền tên vào giấy để trên bàn đặt giữa sân, vợ tôi và tôi đến gặp Linh và Lan, chị vợ tôi cùng chồng chị ấy. Giấy tờ chúng tôi đã tiêu hủy vào tối hôm qua nên không thể nộp cho viên thư ký ngồi ở bàn theo lời yêu cầu của ông ta. Tôi không biết viên thư ký này, nhưng vài người cho chúng tôi biết đó là trung tá Khương, trước đã từng là Chánh sở An Ninh của Phủ. Tôi cũng không rõ ông ta là Việt Cộng hay chỉ là người Cơ Hội! Tôi đi ngang qua Tuấn và Banh; cả hai chỉ nhìn tôi gật đầu không nói lời nào. Tôi không còn nghe tiếng cười của Tuấn và Banh như thường ngày nữa. Chúng tôi chỉ trao nhau những nụ cười chua cay để thay vào đó.

Lần đầu tiên chúng tôi phải ngồi xổm xuống đất để đợi đến phiên mình làm giấy tờ. Long, cựu nhân viên của phòng tuyển mộ gọi tên từng người trong danh sách; chúng tôi tuần tự đến ký tên vào một tờ giấy đặt trên bàn ở gần cổng của phòng y tế, kế bên bãi đậu xe.

Những ngày từ 2 tháng năm đến 14 tháng sáu, tôi nhớ có hai lần tôi phải đến trình diện với những tên VC đã tiếp thu Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo. Lần đầu tiên -tôi không nhớ rõ ngày nào- họ cử hai người mặc thường phục đến nhà mẹ tôi chờ tôi đến một trụ sở cũ của cơ quan ở đường Trần Bình Trọng. Chúng bảo tôi viết lại những gì tôi biết được về khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1972 lúc tôi trà trộn trong sinh viên để tiếp cận với Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn do Huỳnh Tấn Mẫm làm chủ tịch. Họ giữ tôi từ sáng đến sáu giờ chiều mới đưa tôi về nhà. Tôi phải đưa tiền để mua phần ăn trưa. Lần thứ hai, họ gửi thư gọi tôi đến trình diện tại nhà an toàn cũ của ban A17 tại đường Phan Thanh Giản, nơi đây tôi gặp Nguyễn Tá, người đã làm việc chung với tôi khi tôi còn làm ở Ban Z, Ban Công Tác Nội Chính, và cũng là người đã tiếp thu Phủ. Tôi nghĩ lần đó chỉ vài ngày trước khi tôi phải đi trình diện cải tạo. Tôi không phải viết gì lần này. Nguyễn Tá khuyên tôi nên đi trình diện học tập cải tạo theo chỉ thị của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời để được sự khoan hồng của nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa.

Kể từ đó, danh từ “*Cải Tạo*” được nghe nói đến khắp nơi! Cải Tạo Tư Tưởng, Cải Tạo nếp Sống, Cải Tạo Xã Hội, Cải Tạo Kinh Tế, vân vân và vân vân, được loan báo hàng ngày trên đài phát thanh và truyền hình. Binh sĩ Nam Việt Nam trình diện cải tạo và được thả về sau ba ngày. Hạ Sĩ Quan Nam Việt Nam được thả về sau bảy ngày cải tạo,

và rồi sĩ quan từ cấp thiếu úy đến đại úy phải học tập trong 10 ngày. Sĩ quan từ Thiếu Tá trở lên, nhân viên chính quyền từ Trưởng Ty đến Tổng Thống cũng như nhân viên tình báo trung cấp và cao cấp phải trình diện học tập trong một tháng.

Theo thông cáo của Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời, lịch trình trình diện của chúng tôi là từ ngày 13 tháng sáu đến 15 tháng sáu và địa điểm là trường Trung Học Chu Văn An. Chúng tôi phải đóng tiền ăn trong một tháng là mười bốn ngàn đồng cho mỗi người và phải mang theo chăn màn quần áo. Mọi việc diễn tiến rất hợp lý. Cộng Sản chọn trường học để làm địa điểm trình diện cải tạo và quy định thời gian hợp lý cho từng cấp bậc. Mặc dù chúng tôi không tin vào lời nói của Cộng Sản, chúng tôi cũng phải tự trấn an bằng cách hy vọng điều đó là sự thật. Ngoài ra, chúng tôi làm được gì trong hoàn cảnh ấy, và chúng tôi có thể trốn đi đâu bây giờ? Chúng tôi coi như đã chết rồi từ ngày 30 tháng tư.

Ngày 13 tháng sáu nhằm ngày thứ sáu, ngày xui xẻo! Ngày 14 là Tết Đoan Ngọ, mùng 5 tháng năm, cũng là ngày xui đối với người Việt Nam! Chúng tôi quyết định chọn ngày 14 tháng sáu là ngày đầu tiên đi cải tạo với hy vọng rằng hai cái xui sẽ trở thành một cái hên! Tôi chẳng còn tiền để đóng nên đành phải cầm thẻ chiếc nhẫn cưới để có tiền đi cải tạo. Điều này giống như một chuyện đùa, nhưng đó chính là sự thật mà tôi đã trải qua một cách cay đắng.

Trên chuyến xe buýt từ nhà mẹ tôi đến trường Trung Học Chu Văn An, chúng tôi gặp một ông lão, ông ta hỏi chúng tôi đi đâu vậy. Tôi nghĩ rằng ông nhìn thấy đồ đạc công kênh của chúng tôi. Tôi trả lời rằng chúng tôi đi “*học tập cải tạo!*”. Ông ta nhìn chúng tôi cười một cách khó hiểu và chúc chúng tôi may mắn. Lúc đó tôi không hiểu được ý nghĩa nụ cười của ông ta, tôi đoán chắc ông ấy tỏ vẻ thương hại chúng tôi. Không chỉ có hai chúng tôi đi cải tạo mà còn có cả đứa con còn trong bụng vợ tôi nữa!

Trường Trung Học Chu Văn An là trường mà tôi đã theo học vào lớp 12. Đó là năm 1963, năm mà Dương Văn Minh được Mỹ giúp sức để làm cuộc đảo chánh giết Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bắt đầu xáo trộn miền Nam Việt Nam ngõ hầu Mỹ có cơ hội đưa quân vào Việt Nam. Mười hai năm sau, tôi lại trở lại trường xưa, và Dương Văn Minh, người đã vừa giúp đỡ VC chiếm miền Nam, đang ở trong Đại Học Xá Minh Mạng dành cho sĩ quan từ cấp đại tá đến cấp tướng ở kế bên.

Bạn bè và đồng nghiệp của tôi đang đứng phía trước trường. Lan và Linh, vợ chồng chị vợ tôi đã trình diện vào hôm qua sau khi giao hai đứa con trai bốn tuổi và một tuổi cho ông bà ngoại nuôi dùm. Nhìn cái bụng vợ tôi, tôi tự hỏi làm sao cô ấy có thể chịu đựng được một tháng cải tạo cho dù đó là một tháng như họ nói. Nhưng tôi lại nghĩ mỗi người đều có hoàn cảnh khó khăn riêng. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng chúng tôi coi như đã chết từ cái ngày “giải phóng”. Phần còn lại chỉ là một cuộc sống vô vọng; ranh giới giữa cái sống và cái chết chỉ là một danh từ. Trong ý nghĩ đó, chúng tôi bước vào ngày cải tạo đầu tiên của chúng tôi sau khi nói đùa với bạn bè rằng “ai đi sớm sẽ được về sớm.”

Trường Trung Học Chu Văn An nằm đối diện với nhà thờ Ngã Sáu, trên đường Minh Mạng thuộc quận Năm Sài Gòn. Từ trường tôi có thể nhìn thấy trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn trên đường Hồng Bàng nơi tôi thường đến hầu như hàng ngày từ năm 1969 đến năm 1975 trong công tác. Trường có hai dãy nhà hai tầng. Tôi được đưa vào nhà đầu tiên, vợ tôi cũng thế. Từ đó, tôi có thể nhìn thấy quang cảnh trên đường phố

bên ngoài. Vợ tôi vào phòng đầu tiên dành cho phụ nữ, nơi từng là lớp học của tôi mười hai năm trước. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là đời tôi đang diễn ra những sự trùng hợp kỳ lạ. Tôi đứng trên ban-công của trường nhìn về phía nhà thờ nơi tôi từng chơi đùa cùng bạn bè. Bạn tôi vẫn đang ở đây, nhưng họ không phải là những người bạn học cũ của tôi. Một vài người lo lắng quay về nhà; một vài người khác vội vã băng qua đường để vào “trường” sau khi từ giã thân nhân.

Lớp học nơi tôi bước vào hoàn toàn trống rỗng. Mọi vật đã được dời đi nơi khác. Tôi trải chiếc chiếu cói lên sàn nhà nơi được đặt bục giảng của giáo sư trước kia. Chúng tôi chia nhau mỗi người một khoảng trống khoảng vừa một chiếc chiếu. Cái ba-lô biến thành gói nằm và nó đi theo cùng tôi đến lúc tôi trở về mười bảy năm sau. Trong ba-lô, tôi có 1 cái mùng nilon, một cái mền nilon nhà binh, hai quần Jean, hai áo sơ mi, cái bi-đông đựng nước uống, cái áo khoác, một pon-sô nhà binh, mười gói mì ăn liền, một gói cơm sấy, một gói thịt khô, và một gói đựng thuốc gồm Tylenol, Penicillin, thuốc tiêu chảy, Quinine, và một cuộn băng keo. Tôi chuẩn bị cho một cuộc sống trong rừng chứ không phải trong thành phố. Cái mà tôi quên là chiếc võng mà tôi nghĩ có lẽ sẽ rất cần thiết với tôi sau này. Lớp học gợi tôi nhớ đến những người bạn xưa, vài người đã chết trong cuộc chiến, vài người đang ở nơi nào đó bên ngoài kia, một vài người chắc đang ở trong hoàn cảnh giống như tôi bây giờ đây.

Tôi đi qua phòng vợ tôi. Mọi người trong phòng đã giúp vợ tôi có chỗ nằm kế bên chị vợ tôi. Ngọc, Liễu, Ba, những người đàn bà làm chung với vợ tôi trước kia ở phòng tuyển mộ cố an ủi tôi bằng cách hứa sẽ chăm sóc vợ tôi khi cô ấy cần. Tôi rời vợ tôi sau một lúc và đi quanh tìm bạn bè.

Mọi người đang bàn tán về danh từ “*cải tạo*” của Cộng Sản, nhưng không ai dám nhìn nhận sự thật rằng cải tạo không gì khác hơn là trả thù. Danh từ “*tẩy nã*” và quyền sách “*Trại Đầm Đum*” được viết bởi một nhà văn ở miền Nam là những gì mà tôi được biết về sự cải tạo của Cộng Sản, nhưng sự thật về cái gọi là “Cải Tạo” vẫn còn là một điều bí mật đối với tôi. Chúng tôi đã được biết ít nhiều về việc cải tạo các “Cosack” ở Liên Xô sau khi Cộng Sản cầm quyền ở đây, các Cosack được đưa đi Siberia để cải tạo và chết ở đây. Sau khi chiếm Trung Quốc, Cộng Sản đã đưa hàng trăm ngàn người Trung Hoa Quốc Gia đi Tân Cương để cải tạo và chết ở đó. Nhưng chúng tôi không biết gì về số phận các người Việt Nam sau khi Hồ Chí Minh chiếm miền Bắc. Họ đã bị giết chết hay vẫn còn trong các trại tập trung ở miền Bắc Việt Nam? Những người Cộng Sản Việt Nam đối xử thế nào với kẻ thù của họ?

Tôi không nghĩ Cộng Sản Việt Nam sẽ làm một cuộc thảm sát giống như Hitler đã làm ở các lò sát sinh vì chúng không muốn làm mục tiêu cho công luận, nhưng giết lẫn mồn là điều mà họ có thể thực hiện mà không sợ ai phản đối. Đi vào trại, chúng tôi phải chấp nhận mọi điều xảy ra ngay cả điều xấu nhất, đó là cái chết.

“Tẩy Nã” và “Cải Tạo” có lẽ là hai từ rất tương đương nhau! Cộng Sản “*tẩy nã*” kẻ thù của họ như thế nào? Cải tạo tư tưởng là từ mà Cộng Sản dùng rất nhiều trong những ngày đầu “*giải phóng*”. Chúng bảo rằng nhân dân miền Nam đã từng sống một thời gian dài với Đế Quốc Mỹ và Ngụy Quyền Nam Việt Nam cần phải được cải tạo tư tưởng để thích hợp với xã hội mới: *Xã Hội Xã Hội Chủ Nghĩa*!

Nhưng cải tạo như thế nào vẫn là một điều khó hiểu. Mỗi nơi có một cách để cải tạo. Những thanh niên bị cắt quần ống loe, phụ nữ không được mặc áo dài và không

được trang điểm, cái gọi là “nhạc vàng” bị cấm triệt để, sách vở xuất bản ở miền Nam Việt Nam bị coi là “phản động và đồi trụy” và bị thiêu huỷ, dân chúng phải lao động và thu nhập tuỳ theo công sức mà họ đóng góp, vân vân và vân vân. Đó là những điều mà Cộng Sản gọi là cải tạo xã hội. Nhân viên của chế độ cũ phải được học tập những điều gọi là “tội ác” của Đế quốc Mỹ và Ngụy quyền cùng chiến thắng của cách mạng và của Xã Hội Chủ Nghĩa. Đó là những điều mà Cộng Sản gọi là cải tạo tư tưởng để thích hợp với xã hội mới. Mặc dù chúng tôi không tin đơn giản như vậy, nhưng chúng tôi lại hy vọng mọi việc sẽ không đến nỗi quá tồi tệ. Điều đó cũng rất tự nhiên đối với một con người khi lâm vào cảnh khốn cùng thì luôn mong mọi một điều gì đó khá hơn để mà tự an ủi mình. Chúng tôi không thể đi đâu được, không thể trốn tránh được, chúng tôi đành phải đặt số phận mình vào tay kẻ thù, đi vào trại cải tạo và chờ đợi mọi điều có thể xảy ra với chúng tôi.

Chương 9. Điều Vô Lý

Vài chiếc xe van mang tên của những nhà hàng ăn ở Sài Gòn như “Bách Hỷ”, “Đại La Thiên”, “Đồng Khánh”, “Mandarin”, tiến vào trường. Nam nữ tiếp viên mặc đồng phục trắng xếp thức ăn lên bàn đặt trong sân trước trường gần cổng chính, và rồi từ chiếc loa phóng thanh treo ở dãy nhà đầu tiên vang lên lời mời “*trại viên*” đi ăn cơm chiều! Những “*trại viên*” vào ngày hôm qua đi đến bàn ăn một cách tự nhiên, nhưng những “*trại viên*” mới vào đi theo một cách lúng túng. Tôi cùng vài người trong đội đi đến bàn ăn của nhà hàng “Bách Hỷ”, lấy một ít thức ăn vào chén rồi đến ngồi ăn chung với vợ tôi. Chị vợ tôi nói rằng ngày hôm qua “*họ*” giải thích phần ăn ấy là tiền của chúng ta đóng góp. Họ chưa có nhà bếp nên phải mua từ những nhà hàng đến phục vụ chúng ta. Lời giải thích rất hợp lý, nhưng nhìn những bộ đội của họ đang canh gác quanh trường ăn cơm với rau muống và nước mắm trong những mâm nhôm, chúng tôi cảm thấy nghi ngờ! Chúng đang làm gì đây? Thật là một điều vô lý! Có phải đó là một cách để che mắt nhân dân Sài Gòn, và đối với những phóng viên ngoại quốc ngoài kia có lẽ đó là cơ hội tốt để loan truyền về chính sách nhân đạo của Cộng Sản!

Sau khi cuộc chiến Việt Nam chấm dứt, phóng viên ngoại quốc vẫn tiếp tục quan sát và sẵn tin về những gì đang xảy ra sau cái gọi là “*giải phóng*” của Cộng Sản Việt Nam. Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến lớn nhất sau Thế Chiến thứ hai, do đó Cộng Sản luôn tạo cơ hội tuyên truyền khắp thế giới cũng như họ đã làm như thế trong chiến tranh. Phóng viên ngoại quốc luôn luôn là phương tiện cho họ thực hiện chiến lược này. Ai có thể biết được những gì xảy ra bên sau bức màn sắt? Tôi không tin họ đối xử với chúng tôi như vậy mà không có mục đích gì. Cộng Sản luôn luôn dùng một hành động này để che dấu một hành động khác. Điều gì sẽ xảy ra cho chúng tôi sau khi họ đạt được mục tiêu tuyên truyền về chính sách nhân đạo của họ đối với kẻ thù? Tất cả chúng tôi đang chờ đợi những điều sắp xảy ra.

Chương 10. Chuyển Di Chuyển Đầu Tiên

Khoảng sáu giờ chiều, tôi đang ngồi với vợ tôi thì có người vào gọi vợ tôi rồi trường Chu Văn An để ra về với lý do là cô ấy sắp đến ngày sinh. Cô ấy đang có mang ở tháng thứ chín. Tôi nghĩ điều này sẽ tốt hơn cho vợ tôi vì cô ấy sẽ không phải sinh con trong trại, nhưng tôi lại không biết cô ấy sẽ ra sao đây khi không có tôi bên cạnh. Tôi xách túi xách và tiễn vợ tôi ra công với lời an ủi rằng hy vọng rồi đây chúng tôi sẽ gặp lại nhau sau 1 tháng. Tôi nhìn theo vợ tôi bước lên chiếc xích lô đạp rồi quay trở vào trường với

một nỗi buồn mang mác. Tôi sẽ không thể gặp được con tôi khi nó chào đời! Tôi sẽ không có dịp để săn sóc vợ tôi, cô bé mỏng manh của tôi, khi cô ấy sinh nở! Nhưng tôi cảm thấy như vậy là tốt hơn là vợ tôi phải chịu đựng sự đau đớn trong trại.

Mọi người ngóng theo tôi khi tôi đưa vợ tôi ra về và rồi quay lại vào trong trường. Có vài người đến chúc mừng vợ tôi đồng thời an ủi tôi vài lời, sau đó chúng tôi ngồi bàn tán về tương lai chúng tôi sau khi “họ” thả vợ tôi ra về. Trường Chu Văn An nằm cạnh bên nhà bảo sanh Hồng Bàng; nếu chúng tôi còn tiếp tục ở đây để cải tạo thì rất thuận tiện cho vợ tôi một khi cô ấy sinh đẻ. Không ai bảo ai, chúng tôi đều chuẩn bị sẵn sàng cho một sự di chuyển.

Sáu chiếc xe buýt tiến vào trường vào khoảng 7 giờ chiều. Chúng tôi được báo cho biết rằng chúng tôi sẽ được chuyển đến một trại cải tạo để có điều kiện thuận tiện hơn cho chúng tôi học tập một cuộc sống trong một chế độ mới. Chúng tôi đã đoán điều này sẽ phải đến, nhưng lại không biết chúng tôi sẽ bị đưa đi đâu đây: một khu rừng sâu, một hải đảo như Phú Quốc hay Côn Nôn nơi đã từng là trại giam những can phạm chính trị hay trọng tội. Chúng tôi đang thảo luận về chuyển di chuyển vì hầu như mọi người đều đã sẵn sàng sau khi thấy vợ tôi rời trường.

Khoảng 8 giờ, hai người mặc thường phục đội nón cối tự xưng là “Anh Bảy” và “Anh Tư” vào gọi tên chúng tôi xếp theo thứ tự từng đội từ đội 1 đến đội 6 và cho chúng tôi biết rằng chúng tôi sẽ được chuyển đến một trại cải tạo, nhưng không ai dám hỏi chúng tôi sẽ đi đâu. Mọi việc xong xuôi vào khoảng 9 giờ, nhưng chúng tôi phải đợi đến nửa đêm. Những chiếc xe buýt vẫn đậu trong bóng tối ở sân trước trường. Không ai ngủ được cho dù chúng tôi đã phải trải qua một ngày căng thẳng mệt mỏi. Mọi người thì thầm với nhau dường như sợ rằng người khác có thể nghe được lời đối thoại của mình, nhưng trong sự yên lặng ấy thì ngay cả tiếng muỗi bay cũng có thể nghe rõ mồn một. Mọi người đều lo lắng về nơi sẽ đến và điều gì rồi sẽ xảy ra ở trại cải tạo ấy.

Đèn trong sân trường đột nhiên bật sáng. Mọi người dường như đang đợi chờ giây phút ấy nên đứng ngay dậy và hướng mắt ra sân trường. Vài người mang đồ đạc của họ tiến ra ban công. Giọng của “Anh Bảy” và “Anh Tư” vang lên gọi trại viên đi đến xe buýt thuộc đội mình. Tôi leo lên chiếc xe thứ ba dành cho đội ba rồi ngồi đợi. Tôi chẳng còn gì để lo lắng nữa cả vì tôi biết rằng nếu có điều gì xảy ra thì tôi chỉ chịu một mình tôi mà thôi. Ít ra tôi không còn lo cho vợ tôi và đứa con chưa ra đời của tôi nữa.

Đoàn xe rời trường vào khoảng 2 giờ sáng về hướng ngã tư Bảy Hiền. Thành phố rất im lặng. Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ đến Tây Ninh hay vào chiến khu D của Việt Cộng, nhưng đến Bảy Hiền, đoàn xe lại đi thẳng rồi sau đó quẹo phải vào xa lộ “Đại Hàn”. Tiếp theo đoàn xe lại quẹo trái vào xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa. Tôi không hiểu sao “họ” không đi thẳng đường Phan Thanh Giản để vào xa lộ mà lại phải đi theo một lộ trình xa xôi như thế. Có lẽ “họ” muốn đánh lạc hướng chúng tôi. Đoàn xe cuối cùng tiến vào nơi gọi là “Làng Cô Nhi Long Thành” vào khoảng 7 giờ sáng. Phải mất năm tiếng đồng hồ để di chuyển một lộ trình khoảng ba chục dặm chỉ để dấu một địa điểm mà chúng tôi đã biết từ lâu.

Chương 11. Trại Cải Tạo Long Thành

Làng Cô Nhi Long Thành đã có một lịch sử mà hầu hết chúng tôi đều biết đến. Từ 1968 đến 1971, một tên Việt Cộng tên là Tư Sự núp dưới lớp áo tăng lữ Phật Giáo đã sáng lập và điều hành cái gọi là “Làng Cô Nhi”. Hắn ta dùng cô nhi để quyền tiền cho VC. Hắn cùng đồng bọn chứa vũ khí để chống lại bất cứ ai có ý định xâm nhập vào làng. Trong giai đoạn này, chính quyền Nam Việt Nam đã rất khó khăn để giải quyết tình hình. Nếu tấn công vào “Làng” thì có nghĩa là chính quyền đã tấn công trẻ con. Nếu không thì càng lúc càng nguy hiểm cho chính quyền.

Có một lần tôi đã đến Làng Cô Nhi dưới danh nghĩa của phóng viên cho nhật báo “The Saigon Post”. Trẻ con đầu trọc chân đất phải làm việc trên cánh đồng dưới nắng nóng của mặt trời, và chúng chỉ được ăn chay vào mỗi bữa ăn trưa theo như quy định của tăng lữ Phật Giáo. Cùng đi với chúng tôi còn có nhóm người trong “thành phần thứ ba”. Tôi đã rất bức tức khi nhìn thấy trẻ con phải đứng dưới trời nắng nóng để đón chào những kẻ mang danh nghĩa “lãnh tụ” của cái gọi là “Lực Lượng Thứ Ba” này! Chúng dùng trẻ mồ côi để thu thập tiền bạc từ nhiều nguồn cung cấp mà nhất là từ những hội từ thiện Mỹ, và trẻ con lại là cái lá chắn cho chúng nữa.

Sau đó, chính quyền Sài Gòn đã phải dùng quân đội và cảnh sát để tấn công vào chiếm lấy Làng, giải cứu trẻ em; “Làng Cô Nhi” đã trở thành trại cho “Nạn Nhân chiến cuộc Bình Long”. Một lần nữa tôi đã có dịp đến đây để trao quà cho các nạn nhân chiến cuộc dưới danh nghĩa của “Đoàn Sinh Viên Khoa Học Cứu trợ Đồng bào chiến nạn”. Tổ chức này chính là tiền thân của Ban Đại Diện Sinh Viên Khoa Học mà tôi đã thành lập đầu tiên ở trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn.

Trại Cải Tạo Long Thành nằm trên đỉnh của một ngọn đồi sát bên quốc lộ Số 1. Không có cái bảng nào để cho biết đó là trại cải tạo ngoài một bảng kẻ khẩu hiệu “*Không có gì quý hơn Độc Lập, Tự Do*” mà chúng ta thường thấy khắp nơi sau ngày 30 tháng tư năm 1975. Đoàn xe ngừng lại ở giữa con đường chính của trại. Đó là con đường đất sét đỏ rộng khoảng năm mét và dài khoảng tám trăm mét nối từ cổng vào đến căn nhà cuối của trại. Vì trại nằm trên đỉnh đồi nên không có cái giếng nào cả. Nước được chuyển đến bằng xe bồn. Khi chúng tôi đến đã thấy nhiều người cầm can xếp hàng phía sau chiếc xe bồn. Họ vẫy tay chào chúng tôi dường như chào đón những người mới đến.

Hai bên con đường chính là mười căn nhà trệt, mỗi bên năm cái, một căn nhà khác nằm cuối đường và một cái nữa nằm cạnh cổng trại. Mỗi căn nhà chia ra làm hai phòng giam, mỗi phòng chứa khoảng 100 trại viên thuộc 2 đội. Mỗi phòng có bốn khung cửa cái và tám khung cửa sổ không có cánh cửa. “Họ” chia trại viên ra thành 4 khối: Khối 1 gồm những người từng làm việc trong chính quyền Nam Việt Nam từ Trưởng Ty đến Tổng Thống. Khối 2 gồm những người mà họ gọi là “Đảng Phái Phản Động” (tất cả các đảng phái chính trị ở miền Nam Việt Nam) với chức vụ từ Thư Ký đến Chủ tịch Đảng. Khối 3 gồm những người làm cho cơ quan tình báo từ trung cấp đến cao cấp. Khối 4 gồm những sĩ quan cảnh sát từ Thiếu Tá đến cấp Tướng. Năm căn nhà phía bên phải con đường dành cho khối 1; phía bên trái thì hai căn nhà đầu tiên dành cho khối 4, ba cái còn lại là của khối 3, căn nhà cuối đường dành cho trại viên nữ, và căn nhà gần cổng là của khối 2. Còn một kiến trúc khác được dùng làm hội trường để họp tất cả trại viên.

Khoảng 50 trại viên trong mỗi đội được chia làm 4 tổ. Mỗi tổ phải nằm thành hai hàng trong phòng, do đó có tất cả 4 hàng trong mỗi phòng giam: 2 hàng cạnh tường và 2 hàng ở giữa phòng. Những trại viên nằm cạnh tường quay đầu về phía tường, còn những trại viên nằm hàng giữa thì nằm đối đầu nhau. Khoảng trống giữa hàng giữa và hàng cạnh tường dùng làm lối đi chuyên.

Còn hai phòng nhỏ ở hai đầu nhà nơi từng là phòng ăn cho cô nhi nay trở thành phòng họp cho cán bộ cùng các đội trưởng, phòng chứa dụng cụ lao động cho trại viên.

Đầu tiên, trại không có hàng rào để ngăn khu hay khối. Đầu năm 1976, “họ” bắt đầu xây tường gạch xi măng để rào quanh trại và chia cách từng hai nhà một, tường rào ngăn giữa đường chính với từng khu, và tường ngăn cách riêng biệt khu nữ. Cùng lúc đó, trại đóng giếng và bơm nước vào từng khu thay vì cung cấp nước bằng xe bồn. Trại Long Thành càng lúc càng được củng cố.

Chương 12. Ngày Đầu Trong Trại Cải Tạo Đầu Tiên

Tôi thuộc tổ 2, đội 3 trong khối 3, do đó tôi phải vào phòng đầu tiên trong nhà thứ tư phía bên trái của con đường. Chẳng có gì trong phòng ấy nên tôi phải trải chiếc chiếu cói trên nền xi măng ở giữa phòng để có chỗ ngủ và sinh hoạt.

Việc đầu tiên tôi phải giải quyết là làm thế nào có nước để dùng! Tôi không có gì đựng nước, do đó tôi phải tìm cho được cái gì đó để đựng nước uống và rửa ráy. Tôi đi lùng xung quanh trại và tìm được một tấm tôn từng để lợp mái cho nhà ở của nạn nhân chiến cuộc vào năm 1972. Tôi không biết làm thế nào để làm cái thùng đựng nước bằng tấm tôn này, do đó tôi đã uốn hai đầu lại giống như xếp tờ giấy sau đó xếp hai đầu còn lại biến nó thành một cái thùng chứa hình hộp vuông. Cái thùng đầu tiên này không thể đựng nước được vì nó rò rỉ khắp nơi. Tôi quyết định đi lùng một lần nữa để tìm ra cái gì đó để hàn nó lại. Lần này, tôi nhặt được một cái nón sắt, một tấm giấy hắt ín, vài cây đinh, và vài cây gỗ 5×10 phân. Tôi đốt tấm giấy để lấy hắc ín hàn mấy cái lỗ ở đáy thùng, và rồi tôi đóng hai thanh gỗ vào 2 bên thùng để giữ thành thùng và cũng để khiêng nó. Tôi đã có một cái thùng đựng nước, nhưng rồi tôi lại không thể khiêng nó một mình tôi được. Tôi nói với Diệp khiêng dùm phụ và chia nước để dùng chung. Chiều hôm ấy, chúng tôi đã được một thùng đầy nước, nhưng chúng tôi quyết định chỉ sử dụng nước khi thật cần thiết mà thôi. Lúc ấy là cuối tháng 6, trời bắt đầu mưa. Chúng tôi làm thêm 2 cái thùng nữa theo cách ấy để đựng nước. Sau kinh nghiệm đầu tiên, chúng tôi làm một cách tốt hơn. Vài tuần sau, tôi có thể làm được cả cái thùng tròn từ tấm tôn.

Điều khó khăn gặp phải là chẳng có cái nhà vệ sinh nào trong phòng. Tôi đi quanh trại để tìm xem có nhà cầu nào không, nhưng quả thật không có cái nào cả. Chung quanh trại chỉ có một hàng rào thưa bằng kẽm gai, tôi nghĩ tôi có thể chui qua một cách dễ dàng. Chỉ có một cái trạm gác ở cổng trước. Tôi nghĩ chỉ có một cách giải quyết là tìm một cái xềng hay cái cuốc rồi chui qua hàng rào, không phải để trốn trại mà là chỉ để “ia” mà thôi! Như tôi đã nói, trại là làng cô nhi trước đây, do đó tìm một cái cuốc hay xềng không phải là việc khó khăn. Đó là bài học đầu tiên mà tôi học được của cái gọi là “*nếp sống văn hóa mới*” của “cách mạng”.

Và rồi tôi lại tự hỏi tôi tắm ở đâu bây giờ? Tôi lại chưa quen tắm ngoài trời, vả lại còn có đàn bà con gái trong trại nữa! Tôi đi đến một cái lều tôn bỏ hoang nơi từng là nhà tạm trú cho nạn nhân chiến cuộc, nhưng có nhiều trại viên nữ đang chờ đợi ở đây. Tôi đành phải bỏ ra về để tắm ngoài trời với chiếc quần đùi vậy! Tôi nghĩ rằng để sống được trong trại, tôi cần phải nhanh chóng thích ứng với mọi tình huống! Và đó cũng là bài học thứ hai mà tôi đã học được trong ngày đầu tiên trong trại cải tạo.

Có tiếng gọi trại viên đi đến nhà bếp để lãnh phần ăn chiều. Tôi phải đi vì là phiên mình có nhiệm vụ lãnh thức ăn cho tổ, do đó tôi xếp hàng đi theo các trại viên khác để đi đến nhà bếp. Nhà bếp là một dãy lều dài khoảng năm mươi thước rộng khoảng sáu thước gồm những hàng cột và mái lợp tôn. Hai dãy lò bằng đất sét với sáu lò nằm dọc theo chiều dài: một dãy lò để nấu cơm và dãy kia để nấu thức ăn và nước uống. Trên mỗi lò có một cái chảo to, và tôi trông thấy vài người nấu bếp đang quậy cơm và thức ăn bằng những cái xẽng. Vài người cho biết rằng những đầu bếp này là người làm cho nhà thầu, nhưng tôi lại nghĩ có thể họ là tai mắt của VC. Trong một trại mà hầu hết là những người đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong chế độ cũ, tôi nghĩ VC không thể không lợi dụng cơ hội để len lỏi vào thu lượm những tin tức cần thiết cho chúng.

Tôi nhận được một sô cơm và anh bạn cùng nhóm nhận một thau canh bí đỏ nấu với đậu phộng. Việc tiếp theo mà tôi phải làm khi đem cơm về đến nơi là làm sao để chia đều ra cho mười hai anh em trong tổ. Tôi yêu cầu mọi người trong tổ để đồ đựng cơm và thức ăn riêng rẽ ra chung quanh sô cơm, và tôi dùng cái ca quân đội của tôi để đong cơm cho mỗi người. Người bạn cùng nhóm của tôi cũng làm như vậy với phần canh. Đó là lần đầu tiên chúng tôi chia phần cho bữa ăn chiều.

Phần cơm mà tôi nhận được trong bữa ăn đầu tiên này là một loại cơm nấu bằng gạo lúc đỏ lẫn đầy thóc, nó thường được dùng để làm thức ăn cho gia súc. Phần canh thì lỏng bông vài lát bí đỏ và mấy hột đậu phộng nấu trong nước nêm một ít muối cùng vài lát hành xanh. Tôi đã phải ngồi nhặt thóc lẫn trong cơm trước khi ăn để tránh khỏi bị đau dạ dày.

Ngày đầu tiên trong trại cải tạo trôi qua khi chúng tôi nghe tiếng keng đánh dội vào từ khu cơ quan. Đó là tiếng đập của chiếc búa nện vào một cái vỏ bom treo trên cành cây. Kể từ đó, tôi đã phải tập để quen dần với tiếng keng nghe khắp mọi nơi: tiếng keng báo thức, keng báo giờ lao động, giờ giải lao, vân vân... Sống trong trại cải tạo không là gì khác hơn là làm những việc mà “cái keng” và cái gọi là “cán bộ” bảo chúng tôi phải làm, và đó cũng là bài học thứ ba mà tôi đã học được trong ngày đầu tiên trong trại cải tạo đầu tiên.

Mọi người đã treo mừng, nhưng những tiếng thì thầm vẫn còn nghe một vài nơi trong phòng giam. Tôi nghĩ mọi người đều có những câu chuyện riêng muốn chia sẻ với bạn bè, nhưng trong hoàn cảnh này thì có gì hơn là nói về số phận của chúng tôi sẽ ra thế nào đây trong những ngày tháng sắp tới. Tôi đã thiếp đi trong một giấc ngủ mệt nhọc sau khi suy nghĩ về vợ tôi cùng với đứa con chưa ra đời.

Chương 13. Mười Bài Học Tập Của Cộng Sản

Những tiếng keng báo thức vang dội khắp nơi trên khu đồi. Mọi người đều bật dậy khi một “cán bộ” tên là Bảy vào phòng giam để báo cho trại viên biết rằng họ phải lên hội trường khi nghe một hồi keng báo hiệu sau buổi ăn sáng. Hắn ta bảo rằng đó là buổi lên lớp đầu tiên. Tôi thức dậy súc miệng và rửa mặt để chờ buổi ăn sáng. Một xô cháo lỏng với một ít muối được người trực mang về và chia cho mọi người. Vì quá đói, tôi ăn một cách ngon lành buổi ăn sáng đó, uống một ngụm nước và chờ giờ đi “lên lớp”.

Tiếng keng chưa đánh mà đã có nhiều trại viên đã sắp hàng sẵn trên đường. Vài đội ở khối 1 đã đi lên hội trường ngay sau khi nghe tiếng keng vì họ ở gần nhà bếp nên họ đã có phần ăn sáng sớm hơn mọi người khác. Trại viên ngồi đầy trong hội trường khi chúng tôi đi vào. Hội trường là khu dạy nghề cho trẻ cô nhi khi trại là Làng Cô Nhi. Nó dài khoảng một trăm mét ngang khoảng 40 mét. Chẳng có gì trong ấy ngoại trừ một cái bàn và vài chiếc ghế ở cuối hội trường, một lá cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và tấm ảnh của Hồ Chí Minh treo trên tường với hàng chữ “*Chủ Tịch Hồ Chí Minh Vĩ Đại Sống Mãi Trong Sự Nghiệp Của Chúng Ta*” ở phía dưới. Trên bức tường phía bên trái là băng khẩu hiệu: “*Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do*”, và khẩu hiệu “*Nước Việt Nam là một, Dân Tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi*” được treo trên bức tường bên phải của hội trường.

Chúng tôi ngồi vào chỗ trong hội trường bằng cách bỏ dép của mình ra và ngồi lên ấy! Vài “cán bộ” mặc thường phục đội nón cối màu xanh đi vào hội trường ngồi vào ghế cạnh chiếc bàn. Một cán bộ đứng lên giới thiệu “đồng chí” Hai Côn là trưởng trại sẽ có đôi lời với trại viên. Hắn ta bảo chúng tôi phải đứng lên và bỏ mũ nón để chào mừng Hai Côn. Hai Côn khoảng năm mươi tuổi, ốm và xanh, cao khoảng một mét sáu mươi lăm. Giọng của ông ta cao hòa với tiếng hú của chiếc loa. Trong lời nói chuyện, Hai Côn bảo rằng “Đảng và Nhà Nước” đã khoan hồng tha tội chết cho chúng tôi, do đó chúng tôi phải được cải tạo để trở thành người dân lương thiện. Để bắt đầu cho chương trình cải tạo, chúng tôi phải học mười bài về lịch sử Việt Nam mà điểm chính là lịch sử của “cuộc cách mạng” của những người Cộng Sản. Dân tộc Việt Nam anh hùng đã đánh thắng ba tên đế quốc lớn nhất thế giới: Thực Dân Pháp, Phát Xít Nhật, và đặc biệt là Đế Quốc Mỹ. Đế Quốc Mỹ là tên sen đầm quốc tế, là tên đứng đầu của chủ nghĩa Tư Bản, và Chủ Nghĩa Tư Bản là con đĩa có hai vôi: một vôi để hút máu nhân dân trong nước của chúng và vôi kia là để hút máu dân tộc các thuộc địa. Chủ nghĩa Tư Bản đang dậy chết và “*Ba dòng thác Cách Mạng*” đang mạnh mẽ hơn lúc nào hết. Cái gọi là “*Ba dòng thác Cách Mạng*” theo Hai Côn là cuộc cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa, cuộc cách mạng Dân Chủ, và cuộc cách mạng Xã Hội Chủ Nghĩa. Dân tộc Việt Nam sau khi đánh thắng Đế Quốc Mỹ đã hoàn tất cuộc cách mạng giải phóng; nhiệm vụ tiếp theo là hoàn thành cuộc cách mạng Dân Chủ và tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội. Hai Côn nói thêm rằng, “*yêu nước tức là yêu Chủ Nghĩa Xã Hội!*” (Tôi hoàn toàn kinh ngạc về cái định nghĩa này!)

Tiếng vỗ tay của chúng tôi tiếp theo tiếng vỗ tay của chính Hai Côn ở cuối mỗi điểm của bài diễn văn làm chúng tôi ngạc nhiên không ít. Chúng tôi chưa hề quen thuộc với cách làm này!

Đối với chúng tôi, những người đã từng ở trong bộ máy của cái gọi là “ngụy quân” và “ngụy quyền” của Nam Việt Nam, Hai Côn bảo rằng chúng tôi là những người có tội đã chống lại nhân dân và chống lại cách mạng. Chúng tôi là tay sai của Đế Quốc Mỹ, do đó chúng tôi cần phải được cải tạo để thành người dân chân chính. Chúng tôi phải từ bỏ cuộc sống ăn bám vào nhân dân và phải lao động để có được cuộc sống như những người dân lương thiện khác. Cải tạo có nghĩa là bao gồm cải tạo tư tưởng và cải tạo hành động.

Đó là lần đầu tiên trong đời tôi được nghe VC định nghĩa về danh từ “lao động”. Hai Côn bảo rằng “lao động” là thước đo sự tiến bộ trong quá trình cải tạo. Đất nước ta giàu đẹp với rừng vàng biển bạc (!); nhân dân ta anh hùng với Hai Bà Trưng, và Quang Trung những người đã đánh thắng quân Tàu, và đặc biệt nhất là thế hệ “Hồ Chí Minh”. Chúng ta phải lao động để theo kịp các nước tiên tiến khác. Các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè chúng ta trên toàn thế giới đang hỗ trợ chúng ta để tái thiết đất nước sau chiến tranh, nhưng chúng ta cần phải dựa vào chính mình trước. Chúng ta cần phải làm việc và làm việc thật cật lực để xây dựng một quốc gia giàu đẹp.

Bài diễn văn của Hai Côn được hấn ta phát biểu một cách trôi chảy dường như đã được hấn ta học thuộc một cách nhuần nhuyễn. Đôi lúc, hấn ta lại dùng vài câu thơ của Hồ Chí Minh để thêm vào. Chúng tôi nghe một cách yên lặng. Nhưng điều chính thức mà chúng tôi muốn biết thì vẫn còn mơ hồ: chúng tôi sẽ được cải tạo ra sao? Chúng tôi không nghĩ rằng chúng tôi đến đây chỉ để học mười bài học và chỉ để học cho biết thế nào là lao động, mặc dù chúng tôi rất muốn sự việc sẽ được diễn ra như vậy.

Sau khi bài diễn văn của Hai Côn chấm dứt, một cán bộ khác tên Bào lên tự giới thiệu là “trại phó” và cho chúng tôi biết một lịch trình học tập bao gồm “lên lớp” và “thảo luận” tại phòng. Chúng tôi ra về phòng để ăn trưa và suy nghĩ về thân phận mình trong những ngày sắp tới.

Chương 14. Quen Dần Với Trại Cải Tạo

Cuộc sống của chúng tôi mấy ngày đầu trong trại là sự cố gắng để thích ứng với môi trường mới. Ngủ dưới đất, mọi người bắt đầu cảm thấy đau lưng. Chúng tôi bảo nhau là nên tìm những thứ gì không thấm nước lót phía dưới chỗ nằm để tránh bị thấp khớp. Tôi lấy cái pon-sô xếp lại làm hai lót phía dưới chiếc chiếu cói. Khi đi quanh trại để lùng sục những thứ bỏ rơi, tôi tìm được một chiếc mền cũ trong chiếc chòi bỏ hoang, nhặt về mạng vá lại rồi giặt sạch để lót nằm thay cho cái nệm. Vải của những bao cát thu nhặt được dùng làm vật liệu để vá quần áo, mùng mền, vãn vãn. Chỉ thì tháo ra từ những cái bao cát ấy còn kim may thì tự chế lấy bằng cách mài nhỏ sợi dây thép, mài nhọn một đầu còn đầu kia thì đập dẹp ra rồi dùng vật nhọn để đục lỗ.

Sau vài ngày đi khiêng nước, dép tôi đã bị đứt và rách nát, không còn mang được nữa. Tôi nhặt được một mảnh vỏ xe, bắt chước cách làm dép râu của VC, tôi tháo miếng thép trong ba lô của tôi ra, mài nó thành một con dao nhỏ để cắt miếng vỏ xe thành hình dạng giống như đôi dép rồi đục 8 lỗ để luồn những sợi dây bằng ruột xe qua. Chúng trở thành một cái gì đó cũng giống đôi dép, nhưng không thể hoàn hảo như ý muốn. Tôi đã mang đôi dép tự chế ấy trong suốt mười năm trường. Vài người khác

thấy vậy cũng bắt chước làm theo. Họ đã bắt đầu sản xuất loại dép râu này để đổi chác thứ này thứ nọ cho các trại viên khác.

Lòng tìm những thứ cần thiết cho cuộc sống trong trại càng ngày càng phổ biến. Bắt đầu thì chỉ có những trại viên trẻ, sau đó việc này lan tràn cho tất cả mọi người trong trại. Mặc dù trại trước đây là làng cô nhi và tiếp theo là trại cho đồng bào chiến nạn và đã có rất nhiều những tiếp liệu từ những nguồn cung cấp, đặc biệt là từ viện trợ nhân đạo của Mỹ, nhưng rồi vật liệu càng lúc càng khan hiếm dần. Vài trại viên đã bắt đầu luồn ra ngoài hàng rào trại để lòng tìm vật liệu, nhưng chưa một ai có ý định trốn trại cả. Mọi người đều đặt hy vọng vào một tháng cải tạo!

Để có nhà vệ sinh ít nhất là cho phụ nữ, chúng tôi đã đề nghị “ban giám thị trại” cho phép chúng tôi tự xây dựng hai nhà vệ sinh. Chúng tôi kéo sập 2 cái lều, lấy gỗ và tôn để làm vật liệu. Chúng tôi đào một lỗ lớn cho mỗi nhà vệ sinh ở gần góc cuối hàng rào trại và xây hai nhà tạm thời gồm có 10 lỗ cầu cho mỗi nhà vệ sinh. Chúng tôi phải gọi đó là “cầu xí” thì đúng hơn. Không có giấy vệ sinh, trại viên đành phải dùng mọi thứ gì có thể làm sạch được, ngay cả nước để rửa. Chúng tôi có được hai cái nhà cầu cho nam và nữ trại viên, nhưng rồi chúng càng lúc càng bẩn thỉu, dòi bọ khắp nơi. Tro bếp được rắc lên hàng ngày nhưng cũng không thể khá hơn được. Bệnh truyền nhiễm bắt đầu sinh sôi nảy nở trong trại, nhất là bệnh tiêu chảy và ghê ngứa. Một bệnh xá được thiết lập bao gồm nhiều bác sĩ như Văn Văn Cửa (từng là đô trưởng Sài Gòn), nhưng điều tệ hại là không có thuốc men ngoại trừ những thứ thuốc của chính chúng tôi mang theo. Trại viên bắt đầu dùng lá cây và cỏ để trị bệnh: lá ổi nấu nước để trị tiêu chảy nếu được uống vào và trị bệnh ghê ngứa nếu dùng để tắm gội, vài thứ cỏ được dùng để trị phù thũng, vân vân. Bác sĩ Văn Văn Cửa đã biến thành một bác sĩ “châm cứu”. Nhiều người đã nói đùa bằng cách biến một câu châm ngôn của Việt Nam rằng “*Đói ăn rau, đau khắc phục*” (thay vì đau uống thuốc). Nhiều người còn đùa rằng để trị bệnh thì tốt nhất là dùng “AKcillin” và “CKC” thay vì dùng “Penicillin” và “APC”! (AK và CKC là hai loại súng của VC). Tôi nghĩ rằng đó là sự thể hiện tính khôi hài của người Việt mặc dù ở trong tình huống thật bi thảm.

Trồng khoai lang là việc đầu tiên mà chúng tôi đã làm để cải thiện cuộc sống trong trại. Nhưng chúng tôi lại không có giống ngoại trừ một ít dây khoai thu nhặt được ở khu đất hoang gần trại, nơi đã từng là đất canh tác khi đây còn là làng cô nhi. Từ một vài dây khoai, chúng tôi nhân ra thành nhiều nhánh, và từ một vài khu đất nhỏ chúng tôi đã lần lần khai khẩn khắp nơi trong khu trại. Điều khó khăn gặp phải là nước tưới; chúng tôi đã đào những hố nhỏ gần những nhà tắm và khai mương để dẫn nước tưới ra đó. Khoai được thêm vào những xuất ăn sáng, và lá khoai lại là một thứ rau! Đó bỗng nhiên lại là bài học đầu tiên của chúng tôi học được trong việc “cải thiện bữa ăn” của chúng tôi bằng công sức lao động!

Trại viên buộc phải lên hội trường vào mỗi buổi sáng để học mười bài học. Nhưng rồi sau vài ba ngày, tất cả đều chán ngán với cách diễn đạt của cán bộ. Tôi chợt hiểu rằng họ đã được nhồi nhét những bài học ấy và rồi trở thành những con vẹt không hơn không kém bởi vì tất cả đều nói cùng một cách. Những điều mà chúng tôi đã nghe Hai Côn nói trong buổi lên lớp đầu tiên, chúng tôi lại được nghe lặp lại và lặp lại nhiều lần trong những lớp tiếp theo, nhưng chúng tôi lại không được phép hỏi những điều mà chúng gọi là chông lại “*đường lối và chính sách của Đảng và nhà nước*”. Thí dụ như khi học bài về “*lịch sử phát triển của loài người*”, họ bảo rằng nhân loại đã được phát triển từ Cộng Sản nguyên thủy, qua các giai đoạn Nô lệ, Phong kiến, Tư bản, đến chủ nghĩa Xã Hội

và rồi đến giai đoạn cao nhất của loài người là “Cộng Sản Chủ nghĩa”. Chúng tôi không thể hỏi rằng những gì mà con người sẽ tiến tới sau khi đạt được chủ nghĩa Cộng Sản bởi vì theo họ thì Cộng Sản Chủ Nghĩa là giai đoạn tốt cùng của loài người; con người sẽ không còn phát triển nữa sau khi đạt được Chủ Nghĩa Cộng Sản! Thật là một luận điệu buồn cười, nhưng chúng tôi cũng phải chấp nhận như vậy và chỉ được thảo luận theo chiều hướng ấy mà thôi.

Bài học đầu tiên là “*Đế Quốc Mỹ là quân xâm lược*”. Chúng tôi phải lên lớp hết 2 buổi sáng từ bảy giờ đến trưa, và thảo luận tại phòng vào buổi chiều. Diễn giả là một cán bộ được giới thiệu là từ “bộ chính trị” vì họ muốn có một cán bộ cấp cao đến dạy chúng tôi, những người mà họ cho là nhân viên cao cấp của “ngụy quyền”. Cũng chẳng có gì khác hơn là những điều mà chúng tôi đã nghe Hai Côn nói trong buổi lên lớp đầu tiên. Trong phần thảo luận, chúng tôi đã phải kết án về những cái mà chúng cho là “tội ác của Đế Quốc Mỹ” trên toàn thế giới và đặc biệt là phải lên án những tội ác này trong chiến tranh Việt Nam. Cuộc thăm sát ở Mỹ Lai, cái gọi là “sự tàn phá miền Bắc Việt Nam bằng không lực”, cuộc phong tỏa vịnh Bắc Việt, sự tàn phá của cái gọi là “chất độc màu da cam”, vân vân, là những đề tài mà chúng tôi phải thảo luận. Nhưng điều quan trọng hơn là chúng tôi phải khai báo những điều mà chúng tôi biết được về những kho chôn dấu đạn dược hay đồ tiếp liệu của Mỹ sau khi rút khỏi Việt Nam. Đối với chúng tôi, những người từng làm trong cơ quan tình báo thì chúng muốn biết những chương trình mà Mỹ đã dự định sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt cũng như những tình báo viên mà Mỹ vẫn còn cài lại sau khi rút khỏi Việt Nam. Tôi nghĩ rằng tất cả những buổi thảo luận này đều nhắm mục đích tìm hiểu về những chiến lược của Mỹ sau chiến tranh Việt Nam. Luôn luôn có một cán bộ hiện diện trong mỗi buổi thảo luận để nghe những gì chúng tôi nói và sau đó chúng tôi còn phải nộp lên một bản tường trình về buổi thảo luận.

Sau bài học đầu tiên này, chúng tôi được nghỉ hai ngày không phải lên lớp. Trong thời gian ấy, chúng tôi phải học những bài “nhạc cách mạng” như “*Giải Phóng Miền Nam*”, “*Đông Trường Sơn, Tây Trường Sơn*”, “*Chiếc gậy Trường Sơn*”. (Trường Sơn là một dãy núi nối dài từ Bắc đến Nam Việt Nam, nơi mà con đường mòn Hồ Chí Minh băng qua). Điều buồn cười xảy ra là những người trước đây chưa hề ca hát nay đã phải làm việc ấy bởi vì mọi người đều phải thay phiên nhau ca, không loại trừ một ai. Những bài ca “nổi tiếng” do trại viên sáng tác đã được viết ra trong thời gian này như bản “*Ngày vui đã tới*” của Vũ Thành An, một nhạc sĩ nổi tiếng của Nam Việt Nam và cũng là một cựu trưởng ty “dân vận chiêu hồi”. Chúng tôi cũng phải học hát những bản nhạc ấy nữa! Tôi vẫn nhớ vài câu trong bản nhạc ấy: “*Ngày vui đã tới, chúng ta xây lại đời ta. Nhớ ơn Cách Mạng, chúng ta xin nguyện thành người dân chân chính.*” Tôi nghĩ lúc này quả là quá sớm để có những nin hót như thế, nhưng tôi không muốn phê bình ai hết bởi mỗi người có một cách sống riêng trong trại cải tạo.

Nhiều người cho rằng tại sao trại viên không chịu giữ một thái độ hiên ngang trong trại cải tạo bằng cách chống lại những người Cộng Sản, nhưng họ có biết rằng chúng ta đã không còn một chính quyền, không còn đất nước, không có hậu thuẫn; chúng ta không có gì cả ngoài cái mạng sống, mà chính nó cũng không còn tùy thuộc vào chúng ta nữa, vậy thì chúng ta làm được gì? Tôi cũng nghĩ rằng tôi không thể làm được gì trong hoàn cảnh ấy, không thể trốn đi đâu được. Mọi sự chống đối đều dẫn đến cái chết; mọi sự nin hót là những điều vô sĩ. Làm anh hùng trong hoàn cảnh ấy cũng là điều vô ích, do đó có lẽ tôi đã chọn cách “*nín thở qua sông*” để mà sống trong hoàn cảnh ấy mà thôi! Tôi cũng chẳng cần ai phê bình là mình hèn nhát. Điều mà tôi đã suy nghĩ là làm

sao tôi có thể sống sót được để gặp lại gia đình mà không quá hèn đến nỗi bán rẻ linh hồn.

Tiếp theo bản nhạc của Vũ thành An là vài bản nhạc của những trại viên khác như Đèo Chánh Mun ở khối 1, và Bạch Văn Nghĩa ở khối 3; tôi vẫn nhớ vài câu trong bản nhạc ấy: *“Học tập hăng say anh em ơi, đem tình thương làm vòng tay nối, quyết định ngày mai với niềm vui...”*

Tôi không biết phong trào sáng tác nhạc này là do sự thúc đẩy của tâm hồn hay là do sự nhỉnh hót, nhưng quả thật đó là lúc mà có nhiều nhạc phẩm sáng tác bởi trại viên hơn bất cứ lúc nào khác. Tôi đoán có lẽ vì lúc ấy chúng tôi chưa bị lao động, và thêm vào đó ai cũng hy vọng sẽ được thả về sau 1 tháng cải tạo như “chính sách của Đảng và Nhà Nước” quy định! Tôi rất tiếc đã không có tài năng sáng tác nên đành phải học những bản nhạc ấy vậy.

Việc tập hát đã diễn ra mỗi tối trước khi đi ngủ. Một vài trại viên có khả năng ca hát đã trở thành những “quản ca” để dạy các trại viên khác từng câu một trong bài ca. Trại viên trong phòng giam đã phải lập lại từng câu tiếp theo “quản ca”. Sau khi tập hết bài ca, từng trại viên một lại phải thay phiên nhau ca cả bài ca. Bằng cách ấy, không ai có thể tránh không hát, và mọi người đều thuộc lòng từng bài ca một. Đó cũng là lý do tại sao tôi lại thuộc vài đoạn của những bài ca ấy cho đến bây giờ.

Có một bài ca về “Giặc Mỹ” đã trở thành một điều điều cốt lõi vì nó có một câu là: *“Than ôi Abrams đã bí nên bi”*. Lúc đó chúng tôi thường được cho ăn một thứ canh bí đỏ nấu với đậu phộng, và trại viên đã đặt tên cho loại canh đó là canh Abrams! Người Việt chúng ta thường hay tìm ra được cách để điều cốt lõi cho dù trong hoàn cảnh bi đát đến đâu! Tôi cũng muốn nói ở đây là tướng Abrams của Mỹ là người đã có sáng kiến thiết lập 1 vòng đai chiến lược để ngăn chặn Cộng Sản tràn xuống Nam Việt Nam.

Sau hai ngày học ca nhạc “cách mạng”, ban giám thị trại đã buộc chúng tôi phải tiếp tục như thế cho hết thời gian ở trại cải tạo Long Thành. Tôi không thể nhớ có bao nhiêu bản nhạc mà chúng tôi đã phải học thuộc trong thời gian này. Vài bản mà tôi vẫn nhớ từng đoạn cho đến giờ như *“Sài Gòn quật khởi”*, *“Vàm cỏ Đông”*, *“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”*, vân vân. Khi Việt Nam thống nhất, chúng tôi không được hát bản *“Giải phóng miền Nam”* nữa mà phải hát bài *“Tiến Quân Ca”*, bài quốc ca của Bắc Việt. Nhưng bản nhạc *“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”* là bản nhạc mà chúng tôi đã phải hát mọi nơi mọi lúc ở mọi trại giam. Khi lên hội trường, khi bắt đầu hay chấm dứt một việc gì, đặc biệt là trước khi chấm dứt cuộc họp để đi ngủ, chúng tôi đều phải hát bản nhạc ấy, do đó nhiều trại viên gọi đó là bài ca “tạm biệt”. Đôi khi đi cầu, tôi đã nghe vài trại viên trẻ đổi lời của bài ca thành *“như có con dòi trong cầu tiêu của trại cải tạo”*. Quả là một hành động liều lĩnh bởi vì trong trại lúc nào cũng có những phần tử gọi là “ăn ten” báo cáo lên cán bộ mọi điều mà chúng nghe thấy, và chúng tôi đã được báo cho biết nói xấu Hồ là một trọng tội.

Bài ca *“Tự Nguyên”* là bài ca duy nhất của một sinh viên miền Nam mà chúng tôi được ca trong thời gian này. Chúng tôi cũng hơi ngạc nhiên vì hầu hết chúng tôi đã biết bản nhạc ấy trong thời gian mà Sinh Viên Sài Gòn xuống đường đòi hòa bình cho Việt Nam. Tôi vẫn nhớ những câu của bài ca:

*“Nếu là chim tôi sẽ làm loài bồ câu trắng”
“Nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương”
“Nếu là mây tôi sẽ làm một vầng mây ấm”
“Nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương”*

Một cán bộ đã giải thích rằng lời ca đó được trích từ một bài thơ của Hồ Chí Minh. Tôi không biết điều đó có đúng không, nhưng tôi nghĩ mọi cái đều là của Hồ! Sự tôn sùng lãnh tụ là điều mà tất cả Cộng Sản thế giới đều làm chứ không riêng gì VC.

Bài học thứ hai, *“Lũ Ngụy Quyền là bọn tay sai”* được dạy trong 2 buổi sáng, nhưng phải thảo luận suốt một tuần lễ. Sau 2 buổi chiều thảo luận, hầu hết là thú nhận tội lỗi và hứa sẽ sửa đổi, chúng tôi phải làm một bản sơ đồ tổ chức của Phủ Trung Ương Tỉnh Báo. Điệp, họa sĩ của ban A17 và tôi được mọi người cử ra để vẽ sơ đồ. Tài liệu thì được cung cấp bởi những sếp cũ của chúng tôi như Lộc, đặc ủy trưởng, Thúy, trưởng ban R (ban nghiên cứu), Phong, trưởng ban Z (ban nội chính), Lương, trưởng ban A10 (ban tổng hợp tin tức), Trang, trưởng ban A8, Cang, cựu đặc ủy trưởng, Quân, trưởng ban Y (ban yểm trợ) vân vân. Điều buồn cười mà tôi thấy là toàn bộ Cơ Quan Tỉnh Báo, đầu não của quốc gia đều nằm trong trại cải tạo và đang cung cấp tất cả mọi điều về cơ quan cho Cộng Sản. Sau này, Lộc và Thúy đã chết tại trại Nam Hà sau thời gian đi thăm vấn tại trại Hỏa Lò, Hà Nội.

Trong khi Điệp và tôi vẽ sơ đồ tổ chức của Phủ thì những người khác phải viết bản tự khai đầu tiên. Những cán bộ của trại đến từng phòng giam hàng ngày khuyến khích rằng ai viết thành thật những tội lỗi của mình thì sẽ được hưởng lượng khoan hồng của Đảng và Nhà nước. Một điều khôi hài khác lại xảy ra là có những trại viên không thể nhớ được những điều mình đã làm trước đây, họ phải đi hỏi lại những người đã làm chung công việc ấy rồi viết vào để mong rằng mình sẽ được tha ra khỏi trại sớm như lời hứa của cán bộ.

Cũng trong lúc ấy, những người giữ chức vụ cao của cơ quan lại di chuyển qua trại Thủ Đức. Hầu hết những người đang cung cấp tài liệu để chúng tôi vẽ lại sơ đồ tổ chức của cơ quan đều chuyển đi, do đó Điệp và tôi đã phải ngưng làm công việc ấy và trở lại làm bản tự khai như mọi người khác. Tôi suy nghĩ hầu hết tài liệu đã bỏ lại trong cơ quan, và mọi người đều đã khai báo hết mọi cái rồi. Tôi đành phải viết những điều mà tôi đã làm và nêu tên những người mà tôi thấy trong trại cũng như những người mà tôi chắc rằng đã trốn khỏi đất nước như những cộng tác viên. Tôi đã tránh không khai cho những người mà tôi không thấy trong trại và không biết chắc về tình trạng của họ. Tôi nghĩ thế nào VC cũng hỏi lại những điều khai báo này nên tôi đã viết thêm 1 bản phụ để giữ riêng.

Trong những ngày viết bản tự khai, chúng tôi được cho ăn một ít thịt, điều mà VC gọi là *“bồi dưỡng”* cho chúng tôi trong lúc chúng tôi *“động não”*! Nhiều danh từ mà tôi chưa từng nghe trong ngôn ngữ của Việt Nam. Khi chúng tôi có một ít thịt trong bữa ăn thì họ bảo rằng chúng tôi được *“ăn tươi”*. Khi chúng tôi trồng được ít rau để ăn thêm thì chúng bảo rằng chúng tôi *“cải thiện”*. Khi họ bắt chúng tôi đi lao động trong ngày Chúa Nhật thì họ gọi là *“lao động Xã Hội Chủ Nghĩa”*!

Ngày Chúa Nhật hôm ấy, lần đầu tiên chúng tôi phải đi lao động Xã Hội Chủ Nghĩa từ sáng sớm đến trưa. Ai có cuộc thì phải sửa lại con đường chính từ cổng đến dãy nhà cuối cùng: đào mương dọc 2 bên đường và lấy đất đắp thêm lên con đường. Những

người không có cuộc thì dùng tay không mà nhổ cỏ và dọn dẹp vệ sinh trong khu trại và khu cơ quan.

Khi ở trong trại thì mỗi người đều mang trong mình một suy nghĩ riêng, nhưng tôi nghĩ rằng cái ý nghĩ chung nhất của mọi người là những suy tư về gia đình và sự mong đợi ngày về. Mọi diễn biến đều được diễn dịch theo những điều hoặc là thuận lợi hay bất lợi đối với những mong mỏi ấy. Khi “Ban Giám thị trại” cung cấp ván cho chúng tôi làm sạp nằm thì vài người đã cho rằng chắc là chúng tôi phải ở đây lâu hơn là một tháng. Nhiều người còn cho rằng chúng tôi phải cải tạo ít nhất là sáu tháng khi nghe cán bộ bảo chúng tôi phải trồng khoai mì bởi vì khoai mì muốn có củ thì phải trồng ít nhất 6 tháng. Những điều phát biểu này đã tới tai các cán bộ, và họ đã đến từng buồng giam để trấn an chúng tôi rằng “chính sách của Đảng và Nhà Nước” trước sau như một, ai đạt được nhiều tiến bộ trong cải tạo sẽ được về sớm. Cách giải thích này tôi được nghe lặp đi lặp lại nhiều lần ở nhiều trại khác nhau. Tôi nghĩ đó là những gì mà các cán bộ đã học tập khi nói chuyện với trại viên.

Những bận rộn hàng ngày như lên lớp, thảo luận, và tranh đấu với cuộc sống đã giúp tôi ít suy nghĩ đến gia đình, nhưng khi chui vào mùng, tất cả lại hiện ra một cách rõ ràng trong óc tôi. Đặc biệt là đứa con còn trong bụng, nó là trai hay gái, và vợ tôi ra sao khi cô ấy sanh nở, những điều này luôn xâm chiếm lấy tâm hồn tôi. Tôi đã cố thử viết ra những ý tưởng này, nhưng không thành công vì tôi chưa hề quen với việc viết nhật ký. Đêm trong trại cải tạo rất dài. Vì chưa hề ngủ dưới đất, do đó lúc đầu tôi rất khó vỗ giấc ngủ, nhưng rồi tôi đã cố gắng bằng cách thở thật sâu và đếm từ 1 đến 100 rồi lại tiếp tục lại như vậy. Sau khoảng 4 đêm, tôi bắt đầu quen với việc ấy và có thể ngủ dễ dàng mỗi khi chui vào mùng. Thêm vào đó, tôi cố làm việc bận rộn suốt ngày. Nếu không làm những việc mà họ bảo làm thì tôi đi tưới những luống khoai của riêng tôi, đi lấy nước xài, hay làm những công việc riêng. Sau khi buổi họp tổ chấm dứt chui vào chỗ nằm, tôi cảm thấy mệt mỏi và chìm vào giấc ngủ một cách dễ dàng. Tôi biết rằng giấc ngủ sẽ rất cần thiết cho tôi trong trại, và cố gắng không suy nghĩ gì nữa mỗi khi chui vào mùng. Tôi đã giữ được thói quen này suốt gần 17 năm trong các trại cải tạo và chính nhờ vậy mà tôi đã vượt qua được những khó khăn gặp phải.

Việc di chuyển một số trại viên qua trại Thủ Đức đã xảy ra và Linh, chồng của chị vợ tôi cũng đi sang đó. Tôi nghe nói trại Thủ Đức nguyên là trại giam nữ can phạm trước đây. Chị vợ tôi là Lan vẫn ở lại trại Long Thành, do đó hàng ngày tôi vẫn thường đến để giúp chị ấy. Tôi nghĩ rằng cuộc sống của phụ nữ ở trong trại có phần khó khăn hơn nam giới, do đó tôi thường dành cho chị ấy những thuận lợi hơn của chính tôi, đặc biệt là nước xủ dụng hàng ngày. Mỗi khi đến phòng giam dành cho nữ, tôi thường gặp những người bạn của vợ tôi; họ cũng thường hỏi tôi có biết gì về vợ tôi và đứa con không. Điều này thường làm tôi rất lúng túng mỗi khi trả lời. Tuy nhiên tôi có thể nói được gì ngoài chữ “không”!

Vợ và con tôi ra sao? Câu hỏi này luôn lộn vờn trong đầu óc tôi. Tôi vẫn nhớ lúc tôi chở vợ tôi vào phòng cấp cứu khi cô ấy sảy thai lần đầu và ngồi bên ngoài chờ đợi. Tôi không nghe tiếng rên siết nào của vợ tôi, và sau đó mấy ngày, cô ấy đã kể lại rằng cô ấy đã cố nín chịu đau vì không muốn tôi lo lắng cho cô ấy. Tôi không biết cô ấy sẽ làm sao đây khi tôi không có ở gần bên để lo cho cô ấy lúc sinh nở. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho vợ tôi rồi lại nghĩ đến một câu ca dao của Việt Nam rằng: “*Người ta đi biển có đôi, còn tôi đi biển mò côi một mình.*”

Sau bài học thứ hai, chúng tôi đợi những bài học kế tiếp, nhưng vẫn không thấy gì xảy ra trong suốt 1 tuần lễ. Trại viên bắt đầu lo lắng vì mọi người đều mong chấm dứt 10 bài học tập để còn được trở về với gia đình! Chúng tôi đều nghĩ rằng chúng tôi không thể tin vào một tháng cải tạo, nhưng làm thế nào sống mà không có chút hy vọng? Tôi nghĩ rằng Ban Giám Thị trại biết điều này nên họ cho các cán bộ đến từng buồng giam và nói rằng họ đang đợi những cán bộ từ Hà Nội vào để dạy chúng tôi những bài học còn lại.

Những tin đồn về 1 cuộc di chuyển nữa sẽ xảy ra sau khi một số trại viên được di chuyển sang trại Thủ Đức. Tối thứ bảy ấy, trại viên được đi xem phim ngoài trời. Trước khi chiếu phim, trưởng trại Hai Côn nói rằng chúng tôi sẽ không đi đâu nữa hết mà phải cố gắng để cải tạo ngỗ hầu hưởng lương khoan hồng của Đảng và Nhà Nước. Ban Giám Thị và các cán bộ ở trung ương đang nghiên cứu các bản tự khai của trại viên và sẽ hỏi một vài điều trong các bản tự khai ấy trước khi tiếp tục chương trình học tập.

Phim chiếu tối hôm ấy nói về trận chiến Điện Biên Phủ và nêu gương những người anh hùng đã dùng thân mình để chặn những khẩu đại pháo bị đứt dây lăn xuống triền dốc hay những người đã dùng thân mình lấp lỗ châu mai trong trận chiến. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một niềm kiêu hãnh của VC, nhưng trong phim tôi lại thấy rằng người dân Việt Nam đã là những người hy sinh quá nhiều cho chiến thắng ấy. Chỉ với sức lao động, người dân Việt đã phải chống lại với máy móc và phi cơ của Thực Dân Pháp. Họ không phải là Cộng Sản, họ chỉ là những người dân thường với lòng yêu nước. Cộng Sản đã lợi dụng lòng ái quốc của nhân dân để nắm chính quyền rồi lại nói rằng “*yêu nước là yêu Chủ Nghĩa Xã Hội!*” Thật là một sự liên kết kỳ cục! Những điều mà họ nói như: “*Với bàn tay ta làm nên tất cả, có sức người sỏi đá cũng thành cơm*” hay “*Nơi nào cần thanh niên có, nơi nào khó có thanh niên*” chỉ là những chiêu bài để lợi dụng sức lao động của nhân dân. Người dân miền Bắc đã bị lợi dụng trên 30 năm trường, và bây giờ là đến phiên người dân miền Nam. Lao động Xã Hội Chủ Nghĩa có gì khác hơn là làm việc không công.

Hôm sau, thay vì đi lao động Xã Hội Chủ Nghĩa, chúng tôi phải thảo luận cuốn phim và so sánh chiến thắng của trận đánh Điện Biên Phủ với chiến thắng của cái gọi là “Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử” để giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 30 tháng 4 năm 1975. Dưới sự điều khiển của cán bộ, buổi thảo luận sau đó đã biến thành dịp để chúng tôi thú nhận những tội lỗi mà chúng tôi đã làm trong việc ngăn cản tiến trình của chiến dịch ấy. Thật là một việc buồn cười! Nhưng tôi chợt biết rằng mọi việc xảy ra trong trại cải tạo đều phải theo cách ấy mà thôi, và tôi phải chấp nhận điều này không cần suy nghĩ. Thái độ của tôi sẽ là nói càng ít càng tốt, tôi tự nhủ như vậy trong khi nghĩ tới một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi học được lúc còn bé ở trường tiểu học. Chúng ta chỉ có một cái miệng mà phải làm hai công việc là ăn và nói, trong khi lại có tới hai lỗ tai chỉ để nghe mà thôi. Tại sao chúng ta không nói ít mà nghe nhiều; đừng để cái miệng làm việc quá sức nó.

Trại viên toàn trại rất lo lắng về một trại viên trong khối một bị chuyển đi. Các cán bộ giải thích rằng trại viên ấy đã có “nợ máu” với nhân dân trong vùng mà anh ấy hoạt động trước đây, do đó anh ấy phải ra trước “tòa án nhân dân” trước khi đến một trại cải tạo khác. Chúng tôi không biết gì về tình trạng của anh ta sau này, nhưng chúng tôi lại không xa lạ gì với cái gọi là “tòa án nhân dân” của VC kể từ giai đoạn “cải cách ruộng đất” sau khi Cộng Sản chiếm miền Bắc Việt Nam 1954. Mọi việc đều diễn ra theo một

trình tự mà Cộng Sản muốn. Trong lúc đó, họ cũng cho chúng tôi biết rằng chúng tôi được giữ trong trại chính là để được bảo vệ bởi vì nhân dân rất là giận dữ về những tội ác mà chúng tôi đã làm để ngăn cản tiến trình giải phóng nhân dân! Thật cảm ơn cho sự tốt đẹp của “cách mạng”; chúng tôi đang được kẻ thù bảo vệ và đang được hưởng sự khoan hồng của Đảng và Nhà Nước. Quá nhiều những danh từ được dùng để che dấu cho một hành động trả thù. Tôi nhớ lại một bài hát của Phạm Duy, một nhạc sĩ nổi tiếng của miền Nam Việt Nam, trong đó có dùng một từ “*một rổ danh từ*”, và cũng nhớ một thành ngữ Việt Nam “*mật miệng guom lòng*” để áp dụng cho những người dùng lời nói tốt đẹp để che đậy những ý đồ xấu xa. Tôi nghĩ tôi có thể dùng những điều này cùng với câu nói của Nguyễn Văn Thiệu rằng “*đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm*” để làm phương châm cho cuộc sống của tôi trong những ngày sắp tới trong trại cải tạo.

Kinh nghiệm sống trong trại cải tạo đã đến với tôi từng bước một. Tôi không biết tôi có thể sống cho đến lúc rời trại được không, nhưng tôi nghĩ rằng tôi sẽ cố gắng với tất cả khả năng của tôi. Tôi cũng hiểu được rằng mọi sự thất vọng đều sẽ dẫn đến sự thất bại không cứu vãn nổi.

Lý Muối Liềm, một nữ thiếu tá cảnh sát của Nam Việt Nam là người đầu tiên được thả ra khỏi trại để điều hành trung tâm điện toán ở bộ chỉ huy cảnh sát. Sự di chuyển của một số cấp cao sang trại Thủ Đức diễn ra tiếp theo, và rồi một trại viên được đưa ra tòa án nhân dân. Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo cho chúng tôi, những người còn lại? Chúng tôi tất cả đều sống trong sự lo lắng, nhưng chúng tôi không biết phải làm gì ngoài việc chờ đợi mọi việc diễn ra không có cách gì cưỡng lại được.

Chương 15. Tháng Đầu Tiên Trôi Qua

Sự tranh đấu để sinh tồn trong trại cải tạo giúp tôi ngày một thích ứng với những khó khăn. Tôi cũng đã quen với cảnh nghèo từ lúc còn bé thơ, nhưng cuộc sống trong hoàn cảnh quá hạn hẹp của trại cải tạo thật quá khó khăn cho tôi. Tôi không biết những người khác đã quen sống trong sự tiện nghi sẽ làm sao để thích ứng được với cuộc sống này. Trại Long Thành giam giữ hầu hết những người có cấp bậc cao trong chính quyền Nam Việt Nam. Sự thay đổi giữa hai thái cực của nếp sống diễn ra một cách quá đột ngột. Vài người nguyên là những bộ trưởng, thứ trưởng chưa hề lao động chân tay, nay lại phải tự đi khiêng nước xài và làm mọi việc như những người khác. Điều này đã tạo nên một cảnh tượng rất khôi hài.

VC không cho chúng tôi kể lại những việc làm trong quá khứ. Chúng bảo rằng chúng muốn chúng tôi bình đẳng, nhưng tôi biết rằng chúng sợ chúng tôi sẽ hình thành một tổ chức trong trại rất nguy hiểm cho chúng, và chúng cũng muốn tạo sự đối nghịch giữa chúng tôi với nhau để chúng dễ quản lý. Khi viết bản tự khai, nhiều người vẫn còn dùng những chữ như “ông” để nói đến những người lãnh đạo cũ của họ; VC buộc phải viết lại và dùng những từ như hán, nó, để thay vào. Khi nói về chính quyền và quân đội Nam Việt Nam, chúng tôi phải gọi bằng “ngụy quyền” và “ngụy quân” thay vì quân lực hay chính phủ VNCH. Tôi cũng đã phải viết lại bản tự khai vì lý do này.

Khi nói chuyện với các cán bộ, chúng tôi phải làm đúng quy định là đứng cách xa ba bước và cầm mũ nón trên tay. Chúng tôi phải gọi các binh lính và sĩ quan VC làm trong trại là “cán bộ” và tự xưng là tôi. Khi đi ngang qua các cán bộ, chúng tôi phải

chào chúng bằng cách giở mũ và cúi đầu. Mọi việc có nghĩa là chúng tôi phải kính trọng chúng và phải tập vâng lời chúng. Cách tốt nhất là tránh tiếp xúc với VC càng nhiều càng tốt. VC cũng không cho phép chúng tôi tự nhận là tù nhân và nói rằng chúng tôi vào trại là để cải tạo chứ không phải để ở tù! Chúng tôi phải tự nhận mình là trại viên.

Mỗi tối, chúng tôi phải họp đội để sinh hoạt trước khi ngủ. Đội trưởng báo cáo những việc xảy ra trong tổ, đội, và trong khối, cũng như truyền đạt lại những chỉ thị của cán bộ. Sau đó mỗi trại viên phải phê bình và tự phê bình. Điều này quá xa lạ đối với chúng tôi lúc đầu vì chúng tôi chưa hề có việc phê bình và tự phê. Nhưng cán bộ bảo chúng tôi phải làm việc này một cách nghiêm túc. Chúng tôi phải cố gắng để tìm ra những lỗi lầm của chính mình và của người khác để kể ra trong những buổi họp này, và do một lý do nào đó, chúng tôi thường cố tìm những điều không mấy quan trọng để phê bình nhau và bỏ qua những điều có vẻ nghiêm trọng. Đôi khi, tôi đã phải tự cho rằng mình vẫn còn nhớ nhà, nhớ vợ con, chưa đủ an tâm để cải tạo. Vài người thì phê bình rằng bạn mình đã ngủ gục trong lớp học tập hay trong buổi thảo luận, hoặc có người thì giả bệnh để khỏi lên lớp hay khỏi làm những việc khác. Mọi điều nhỏ nhặt đã bắt đầu trở thành đề tài để phê bình. Dần dần mọi người đều trở thành con rùa núp kín trong cái mai, rất khó tìm ra được lỗi lầm của nhau. Những buổi họp phê bình thường trở thành tự phê với những lỗi nhỏ như nhớ nhà, không chú ý lúc học tập, nói chuyện trong lớp học, không thuộc bài hát, vãn vãn, và rồi những người khác đứng lên phê bình những lỗi lầm này để người tự phê có dịp hứa khắc phục và làm tốt hơn. Bất kỳ khi nào bị phê bình, trại viên đều phải nhận lỗi và hứa sẽ sửa chữa; nếu không thì sẽ có những buổi họp khác cho đến khi nào người trại viên ấy nhận lỗi mới thôi. Đó là cách thực hiện phê và tự phê của Cộng Sản. Mọi điều đều phải viết ra bản báo cáo để trình lên cán bộ. Tôi được biết rằng “phê và tự phê” đã từ lâu là phương cách của những người Cộng Sản để kiểm tra nhau, điều này không chỉ xảy ra ở trong trại mà là ở khắp mọi cơ quan đơn vị của Cộng Sản.

Sau vài ngày sống chung với nhau, chúng tôi biết rằng có vài phần tử do thám trà trộn vào trong khối 3 của chúng tôi. Thí dụ như Phòng, Bá, Lâm, là những người mà không ai biết xuất xứ. Mặc dù chúng bảo rằng chúng đã làm việc cho Cơ Quan Tình Báo, nhưng chúng chẳng biết gì về cơ quan tình báo và không ai trong chúng tôi biết được chúng. Chúng tôi phải bảo nhau đừng nên nói chuyện nhiều với những người này vì chúng tôi nghi ngờ rằng chúng là VC trà trộn vào để lấy tin tức từ chúng tôi. Nhưng trong cuộc sống chung đụng thì làm thế nào tránh khỏi sự bất cẩn. Cán bộ đều biết hầu hết những gì chúng tôi nói hoặc làm. Điều này khiến mọi người nghi ngờ lẫn nhau, và vài người lại bị nghi ngờ là đã làm “ăn ten” cho cán bộ, tức là đã báo cáo lên cán bộ mọi điều, mặc dù không biết có đúng như vậy hay không.

Từ việc “phê và tự phê” cho đến việc nghi ngờ làm “ăn ten”, mọi người trong trại bắt đầu nghi ngờ lẫn nhau. Trại viên càng lúc càng trở nên ích kỷ và co rút lại trong cái vỏ của mình. Mọi người đều sống riêng rẽ trong cuộc sống chung. Không ai còn dám phơi bày tâm tư mình ra cho người khác; ai cũng dường như sợ rằng điều mình nói ra sẽ tới tai cán bộ như một thành ngữ Việt Nam rằng “*tai vách mạch vùng*”. VC đã không cần phải chia rẽ trại viên với nhau, nhưng chính trại viên đã tự chia rẽ nhau. Bằng cách bóp dũa trại viên, VC đã thành công trong việc khiến trại viên không còn nghĩ đến điều gì ngoài cái ăn, và bằng phương pháp tạo nên mối nghi ngờ lẫn nhau, họ đã thành công trong việc chia rẽ trại viên để dễ điều hành trại. Họ không cần phải có hàng rào vây quanh trại, không cần phải khóa trại viên trong buồng giam mà chính trại viên đã tự

giam mình với cái hy vọng mỏng manh là sẽ được cải tạo và sẽ được trả tự do sau một tháng.

Dĩ nhiên tôi cũng là người bị điều lừa dối ấy dân dất. Tôi cũng đang sống trong cái hy vọng mong manh là sẽ được về để gặp vợ con tôi sau một tháng cải tạo, nhưng trong thâm tâm tôi thì tôi lại không tin điều đó là thật. Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ bị đưa đi đến một nơi khác, như đến đường mòn Hồ Chí Minh hay rừng rậm ở miền Trung để làm đường hay làm đường rầy cho việc tái thiết Việt Nam sau chiến tranh. Cái giá phải trả có thể là chính sinh mạng chúng tôi, nhưng ít ra tôi còn có cơ hội để phục vụ dân tộc mình.

Cuộc sống của tôi đã không còn là của tôi nữa. Đáng lý ra tôi đã phải chết đi cùng với nước Việt Nam Cộng Hòa vào ngày 30 tháng 4, nhưng tôi đã không đủ can đảm để kết liễu đời mình. Tôi đã ném cây súng xuống dòng sông Thanh Đa và tự nộp mình vào trại cải tạo. Những gì tôi đang mong chờ trong trại giờ đây cũng giống như một phép lạ. Chúng tôi không còn ai giúp đỡ mình. Chính quyền của chúng tôi đã không còn nữa. Những người đồng minh của chúng tôi đã rút lui. Có hàng rào quanh trại hay không cũng là vô nghĩa bởi chúng tôi không biết đi đâu bây giờ. Cả nước giờ đây đang nằm trong tay của VC. Phía bắc là Trung Cộng, phía tây là Kampuchia và Lào cũng là Cộng Sản, và phía đông là Thái Bình Dương. Chúng tôi đi đâu được đây nếu chúng tôi ra khỏi trại?

Tôi nghĩ chỉ có phép lạ mới cứu được chúng tôi mà thôi! Nếu VC không dùng thủ đoạn lừa bịp thì chúng tôi cũng sẽ đi vào trại mà thôi vì chúng tôi chẳng có con đường nào khác để đi. Nhưng với thủ đoạn ấy, chúng đã giữ được chúng tôi trong trại mà không ai có một ý định đào thoát nào cả; chúng tôi đều đang có một hy vọng mong manh rằng mình sẽ được thả ra sau một tháng. Cái hàng rào mỏng manh quanh trại không phải là thứ để ngăn được chúng tôi mà chính thủ đoạn dối trá của VC là điều đã giữ được chúng tôi ở trong trại cải tạo lúc đầu. Chúng tôi chưa từng quen thuộc với kiểu dối trá có hệ thống này. Quả là một thủ đoạn thành công!

Điệp, người bạn nằm gần tôi trong phòng giam, viết trong một bài thơ cho vợ anh ta, có một câu mà tôi vẫn nhớ: *“Anh sẽ về một tháng hoặc một năm!”* và tôi nghĩ rằng đó cũng là ý nghĩ chung nhất của mọi người trong tháng đầu tiên cải tạo. Mặc dù không ai tin vào một tháng cải tạo nhưng ai cũng nghĩ nếu dài lắm là một năm mà thôi chứ không ai dám nghĩ nó lại quá dài như chúng tôi đã phải trải qua.

Chúng tôi cũng không được biết điều gì đang xảy ra trong cái xã hội mới ở bên ngoài ngoại trừ một vài tờ nhật báo như *“Sài Gòn Giải Phóng”*, *“Nhân Dân”*, hay *“Quân Đội Nhân Dân”*, mà những tờ báo này thì chỉ loan những tin tức về những sự thành công của VC về mặt kinh tế và chính trị. Bên cạnh đó, những tin đồn lại loan truyền khắp trong trại. Có người cho biết Dương Văn Minh đã được đi sang Pháp sau khi giao miền Nam cho VC. Ngô Khắc Tĩnh, cựu tổng trưởng giáo dục đã bị bắt tại Vũng Tàu khi toan trốn chạy. Phó tổng thống Trần Văn Hương thì bị quản thúc tại gia vì quá yếu. Tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh vùng 4, đã tự sát khi VC tiến vào bản doanh. Nhân dân miền Nam đã được tổ chức thành những tổ tam tam chế để kiểm soát lẫn nhau. Tôi không biết những tin đồn ấy đúng hay không, nhưng tôi nghĩ mọi tin đồn này đều nhằm mục đích báo cho chúng tôi biết rằng chúng tôi chỉ có con đường duy nhất là ở trong trại cải tạo mà thôi vì chúng tôi không có chỗ dung thân nếu đào thoát khỏi trại. Nếu những tin đồn ấy là đúng thì điều gì sẽ xảy ra cho chúng tôi một khi

chúng tôi trốn ra khỏi trại? Bị bắt lại có nghĩa là chết mà thôi. Tôi nghĩ chắc chẳng ai còn dám đánh cuộc với số mệnh mình một lần nữa.

Tiếp theo bài học thứ hai và bản tự khai, những bài học sau này chỉ còn là hình thức. Vài trại viên đã trốn không lên lớp, trong đó có tôi. Thay vào đó tôi chỉ lo săn sóc mấy luống khoai lang của tôi mà thôi. Nắng mùa hè của miền nhiệt đới đã đốt cháy da tôi, và tôi cảm thấy da mình hình như dày hơn xưa. Tôi không còn ngại mưa nắng nữa. Chỉ trong hai tuần lễ, dáng vẻ thư sinh của tôi đã biến mất nhường chỗ cho dáng vấp của người nông dân. Nhưng trên tất cả các thứ đó thì sự bận rộn này đã khiến tôi không còn nghĩ nhiều đến gia đình tôi nữa.

Thuốc lá và những thứ cần thiết cho đời sống càng lúc càng cạn dần. Vài trại viên có tiền đã nhờ những người nấu bếp mua dùm họ thuốc hút và kem đánh răng. Điều này tới tai cán bộ, và ban giám thị trại đã có một buổi họp để loan báo rằng họ sẽ tổ chức một cái tiệm chạp phô gọi là “căn tin” do những nhà thầu người Hoa để bán những thứ cần thiết cho trại viên. Căn tin nằm gần bên nhà bếp và bán nhiều thứ như thuốc lá, kem đánh răng, thực phẩm khô, và cả cà phê uống vào buổi sáng. Những trại viên có tiền có thể mua mọi thứ hoặc nhờ mua dùm những thứ mà họ muốn. Việc mở căn tin đã làm những trại viên bị quan trở nên chán nản hơn bao giờ hết, nhất là đã vào tuần lễ thứ tư khi mọi người đang mong cho chấm dứt một tháng cải tạo. Vài trại viên lạc quan thì lại cho rằng đó là cơ hội để họ tiêu tiền trước khi về nhà; họ mua mọi thứ và sống như là họ đang sống ở nhà họ! Cuộc sống trong trại lại trở thành hai thái cực giữa những người có tiền và những người không có tiền.

Tôi không còn tiền vì tôi đã đưa lại cho vợ tôi khi cô ấy rời trường Chu Văn An, do đó điều mà tôi phải làm là “*khắc phục khó khăn*”. Cái khó nhất đối với tôi là thuốc lá vì tôi thường hút quá nhiều. Cách duy nhất để có thuốc lá hút là đổi chác những cái mà tôi đang trông cho những người có tiền. Để tiết kiệm tiền, tôi mua thuốc rê và giấy quấn thuốc để hút. Điều này đã nhắc nhở tôi nhớ đến bà ngoại tôi lúc còn ở nhà, bà tôi vẫn thường hay quấn thuốc rê để hút mỗi khi nằm trên ghế bố may vá phụ mẹ tôi trong tiệm may. Bà ngoại tôi là người gần gũi với tôi nhất từ khi tôi còn bé; bà đã gần 70 tuổi vào lúc này. Tuổi thơ của tôi luôn luôn hiện ra một cách rõ ràng mỗi khi tôi nhớ đến bà. Tôi nhớ đến cái bàn thờ trong nhà mẹ tôi nó được thừa hưởng từ ông cố tôi, một người thuộc giòng dõi chúa Trịnh. Cái lư nhang chạm hình tre và chim mà tôi vẫn thường chùi bóng mỗi lần Tết đến. Hai cái tô lớn viền bạc đặt trên hai cái đài gỗ với hai chiếc muống bạc được kể là của chúa Trịnh dùng để súc miệng. Những bộ chén đĩa bằng sứ có đóng dấu Trịnh Phủ phía dưới đáy. Ông ngoại tôi tên Trịnh Văn Giàu, người từng là Đốc Học Nam Kỳ. Cậu Hai, anh cả của mẹ tôi từng là Thượng Thư của triều đình Huế. Với một gia phả như vậy, thế mà bà ngoại tôi lại phải sống trong cảnh nghèo túng từ khi ông tôi qua đời bởi vì bà chỉ là tỳ thiếp của ông tôi. Bà đã giữ gìn những bảo vật ấy của gia đình như một kỷ niệm và thường kể lại chuyện ngày xưa cho chúng tôi nghe mỗi lần đám giỗ ông tôi.

Tuần lễ thứ tư đã gần hết và mười bài học tập cũng đã hoàn tất. Nhưng chúng tôi không ai nghe nói gì về sự chấm dứt của chương trình cải tạo. Trại viên trong trại chia ra làm ba nhóm người tùy theo quan điểm về việc cải tạo. Những người lạc quan thì chờ đợi cho hết tháng để họ được về sống với gia đình trong xã hội mới. Họ xài hết tiền để mua sắm mọi thứ ở căn tin và sống như thể họ không ở trong trại cải tạo. Những người bi quan thì buồn phiền; họ sống như những cái bóng và không nói chuyện với ai ngoại trừ những cái lắc đầu chán nản và những tiếng thở dài. Những người chấp nhận số phận thì

chuẩn bị sống thời gian dài trong trại. Họ tiết kiệm và thu nhặt mọi thứ và luôn chuẩn bị tư thế cho một cuộc di chuyển. Những suy nghĩ về ngày về chỉ là một phép lạ. Tôi thuộc nhóm người này! Mặc dù tôi cũng mong cho hết một tháng, tôi lại không nghĩ là tôi sẽ được thả ra. Tôi chỉ muốn xem coi điều gì sẽ xảy ra sau đó. Tôi không dám nói rằng, *đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì mà Cộng Sản làm*, nhưng trong thâm tâm tôi thì tôi luôn luôn nghĩ điều đó là đúng. Điều hy vọng duy nhất của tôi là sẽ có một lúc nào đó có một sự thay đổi và tôi sẽ được ra về để gặp con tôi và được sống trong gia đình tôi cho đến cuối cuộc đời như một người dân bình thường. Đó có lẽ chỉ là một giấc mơ mà thôi!

Ngày 14 tháng 7, ngày quốc khánh của Pháp, và cũng là ngày mà mọi người trong trại cải tạo Long Thành đang chờ đợi. Một tháng cải tạo, điều đó có đúng như vậy không? Không ai có thể biết điều gì sẽ xảy ra sau một tháng ngoài việc chờ đợi điều gì đó xảy ra. Hy vọng và chán nản trộn lẫn với nhau tạo nên một cảnh tượng kỳ lạ trong trại viên. Mọi người đều hy vọng nghe được điều gì đó từ ban giám thị trại, nhưng lại sợ phải nghe tin xấu. Chỉ còn một ngày nữa là chấm dứt một tháng cải tạo thể mà không có gì thay đổi. Hàng can chờ đợi lấy nước ngắn hơn mọi ngày. Trại viên đã không tự đứng để đợi lãnh nước nữa kể từ khi học bài học đầu tiên. Họ đặt thùng theo hàng, cử người trực đổ nước vào thùng và xách về sau khi xong. Những sinh hoạt trong trại hầu như ngừng lại hẳn nhường chỗ cho những nhóm trại viên ngồi với nhau để hút thuốc, uống trà và bàn tán.

Tôi đi đào một ít khoai lang để nấu chè đêm nay để ăn mừng sự chấm dứt của một tháng cải tạo. Ông Đỗ Kiến Nâu, cậu của Banh, người đã từng là trưởng ty cảnh sát quận 3, Banh, bạn tôi, cùng tôi sẽ ăn với nhau tối nay. Những củ khoai lang của tôi cũng còn rất nhỏ, khoảng ngón chân cái, và tôi đã phải đào cả 2 luống mới đủ một nồi chè. Tôi làm hai luống mới để thay thế hai luống khoai đã đào và dùng dây khoai để trồng cho hai luống ấy. Tôi cũng không hiểu tôi đã làm gì đây bởi vì hôm nay là ngày cuối cùng trong trại cải tạo! Tôi vừa làm một việc theo thói quen, hay tôi không tin đó là ngày cuối cùng. Tôi không chắc chắn điều gì hết nữa rồi. Tôi nghĩ tôi đã trở thành một người hoài nghi. Chính sách của Đảng và Nhà Nước trước sau như một, như lời của cán bộ đã giải thích, nhưng tôi vẫn không tin vào lời nói ấy! Làm thế nào để có thể tiến bộ được trong cải tạo? Tôi tự cảm thấy buồn cười cho mình qua những ý nghĩ này. Khi mang một ít khoai lang cho chị vợ tôi ở nhà nữ, tôi nghe được dự định của họ về chương trình tổ chức lễ phóng thích vào ngày mai. Tôi hỏi chị Lan, chị vợ tôi, về tin này, nhưng chị ấy cho biết đó chỉ là tin đồn không căn cứ vì ngày mai là ngày cuối cùng của một tháng như mọi người đang chờ đợi.

Kể từ khi Nghĩa, chồng của cô Đẹp (thư ký của sếp tôi), đã dời đi qua trại Thủ Đức, có nhiều tin đồn về những sự liên hệ giữa Đẹp với Tư Điệp, cán bộ phụ trách khối 3 và nhà nữ. Trại viên thường tin vào những tin đồn phát xuất từ nữ trại viên và cho rằng những tin tức ấy phát xuất từ Tư Điệp. Tôi không biết chắc gì về sự liên hệ giữa Đẹp và Tư Điệp, nhưng tôi nghĩ rằng một người đàn ông từ rừng sâu ra ngoài thì rất dễ dàng yêu một người đàn bà đẹp như Đẹp!

Có khoảng một trăm nữ trại viên trong nhà nữ. Ngoài một số nữ sĩ quan quân đội và cảnh sát từ đại úy trở lên, số còn lại hầu hết là cán bộ tinh báo trung cấp của cơ quan. Bà đại tá Hương, chỉ huy trưởng nữ quân nhân, và bà thiếu tá Thủy, trưởng toán Thiên Nga của Cảnh sát, đã được chuyển qua trại Thủ Đức. Sự liên hệ nam nữ trong trại càng lúc càng trầm trọng. Mặc dù tôi cần phải giúp đỡ chị vợ tôi, tôi cũng phải có

gắng giới hạn việc đi sang khu nhà nữ vì tôi không muốn bị những tin đồn. Hầu hết những nữ trại viên trong ấy đã từng làm trong cơ quan đều biết vợ tôi, do đó tôi không muốn vợ tôi nghĩ sai về những sự liên hệ của tôi.

Đêm ấy, hầu như mọi người đều không thể ngủ sớm như thường ngày. Từng nhóm ba hay bốn trại viên ngồi với nhau trong sân giữa các nhà bên những chiếc bàn nhỏ để ăn tối và đối thoại với nhau. Ông Nâu, nguyên trung tá cảnh sát, Banh, bạn tôi và tôi cùng ngồi quanh chiếc bàn nhỏ do tôi đóng lấy đặt giữa sân giữa khối 3 và khối 4. Chúng tôi nấu chè bằng chiếc lò làm bằng thùng nhôm. Chúng tôi không tin rằng chúng tôi sẽ được thả ra, nhưng chúng tôi lại mong ở một phép lạ nào đó. Kể từ khi vào trại, Banh dùng hầu hết thời giờ để học đánh cờ tướng. Hẳn ta đã trở nên ồn ào hơn, nhưng đêm nay, hẳn ta lại im lặng một cách khác thường. Cậu của Banh, ông Nâu, là một người hút thuốc nôi đầu; ông ta xin tôi cái pip mà tôi tự chế, mở điều thuốc ra rồi nhồi thuốc vụn vào điều để tiết kiệm thuốc. Sau này, ông Nâu bị dời ra trại Hà Tây và chết ở đấy. Banh và ông cậu mang theo vào trại một ít tiền, và đôi khi họ cũng đã giúp tôi trong những lúc ngặt nghèo. Để đổi lại, tôi trồng rau để ăn thêm vì chúng tôi cũng thường ăn cơm chung. Chúng tôi ngồi im lặng cho đến nửa đêm để suy nghĩ về những gì có thể xảy ra vào ngày mai. Có thể nào có điều gì đó hay không, hay chúng tôi chỉ mong chờ một điều vô vọng? Một tháng cải tạo đã trôi qua, không chỉ có chúng tôi mà cả gia đình chúng tôi cũng đang chờ đợi cho ngày này. Không ai ngủ được yên giấc đêm ấy mà chỉ mong cho trời sáng. Mỗi lần giật mình tỉnh giấc, tôi nghe tiếng thở dài dài đó trong phòng giam.

Mọi người đều thức dậy sớm vào sáng ngày 15 tháng 7 mặc dù không có lịch trình lên lớp hay thảo luận. Không có một cán bộ nào đến các phòng giam. Vài người đi lang thang trên con đường tiến về phía hội trường, nhưng hội trường thì trống rỗng! Tôi nghĩ rằng nếu có một buổi lễ thì ít ra cũng phải có sự trang hoàng. Vài người còn cho rằng buổi lễ ấy sẽ tổ chức một nơi khác thay vì tổ chức trong trại, và nếu có điều đó xảy ra thì chúng tôi sẽ được di chuyển đến một nơi nào đó ở Sài Gòn. Tôi nghĩ đó chỉ là một sự lạc quan tếu. Nhưng trong thâm tâm thì tôi cũng mong điều đó sẽ xảy ra như một phép lạ. Tôi không thể chờ đợi mà không làm gì cả, do đó tôi đi tưới những luống rau và luống khoai. Tôi không muốn quá ưu tư và đặt quá nhiều hy vọng để rồi không có gì cả, và tôi luôn tự nhủ rằng mọi việc đều đã được an bài! Điều buồn cười là những trại viên trẻ lại là những người tin vào số mệnh. Ngược lại những trại viên lớn tuổi thì lại luôn luôn chờ đợi một cách sốt ruột về việc phóng thích.

Chương 16. Cuộc Sống Tiếp Nối Trong Trại

Một ngày chờ đợi đã trôi qua trong nỗi tuyệt vọng. Mọi người đều trở về một cách chán nản với cuộc sống hàng ngày trong trại. Một dãy thùng chờ lấy nước lại được xếp dài trên con đường chính như thường lệ. Bữa ăn sáng với cháo và muối, trưa chiều với chén cơm cùng miếng canh bí đỏ với vài hạt đậu phộng lại tiếp tục như mọi ngày. Nhưng không còn một trại viên nào ngồi ở ngoài sân giống như đêm hôm trước. Hoặc là mọi người đều mệt mỏi về sự chờ đợi hay họ đã buồn ngủ vì thức quá khuya đêm qua, mọi trại viên đều đi ngủ sớm hơn mọi khi.

Bảy Sói, một cán bộ tên Bảy với chiếc đầu hói phụ trách khối 3 vào phòng giam vào sáng sớm và yêu cầu trại viên sau khi ăn sáng xong thì chuẩn bị để lên hội trường. Mọi người lại trở nên sống động và vui vẻ với những hy vọng. Vài người bỏ cả việc ăn sáng và xếp hàng sớm hơn người khác dường như họ muốn được về nhà ngay tức khắc vậy! Khung cảnh không còn vẻ im lặng như những lúc sửa soạn lên lớp để học 10 bài học tập nữa; trại viên chuyện trò om sòm trên con đường đi lên hội trường.

Không có sự trang hoàng nào trong hội trường. Khi trại viên đến nơi, vài cán bộ khiêng vào hội trường một cái bàn và vài chiếc ghế, và rồi Hai Côn, giám thị trưởng đến để nói chuyện với trại viên. Trong lời phát biểu, Hai Côn lặp lại điều mà chúng tôi đã nghe nhiều lần rằng: “Chính sách của Đảng và Nhà Nước trước sau như một: đánh những kẻ chạy đi chứ không đánh những người ở lại! Và chúng tôi phải đạt cho được tiến bộ trong việc học tập cải tạo để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước.” Tôi tự hỏi làm sao họ có thể đánh được những người đã chạy đi! Về việc chấm dứt một tháng cải tạo, Hai Côn nói rằng họ không nhận được chỉ thị nào của “trung ương” về việc này. Việc trở về với xã hội của trại viên là tùy thuộc vào mức độ tiến bộ của mỗi người chứ không phải là vấn đề thời gian vì chúng tôi phải làm thế nào để thích ứng được với xã hội mới. Trước khi chấm dứt lời phát biểu, Hai Côn cho biết là để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, ban giám thị trại cho phép trại viên được viết thư cho gia đình để báo cho gia đình biết rằng chúng tôi sống tốt trong trại và đang có nhiều tiến bộ trong học tập cải tạo, và đồng thời khuyên nhủ gia đình thực thi đường lối chính sách của Đảng và Nhà Nước. Chúng tôi không được cho biết địa điểm của trại mà chỉ được dùng bí số là 15NV cho địa chỉ nơi gửi.

Những điều đã xảy ra khiến mọi trại viên trở nên chán nản hơn bao giờ hết. Đặc biệt những trại viên “lạc quan” đột nhiên hiểu rằng họ cần phải hiểu VC nhiều hơn những gì mà họ nghe VC nói. Riêng đối với những người đã không tin rằng sẽ được về trong một tháng thì dù sao đây cũng là cơ hội để họ có thể biết tin tức gia đình. Được viết thư về nhà còn hơn là chẳng có gì mặc dù họ cũng thừa hiểu rằng họ sẽ không được viết hết mọi điều họ muốn. Thư chắc chắn là sẽ được cán bộ kiểm duyệt kỹ lưỡng, nhưng ít ra thì chúng tôi cũng có dịp để liên lạc được với gia đình. Điều mà tôi muốn được biết nhiều nhất là con tôi là trai hay gái, và sức khỏe của vợ tôi ra sao sau khi sanh nở. Mẹ và bà ngoại cũng là những người mà tôi muốn hỏi đến.

Chỉ có hai trang giấy để viết như quy định, làm thế nào để viết hết cho mọi người trong gia đình? Trước hết, tôi nghĩ tôi phải dùng từ rất là khôn khéo để cho biết về tình trạng của tôi trong trại. Tôi sẽ viết rằng mọi việc đều tốt đẹp, tôi được nuôi ăn uống đầy đủ và tôi có trồng thêm vài luống khoai lang để dặm thêm vào phần ăn hàng ngày nữa! Sức khỏe tôi cũng tốt, do đó tôi có tặng cho bạn bè một số thuốc khi họ bị bệnh. Dĩ nhiên, điều tôi muốn biết là con tôi là trai hay gái. Sau khi hỏi thăm về mẹ tôi cùng bà ngoại, tôi còn phải viết một ít điều theo quy định của trại để khuyến khích gia đình tuân hành đường lối chính sách của chính quyền địa phương để giúp tôi trong trại, từ đó tôi có thể được ra về sớm hơn. Điều này đã làm mất hết nửa trang giấy! Những suy nghĩ về bức thư khiến tôi không còn để ý gì đến hoàn cảnh chung quanh trên đường từ hội trường về đến phòng. Tuy nhiên tôi vẫn nhận ra rằng một sự im lặng bao trùm lấy bầu không khí chung quanh chứ không ồn ào như buổi sáng sớm khi đi lên hội trường.

Mọi người đang suy nghĩ về số phận của mình và về cái thủ đoạn mà VC đã dùng. Trong thông cáo về việc cải tạo, chúng chỉ nói rằng chúng tôi phải mang theo

thức ăn và quần áo chần màn cho một tháng chứ không hề đả động đến thời gian cải tạo là một tháng! Chúng tôi không thể bảo rằng chúng đã dối gạt, mà chính chúng tôi là những người không hiểu rõ ràng cái thông cáo ấy! “*Anh sẽ về một tháng hoặc một năm!*” (...hay bao nhiêu năm nữa?) Tôi nghĩ đến câu thơ trong bài thơ của Diệp mà rùng mình lo sợ. Bao lâu nữa tôi sẽ về? Tôi tự hỏi. Đòi tôi thì coi như đã chấm dứt kể từ ngày 30 tháng tư, nhưng gia đình tôi sẽ ra sao đây? Tôi không muốn họ chờ đợi tôi trong tuyệt vọng. Không có gì tồi tệ hơn là sinh ly!

Viết thư là điều chính yếu cho trại viên trong những ngày kể tiếp. Vài người viết đi viết lại bức thư mà cũng hình như chưa vừa ý với nó. Mọi người giờ đây dường như là đã phải chấp nhận số phận của mình như một điều dĩ nhiên. Lắc đầu và nhún vai là câu trả lời cho ngày về. Không còn ai bỏ thời giờ ra để ngồi uống trà, cà phê, hút thuốc và tán gẫu. Có thêm vài trại viên trồng khoai lang trên khu đất còn lại trong trại. Nước trong những hố đào gần nhà tắm bắt đầu khan hiếm hơn trước do đó tôi phải tưới rau và để những luống khoai cho nó mọc theo ý nó. Tuy nhiên tháng bảy ở Việt Nam thì trời nhiều mưa nên cũng không đến nỗi nào.

Hai cán bộ phụ trách khối 3 là Bảy Sói và Tư Diệp đến lấy thư hàng ngày, nhưng cả tuần sau vẫn còn vài trại viên chưa viết xong thư. Họ không còn vội vã như trước đây nữa! Thời gian không còn là vấn đề quan trọng đối với họ nữa. Tôi đã cố gắng gửi thư sớm với hy vọng sẽ sớm nhận thư hồi âm, nhưng đôi khi tôi vẫn thấy tiếc vì tôi nghĩ tôi vẫn còn thiếu điều gì đó.

Bên cạnh việc viết thư cho gia đình, cuộc sống trong trại vẫn diễn tiến như lệ thường: trại viên thức dậy buổi sáng theo tiếng kèn báo thức, tập thể dục mười động tác du nhập từ miền Bắc do vài trại viên hướng dẫn, ăn sáng với cháo và muối, ăn trưa và chiều với chén cơm và ít canh bí đỏ nấu với đậu phộng, họp tổ đội buổi tối trước khi đi ngủ. Nhưng có một điều thay đổi là sau buổi họp ở hội trường thì chúng tôi phải thay phiên nhau xuống bếp để nấu nướng thay cho nhà thầu. Ban giám thị trại đã cho biết rằng số tiền mà chúng tôi đóng khi đi trình diện đã hết, do đó kể từ ngày 15 tháng bảy chúng tôi phải làm mọi việc trong trại và “Chính Phủ và Nhân Dân” sẽ phải nuôi chúng tôi. Sau buổi họp khoảng mười ngày, chúng tôi nhận được tám trăm đồng mỗi tháng được báo là của “Nhà Nước” cung cấp cho mỗi trại viên để mua sắm những thứ cần thiết như kem đánh răng, xà phòng, giấy vệ sinh, hay những thứ cần thiết khác cho phụ nữ. Mọi việc xảy ra có nghĩa là chúng tôi phải chuẩn bị cho sự cải tạo dài hạn, nhưng mà bao lâu thì vẫn là một câu hỏi không có lời giải đáp. Chúng tôi phải đạt được tiến bộ trong cải tạo để được tha về với xã hội. Thế nào là tiến bộ? Mười bài học tập đã qua; làm thế nào để đạt được tiến bộ trong khi chúng tôi chỉ ở trong trại mà không làm gì cả?

Để sử dụng thời gian trống trong trại, trại viên bắt đầu làm những việc như chơi cờ tướng, viết những thực đơn tưởng tượng, vẽ, chạm trên gỗ hay vỏ dừa, vân vân. Anh bạn tôi tên Nguyễn thì lại dùng hầu hết thời giờ để đi đào Hà Thủ Ô, một loại rễ của dây leo. Anh ta xắt lát hà thủ ô, phơi khô, sao lên rồi nấu nước uống. Vài người cho rằng rễ Hà Thủ Ô là một loại thuốc làm cho tóc đen hơn. Tôi không biết điều đó đúng không, nhưng tôi thấy da Nguyễn càng lúc càng đen trong khi tóc anh ấy thì càng ngày càng bạc nhiều ra mặc dù anh ấy mới ba mươi tuổi vào lúc đó!

Khi tôi không chăm sóc rau và khoai trên cánh đồng, tôi dùng thời giờ rảnh để học khắc gỗ, chạm bằng nhôm, và khắc sọ dừa để làm những “đồ mỹ nghệ”. Cái búa để chạm thì

làm bằng một bù lon bẻ cong lại; đục thì là một cọng thép lấy trong dây điện đập dẹp và mài bén 1 đầu. Mọi vật đều được thu lượm quanh trại và được tôi chế tạo lấy. Miếng nhôm được cắt thành những sợi nhỏ khoảng hai ly rồi mài trên nền xi măng. Tôi vẽ hình lên những miếng gỗ được cắt bằng cái cưa nhỏ tự chế, mài nhẵn lên nền xi măng, rồi đục theo đường vẽ. Dùng cái búa nhỏ, tôi nhét những sợi nhôm vào những đường kẻ sau đó giũa phẳng bằng một cái giũa làm bằng dây kẽm gai. Để làm những đồ mỹ nghệ bằng gáo dừa, tôi dùng cái cưa tự chế cắt gáo dừa thành cái kẹp hình con cá vàng, mài lên nền nhà và đánh bóng bằng lá mít. Sau đó tôi chạm vẩy cá, đầu và đuôi cá bằng cái đục nhỏ. Sản phẩm làm ra trông cũng giống như những cái kẹp tóc bằng đồi mồi. Tôi cũng không biết tôi làm những cái đó để làm gì, nhưng tôi cảm thấy thích thú với công việc này. Tôi đặt những “tác phẩm” ấy bên đầu chỗ nằm rồi nghĩ đến ngày trở về để trao tặng vợ tôi. Tôi đã từng vẽ nên những đồ tôi làm thường đẹp hơn nhiều người và cũng vì tôi đã tốn nhiều thời gian cho chúng nữa. Bức tranh tứ quý gồm bốn hình Mai, Lan, Cúc, Trúc được cắt bằng nhôm trên gỗ nâu. Bức tranh mẹ bồng con là bức tranh cắt nhôm hình người đầu tiên trong trại vì không ai có thể cắt nhôm khuôn mặt người. Tôi đã nghĩ đến vợ con tôi khi làm bức tranh này, đó là tấm mà tôi thích nhất.

Hai tuần sau khi gửi thư, chúng tôi nhận được bức thư đầu tiên của gia đình. Hôm đó là ngày thứ bảy, Bảy Sói và Tư Điệp đến khu của khối 3 để trao thư. Chúng tôi nghe thấy từ trước lúc hai cán bộ ấy trao thư cho nhà nữ. Trại viên gọi nhau và nhờ các đội trưởng đi nhận thư, nhưng Bảy Sói và Tư Điệp chỉ muốn giao riêng cho từng người.

Bức thư tôi nhận được từ vợ tôi, mẹ tôi và bà ngoại tôi. Trong thư còn có tấm ảnh vợ tôi đang bế con trai tôi khoảng một tháng tuổi. Vợ tôi viết rằng con trai tôi thường khóc đêm khiến cô ta mệt lắm. Mọi người trong nhà thương cháu lắm vì đó là đứa cháu đầu tiên trong gia đình. Lúc sanh thì nó cân nặng khoảng ba kilô, không lớn lắm nhưng cũng đủ để vợ tôi khó khăn khi sanh nở. Vợ tôi còn bảo rằng cô ta mong tôi học tập tốt để được về phụ nuôi con. Mẹ và bà ngoại tôi cũng viết vài hàng trong thư cho biết hai người sức khỏe vẫn tốt và tiệm may cũng vẫn hoạt động như thường lệ. Vì cha tôi là một “liệt sĩ” do đó mẹ tôi đã trở thành tổ trưởng tổ dân phố. Vài “đồng chí” của cha tôi cũng có đến thăm và hy vọng rằng tôi sẽ được về sớm vì tôi là con trong một gia đình “có công với cách mạng!” Họ chúc tôi có sức khỏe và thành công trong việc cải tạo để sớm trở về nhà. Cách viết trong thư cũng giống như những gì mà Hai Côn đã nói lúc ở hội trường. Tôi nghĩ không phải chỉ có tôi đang cải tạo mà cả gia đình tôi cũng đang bị cải tạo bởi VC. Những danh từ rất xa lạ với ngôn ngữ Việt Nam trước đây được viết trong thư của gia đình tôi chỉ sau hai hay ba tháng là một bằng cứ hiển nhiên chứng minh sự thay đổi của xã hội bên ngoài.

Tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần bức thư cho đến lúc gần như thuộc lòng từng chữ một. Tấm ảnh vợ tôi đang ẵm con tôi đã được tôi đóng trong một cái khung làm bằng mảnh gỗ nâu đục lỗ và lồng vào một miếng mi-ca. Miếng mi-ca này tôi nhét được khi làm luống khoai; tôi phải dùng lá mít đánh bóng cho hết những vết trầy rồi dùng kem đánh răng chà cho trong lại. Chỉ cái khung ấy mà tôi đã phải bỏ ra hàng tuần lễ để hoàn tất. Nhưng đó là cái mà tôi yêu thích nhất và nó đã đi theo tôi suốt gần 17 năm trong các trại cải tạo.

Chương 17. Lệnh Tha Đầu Tiên

Cuộc sống trong trại lại nổi tiếp như thường lệ mấy ngày sau khi nhận được bức thư đầu tiên của gia đình. Ngoại trừ vài trại viên muốn cải thiện thêm cho phần ăn nên phải trồng rau hay khoai lang, số còn lại chưa phải làm gì cả. Vẫn có cái căn tin nằm trong khu nhà bếp do những nhà thầu người Hoa để bán đồ vật và thực phẩm cho trại viên có tiền. Với 800 đồng hàng tháng, tôi chỉ có thể mua được một cây kem đánh răng nhỏ, một ít thuốc rê, và 500 gram đường.

Khoảng tháng tám, VC buộc mọi người dân trong nước phải đổi tiền lần đầu tiên. Họ dùng đồng tiền mới với trị giá là 500 đồng bạc miền Nam hay 400 đồng miền Bắc đổi lấy một đồng mới này, và họ chỉ cho phép mỗi người dân đổi được mười ngàn tiền cũ mà thôi, số còn lại phải gửi vào ngân hàng nhà nước. Điều buồn cười xảy ra trong trại là có những trại viên mang vào trại quá nhiều tiền, họ phải nhờ những trại viên bạn bè khác đổi dùm. Tôi cũng nghe nhiều điều xảy ra ngoài xã hội. Nhiều người dân miền Nam giàu có đã phải nhờ những người bà con miền Bắc vào đổi dùm tiền, sau đó họ lại không nhận được số tiền đổi ra! Tôi không biết điều này có xảy ra trong trại hay không bởi vì nếu có đi nữa thì chắc không ai dám nói ra. Kể từ đó, thay vì 800 đồng, chúng tôi chỉ được một đồng sáu chục xu mỗi tháng. Lúc đầu còn mua được phần như trước, nhưng sau đó thì chỉ có thể mua được một cây kem đánh răng mà thôi. Kinh tế Việt Nam bị suy sụp quá nhanh sau lần đổi tiền!

Ban Giám Thị của trại bảo chúng tôi phải chuẩn bị cho ngày lễ Quốc Khánh đầu tiên ở miền Nam, ngày 2 tháng 9, 1975 (họ gọi là ngày Lễ Độc Lập). Chúng tôi phải làm báo tường, tập ca hát trong ban đồng ca, và phải trang hoàng cho ngày ấy.

Tôi đã viết một đoạn văn đề đăng báo tường lấy tên là “Điều thuốc rê”. Nội dung đoạn văn tôi muốn nói đến một chiều hướng đi xuống của cuộc sống của nhân dân miền Nam sau cái ngày giải phóng của VC. Nhưng tôi lại cố giấu nó trong cách viết để cán bộ và ban giám thị trại không thể nhận ra.

Điều thuốc rê.

Hắn ta ngẩng nhìn những luống khoai lang thẳng tắp được thực hiện bằng chính công sức lao động của mình.

Hắn đặt chiếc cuốc xuống đất và ngồi lên cán cuốc. Tay trái hắn giơ lên lau những giọt mồ hôi trên trán, còn tay phải thì thọc vào túi áo để lôi ra một chiếc hộp nhỏ. Mở nắp hộp ra, hắn lôi ra một cuộn giấy quỳn, xé một mảnh nhỏ, rồi để nằm trên bàn tay trái giữa 4 ngón tay. Ngón tay cái kẹp lấy miếng giấy quỳn. Tay phải hắn nhúm lấy một miếng nhỏ thuốc rê từ chiếc hộp, rải ra trên miếng giấy quỳn, và dùng ngón tay cái để giữ cho thuốc nằm xuống mặt của miếng giấy quỳn. Tiếp theo, hắn dùng cả hai bàn tay cẩn thận cuộn thuốc vào trong miếng giấy quỳn để biến thành một điều thuốc, nhưng điều khác biệt là nó có một đầu lớn và một đầu nhỏ. Cuối cùng thì hắn dùng nước bọt để dán điều thuốc ấy lại.

Điều thuốc rê trên môi hắn đã gọi hắn nhớ lại những điều thuốc Winston, hay Lucky mà hắn thường hút không lâu trước đây. Chỉ một vài tháng thôi mà dường như bao nhiêu năm đã trôi qua. Hắn không thể ngờ rằng giờ này hắn có thể làm được những luống khoai như thế này, và hắn cũng không thể ngờ rằng hắn có thể cuộn được một cách thien nghệ một điều thuốc rê như thế này!

Hắn nghĩ tất cả đều đã thay đổi.

Trong ngày lên hội trường để nghe tuyên bố về việc chuẩn bị lễ Độc Lập, một sự kiện mà tôi không thể quên là vài trại viên đã được Ban Giám thị kêu lên để hát. Nhiều người đã hát những bản nhạc cách mạng mà chúng tôi đã phải học trong trại, nhưng chỉ vợ tôi, Lan, lại hát một bản nhạc dân ca tên là Lý Chim Quyên. Bài ca đã làm nhiều người phải rơi lệ vì những câu như: “*Chim ơi chim xa rừng, là chim thương núi nhớ non. Người cách xa con người, ơi đâu còn có gì buồn hơn.*”

Tôi cũng phải tham gia vào một ban đồng ca để tập hát bản nhạc tên là “Việt Nam mến yêu”, một bản nhạc tiền chiến thường được nghe trước đây ở miền Nam. Ban đồng ca do Bửu Uy, nguyên chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, làm ca đoàn trưởng. Chúng tôi đã chọn bài ấy cũng vì nó có vẻ trung dung, không đến nỗi cực đoan như những bài mà chúng tôi đã phải học trong trại. Bên cạnh đó thì Diệp và tôi lại được các trại viên khác cử ra để trang trí cho tờ báo tường của khối 3 vì chúng tôi cũng đã từng làm trang trí cho vài tập san sinh viên khi chúng tôi còn làm trong cơ quan, do đó tôi cũng hơi bận rộn.

Mọi người đều hy vọng sẽ có những điều gì đó xảy ra trong ngày quốc khánh của VC, ít nhất sẽ có sự phóng thích một số trại viên nào đó, và tôi nghĩ người nào cũng mong rằng mình sẽ có tên trong danh sách phóng thích ấy. Những tin đồn lại được loan truyền ra. Thợ của gia đình giờ đây lại được trở thành những điều để trại viên hy vọng. Trong khi gia đình nói rằng họ mong chúng tôi sẽ cải tạo tiến bộ để được thả ra trong ngày quốc khánh thì trại viên lại suy diễn rằng gia đình họ đã biết sẽ có cuộc phóng thích trong ngày ấy mà không thể viết rõ ràng trong thư. Vài người khác lại còn nói rằng gia đình họ có thân nhân làm trong bộ Nội Vụ của VC cho biết tất cả trại viên trong trại cải tạo sẽ được thả ra vào ngày Quốc Khánh vì VC muốn dùng ngày ấy để chứng tỏ chính sách khoan hồng của họ, và chúng tôi sẽ được đưa về Sài Gòn để dự buổi lễ phóng thích, một phần của buổi lễ Quốc Khánh.

Trại viên lại sống trong hy vọng và chờ đợi. Không khí trong trại lại sống động và nhộn nhịp hẳn lên, không còn cái vẻ im lìm như mọi khi kể từ khi ban giám thị tuyên bố chuẩn bị cho ngày lễ độc lập. Vài trại viên có năng khiếu lại còn vẽ cả hình của Hồ Chí Minh để trang hoàng trong ngày ấy. Mặc dù không còn những buổi thảo luận như lúc học mười bài học tập, nhưng các cán bộ lại thường xuyên đến từng phòng để quan sát chúng tôi làm báo tường, tập ca hát, vẽ, hay làm trang trí.

Vài ngày trước ngày 2 tháng 9, 1975, cán bộ lại đến phòng rất sớm khi chúng tôi vừa mới thức dậy để gọi chuẩn bị lên hội trường. Mọi người lại trở nên sống động hẳn lên khi biết rằng hội trường đã được trang hoàng xong bởi những khẩu hiệu và bàn ghế che phủ bởi khăn bần. Không có tập thể dục sáng hôm ấy, và vài trại viên bỏ cả phần ăn sáng mặc dù đã được chia phần rồi. Hy vọng có lẽ đã thành sự thật! Hầu như mọi người đều chọn những bộ quần áo đẹp nhất để mặc vào và sắp hàng chờ đợi. Những tiếng cười, những khuôn mặt vui tươi, và sự ồn ào náo nhiệt đã trở lại sau một thời gian

dài im lặng! Hai tháng rưỡi kể từ ngày vào trại, đây là ngày vui vẻ nhất của trại viên. Vài người lại ngâm nga mấy câu hát của Vũ Thành An: *“Ngày vui đã tới, chúng ta xây lại đời ta.”*

Hội trường đầy những lá cờ của Mặt Trận Giải phóng và những băng khẩu hiệu đỏ chói. Bức ảnh lớn của Hồ Chí Minh treo như thường lệ trên tường phía cuối với khẩu hiệu *“Không có gì quý hơn Độc Lập, Tự Do”* ở phía dưới. Một khẩu hiệu đặc biệt được chăng trên bức tường hông rất dễ nhìn khi bước vào hội trường: *“Chào mừng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước”*.

Tiếng vỗ tay của trại viên vang vọng cả hội trường khi Ban Giám Thị và Hội Đồng Cán Bộ tiến vào. Hai Côn, trại trưởng đọc một bài diễn văn khai mạc rất dài. Hắn ta nói những điều mà chúng tôi vẫn nghe trong mười bài học tập về sự thất bại của Đế Quốc Mỹ và của chủ nghĩa Đế Quốc, về chiến thắng của Cách Mạng Việt Nam và của chủ nghĩa Xã Hội. Để kết luận, hắn ta dùng câu nói của Hồ Chí Minh rằng: *“Hà Nội, Hải Phòng, và những thành phố khác có thể bị phá hoại, nhưng thắng xong giặc Mỹ, chúng ta sẽ xây dựng lại mười lần đẹp hơn.”* Hắn ta hy vọng rằng chúng tôi, những người được hưởng sự khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, sẽ góp phần xây dựng đất nước khi được trở về xã hội, và rồi hắn ta giới thiệu đồng chí Bào trại phó, sẽ đọc danh sách phóng thích.

Tất cả trại viên đều phấn khởi khi thấy “đồng chí Bào” với chiếc cặp da trên tay tiến đến chiếc máy vi âm. Hắn ta trân trọng rút ra một tờ giấy, đặt lên bục và nói:

“Để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, nhân danh Ban Giám Thị trại, hôm nay tôi xin loan báo danh sách phóng thích cho những trại viên đã thực hiện tiến bộ trong cải tạo và được về với xã hội để góp phần vào việc xây dựng lại đất nước. Khi được trở về xã hội, tất cả các anh phải thực hiện chính sách của chính quyền địa phương”.

Danh sách mà “đồng chí Bào” đọc chỉ gồm khoảng 20 tên, và rồi hắn ta trở về chỗ ngồi mà không nói thêm lời nào nữa hết. Sau đó chúng tôi khám phá ra rằng những người được về trong danh sách phần lớn là những chuyên viên cần thiết và những người có công đã làm cho cách mạng trước đây. Mọi người trong hội trường chờ đợi trong im lặng. Sự chán nản và những tiếng thở dài thất vọng bao trùm cả hội trường.

Sau một phút, Hai Côn trở lại máy vi âm và nói rằng đối với những người còn ở lại để tiếp tục cải tạo, Đảng và Nhà Nước cho phép sẽ được nhận quà của gia đình hàng ba tháng một lần. Chúng tôi sẽ được phép viết thư về nhà để cho biết ngày giờ và địa điểm đến gửi quà cũng như những thứ cần thiết của chúng tôi. Và rồi Hai Côn tuyên bố bế mạc buổi lễ. Những tiếng vỗ tay lác đác để tiễn chào Ban Giám thị và các cán bộ. Những sự kích thích khi trại viên đi lên hội trường đã nhường chỗ cho sự chán nản khi chúng tôi trở về phòng.

Những ngày kế tiếp, chúng tôi không còn chuẩn bị gì cho ngày lễ Độc Lập; thay vào đó thì chúng tôi chỉ viết thư cho gia đình. Các cán bộ cũng không nhắc nhở gì đến việc này, và ngày lễ Độc Lập ấy trôi qua một cách lặng lẽ mà không có một nghi thức nào hết ngoài việc chúng tôi có thêm phần ăn tươi (một miếng thịt khoảng 3 ngón tay trong bữa ăn trưa và chiều).

Nhận quà của gia đình, quả là mê đắm! Chúng tôi sẽ ở trong trại bao lâu nữa đây? Mỗi 3 tháng một lần và rồi bao nhiêu lần nhận quà của gia đình nữa? Và rồi gia đình chúng tôi sẽ chịu đựng được bao lâu để mà lo cho chúng tôi trong hoàn cảnh này? Trong lần đầu tiên vừa qua, hầu hết nhân dân miền Nam đã càng lúc càng nghèo hơn. Chính sách của Cộng Sản là tạo nên sự bình đẳng trong dân chúng, không phải là sự bình đẳng trong giàu sang mà là bình đẳng trong sự nghèo túng.

Tôi nghĩ đến gia đình tôi và không biết sẽ xin gì trong thư. Vợ tôi đang làm gì với đứa con mới chào đời? Mẹ tôi ra sao? Bà cũng vẫn ngồi bên bàn máy may hay đang làm gì? Mẹ tôi đã nuôi tôi lúc còn bé, giờ đây lại phải phụ với vợ tôi để nuôi tôi tiếp tục cuộc sống trong trại cải tạo! Cuộc đời bà chỉ là một sự hy sinh cho các con. Tôi không muốn mình là một gánh nặng cho gia đình. Nhưng tôi làm gì được đây trong hoàn cảnh khó khăn này? Tôi cố chọn những thứ thật rẻ và thật cần thiết để xin như muối mè, mắm ruốc, thuốc rê, hột giống rau muống, và thuốc cảm lạnh. Tôi cũng không quên hỏi về những tấm ảnh mới của con tôi. Tôi đã viết đi viết lại bức thư cho đến hạn cuối cùng mới chịu gửi đi và chờ đợi gói quà đầu tiên.

Một tuần sau, chiếc xe thùng chở đầy quà tiến vào trại vào buổi sáng sớm. Mọi người đều chờ đợi một cách nôn nao. Các đội trưởng đến hội trường để lấy danh sách những người có quà và cho phép trại viên tuân tự đi lấy quà. Những gói quà đã được mở ra để kiểm tra trước khi phát cho trại viên. Năm kí lô mỗi gói quà không thể nào gói hết được những món cần thiết, nhưng ít ra nó cũng gói ghém được tình thương của gia đình dành cho trại viên. Tôi run rẩy mở từng món để thưởng thức trọn vẹn tình cảm của mình. Có mười tám hình của vợ con tôi. Bức thư thì còn được kiểm duyệt trước khi trao về cho tôi. Tôi mang hình đi khoe với chị vợ tôi và các bạn trong phòng. Con tôi đã lật qua được và không còn khóc đêm nữa. Em gái tôi cho biết rằng những tấm hình này là do đồng chí Ba Son, bạn của em tôi chụp dùm. Tôi không biết đồng chí ấy là ai, nhưng tôi cảm thấy không thích thú chút nào khi có người lạ trong gia đình mình. Nhưng mà trong hoàn cảnh mới của đất nước thì điều gì xảy ra khác hơn được đây? Giai đoạn của chúng tôi đã qua rồi. Bây giờ là giai đoạn của các “*đồng chí!*” Gia đình tôi cũng không thể nào ngoại lệ được. Tôi buồn rầu mà nghĩ rằng: “*Đất nước mất vào tay Cộng Sản là mất tất cả.*” Tôi nhớ lại câu nói ấy của Nguyễn Văn Thiệu rồi tự lắc đầu chán nản.

Mọi vui vẻ rồi cũng trôi qua, những lo buồn rồi cũng phải nhạt dần. Chúng tôi cũng phải trở về với cuộc sống hàng ngày trong trại. Ban Giám thị trại lại ra lệnh lao động tập thể trong toàn trại thay vì lao động cá thể, do đó đất đai lại được thu về cho trại. Tôi không còn giữ được những luống rau và khoai của riêng mình nữa. Mỗi sáng chúng tôi phải đi lao động trên những cánh đồng của trại ngoài những trại viên tới phiên trực để dọn dẹp vệ sinh hay lấy nước cho các trại viên khác. Cuộc xéng cũng là của chung. Chúng tôi đã học tập về lao động tập thể trong mười bài học tập, và lúc này là lúc mà chúng tôi có cơ hội để thực hành những điều ấy. Đó là lời giải thích của Ban Giám thị trại.

Đất đai trong trại là loại đất sét pha trộn với đá sỏi ở trên đỉnh đồi nên rất cứng khi gặp nắng. Chúng tôi phải dùng cuốc chim để đào xới lên trước khi làm những luống thẳng tắp bằng cách chằng dây làm chuẩn. Đó là một thứ lao động rất nặng, nhưng khi đó chúng tôi vẫn còn trẻ và vẫn còn sức lực. Những trại viên lớn tuổi thì không làm luống; họ cắt hom khoai lang và trồng lên những luống mà chúng tôi làm sẵn. Sau khoảng 1 tháng, quang cảnh trại thay đổi hẳn. Không còn đất trống; những luống khoai thẳng tắp

song song với nhau trông như những đùn cát trong bãi sa mạc. Điều thay đổi nhiều nhất là mọi người trong trại trở thành nâu đen dưới ánh nắng mùa hè của miền nhiệt đới. Chúng tôi phải lao động mỗi sáng từ bảy giờ tới trưa. Tôi nghĩ đó là buổi đầu để chúng tôi tập làm quen với lao động chân tay. Ngoài ra cũng không đủ đất để hai ngàn trại viên trong trại canh tác. Chúng tôi vẫn còn được thời gian vào buổi chiều để làm những việc riêng. Tôi không còn đất để trồng rau được nữa, do đó tôi dùng hầu hết thời gian rảnh để vẽ hình vợ con tôi hay làm những sản phẩm mỹ nghệ khác.

Không phải trại viên nào cũng có quà gia đình, và năm kí lô không thể nào đủ cho ba tháng, do đó trại viên trở nên thiếu năng lượng sau một thời gian ngắn lao động nặng nhọc. Mặc dù lúc đó thì cơm cũng không đến nỗi ít lắm, nhưng thức ăn chỉ có canh với 1 ít bí đỏ và vài hạt đậu phộng thì không thể nào đủ cho cuộc sống. Vài người đã bị phù thũng và ghê ngứa. Những con cào cào, dế, và bọ cây đã trở thành những con tôm bay. Chuột, ếch nhái, rắn, và các kẻ đã trở thành những thứ thịt cao cấp. Rau dại càng lúc càng hiếm. Mọi cái gì không độc đều là những món ăn bằng cách này hay cách khác; chúng tôi đùa rằng cái gì nhúc nhích được là ăn được, con gì cũng ăn được ngoại trừ con bù lon!

Cái lon guigoz bằng nhôm là vật gần gũi với trại viên nhất. Chúng tôi gắn vào đáy cái quay cầm cho dễ mang đi khắp nơi. Vào buổi sáng khi đi lao động, nó là vật đựng nước uống, nó trở thành đồ để đựng những thứ cải thiện được trên hiện trường lao động, và trở thành cái nồi nấu khi trở về phòng. Khi chúng tôi ngồi trong hàng hay khi lên hội trường thì nó trở thành cái ghế. Thật là một vật có lợi cho chúng tôi! Tôi có thể nói đó là thứ hữu dụng nhất cho trại viên trong trại cải tạo, và chúng tôi gọi nó bằng cái tên là “gô”. Hũ chao sau khi ăn hết được làm thành điều bát để hút thuốc lòn hay làm đèn dầu. Chai nước tương thì được cắt miệng để làm ly uống nước. Không có cái gì bỏ phí hết!

Cuộc sống trong trại thì ngày này qua ngày khác đều diễn ra giống nhau: đi lao động, ăn uống, đợi nhận thư hay nhận quà, họp tổ đội trước khi đi ngủ, và làm mọi thứ linh tinh cho cuộc sống hàng ngày. Mọi ngày đều rất dài như là người xưa thường nói “*nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại*.”

Khoảng ba tháng sau thì một số nữ trại viên được thả về trong đó có cả chị vợ tôi, Lan; chị ấy bỏ lại đồ đạc cho tôi. Tôi cảm thấy mừng cho chị ấy, và cho cả vợ tôi nữa vì qua chị ấy vợ tôi có thể biết được sự thật về cuộc sống của tôi trong trại. Đó là nhóm cuối cùng được thả tại trại Long Thành ngoài vài trại viên thả ra lẻ tẻ do sự cần thiết của VC.

Chương 18. Tết Ở Trại Long Thành

Lễ Tết đầu tiên ở trại cải tạo Long Thành đã được chuẩn bị chu đáo trước hàng tháng. Tết là một ngày lễ quan trọng nhất đối với người Việt vì đó là những ngày để gia đình có dịp gặp gỡ nhau, để nhớ lại ông bà tổ tiên, và cũng để ăn mừng thành công của mùa màng. Trong những ngày gần Tết, chúng tôi lại nghe tin đồn về việc VC sẽ bỏ cái Tết truyền thống Việt Nam để dùng Tết Dương Lịch thay vào hoặc dùng ngày Độc Lập của chúng để ăn Tết! Chúng tôi bảo nhau rằng đó là một ý kiến tồi tệ nhất vì họ không

thể cấm được dân chúng tự ăn Tết lấy. Nhưng rồi Ban Giám Thị trại đã cho chúng tôi sửa soạn cái Tết đầu tiên trong trại như là một hành động để đánh tan dư luận ấy.

Mỗi khối có những nhóm khác nhau để lo chuẩn bị Tết gồm các tiết mục như ca nhạc, kịch, múa lân, làm báo tường, và trang trí. Bên cạnh đó thì có một nhóm để làm chung cho toàn trại như làm bánh chung và bánh tết. Bánh chung để tượng trưng cho đất mẹ, và bánh tết thì để nhắc nhở công trạng của vua Quang Trung đã đại phá quân Thanh nhân ngày Tết.- Làm cây nêu như một tượng trưng cho việc bảo vệ gia đình người Việt, và tổ chức những trò chơi chung như bóng chuyền, đá banh, nhảy bao bố, và bóng bàn.

Ngoài việc lo trang trí cho khối 3, tôi còn phải phụ làm cây nêu cho toàn trại. Cây nêu là một cây tre cao để treo những thứ tượng trưng như cái khánh, bánh pháo (giã), và câu liễn đỏ viết chữ Tàu. Hai trại viên khác cùng với tôi được cán bộ dẫn đi lấy cây tre để làm cây nêu. Hôm đó là ngày 23 Tết, ngày đưa tiễn ông Táo, vị thần giữ nhà về chầu Thượng Đế. Gia đình người Việt thường tổ chức cúng tiễn ông Táo bằng những phẩm vật. Chúng tôi đến nhà của một người dân ở gần trại để xin họ một cây tre trong lúc họ đang cúng vái. Họ đã hỏi chúng tôi về cuộc sống trong trại, cho chúng tôi một ít đồ cúng và còn bảo rằng họ chỉ cho chúng tôi thôi chứ không cho cán bộ đâu!

Tôi rất lấy làm ngạc nhiên về cách nói này vì tôi nghĩ những người dân vùng này thường giúp đỡ VC trong chiến tranh. Khi thấy tên cán bộ ra ngoài, một bà cụ bảo chúng tôi rằng trong chiến tranh gia đình bà đã nuôi giấu VC, nhưng bây giờ thì chính họ lại bị bóc lột tận xương tủy. Trong chế độ cũ, họ không phải đóng thuế nông nghiệp, nhưng dưới cái gọi là chính quyền cách mạng, họ phải đóng góp hầu như tất cả những gì mà họ làm được cho cái thuế nông nghiệp ấy. Dân chúng càng lúc càng nghèo trong khi VC thì càng ngày càng giàu có.

Tám tháng ở trong trại và mười tháng kể từ ngày “giải phóng”, đó là lần đầu tiên tôi nghe những lời bày tỏ sự bất bình của người dân trong xã hội mới. Những người dân này lại là những người đã từng giúp đỡ VC trong chiến tranh. Tôi không dám tham gia vào cuộc nói chuyện mà chỉ lắng nghe và gật đầu.

Chúng tôi định sẽ treo đèn lồng trong trại và trong các phòng. Vài khẩu hiệu với những câu như: Chúc mừng Năm Mới hay Mừng Tết Bính Thìn, 1976 được treo ở cổng chính của trại và ở mỗi khối. Chúng tôi cắt những bông giấy màu vàng và màu hồng dán trên các cây trong trại để tượng trưng cho hoa mai và hoa đào. Hoa mai để tượng trưng cho Tết ở miền Nam, và hoa đào để tượng trưng cho Tết miền Bắc.

Trong những ngày Tết, các gia đình người Việt thường có những món tượng trưng như dưa hấu, pháo đỏ, bánh chung và hoa mai, hoa đào. Chúng tôi cũng có hầu hết những thứ đó, nhưng có điều chỉ là những thứ giả mà thôi! Lần đầu tiên ăn Tết trong trại, chúng tôi đón mừng Tết một cách buồn bã thay vì vui tươi mặc dù chúng tôi đã chuẩn bị tất cả một cách chu đáo.

Vài ngày trước Tết, thời tiết hơi se lạnh và màu trời vàng vọt. Gió nhẹ thổi qua ngọn đồi Long Thành khiến tôi nhớ vô cùng cái Tết ở nhà cách đó khoảng 50 cây số. Ai đang chúi bộ lư trong nhà mà tôi vẫn thường chúi hàng năm? Tôi vẫn nhớ giọng nói oang oang của bà ngoại tôi đang hướng dẫn em gái tôi làm bánh mứt, những thứ đặc biệt vào mấy ngày Tết; đôi khi tôi cũng giúp bà để quây nồi bánh đậu xanh. Còn đâu

hơi thơm quen thuộc và ấm áp của hương trầm bao phủ khắp nhà đêm giao thừa. Mẹ tôi vẫn thường làm việc trong tiệm may của bà cho đến nửa đêm giao thừa, và có lúc tôi cũng phải phụ bà để hoàn tất công việc bởi vì những người thợ may thường đã về nhà họ để ăn Tết. Tôi không hề quên được cách xếp đặt bàn thờ để đón ông bà. Mọi thứ dường như hiện ra rất rõ trong tôi trong những ngày Tết đầu tiên xa nhà này. Không có gì có thể thay thế được cái Tết trong gia đình! VC bảo rằng chúng tôi cần phải làm quen với cuộc sống cộng đồng. Chúng tôi phải làm sao đây nếu chúng tôi không muốn sống cộng đồng? Mọi người chuẩn bị cho ngày Tết mà không ai có vẻ hứng thú một chút nào.

Đêm giao thừa, ban giám thị và các cán bộ đến từng phòng giam chúc Tết cho chúng tôi. Chúng tôi phải thức để đón họ cho đến quá nửa đêm. Họ chúc rằng chúng tôi sẽ đạt được tiến bộ trong cải tạo ngổ hầu sớm về với gia đình, nhưng không một ai còn tin tưởng vào những lời nói của họ nữa. Trong ngày đầu năm, chúng tôi cũng chúc mừng nhau như một thói quen, nhưng tôi biết đó chỉ là phép xã giao mà thôi!

Những trò chơi đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng, nhưng chỉ có vài trại viên ghi tên tham dự. Chúng tôi không thể nào lập được hai đội banh để chơi bóng tròn mà chỉ có chơi bóng chuyền giữa ba khối 1, 3 và 4. Điều ngộ nghĩnh mà tôi vẫn nhớ là trong lần thi đấu nhảy bao bố thì hai người đạt giải nhất lại là hai người có một chân: đó là Nhân, nguyên là cộng tác viên của tôi, và ông Đại Tá Phần, nguyên đô trưởng Sài Gòn.

Mọi người vẫn hy vọng một cách mơ hồ về việc tha ra khỏi trại vào ngày Tết, nhưng rồi 3 ngày Tết đã trôi qua trong lặng lẽ. Sau Tết vài ngày thì những chiếc xe chở đầy gạch xi măng đem vào trại. Chúng tôi tự hỏi họ đang định làm gì đây? Tôi thì nghĩ VC đang chuẩn bị để xây tường để củng cố trại. Chúng tôi lại phải đem gạch chất thành đồng dọc theo hai bên con đường chính, và rồi sau đó thì những bức tường lại được xây lên dọc theo 2 bên đường, bao quanh trại, và ngăn cách các nhà với nhau. Không gian của chúng tôi càng lúc càng hẹp lại dần

Chương 19. Thăm Nuôi Lần Đầu

Ngày 19 tháng 8 năm 1976, để mừng sinh nhật của Hồ Chí Minh, chúng tôi không đi lao động mà đi lên hội trường. VC gọi đó là lễ chào mừng ba ngày lễ lớn gồm có ngày 19 tháng 8 sinh nhật Hồ Chí Minh, ngày Nam Bộ Kháng Chiến 23 tháng 8 và ngày lễ Quốc Khánh 2 tháng 9. Tôi chẳng muốn lên hội trường để nghe những bài diễn văn của chúng, nhưng chẳng có đường nào để tránh. Thêm nữa, chúng tôi không phải đi lao động và còn có ăn tươi, ít ra cũng có một ít thịt.

Cờ xí và biểu ngữ treo đầy trong hội trường trước đó mấy ngày. Kể từ khi Việt Nam thống nhất, chúng tôi không còn nhìn thấy lá cờ ba màu của cái gọi là Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam ở đâu nữa mà chỉ còn thấy lá cờ máu của Bắc Việt. Thêm một lần nữa, người dân miền Nam đã bị lợi dụng lòng yêu nước để VC biến cả nước thành một nước Cộng Sản. Tôi tự hỏi không biết ai là Ngụy đây?

Trang trí trong hội trường luôn luôn như cũ với tám hình Hồ treo giữa bức tường cuối, gần bên cái bục nơi các cán bộ ngồi, câu khẩu hiệu “không có gì quý hơn Độc lập, Tự

do” phía dưới. Lần này thì chúng tôi ngồi trên những hàng băng ghế chứ không ngồi dưới đất nữa. Kể từ khi bắt đầu lao động, trại viên trong khối 2 làm trong hội trường để đan rổ rá, làm chổi, và vài sản phẩm bằng tre. Vì họ đa số lớn tuổi nên được phân công làm những việc nhẹ hơn. Thêm vào đó thì cũng không đủ đất cho gần hai ngàn trại viên lao động. Những trại viên trong khối 2 đã thu nhặt gỗ ở những căn lều cũ cho nạn nhân chiến cuộc để làm những hàng ghế băng trong hội trường. Những cây gỗ mười phân vuông đã được chôn xuống nền đất của hội trường để làm chân ghế và đóng thành những thanh ngang để làm mặt ghế. Những hàng băng ghế này ngồi cũng chẳng thoải mái chút nào, nhưng dù sao thì chúng tôi cũng không phải ngồi xuống đất nữa.

Cái bọc cũng đã được làm cố định ở cuối hội trường và đặt sẵn bàn ghế cho cán bộ mỗi lần có hội họp.

Rất nhiều cán bộ vào hội trường sáng hôm ấy. Sau khi đứng lên ngồi xuống mấy lần để chào đón ban giám thị như thường lệ, Thùy, giám thị trưởng giới thiệu nhà văn Hoài Thanh người sẽ thuyết trình về đề tài thơ của Hồ Chí Minh. Thùy nói rằng Hoài Thanh là một nhà văn nổi tiếng của Việt Nam, nhưng không ai trong chúng tôi biết về ông ta.

Hoài Thanh khoảng trên năm mươi, hơi mập và lùn với khuôn mặt vuông và hai gò má bầu. Ông ta mặc áo bỏ vào trong quần chứ không bỏ ngoài như những cán bộ cao cấp khác, và ông ta lại thất cà vạt nữa! Một điều khác đã làm chúng tôi ngạc nhiên là khi ông ta ngồi vào chỗ thì một cán bộ lại đem đến một chai bia thay vì ly nước như thường lệ!

Tôi cũng không nhớ nhiều về những điều mà Hoài Thanh đã nói trong buổi diễn thuyết về thơ của Hồ vì thơ của Hồ rất tầm thường, có thể nói là giống như thi ca hò vè của Việt Nam, có khi còn dở hơn, với những bài thơ lục bát, ngoài một tập thơ bằng chữ Hán tên là “*Ngục Trung Nhật Ký*” mà chúng tôi nghĩ là không phải của hắn ta. Điều duy nhất tôi nhớ về Hoài Thanh là lời mở đầu của ông ta với một câu rất bạo là: “*Thơ của Hồ Chủ tịch sở dĩ hay vì đó là thơ của Hồ Chủ tịch!*” Tôi không biết sao ông ta lại dám nói như vậy trong một bài diễn thuyết cho chúng tôi nghe? Một sự nhạo báng Hồ là một trọng tội trong quốc gia của VC! Nhưng tôi nghĩ chắc là các cán bộ cũng không hiểu ẩn ý của lời ông ta nói vì khi thấy chúng tôi vỗ tay thì họ cũng vỗ tay theo.

Khoảng giữa trưa, sau khi Hoài Thanh rời hội trường, trại phó Bào lên nói vài điều về ba ngày lễ lớn. Để kết luận, ông ta nói rằng để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước, trại cho phép chúng tôi có cơ hội để thăm gặp gia đình trong hai ngày 1 và 2 tháng 9.

Mười bốn tháng kể từ lúc vào trại, có lẽ đây là lúc mà tôi thấy kích động nhất.

Sau khi đã nghe chính sách của Đảng và Nhà Nước về ba năm tập trung cải tạo, tôi không còn tin tưởng được nữa. Đầu tiên thì chúng bảo rằng chúng tôi phải mang theo thức ăn cùng quần áo chăn màn cho một tháng, và bây giờ thì ba năm tập trung cải tạo và sẽ được tha ra khỏi trại khi đạt được tiến bộ. Chúng lại chơi chữ một lần nữa! Thế nào là tiến bộ? Không ai có thể giải thích được hay biết được điều này. Tôi nghĩ rằng điều đó có nghĩa là chúng có thể giữ chúng tôi mãi mãi hay có thể thả chúng tôi bất cứ khi nào nếu chúng muốn.

Con đường trở về với gia đình của tôi đã bị tắt nghẽn! Cuộc sống còn lại của tôi, ngay cả nếu ở ngoài xã hội thì cũng chỉ là một sự vô vọng mà thôi. Sống trong trại cải tạo thì cũng giống như một cuộc sống không có linh hồn. Ngày này qua ngày khác, tôi sinh hoạt như một cái bóng: làm việc, ăn, ngủ với tiếng keng giống như một người máy hoặc như con chó Pavlov. Tâm tư tôi không còn hiện hữu trong tôi nữa. Đôi khi tôi vừa làm việc mà lại vừa nghĩ tới gia đình tôi, ngay cả trong giấc ngủ. Họ chính là cứu cánh của cuộc đời tôi. Được gặp gia đình, đó quả là sự kích thích vô cùng đối với tôi, và với những người khác nữa! Viết thư và hai tuần lễ chờ đợi, quả là lâu.

Tôi cũng không biết viết gì trong thư cho gia đình khi mà bức thư ấy sẽ bị các cán bộ kiểm duyệt cẩn thận. Họ không muốn chúng tôi suy nghĩ nhiều về gia đình để mà an tâm cải tạo và tin tưởng tuyệt đối vào chính sách của Đảng và Nhà Nước. Thật là một điều rất buồn cười khi bảo chúng tôi phải yên tâm để ở tù và tin tưởng vào những lời nói dối của chúng! Nhưng chúng tôi cũng phải nói như vậy như một con vẹt. Ở trong trại cải tạo, chúng tôi không những chỉ bị cưỡng bức lao động mà còn bị cưỡng bức suy tư nữa. Trong bức thư cho gia đình gửi qua cán bộ, tôi chỉ viết để báo tin cho gia đình tôi về việc thăm nuôi cùng ngày giờ và địa điểm, hỏi thăm về bà ngoại tôi, mẹ tôi, về vợ con tôi cùng mọi người trong gia đình. Tôi lên viết một bức thư khác cho vợ tôi và dấu trong cái quai của cái giỏ xách dự định sẽ mang ra cho gia đình tôi hôm thăm nuôi mặc dù tôi cũng biết trước là họ sẽ khám xét rất kỹ. Tôi muốn cho vợ tôi biết rằng ngày trở về của tôi chắc là còn lâu lắm; mà vợ tôi hãy còn trẻ. Tôi muốn cô ta hãy quên tôi đi mà làm lại cuộc đời khác, nhưng rồi tôi lại không đủ can đảm để viết điều ấy. Tôi chỉ viết để khuyến khích vợ tôi hãy sống trong một xã hội mới không có tôi. Tôi yêu cô ấy nhưng lại không muốn cô ấy bỏ phí cuộc đời. Tôi chỉ muốn được gặp con trai tôi và nghĩ rằng vợ tôi sẽ tự nuôi con được cho dù cô ấy có rời tôi đi nữa.

Trong những ngày này, chúng tôi lại bận rộn di chuyển trong trại vì có một số trại viên mới đến. Họ là những thành phần được gọi là nạn nhân của chế độ cũ gái điếm và gái bán bar và được đưa vào trại để được “phục hồi nhân phẩm”, một danh từ mới để thay thế cho việc bỏ tù! Những trại viên mới này được ở trong ba nhà ở khối 1. Chúng tôi phải dọn lại và khối 3 chỉ còn ở trong hai nhà thay vì ba như trước; những cái sạp gỗ của chúng tôi phải được đặt sát vào nhau.

Ngày 1 tháng 9, ngày đầu tiên trong lịch trình thăm nuôi, tất cả chúng tôi rất kích thích. Mọi người đều chọn những bộ quần áo đẹp nhất để chuẩn bị. Sau hơn 14 tháng lao động trong trại, bộ đồ đẹp nhất của tôi là cái quần đã sờn gối và cái áo đã sờn cổ! Khoảng chín giờ sáng, vài người đã được gọi ra để thăm gặp gia đình. Họ mang theo những cái giỏ xách trống, xếp vào hàng để được khám xét, và rồi đi ra. Tôi cũng chờ đợi trong sự nôn nao. Tôi không biết là gia đình mình sẽ lên thăm hôm nay hay ngày mai. Bức thư viết riêng cho vợ tôi cũng đã dấu kỹ trong tay xách của cái giỏ. Tôi nhìn cách khám xét của họ mà cảm thấy hơi an lòng.

Khoảng trưa, Diệp và tôi được gọi cùng lúc; tôi nghĩ chắc hai gia đình đã đi chung vì hai nhà ở gần nhau. Đã bắt đầu đông trại viên được thăm nuôi vào thời gian ấy, do đó việc khám xét dễ dàng hơn. Bà ngoại tôi, mẹ tôi cùng vợ con tôi đến thăm. Tôi nhìn thấy mọi người khi đi đến gần nhà thăm nuôi, đặc biệt là vợ tôi đang ẵm con trong tay. Con tôi trông rất nhỏ nhắn, hoặc là đã quá lâu tôi không nhìn thấy một đứa bé, tôi không biết rõ. Vợ tôi thì trông gầy hơn trước dù rằng cô ấy vốn cũng đã gầy rồi. Tôi cảm thấy tội nghiệp vợ tôi vì đã chịu quá nhiều đau khổ. Ba năm hạnh phúc không đáng để cô ấy phải trải qua những đau khổ này.

Mười lăm phút không thể đủ để chúng tôi nói với nhau những điều muốn nói, và thêm vào đó còn có cán bộ quan sát nữa. Họ luôn muốn chúng tôi nói dối về tình trạng của chúng tôi. Những cuộc đối thoại của chúng tôi toàn là những lời nói dối, nhưng chúng tôi lại hiểu nhau qua những lời nói dối ấy. Tôi thử bế con tôi, nhưng nó lại khóc đòi mẹ. Bà ngoại tôi thì trông rõ ràng là già và gầy hơn, nhưng giọng bà vẫn oang oang. Đó là lần cuối cùng tôi gặp bà, và cái hôn già từ tôi vẫn nhớ mãi. Mẹ tôi không nói lời nào. Tôi nắm tay mẹ tôi và nhìn thấy những giọt nước mắt của mẹ tôi. Mẹ tôi đã chịu đựng quá nhiều đau khổ kể từ khi ba tôi rời gia đình đi vào mật khu và chết trong ấy. Cả cuộc đời mẹ tôi đã hiến cho con cái. Tôi không biết nói gì với mẹ tôi mà chỉ nhìn bà.

Tôi nói nhỏ với vợ tôi về bức thư trong cái quai của túi xách, và vợ tôi cũng cho tôi biết cô ta có viết cho tôi bức thư để trong hộp măm ruốc. Dấu thư trong hộp măm ruốc, một món đồ vừa nhậy nhụa lại hôi nữa, quả là một sáng kiến! Tôi nhìn thấy vợ tôi khóc khi tôi hôn nàng lúc từ già. Mười lăm phút thăm gặp đã trôi qua. Mọi người đứng lên một cách uể oải như muốn kéo dài thêm giây phút già từ! Các cán bộ phải bảo trại viên xếp hàng nhanh lên để vào trại nhường chỗ cho nhóm khác; đó có lẽ là phương cách duy nhất để chấm dứt thời gian thăm nuôi. Tôi xách hai túi quà chậm chạp đi xếp hàng. Vợ tôi quay đi chỗ khác để dấu những giọt nước mắt. Sự nao nức lúc chờ đợi đã nhường chỗ cho sự buồn bã lúc chia tay. Trại viên bước vào trại mà còn quay mặt lại cho đến khi đã đi qua khỏi cổng trại, cánh cổng ngăn cách hai nhà tù: nhà tù của các trại viên trong trại cải tạo và nhà tù cho dân chúng trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Có quá nhiều trại viên thăm nuôi cho nên việc khám xét càng lúc càng dễ dàng hơn. Không có đủ cán bộ, họ cho phép vài trại viên đội trưởng phụ làm việc này. Tôi xếp mọi vật riêng rẽ ra từng cái một trên sàn của hội trường. Cán bộ chỉ đứng quan sát trong khi một trại viên của khối 1 xét đồ đạc tôi bằng cách cầm lên rồi đặt xuống từng món một chứ không hề mở ra. Tôi lo cho bức thư của vợ tôi, nhưng mọi việc diễn ra êm xuôi.

Bức thư mười trang giấy mà vợ tôi đã viết cả tuần trước khi đến thăm tôi. Vợ tôi bảo rằng cô ta sẽ không có thời gian và cơ hội để nói với tôi những điều mà cô ấy đã trải qua từ lúc rời trường Chu Văn An về với gia đình. Điều ấy đã từng xảy ra thế hệ này sang thế hệ khác trong các gia đình ở Việt Nam! Sự xung đột giữa gia đình chồng với người vợ luôn là đề tài chính trong nhiều gia đình. Người Việt Nam thường sống với nhau cả 3 thế hệ dưới một mái nhà, do đó sự đối kháng này khó có thể tránh được, đặc biệt là khi người vợ, một người lạ, sống một mình trong gia đình bên chồng. Cái gọi là mẹ chồng và em chồng là những điều đã xảy ra tự ngàn xưa, tiếp tục đến bây giờ, và không biết còn xảy ra bao lâu nữa? Tôi đã biết điều này từ ngày đầu tiên chúng tôi sống chung, và tôi cũng đã cố gắng để có mái nhà riêng. Nhưng khi vợ tôi trở về lại với gia đình thì mọi cái lại trở lại như cũ, có thể còn xấu hơn vì không còn tôi ở nhà nữa. Điều khó khăn cho vợ tôi là trong xã hội mới này, vì là nhân viên của chế độ cũ, vợ tôi không thể tìm được việc làm nào cho cuộc sống mà phải chia xẻ cảnh nghèo với gia đình tôi. Thêm vào đó, theo một thói tục cũ của Việt Nam, người đàn bà khi đã có chồng thì phải ở chung với gia đình bên chồng một khi người chồng xa nhà, vợ tôi không thể nào làm khác hơn.

Về tình trạng của gia đình tôi, vợ tôi không nói gì rõ ràng mà chỉ viết rằng cô ấy đã phải thường xuyên đi xếp hàng để mua gạo và mọi vật dụng trong gia đình, nhưng ít ra thì cô ấy cũng mua được vài món. Con tôi thì cũng đủ sữa trộn với nước cháo, và mặc dù bà

ngoại tôi rất ghê sợ cà phê sữa, bà cũng phải nhường sữa cho cháu. Không những trong trại chúng tôi học cách nói dối mà cả bên ngoài mọi người đều làm chuyện ấy. Chúng tôi nói dối nhau và lại hiểu nhau qua lời nói dối ấy.

Đất nước thì tả tơi; dân chúng trong nước thì nghèo nàn, nhưng mọi người phải nói rằng đất nước ta giàu đẹp; khó khăn chỉ là tạm thời! (Tạm thời đến bao giờ, hay là mãi mãi?) Tôi biết về tình trạng của gia đình mình nên đã không xin gì cả. Tôi không muốn làm gánh nặng cho họ. Những gói quà của gia đình giúp tôi rất nhiều trong trại, nhưng lại là mối lo cho gia đình tôi vì họ phải chia xẻ cho tôi phần đã quá ít oi của họ. Tôi không thể nào hiểu nổi một quốc gia mà người dân lại phải xếp hàng để mua mọi thứ cần thiết cho đời sống của họ. Đó chính là một minh chứng hùng hồn cho câu nói *“đừng nghe những gì Cộng Sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì mà Cộng Sản làm”*.

Đêm ấy, tôi không thể nào ngủ được mà cứ nghĩ đến gia đình, nghĩ đến những gì sẽ viết trả lời cho thư vợ tôi. Tôi có thể viết gì bây giờ trong cảnh này ngoài việc trấn an cô ta với tình yêu của tôi? Tôi cũng không biết được tình yêu của mình sẽ là sự an ủi hay là nỗi tuyệt vọng cho vợ tôi. Mới có 25 tuổi, cô ấy đã phải đè nén bao nhiêu ham muốn để sống một mình nuôi con và chờ đợi cho một mối tình viên mãn và vô vọng, quả là một hoàn cảnh ngang trái! Trong thư của vợ tôi, cô ấy viết rằng cô ấy rất hạnh phúc khi có được tình yêu của tôi dành cho cô ấy, một mối tình mà không dễ gì ai cũng có được. Cô ấy có ý muốn đợi tôi ba năm như chính sách của Đảng và Nhà Nước quy định cho các trại viên trong trại cải tạo, nhưng điều gì đây nếu đó không phải là ba năm. Cô ấy không biết cô ấy sẽ ra sao đây nếu mà chúng tôi chỉ còn gặp được nhau khi tóc đã bạc!

Tôi trả lời thư của vợ tôi thế nào đây khi mà chính tôi cũng không tin điều mà VC đã nói? Đời tôi thì hình như đã hết rồi, còn vợ tôi thì thế nào? Tôi không muốn ích kỷ, nhưng tôi phải nói gì đây? Tôi vẫn nhớ câu nói: *“mất đất nước vào tay Cộng Sản là mất tất cả”*. Nhưng mà tôi biết rằng vợ tôi sẽ không bỏ tôi được đến khi cô ấy không còn hy vọng gì, hoặc là khi tôi đã chết. Đôi lúc tôi cũng có nghĩ đến cái chết như một sự giải thoát khỏi mọi đau khổ cho chính tôi và cho vợ tôi nữa. Tôi nghĩ đến mọi điều nhưng rồi chỉ viết ra những diễn biến trong tâm tư tôi khi tôi được gặp vợ con và gia đình mình. Nhìn cảnh tượng vợ tôi ôm con, tôi biết rằng cô ấy đang hạnh phúc vì đứa con chính là những gì mà cô ấy đã mong ước.

Ngày 2 tháng 9, ngày lễ Độc Lập của VC, nhưng cũng không có tổ chức lễ lộc gì vì họ bận rộn cho ngày thăm nuôi cuối cùng của trại viên. Tôi không còn chờ đợi ai đến thăm nữa mà chỉ ngồi tại chỗ đọc đi đọc lại bức thư và suy nghĩ về vợ con tôi. Khoảng trưa, Điệp lại được gọi ra để nhận thêm quà. Anh ta cho tôi biết rằng tôi có một gói nhỏ kèm theo. Vợ tôi gửi thêm cho tôi một ít mì khô và quan trọng hơn là bức thư mà tôi nghĩ là cô ấy dấu bên trong. Tôi lục kỹ và tìm ra bức thư nằm giữa cuộn mì khô. Vợ tôi viết về những diễn biến trong tâm tư của cô ấy khi gặp tôi rằng cô ấy đã run rẩy và đổ mồ hôi giống như là bị bệnh khi thấy tôi đi từ trong trại ra. Vợ tôi bảo là cô ấy nghĩ tôi đến từ địa ngục, và nghĩ rằng cô ấy chắc không thể nào gặp lại tôi được. Trên đường về nhà, những người đi cùng còn bảo rằng ai mà hôn vợ sẽ bị phạt khi trở vào trại và hỏi tôi có bị phạt không(?) Cô ấy muốn sẽ vượt qua mọi khó khăn để đợi tôi.

Tôi yêu cô ấy nhiều, nhưng tôi không muốn để cô ấy thất vọng. Tôi không biết làm sao để cho cô ấy biết điều ấy. Mặt khác, cô ấy đang sống trong hy vọng và hạnh phúc với đứa con. Tôi không thể tiêu diệt giấc mơ của vợ tôi. Người ta bảo rằng: sống là hy

vọng; cô ấy đang sống, do đó tôi không thể giết chết sự sống của cô ấy. Trong thư, tôi đã viết rằng tôi sẽ yêu cô ấy mãi cho dù cô ấy có sống trong một cuộc sống khác không có tôi đi nữa! Tôi không muốn cô ấy bỏ phí cuộc đời để đợi tôi, nhưng thật tình thì trong thâm tâm tôi vẫn mong một ngày trở về với cô ấy. Dù không tin vào thời gian ba năm cải tạo như VC đã nói, nhưng tôi vẫn hy vọng điều đó là đúng. Hai mặt trái ngược luôn luôn xung đột trong lòng tôi khiến tôi không đi tới một quyết định nào được nữa.

Thời gian thăm gặp đã hết, trong lúc chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau thì có vài chiếc xe dò trống đi vào trại đậu ở gần cổng chính. Điều gì xảy ra đây? Kể từ khi những người được gọi là nạn nhân của chế độ cũ đến trại chúng tôi cũng chờ đợi cho sự việc xảy ra. Nhưng chúng tôi không mong nó xảy ra quá cận lúc chúng tôi vừa thăm nuôi. Đồ đạc chúng tôi quá cồng kềnh. Chúng tôi phải gói gọn chúng lại mặc dù chưa ai nói điều gì hết.

Mười giờ tối hôm ấy, Tư Điệp và Bảy Sói, hai cán bộ phụ trách khối 3 đến gọi chúng tôi sửa soạn để di chuyển. Chỉ vài người đang nấu ở nhà bếp là còn ở lại để nấu nướng vài ngày chờ bàn giao lại cho những trại viên mới. Chúng tôi hầu hết đã chuẩn bị và chờ đợi, nhưng chưa biết chắc mình sẽ đi đâu. Một nhóm đã đi sang trại Thủ Đức vài ngày trước khi những nạn nhân của chế độ cũ đến. Chúng tôi chắc cũng vậy thôi. Vợ tôi cũng đã nói cho biết rằng Linh, anh rể của vợ tôi đã đi khỏi trại Thủ Đức đến một trại nào đó ở miền Bắc, do đó có lẽ chúng tôi sẽ thay thế các trại viên ở trại Thủ Đức. Vài ngày trước khi thăm gặp gia đình, ban giám thị đã chiếu cho chúng tôi xem phim có tựa đề “Chuyện Chúng Mình” nói về đời sống của một trại viên trong một trại ở miền Bắc, và tôi nghĩ đó chính là chuẩn bị tinh thần chúng tôi cho cuộc di chuyển này. Tôi đã sẵn sàng, không còn lo lắng gì cả vì ít ra tôi đã gặp được gia đình tôi. Nếu điều gì đó xảy đến cho tôi, tôi sẽ chấp nhận nó như một điều dĩ nhiên.

Khoảng nửa đêm, chúng tôi rời khỏi trại Long Thành sau một năm hai tháng mười tám ngày ở trại này.

Phần 3

Trại Cải Tạo Thủ Đức (16NV)



Chương 20. Trại Cải Tạo Thủ Đức

Cảm tưởng đầu tiên khi đến trại Thủ Đức là chúng tôi thật sự ở tù! Trại là trung tâm cải huấn nữ can phạm của thời Việt Nam Cộng Hòa. Nó đã được xây dựng từ thời thực dân Pháp, tôi không biết rõ lắm, nhưng quả thật là rất kiên cố. Gần mười lăm tháng ở trại Long Thành, chúng tôi chưa hề bị nhốt trong phòng giam, nhưng khi vừa đến trại Thủ Đức, điều đầu tiên mà họ làm là khóa trái cửa phòng lại ngay sau khi chúng tôi đi vào.

Trại nằm trong thị xã Thủ Đức, cách Sài Gòn khoảng 15 cây số. Một vòng rào làm bằng tường xi măng bao quanh trại với kẽm gai bên trên. Hai bên của cánh cổng chính bằng sắt là hai vọng gác. Ở mỗi góc tường có một chòi canh. Một cái sân rộng phía sau cổng chính dẫn đến một bức tường ngăn cách sân với khu trại giam bên trong; chỉ có một cánh cổng nhỏ ở bức tường ấy. Vài kiến trúc ở phía góc sân được dùng làm văn phòng cho cán bộ và cho ban giám thị. Qua bức tường ấy, chúng tôi đã phải đi giữa một con hẻm hẹp khoảng một mét rưỡi có hai bức tường ở hai bên trông giống như giao thông hào.

Đầu tiên, tôi được dẫn vào một phòng giam ở khu B. Có hai cái bục xây bằng xi măng cao khoảng một thước ở sát hai bên tường. Phần giữa hai bục ấy là lối đi dẫn đến một cái nhà cầu ở cuối phòng. Những bức tường xây quanh cái sân nhỏ phía trước phòng giam, do đó chúng tôi chỉ thấy được những người cùng buồng giam chứ không thể nhìn thấy được những người ở khác buồng. Bốn mươi người được nhốt trong một phòng giam có một nhà cầu với hai lỗ cầu được thông bằng nước và một vòi tắm. Ít ra thì nó cũng sạch sẽ hơn cái cầu xí ở Long Thành.

Vài ngày sau, họ di chuyển tới đến nhà giam số 4 trong khu A cùng với các bạn khác; chúng tôi chuẩn bị để di chuyển! Hình bát giác của nhà giam số 4 khiến nó trông giống như ngôi nhà thờ. Vài người nói rằng nó cũng đã từng là nhà nguyện cho các nữ tu đạo Công giáo, và trại Thủ Đức này cũng từng là nhà dòng.

Nhà giam số 4 giam được khoảng bốn trăm người. Chúng tôi ngủ trên những cái bục xi măng cao hơn lối đi khoảng một thước. Một cái nhà vệ sinh lớn nằm phía bên phải của phòng giam có bốn lỗ cầu, hai vòi tắm và một bồn rửa mặt. Có rất nhiều khung cửa sổ chung quanh với những song sắt và một cánh cửa duy nhất đi ra một cái sân rộng ở gần cổng đi ra sân trước của trại. Ba buồng giam khác nằm đối diện với phòng giam số 4 cũng thuộc khu A, do đó chúng tôi có thể trông thấy các bạn tù khác ở những phòng giam kia. Tất cả chúng tôi trong khu A là được chuẩn bị để di chuyển. Trại Thủ Đức chỉ là trạm trung chuyển, do đó chúng tôi không phải làm gì cả ngoại trừ người nào muốn tình nguyện đi bữa cử cho nhà bếp.

Mỗi sáng, một cán bộ đến buồng giam để mở cửa; ông ta đứng ở cửa, và chúng tôi phải ngồi tại chỗ đếm số theo thứ tự từ số 1 đến số cuối cùng. Chúng tôi chỉ có nửa giờ để ra ngoài sân phơi nắng hay tập thể dục rồi lại phải vào lại buồng giam để nghe đọc báo cho đến giờ cơm trưa. Buổi chiều, chúng tôi thay phiên nhau để tắm giặt. Sau khi ăn chiều, cán bộ lại đến để kiểm tra trước khi đóng cửa buồng giam; đôi khi chúng tôi phải đứng xếp hàng ở trong sân để đi vào phòng, nhưng thường thì cũng ngồi đếm số trong phòng giống như buổi sáng.

Khi chúng tôi đến trại Thủ Đức, đã có hai nhóm trại viên di chuyển khỏi trại để đi đến trại nào đó ở miền Bắc Việt Nam. Đó là hai nhóm từ trại Long Thành: nhóm thứ nhất đã rời trại Long Thành sau mấy tuần đầu và nhóm nữa thì mới vừa rời trại Long Thành cách đó không lâu. Tôi nghe nói họ được chuyển đi trại Nam Hà ở miền Bắc.

Lần này là đến phiên chúng tôi.

Thời gian ở trại Thủ Đức là lúc mà chúng tôi khỏe nhất trong các trại cải tạo. Ngoài việc không phải làm gì, chúng tôi còn được ăn uống tương đối đầy đủ hàng bữa với cơm và canh cà chua hay bí xanh cùng một ít thịt. Chúng tôi bảo nhau rằng họ bồi dưỡng chúng tôi để sẵn sàng đi lao động khổ sai! Đó là câu nói đùa nhưng cũng không xa với thật tẻ.

Khoảng mười ngày sau, vài nhóm trại viên khác đến lấp đầy các phòng giam ở trại Thủ Đức, và số còn lại ở trại Long Thành cũng được đưa qua đây luôn. Các cán bộ đến phòng giam số 4 để đọc danh sách các trại viên chuẩn bị để di chuyển, ai không có tên thì được dời sang phòng giam khác. Tôi thuộc nhóm di chuyển.

Chúng tôi không làm gì nữa kể từ hôm ấy, chỉ túm tụm nhau bàn tán về cái trại sắp tới.

Hai hôm sau, một cán bộ đến phòng giam số 4 và gọi Tuấn cùng tôi đi hỏi cung, và rồi hai chúng tôi được dời sang một phòng giam khác để số còn lại chuyển đi vào đêm hôm ấy. Họ được di chuyển đến trại Lào Kai và Quảng Ninh ở miền Bắc Việt Nam

Chương 21. Tôi Ở Lại Để Điều Tra

Thật ra thì không có gì đặc biệt để kể về trại Thủ Đức vì đó chỉ là một trạm trung chuyển!

Khi Tuấn và tôi ở lại để bị hỏi cung thì họ chuyển chúng tôi đến khu B của trại.

Ngoại trừ khu A có bốn phòng giam có chung cái sân rộng, các nhà khác trong trại đều được ngăn cách nhau bởi những bức tường, do đó trại viên trong các nhà giam khác nhau không thể trông thấy nhau được ngoại trừ lúc đi lãnh cơm ở nhà bếp. Nhưng luôn luôn có một cán bộ hay một thi đua đi kèm.

Có nhiều loại trại viên được giam ở trại Thủ Đức như: tội phạm hình sự, những người trong cái mà VC gọi là “những tổ chức phản động”, những người đã đứng lên chống lại Cộng Sản sau ngày 30 tháng tư năm 1975, những người tổ chức vượt biên hay vượt biên bị bắt lại, những nhà triệu phú bị bắt khi VC đánh tư sản mại bản trong chiến dịch “cải tạo kinh tế tư bản”, và những nhân viên của chế độ cũ. Họ giam mỗi loại trong mỗi khu khác nhau. Khu A là dành cho những trại viên tạm thời chờ đợi để di chuyển. Khu B giam những nhân viên chế độ cũ và các nhà triệu phú. Khu C giam giữ tội phạm hình sự, các người trong những tổ chức chống đối và thuyền nhân.

Không như ở trại Long Thành, tôi không thể biết được có bao nhiêu trại viên trong trại Thủ Đức vì họ được đưa đến và chuyển đi liên tục và vì chúng tôi không trông thấy nhau.

Cái gọi là khu B thì chỉ có một dãy nhà với hai buồng giam và cái sân phía trước bao quanh bởi các bức tường. Khi được đưa đến đây, đã có khoảng một trăm trại viên khác ở đó trước rồi. Họ đã được chuyển đến từ trại Long Thành và chưa được chuyển đi ra miền Bắc. Tôi rất ngạc nhiên về sự hiện diện của vài người như các ông Cang, nguyên đặc ủy trưởng của cơ quan tình báo, Trang trưởng ban A8, Lương trưởng ban A10, Việp và Nhụ chánh nhất tòa thượng thẩm Sài Gòn. Trong phòng giam số 1, hầu hết các trại viên là nhân viên củ của chính quyền Nam Việt Nam và vài triệu phú như được sĩ La Thành Nghệ, ông vua kềm gai Hoàng Kim Qui. Phòng giam số 2 gồm các trại viên từng làm trong lực lượng cảnh sát và cơ quan tình báo Việt Nam Cộng Hòa.

Chúng tôi không phải làm gì suốt thời gian ở khu B, và do một lý do gì đó mà tôi không rõ, ban giám thị trại lại dường như rất dễ dàng đối với chúng tôi hơn lúc nào hết. Họ không đóng cửa phòng giam cho đến sáu giờ chiều mỗi ngày và cho phép chúng tôi được đi lại trong sân, nấu nướng và tập thể dục.

Cuộc hỏi cung đã được diễn ra gần hai tháng. Đầu tiên tôi phải đi làm việc hàng ngày rồi về phòng viết đi viết lại bản khai báo những điều mà họ hỏi. Sau đó, thỉnh thoảng họ mới kêu tôi lên một lần, và rồi họ không còn gặp tôi nữa vì có lẽ đã xong.

Điều họ muốn hỏi tôi là tất cả những gì mà tôi biết được có liên quan đến “*lực lượng thứ ba*”, những người mà tôi đã theo dõi từ năm 1970 đến 1972 trước khi tôi làm việc cho ban A17. Vài người trong nhóm này đang làm việc cho VC như bà Ngô Bá Thành, hiện đang làm dân biểu trong quốc hội của VC. Họ cũng đã là những người đã từng làm xáo trộn hậu phương để giúp cho VC có thêm cơ hội để thôn tính miền Nam Việt

Nam. Tôi chẳng ưa bọn này vì họ là những người đứng cửa giữa để hưởng lợi của cả hai phía.

Tôi nghĩ rằng những điều mà tôi biết về Lực Lượng Thứ Ba là quá ít ỏi bởi vì lúc ấy tôi chỉ theo dõi họ dưới tư cách là ký giả cho tờ nhật báo “The Saigon Post”. Những gì tôi nhìn thấy về họ chỉ là diện bên ngoài! Bà Ngô Bá Thành là người đã tốt nghiệp Luật khoa ở Đại Học Sorbonne, Pháp; chồng bà ta là Ông Ngô Bá Thành, một bác sĩ thú y làm giáo sư cho trường Đại Học Nông Lâm Súc Sài Gòn. Luật sư Trần Ngọc Liễn thì đã từng làm bộ trưởng quốc phòng thời Đế nhất Cộng Hòa. Đại tướng Dương Văn Minh, chủ tịch của Hội đồng tướng lĩnh của Quân Lực Nam Việt Nam, người đã lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm của nền Đế Nhất Cộng Hòa. Tất cả bọn này đã từng giữ những chức vụ cao ở Nam Việt Nam trước đây. Họ chống đối với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, hay do một lý do nào khác mà tôi không biết, đã liên kết với những tăng lữ Phật Giáo Ấn Quang để hình thành cái gọi là “Lực Lượng Thứ Ba”; một lực lượng mệnh danh là đứng giữa nhưng chỉ chống lại chính phủ Việt Nam Cộng Hòa chứ không hề chống lại VC.

Mọi điều tôi viết cho VC là điều mà họ đã biết rồi vì họ cũng có nhiều người trà trộn trong “Lực Lượng Thứ Ba”. Lực Lượng thứ Ba, những kẻ đã giúp VC thôn tính miền Nam Việt Nam gần đây; tôi không hiểu tại sao VC lại hỏi tôi về họ. Họ đã nghi ngờ điều gì đó chẳng, hay VC muốn có bằng cứ để lật đổ đám này xuống. VC thì luôn luôn làm như vậy với những ai không phải là Cộng Sản. Tôi nghĩ thật là ngu khi họ muốn chiếm một địa vị nào đó trong guồng máy của Cộng Sản mà không gia nhập Đảng Cộng Sản. Ngay cả dù cho họ có muốn gia nhập đảng Cộng Sản đi nữa thì họ cũng chỉ giữ được những chức vụ nhỏ thôi chứ làm sao mà leo lên được những chức vụ cao như lúc họ ở trong chính quyền miền Nam Việt Nam trước đây? VC chỉ sử dụng những người này tạm thời mà thôi để lấy lòng dân chúng; bây giờ đây có lẽ là lúc mà VC muốn loại trừ những người này ra khỏi tổ chức.

Thêm hai đợt di chuyển nữa xảy ra vào thời gian này, nhưng Tuấn và tôi vẫn còn ở lại trại Thủ Đức để điều tra. Hai tháng sau, chúng tôi chuyển đến khu D, bỏ trống khu B cho những trại viên được chuyển đến và chuyển đi.

Chương 22. Khu D Trại Cải Tạo Thủ Đức

Hai tháng sau đó, chúng tôi được dời qua khu D của trại. Đã có thêm hai lần di chuyển ra Bắc nữa xảy ra, nhưng không ai trong nhóm chúng tôi bị chuyển đi. Chúng tôi gồm khoảng một trăm trại viên hầu hết đến từ trại Long Thành. Họ chia chúng tôi thành hai đội: đội 1 gồm những người đã từng làm trong chính quyền Nam Việt Nam cũ và đội 2 gồm những người từng làm trong Lực lượng Cảnh Sát và Cơ quan Tình báo trung ương của Nam Việt Nam. Ngoài ra còn vài người là những người bị bắt trong khi VC đánh tư sản mại bản như được sĩ La Thành Nghệ, và ông vua kẽm gai Hoàng Kim Quy.

Khu D của trại Thủ Đức nằm ở cuối trại trong một khoảng đất rộng khoảng một mẫu được bao bọc bởi bốn bức tường. Một bên tường là khu C, một bên là khu B, và hai phía kia là khu đất trống ngăn cách trại với khu dân chúng chung quanh. Có hai vọng gác nằm ở hai góc tường nối khu D với các khu B và C. Hai cánh cửa rộng khoảng một thước, một mở ra khu đất trống bên ngoài trại còn một thì dẫn vào khu C và đi vào nhà bếp.

Có hai dãy nhà song song nhau và song song với bức tường ngăn cách với khu B: dãy nhà giữa là dành cho các trại viên làm ở nhà bếp và ban thi đua, cái còn lại nằm gần bức tường là phòng giam của chúng tôi. Cả hai đều là nhà gạch với mái ngói và nền gạch bông. Cấu trúc trông rất mới, có lẽ chúng vừa được sửa lại để làm phòng giam.

Hai đội chúng tôi được ở trong hai phòng thuộc căn nhà thứ 2 bao quanh bởi hàng rào kẽm gai với một cái sân chung tráng xi măng ở phía trước. Tôi ở trong phòng giam thứ hai. Đó là một căn phòng rộng khoảng tám thước dài khoảng mười lăm thước, có một gian ở đầu phòng dùng làm nhà vệ sinh. Khi chúng tôi dọn vào, căn phòng trông có vẻ rất mới. Nó trông giống như một nhà kho vừa mới tân trang lại để làm phòng giam. Sơn và nền còn rất mới. Không có gì trong phòng, do đó chúng tôi phải lót chiếu cói lên sàn nhà để làm chỗ ở. Ba dãy chiếu được cách ra bởi một khoảng trống làm lối đi.

Để giảng mừng, chúng tôi phải cột hai hàng dây kẽm vào hai đầu tường dọc theo lối đi. Đồ đạc của chúng tôi thì phải chất xuống chỗ nằm. Căn phòng trông giống như chỗ tạm trú.

Tôi trải tấm pon-sô phía dưới chiếc chiếu cói để ngăn độ ẩm của nền gạch như tôi vẫn thường làm, và đặt cái ba lô vào phía sát tường. Chỗ nằm của tôi sát bên ngưỡng cửa, do đó tôi có thể nhìn thấy được bên ngoài phòng giam dù có đóng cửa đi nữa. Cánh cửa phòng giam làm bằng loại cửa song sắt kéo.

Cán bộ cử Uyên làm đội trưởng đội 2. Họ chia đội thành ba tổ và bảo Đôn, Tuân và tôi làm tổ trưởng. Điều khó khăn cho tôi là trong tổ của tôi đa số là những sếp củ của tôi. Nhưng ở trại Thủ Đức, chúng tôi chưa phải làm lao động nhiều; sự thành lập tổ đội chỉ có mục đích điều hành sinh hoạt hàng ngày mà thôi.

Ban giám thị trại không đóng cửa phòng giam vào ban ngày và cho phép chúng tôi được đi bách bộ trong vòng rào ngăn cách khu nhà. Chúng tôi phải ngồi khoảng hai giờ mỗi ngày để nghe đọc những tờ nhật báo như “Nhân Dân”, “Quân Đội Nhân Dân”, “Sài Gòn Giải Phóng”, và đôi khi tờ tập san “Tuổi Trẻ”. Những tin tức trong những nhật báo hoặc tập san này hầu hết là những tin về những thành công của VC trong các lãnh vực kinh tế và chính trị.

Cửa phòng giam được đóng lại lúc sáu giờ chiều; chúng tôi phải họp tổ đội sau khi ăn cơm tối. Đội trưởng phổ biến những chỉ thị của cán bộ. Thời gian sau, họ cho chúng tôi một TV để trong phòng, và chúng tôi được xem TV thay vào những buổi họp.

Cũng nhờ dịp này mà chúng tôi có dịp xem những ca sĩ mặc áo bà ba với quần đen, quần khăn rằn quanh cổ. Hầu hết những bài ca này chúng tôi đã được học ở trại Long Thành, nhưng những ca sĩ lại hát ở một nhịp điệu nhanh hơn và với một giọng cao hơn, chúng tôi không thể bắt chước được điều này. Những tin tức trong TV thì cũng chỉ là những tin về sự thành công của VC trên các lãnh vực nông nghiệp, kinh tế, và chính trị. Không có điều nào về hiện tình trong nước và quốc tế ngoài những thành công của các nước xã hội chủ nghĩa và sự thất bại của các nước tư bản. Các phim để giải trí thì thường là những phim Liên Xô với những chủ đề nêu bật những ưu điểm của chủ nghĩa Cộng Sản và những mặt xấu của chủ nghĩa Tư Bản và Phong Kiến.

Tình trạng ăn không ngồi rồi ở trại Thủ Đức khiến ngày càng trở nên dài hơn! Chúng tôi phải tìm những gì đó để làm như chơi cờ tướng, viết những thực đơn tưởng tượng, nấu nướng, hoặc tụ tập nhau uống trà và tán dóc. Tôi dùng hầu hết thời gian của mình để tập vẽ chân dung. Đôi khi tôi phải tình nguyện đi chẻ củi nhà bếp để có được thêm phần cơm cháy.

Cuối năm 1976, cán bộ bảo chúng tôi phải canh tác khu đất khoảng một mẫu ở bên ngoài vòng rào trại. Chúng tôi trồng bí đỏ, cải xanh, và rau muống. Mảnh đất cũng quá nhỏ đối với một trăm trại viên nên chúng tôi cũng chỉ làm vào buổi sáng mà thôi.

Tết năm 1977, chúng tôi được phép gặp gia đình. Mẹ tôi cùng vợ con tôi lên thăm tôi trong hai mươi phút như quy định của trại. Trại chỉ cách nhà khoảng mười lăm cây số. Gia đình tôi bảo rằng họ thích như thế vì rất gần nhà, và họ mong sẽ gặp tôi thường xuyên hơn trong thời gian sắp tới. Vợ tôi vẫn còn ở nhà nuôi con và phụ mẹ tôi để làm việc nhà. Con tôi thì cũng vẫn không cho tôi bế nó. Còn mẹ tôi thì cũng vẫn im lặng như mọi khi. Bà đã vượt qua quá nhiều đau khổ để có thể thốt nên lời. Tết năm ấy, chúng tôi có nhiều thứ để ăn Tết, nhưng không ai có thể thưởng thức được vì ai cũng suy nghĩ về gia đình mình ở cách không xa nơi đó là bao. Càng gần nhà thì lại càng nhớ nhà nhiều hơn.

Vào khoảng tháng ba năm 1977, nhiều đứa trẻ được đưa đến ở đây trong khu B của trại. Chúng là những đứa trẻ khó dạy của các gia đình được đưa vào để “học tập cải tạo”, và những đứa trẻ bụi đời bị bắt trong những chiến dịch “làm sạch thành phố” của VC. VC gọi chúng là tàn dư của “Mỹ Ngụy”. Sau đó thì gạch được chở vào đây trong trại. Chúng tôi lại phải di chuyển số gạch ấy chất thành đồng dọc theo khu C và D. Họ đang chuẩn bị để xây dựng thêm, nhưng tôi không chứng kiến được vì sau đó không lâu tôi đã phải chuyển đi trại Tân Lập

Phần 4

Trại Cải Tạo Tân Lập, Vĩnh Phú

Chương 23. Cuộc Hành Trình Đi Vào Địa Ngục

Ngày thứ Bảy 16 tháng 4 năm 1977, chúng tôi không đi lao động như thường lệ! Tên cán bộ vào phòng giam rất sớm báo tất cả trại viên mang đồ đạc ra sân trước để khám xét định kỳ. Ở trại Thủ Đức này, thường chỉ có khám xét khi sắp có sự di chuyển, do đó chúng tôi luôn phải chuẩn bị tư thế để ra đi. Chúng tôi phải mang tất cả đồ vật cá nhân ra sân, đặt riêng rẽ từng cái một và chờ đợi cán bộ hoặc “Ban Thi Đua” đến khám. Theo quy định của trại, chúng tôi không được phép giữ mọi vật bên nhón vì lý do an toàn, không được giữ lương khô, muối, hay tiêu ớt để phòng trốn trại. Nhưng họ có quyền tịch thu bất kỳ cái gì mà họ muốn. Chúng tôi thường giấu những thứ “bất hợp pháp” ở những nơi kín đáo hoặc bỏ lại trong phòng để dùng lại sau này, và nếu chúng tôi có di chuyển thì để lại cho người khác vậy. Cán bộ và Ban Thi Đua cũng biết điều ấy nên họ khám rất chu đáo khắp nơi trong sân cũng như trong phòng giam. Tuy nhiên làm sao họ có thể tìm được hết mọi thứ mà chúng tôi đã cố tình giấu.

Tôi vừa bị một cơn cảm lạnh mấy ngày qua, một thứ bệnh thương hàn thì đúng hơn; tóc tôi rụng khá nhiều! Một trại viên bác sĩ tên Tôn Thất Hưng đã chữa bệnh cho tôi bằng châm cứu, bằng xông hơi lá bạch đàn hái trong trại, và bằng vài viên Tylenol. Vài

người cho tôi biết Tôn Thất Hưng là bác sĩ “dõm” vì anh ta không nói được giọng Huế dù có dòng họ Tôn Thất, một giòng họ hoàng gia ở Huế, và anh ta lại trông quá trẻ so với số tuổi năm mươi theo giấy tờ. Anh ta có cho tôi xem giấy của anh ta là Bác sĩ Tôn Thất Hưng, tốt nghiệp Đại Học Y Khoa Lyon, Pháp, và Văn Bằng Châm cứu tại Tokyo, Nhật Bản. Tôi không biết anh ta là Bác sĩ thật hay giả, nhưng trong hoàn cảnh ấy, tôi chẳng có sự lựa chọn nào khác hơn là giao tính mạng mình cho anh ta. Tôi còn gặp lại Tôn Thất Hưng năm năm sau này khi tôi trở lại trại Thủ Đức; khi đó anh ta không làm Bác Sĩ nữa mà chỉ là một trại viên như mọi người khác. Anh ta được thả vào năm 1985 sau mười năm cải tạo chỉ vì tội xữ dụng giấy tờ giả mạo theo như lúc đọc lệnh tha.

Sáng hôm ấy, tôi có cảm giác sẽ bị di chuyển vì tôi có nghe nói đã có một số trại viên ở nơi khác chuyển tới vào ngày hôm qua. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại có linh cảm này, nhưng kể từ khi bị giữ lại để điều tra sau khi bạn bè tôi bị đưa đi vào năm 1976, tôi luôn luôn chuẩn bị tư thế. Cái thông cáo về ba năm cải tạo vừa ban hành hoàn toàn vô nghĩa đối với tôi; tôi trở thành nghi ngờ khi nghe thông báo của “Đảng và Nhà Nước” về chính sách đối với nhân viên của “Ngụy quân và ngụy quyền”. Họ bảo rằng chúng tôi phải đạt được “Tiến Bộ” trong thời hạn ba năm để được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà Nước! Tôi nghĩ rằng một lần nữa họ lại chơi chữ. Tôi không thể biết tôi sẽ ở trong trại bao lâu, và tôi có thể chịu đựng được bao lâu? Trong thâm tâm, tôi chỉ mong gia đình tôi quên được tôi, coi như tôi đã chết từ những ngày “giải phóng”. Một tháng, một năm, rồi thì ba năm, và rồi bao nhiêu năm nữa tôi phải ở trong trại? Tôi không muốn ở lại trại Thủ Đức vì nó quá gần nhà tôi. Tôi không thích tạo hy vọng cho gia đình tôi để rồi họ sẽ thất vọng khi nhận ra sự thật. Một sự di chuyển thật xa có lẽ là một giải pháp. Với ý nghĩ đó, tôi mang đồ đạc ra sân không một chút lo âu.

Hôm nay Đoàn, một trại viên trong ban thi đua chỉ được phép đứng quan sát trong khi bốn cán bộ khám xét rất kỹ mọi vật của trại viên sau khi họ đã khám xét trại viên từ đầu đến chân! Đó là lần đầu tiên mà chúng tôi bị lục soát cẩn thận như vậy. Tôi đoán linh cảm của tôi chắc là đúng. Sau khi khám xét xong, một cán bộ khác cầm giấy đi đến gọi tên từng trại viên. Ai có tên thì ở lại ngoài sân còn ai không có thì có thể đi vào phòng giam. Trong danh sách, có tên của một trại viên đang bệnh nặng không thể ra sân trước đó, tên cán bộ gọi một trại viên khác điền vào cho đủ số. Tôi thấy vài người bạn tôi như Tuấn, Hạnh, Lộc, Trung, Vinh, Tâm, có trong số ra đi, nhưng vài người khác có chức vụ cao trong Cơ quan như Cang (cựu Đặc Ủy Trưởng), Lương (Giám đốc A10), và Trang (Giám đốc A8) lại trở vào buồng giam.

Chúng tôi được đưa qua khu A của trại Thủ Đức, giam vào trong phòng giữa gần cửa khu. Từ đó, chúng tôi có thể nhìn thấy những trại viên mới chuyển đến, đa số họ tóc tai dài thòng, da rám nắng như những người từ rừng rậm mới ra. Hầu hết họ đều trẻ hơn chúng tôi. Tôi bỗng nghe một giọng ca lập đi lập lại một khúc ca buồn nào nụt: *“Buổi sáng mùa đông, người lính trẻ trong tù, hai tay ôm song sắt, trông ngóng về phương xa. Người lính khe khẽ nói, mình ơi hỏi mình ơi, vì anh không dám giết, nên anh làm tù nhân, vì anh không dám giết, nên anh đành xa em.”*

Vinh, trước là nhân viên của tôi, la lên hỏi những người ấy từ đâu đến, và tôi nghe một giọng từ phòng bên vang lên: Tây Ninh! Tôi đoán có lẽ là họ đã ở những trại trong chiến khu D của Việt Cộng trước đây và giờ đây họ được đưa về để cùng chúng tôi di chuyển đến một nơi khác. Trại Thủ Đức chỉ là một trạm trung chuyển. Từ khi tôi bị giữ lại để điều tra, tôi luôn chuẩn bị tư thế để ra đi vì tôi không nghĩ rằng VC lại giữ chúng tôi ở một nơi quá gần Sài Gòn như vậy. Nhưng vấn đề là bao giờ thì đi, và đi

đâu? Một hải đảo hay rừng Trường Sơn, hay Bắc Việt là những nơi mà tôi luôn nghĩ đến. Trong thâm tâm, tôi vẫn hy vọng đó sẽ là một nơi nào đó ở miền Nam, ít ra tôi vẫn còn ở trên “đất nước tôi”. Tôi chưa thể xem miền Bắc như là đất nước tôi được dù trong thật tế nó là một phần của Việt Nam. Những cái nón cối của người dân miền Bắc, những bộ đồng phục kaki màu vàng, xe đạp, dép râu, và những khuôn mặt đầy sát khí của người dân miền Bắc là những điều quá xa lạ đối với tôi! Trong chiến tranh, chúng tôi đối đầu với VC, nhưng chúng tôi không thù hận chúng; chúng tôi không giận dữ đối với chúng. Khi nói về những người lãnh đạo miền Bắc, chúng tôi vẫn dùng những từ ngữ nhã nhặn. Ngược lại, họ luôn căm thù chúng tôi dường như là họ chỉ muốn giết chúng tôi ngay nếu có thể. Họ đã được dạy căm thù từ khi đi học. Những hình ảnh của những đứa trẻ miền Bắc trong những bộ đồng phục với khăn quàng đỏ la hò những khẩu hiệu dù tọng luôn luôn ám ảnh trong đầu tôi. Con tôi sẽ như thế nào đây trong một thứ xã hội như thế? Ngay cả trong chiến tranh, tôi vẫn chỉ muốn một xã hội đảng hoàng, không phải một thứ xã hội sát máu. Lời ca của bài hát do ai đó đang lập đi lập lại khiến tôi nghĩ đến xã hội tương lai (hay có thể là trong hiện tại). *“Vì anh không dám giết, nên anh làm tù nhân!”* Thật là một hoàn cảnh bi thảm.

Bữa ăn trưa và chiều được Cang và Trang, những sếp cũ của chúng tôi mang đến. Họ không dám nói chuyện với chúng tôi mà chỉ nhìn chúng tôi bằng một cái nhìn buồn bã. Trong trại, những trại viên được ở lại ít ra đã biết tình trạng sống của họ, còn những trại viên ra đi phải chấp nhận mọi điều xấu xảy ra cho họ ở nơi khác. Tôi nghĩ tôi phải chấp nhận mọi điều xảy đến cho tôi vì tôi đã đặt cuộc đời tôi trong tay kẻ thù. Điều tốt nhất là im lặng chịu đựng những bất hạnh xảy đến, ngay cả cái chết nếu cần thiết. Tôi nhớ đến lý thuyết của nhà Phật dạy rằng *“sống gửi, thác về”* để tự an ủi mình.

Khoảng nửa đêm, trong khi đang ngủ thì một cán bộ vào phòng giam gọi chúng tôi dậy chuẩn bị lên đường. Tôi đã sẵn sàng cho việc ấy, nhưng không nghĩ là nó đến quá nhanh như vậy. Tôi vội vàng bỏ quần áo, chần màng vào balô. Một ít thức ăn còn lại lúc thăm nuôi hôm Tết như một hộp đường, một hộp bột gạo lứt, một ít thịt chà bông, tôi cố nhét chúng vào hai cái túi nhỏ của balô. Cái pon-sô được cột chặt vào bên cạnh ba-lô, cái bi-đông nước uống phía bên kia, và chiếc chiếu cói đặt lên trên, xong tôi gài chặt nắp ba-lô lại. Mọi vật chuẩn bị giống như lính chuẩn bị hành quân. Tôi thử ba-lô lên vai xong bỏ lại xuống sàn ngồi đợi. Mọi người trong phòng giam đã xong xuôi. Đèn ngoài sân đột nhiên bật sáng. Cán bộ đi lại và nói chuyện ồn ào. Tôi nghe tiếng xe phía bên ngoài tường rào ngăn cách trại giam với cổng chánh.

Khoảng hơn một giờ sau, một cán bộ cùng hai người vũ trang đi vào phòng giam kêu tên từng trại viên. Chúng tôi sắp hàng đi theo hai tên cán bộ vũ trang qua cánh cửa nhỏ đi ra ngoài sân trước. Vài chiếc “Molotova” đã đậu sẵn đó và chúng tôi được đưa lên sân che kín của một chiếc xe sau khi đã bị còng hai người chung vào một bằng một loại còng thô sơ do những lò rèn ở địa phương làm ra. Loại còng này không có dây xích nên tay chúng tôi không thể cử động được dễ dàng. Đó cũng là lần đầu tiên tôi bị còng, tuy nhiên tôi chẳng nghĩ gì cả và cũng chẳng thấy xấu hổ nữa. Tôi chấp nhận điều này như một chuyện dĩ nhiên trong trại, và rồi có lẽ tôi còn sẽ phải chấp nhận bao nhiêu điều xấu hơn nữa. Hai tên cán bộ vũ trang ngồi ở hai bên sau của xe và mỗi xe chứa khoảng bốn mươi trại viên. Chúng tôi phải chờ cho đến khi đủ 410 trại viên lên xe. Xe rời khỏi trại Thủ Đức vào khoảng bốn giờ sáng ngày 17 tháng 4 năm 1977, tôi đã ở trại này đúng bảy tháng 12 ngày.

Mười chiếc Molotova cùng một chiếc xe nhỏ dẫn đường rời cổng trại vào sáng sớm, nhưng cũng đã có một vài xe đạp trên đường phố. Tôi thấy ai đó trong xe ném vật gì xuống đường, và sau này tôi mới biết họ đã gửi thư về nhà báo tin di chuyển. Tôi không biết thư có tới nhà không, nhưng tôi nghĩ đó quả là một hành động gan liều vì rất dễ bị trừng phạt nếu bị phát hiện.

Lần này, đoàn xe không che dấu lộ trình mà đi thẳng ra Tân Cảng trên xa lộ Sài Gòn – Biên Hoà cách trại Thủ Đức khoảng mười lăm cây số.

Chúng tôi được tháo còng và leo lên chiếc tàu *Sông Hương*. Vài người cho biết đó là tàu *Việt Nam Thương Tín*, tàu đã từng đưa một số người di tản từ đảo Guam trở về Việt Nam trước đây. Bốn trăm mười người chúng tôi được đưa vào một hầm tàu đầy bụi than. Hầm tàu rộng khoảng 200 thước vuông cao khoảng bốn thước chỉ có một lỗ trống vuông mỗi cạnh khoảng sáu thước ở phía trên. Cạnh vách hầm ở phía giữa có một nhà xí làm bằng nan gỗ bọc chiếu cói. Bàn cầu là một cái bàn có khoét lỗ tròn trên mặt bàn và một cái xô đặt phía dưới. Chúng tôi phải trải chiếu trên sàn hầm bằng sắt để chiếm chỗ riêng, tuy nhiên vì hầm tàu quá nhỏ so với số 410 người nên mỗi người chỉ vừa một chỗ để ngồi dựa trên đồ đạc. Tôi được lên tàu sớm nên giành được một chỗ khá cao ở góc hầm nơi để những bao than. Điều này giúp tôi rất nhiều vì sau một ngày lênh đênh trên biển, phân và nước tiểu từ nhà cầu lan ra lênh láng trên sàn. Trên bốn trăm người mà chỉ có một cái xô nhỏ không thể nào đủ để đựng những thứ tiêu hoá.

Thức ăn và nước uống được thông xuống từ trên sàn tàu bằng một sợi dây qua cái lỗ. Họ cho chúng tôi ăn mì gói. Tôi đột nhiên nhớ đến những con gấu trong sở thú Sài Gòn mà trước đây thỉnh thoảng tôi vẫn đi xem. Chúng tôi trông giống những con thú bị nhốt trong hầm và được những người nuôi thú cho ăn từ trên cao. Điều tệ hại hơn là có quá đông lũ chúng tôi trong một cái hầm nhỏ và dơ dáy; trong khi đó chỉ có vài con thú được nhốt trong một cái hầm được dọn dẹp sạch sẽ hơn. Tôi không thể ăn được gì trong những ngày này vì quá mệt và hôi hám! Mỗi khi quá đói, tôi cố nhắm nháp một ít mì gói khô và nhấp một ngụm nước để tránh việc đi tiêu tiểu tiện càng nhiều càng tốt. Tôi không muốn bước trên sàn tàu đầy những thứ bẩn thỉu!

Tàu rời cảng khi trời bắt đầu sáng. Tôi nghĩ chắc khoảng tám giờ. Tuân, bạn tôi và tôi cá nhau đoán nơi mà chúng tôi sẽ đến. Tôi đoán một nơi nào đó ở miền Bắc, còn Tuân thì bảo đảo Côn Nôn, nơi đã từng giam những trọng tội và tù chính trị của chính quyền Nam Việt Nam trước đây. Tôi không hiểu tại sao tôi lại đoán chúng tôi sẽ đi ra miền Bắc. Có lẽ tôi đã nghe nói đến những đợt đi ra Bắc trước đây. Tôi không biết chắc các bạn tôi đã bị đưa đi đâu, nhưng tôi biết họ đã bị di chuyển đến một nơi nào đó ở miền Bắc Việt Nam.

Từ khi Tuân và tôi bị giữ lại để điều tra, đã có thêm ba chuyến di chuyển ra Bắc nữa, vậy thì lần này tôi nghĩ chắc cũng không khác. Chúng tôi đợi tàu ra đến biển để nhìn hướng mặt trời. Vài người khác cũng nhập bọn với chúng tôi để suy đoán. Chúng tôi chưa thể biết tàu đã ra đến biển chưa, nhưng đến sau bữa ăn trưa đầu tiên khi mặt trời nghiêng về hướng tây, chúng tôi đoán có lẽ tàu đã ra biển và dựa vào hướng của mây bay cùng với hướng của bóng mặt trời chúng tôi biết tàu đang tiến theo hướng Bắc. Mọi người đều thất vọng. Chúng tôi trong thâm tâm đều hy vọng ít ra chúng tôi vẫn ở miền Nam cho dù ở bất cứ trại nào!

Bốn trăm mười trại viên trong đó có khoảng 50 người từ khu D trại Thủ Đức, những người từng làm trong chính quyền Nam Việt Nam, trong Lực lượng Cảnh Sát, Tình Báo, và khoảng năm mươi từ khu C, những người trong những tổ chức chống Cộng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 như “Lực Lượng Phục Quốc” của Đạo Công Giáo, những Giáo Phái Cao Đài, Hoà Hảo. Số còn lại đến từ Tây Ninh gồm những sĩ quan Cảnh Sát từ Trung Sĩ đến Trung Úy. Họ hầu hết trẻ hơn chúng tôi. Chúng tôi đang tiến về Bắc Việt, một vùng đất hoàn toàn xa lạ với chúng tôi dù rằng thật ra đó là một phần của lãnh thổ Việt Nam. Chúng tôi đã từng nghe nhiều điều về miền Bắc, về sự đói nghèo của phần đất ấy, về cái gọi là “sắt máu” của Cộng Sản Bắc Việt. Lần này có lẽ chúng tôi có cơ hội để nhìn sự thật.

Xế chiều, tàu trôi tròng trành như đang gặp bão. Vài người bị say sóng ói mửa khắp khoang hầm trộn lẫn với phân và nước tiểu tạo thành một mùi hôi thối khó chịu. Vài người dùng nước để rửa, nhưng càng làm cho khoang hầm dơ bẩn hơn lên. Những chỗ gần cầu xí bị vây bẩn nên một số người phải dời sang những chỗ cao hơn làm cho khoang hầm trở nên chật chội hơn. Không ai có thể ngủ được trong tình trạng đó.

Tôi ngồi bó gối nghĩ đến gia đình, vợ con tôi. Họ sẽ như thế nào khi biết tôi đang di chuyển đến một nơi vô định? Lần sau cùng gặp con tôi, nó không cho tôi bế! Tôi muốn mở ba-lô để lấy hình ra xem, nhưng không được vì quá chật chội, tôi đã phải nhường chỗ cho bạn bè. Thêm vào đó, tôi không muốn làm việc ấy trước mặt mọi người. Ai cũng nghĩ đến gia đình trong hoàn cảnh ấy nhưng cũng phải che dấu đi bằng mọi cách.

Đột nhiên, một giọng hát từ đâu đó cất lên với bản nhạc “Ngày Anh Xa Vắng”. Mọi người im lặng lắng nghe. “*Đợi chàng một hai năm, hay là cả đời xuân xanh, ngày nao đâu pha tuyết sương, vẫn mong tái ngộ một lần.*” Bài ca được viết cho người vợ có chồng đi chinh chiến, nhưng trong hoàn cảnh ấy, lời ca lại thích hợp hơn lúc nào hết. Người đang ca là Hồ, trong nhóm trại viên từ Tây Ninh. Hồ không phải là ca sĩ; giọng anh lại không trau chuốt, nhưng rất buồn. Anh có diện mạo của một người đàn bà với dáng vẻ ẻo lả. Sau này chúng tôi thường gọi anh là “chị Hồ”, tuy nhiên trong cuộc sống chung, anh có nhiều nghị lực hơn mọi người tưởng.

Khi giọng ca của Hồ chấm dứt, nhiều người tham gia thay phiên nhau hát những bài “nhạc vàng” đã lâu bị cấm đoán trong trại. Vài người dùng muỗng gõ nhịp. Đám đông bắt đầu tụ tập quanh Hồ. Gần hai năm từ cái ngày “giải phóng”, tôi hứng khởi lắng nghe những bản nhạc quen thuộc của ngày xưa. Mọi người dường như quên đi hoàn cảnh bi thảm đang diễn ra! Không ai ca hay; cũng không có nhạc cụ nào đệm theo, nhưng những bản nhạc xưa dường như thấm sâu vào tâm tư mọi người. Gần gũi với “nhạc cách mạng” hầu như hàng ngày từ lúc vào trại, chúng tôi khát khao được nghe những dòng nhạc êm ái của “nhạc vàng” để xoa dịu tâm tư và cũng để gọi lại những kỷ niệm của ngày xưa. Không ai dám ca nhạc vàng trong trại vì chẳng ai muốn bị kỷ luật. Nhưng giờ đây trong hoàn cảnh bi thảm này, tôi nghĩ chẳng ai còn lo sợ đến “chánh sách” nữa.

Đám đông tiếp tục đến khoảng nửa khuya, nhưng rồi lơi dần. Bỗng nhiên có một nhóm trại viên đánh nhau và la lối ở bên khu dành cho khu C trại Thủ Đức. Mọi người nhìn cảnh ấy, nhưng không ai muốn can thiệp vào. Một nhóm trẻ trong nhóm “Thanh niên Phục Quốc” đang đánh một trại viên mà chúng cho rằng đã làm “ăn-ten” ở khu C. Những người bị cho là “ăn-ten” là những trại viên đã báo cáo lên cán bộ những việc

xảy ra trong trại viên. Có đôi khi một người bị nghi ngờ làm “ăn-ten” chỉ vì người ấy làm đội trưởng và không đủ khôn khéo để làm vừa lòng mọi người, nhưng cũng có khi vì người ấy muốn tiến bộ để sớm về với gia đình. Sống trong trại không đơn giản như ngoài xã hội vì phải đối phó với nhiều hạng người mà không thể tránh va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, còn phải tránh sao khỏi là mục tiêu đối với cán bộ nữa. Tôi đã chọn một thái độ “nín thở qua sông” từ lúc vào trại đầu tiên là trại Long Thành, nhưng đôi khi tôi không tin tôi có thể làm vừa lòng mọi người. Ca dao Việt Nam nói rằng: *“Ở sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười ở hẹp người chê.”* Sống trong trại cải tạo, tôi luôn cảnh giác với việc đổ cho trại viên khác là “ăn-ten”. Vài người vì ghét nhau thường hay nói xấu nhau, ai biết được? Tôi nghĩ rằng cách tốt nhất là im lặng quan sát một cách kỹ càng để tự bảo vệ lấy bản thân mình.

Một lúc sau, ba trại viên từ khu C là Long, Tri và Dũng đi về phía của khu D tìm Uyên và Đôn định “thanh toán”. Chúng cho rằng Uyên và Đôn là “ăn-ten” ở khu D trại Thủ Đức. Tôi không chắc điều này, tuy nhiên tôi nghĩ Uyên và Đôn đều là những người có học, Uyên tốt nghiệp Đại Học Văn Khoa còn Đôn là Kiến Trúc Sư, tôi nghĩ họ không thể dễ dàng làm “chó săn” cho Cộng Sản. Nhưng ai mà biết được? Tuân và tôi khuyên những người ấy đừng làm những điều thiếu suy nghĩ như vậy vì chúng tôi chưa biết chắc gì về Uyên và Đôn. Ngoài ra, điều gì sẽ xảy ra sau này vì chúng ta vẫn còn đang ở trong trại?

Sự lộn xộn này đã làm đứt đoạn những bản “nhạc vàng”; mọi người về chỗ riêng ngồi im lặng dựa vào những đồng đồ đạc mà nhìn lên trời. Không ai có thể ngủ được trong hoàn cảnh ấy. Tôi nhắm mắt cố tập trung tư tưởng. Không lâu sau khi vào trại, tôi thử tập một vài điều mà tôi biết được về Yoga. Hàng đêm trước khi đi ngủ, tôi thường ngồi xếp bằng một lúc, hai tay đặt trên đùi, mắt nhắm lại, và tập trung tư tưởng cố không nghĩ đến gì cả. Tôi thường tập như vậy để tách mình ra khỏi những hoàn cảnh khó khăn. Đôi lúc trong lúc mơ màng, tôi cảm thấy mình nhẹ như lông, dường như có thể bay khỏi mặt đất; đôi lúc, tôi bị chìm vào giấc ngủ say mơ thấy mình đang ở trên một cánh đồng đầy hoa cỏ, mỗi bước đi như những cánh chim bay bổng, hoặc mơ giấc mơ của một cậu bé học trò đang cắp sách đến trường mà mỗi bước đi trên đường như có cánh dưới chân. Thức dậy, tôi thử phân tách những giấc mơ ấy, nhưng không thể được! Tôi nghĩ rằng đó chỉ là những ước mơ của tự do khi tôi đang bị giam hãm trong tù.

Sáng sớm hôm sau, một trận mưa nhỏ làm cho tình trạng hầm tàu trở nên bi thảm hơn. Trại viên dùng mọi vật có được để che thân và đồ đạc. Nước mưa trộn với phân và nước tiểu tạo thành những vũng nhầy nhụa trên sàn hầm rất khó tránh khi muốn di chuyển. Hầm tàu càng lúc càng bẩn thỉu! Trại viên phải ngồi co lại tại chỗ tránh di chuyển trừ trường hợp cần thiết. Thức ăn cùng với nước trong thùng được thông xuống từ những cái giỏ tre, trại viên cử người nhận rồi chia cho nhau. Dù rằng chúng tôi quá đói và mệt, không ai có thể ăn hay ngủ được giữa mùi hôi thối ấy! Tôi không biết điều gì ghê gớm hơn đang chờ đợi ở trại miền Bắc, nhưng tôi vẫn mong tốt hơn là hãy ra khỏi nơi này để tránh được tình trạng quá tệ hại.

Khoảng sau khi phát phần ăn trưa, tàu ngừng lại. Vài trại viên trước là Hải Quân Việt Nam đoán rằng tàu cập bến nào đó ở miền Trung, có thể là Cam Ranh hay Đà Nẵng, bởi vì quá sớm để đến Bắc Việt. Tôi không biết có đúng vậy không, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn mong chúng tôi sẽ được đưa đến một trại ở miền Trung để ít ra chúng tôi còn được ở trên phần đất nước của chúng tôi. Bắc Việt quá xa lạ với chúng tôi dù rằng

thực tế thì đó cũng là phần lãnh thổ của Việt Nam. Trong niềm mong mỏi đó, chúng tôi đặt mọi thứ vào lại trong túi ba-lô chuẩn bị rời tàu. Ít ra thì chúng tôi không còn ở trong căn hầm bắn thủ này!

Chúng tôi chờ đợi, chờ đợi, và đợi chờ cho đến trời tối. Trời vẫn còn mưa, nhưng cũng đã nhỏ dần. Chúng tôi không nhận được mì gói cho bữa ăn chiều như thường lệ mà chỉ được dưa hấu. Không có gì để cắt ra, chúng tôi đành phải đập dưa vào sàn tàu. Vỗ dưa ném vào những vũng lầy nhầy làm cho sàn hầm thêm kinh khủng. Nhưng không ai còn để ý nữa vì ai cũng nghĩ sẽ rời nơi này.

Khi trời đã tối hẳn, mái che hầm tàu mở rộng. Một chiếc thang được thông xuống cho mọi người lần lượt leo lên boong. Vài hòn đảo nhỏ hiện ra mờ mờ từ đằng xa, đôi ba chiếc thuyền với những cánh buồm cuộn nhiều mùi đặc trưng của miền Bắc khiến chúng tôi biết rằng chúng tôi đã đến cảng Hải Phòng. Không còn Nam Việt Nam, không còn miền Trung nữa, chúng tôi đã đến miền Bắc Việt Nam, đến trung tâm của Cộng Sản Việt Nam! Mọi người đều thất vọng.

Phía bên kia đầu tàu cũng có trại viên leo lên boong. Chúng tôi không biết còn có thêm một hầm tàu khác nữa. Chúng tôi đứng vào hai hàng, một cán bộ cùng hai người đứng cạnh nhau trước khi chúng tôi lên bờ. Tay phải tôi cùng chung vào tay trái của Nghiệp, bạn tôi, chúng tôi bước lên hai tấm ván bắt từ tàu lên bờ. Với cái còng không dây còng hai tay của hai người, một khi tay người này di chuyển, tay người kia cũng phải di chuyển cùng chiều để tránh bị téo tay, do đó Nghiệp và tôi di chuyển rất khó khăn trên cầu. Tôi được nghe kể rằng trong lúc lên bờ, có hai người từ nhóm bên hầm kia bị rơi xuống biển mất tích mà không ai cứu. Vài người nghĩ rằng họ tự tử, nhưng tôi thì cho rằng một người trong họ bị trượt và kéo theo người kia; họ không thể gượng lại được vì cái còng và đồ đạc nặng nề trên vai.

Một hàng xe đồ đang chờ sẵn trên bến. Nghiệp và tôi lên ngồi vào giữa chiếc xe đầu vì chúng tôi lên sớm. Lúc ấy vào khoảng 6 giờ chiều nhưng trời tối vì đang mưa lâm râm. Tháng tư ở miền Bắc trời vẫn lạnh vì mưa phùn gió bắc, đó là những gì mà tôi thường đọc trong sách nói về miền Bắc. Chỗ ngồi chúng tôi ở phía tài xế nên tôi ngồi phía cửa sổ xe có thể nhìn quang cảnh bên ngoài. Bến cảng nơi chúng tôi lên hoàn toàn hoang vắng. Cầu tàu đổ nát vì đã bị nhiều trận bom. Ánh sáng từ những chiếc thuyền buồm trên vịnh Hạ Long lấp loáng từ xa. Bóng của những hòn đảo nhỏ trông như những con quái vật khổng lồ vươn lên từ biển cả. Đó là một thắng cảnh của Việt Nam, nhưng làm sao chúng tôi có thể thưởng thức được trong hoàn cảnh thế này!

Một cán bộ phát mỗi người chúng tôi một ổ bánh mì cho chuyến đi trong khi chúng tôi chờ trên xe. Đoàn xe bắt đầu chuyển bánh vào khoảng nửa đêm. Tôi cho rằng Việt Cộng quen với việc hoạt động về đêm. Đó là lần thứ tư tôi bị di chuyển từ lúc vào trại. Lần đầu tiên từ trường Chu Văn An đến Long Thành, lần thứ hai từ Long Thành qua Thủ Đức, lần thứ ba từ Thủ Đức đi Tân Cảng, và đây là lần thứ tư: lần nào cũng bắt đầu vào nửa đêm, đó có lẽ là thói quen của chúng!

Thành phố Hải Phòng ở gần đó. Đoàn xe chạy qua nơi nào đó trong thành phố nổi tiếng này, thành phố lớn thứ nhì ở miền Bắc. Tôi nhìn thấy những căn nhà lá chen lẫn với nhà gạch. Vài ngôi nhà nửa gạch nửa lá; con đường đi rải rác những hố bom: dấu vết sự tàn phá của chiến tranh. Thành phố tối om vì thiếu ánh sáng; vẫn còn những cột đèn dầu của thời Pháp thuộc. Tôi thấy một quán cà phê có ánh đèn neon. Tên cán bộ theo xe

nhắc chúng tôi đóng cửa sổ xe để tránh dân chúng giận dữ ném đá vào chúng tôi, những kẻ thù của họ trong chiến tranh! Nhưng, tôi chẳng thấy dân chúng trên đường phố ngoài vài đứa trẻ con ngó một cách lơ đãng vào đoàn xe. Vài chiếc xe đạp chờ đầy phía sau đang chạy trên đường phố. Thành phố rất im lìm trong đêm vắng.

Đoàn xe ra khỏi thành phố sau vài phút; tôi đoán đó chắc chỉ là phần ven thành phố. Trời có trăng. Tôi cố nhìn ra đường để xem sinh hoạt của nhân dân miền Bắc, nhưng chẳng thấy gì. Cảm thấy mệt mỏi và đói bụng sau hai ngày trên tàu, tôi ăn một ít bánh mì, uống một ngụm nước rồi chìm vào giấc ngủ.

Tôi giật mình thức dậy vào sáng sớm khi đoàn xe chạy trong một khu rừng. Có một vài người đẩy xe đạp thồ chất đầy củi bên lề đường. Đó là lần đầu tôi nhìn thấy cái gọi là “xe đạp thồ” của miền Bắc. Loại xe này chỉ có khung xe và hai bánh xe. Người ta dùng thanh gỗ dài cột vào ghi-đông để dễ lái; và họ cột những đồ nặng vào khung xe. Người ta không thể ngồi trên yên xe vì thật ra không có yên xe nào cả, họ phải đi bộ bên hông xe để lái bằng tay trái và giữ thẳng bằng chiếc xe bằng tay mặt. Loại vận chuyển này đã nổi tiếng trong trận đánh Điện Biên Phủ để chuyển súng đạn cho chiến dịch. Những người đàn bà đi hai bên đường gánh hay đội những gánh củi to. Cái nghèo của miền Bắc hiện ra rất rõ nét ở những sinh hoạt này.

Vào sáng sớm, đoàn xe rẽ mặt vào một con đường mòn gồ ghề xuyên qua khu rừng bỏ đê. Đến một cái suối, xe đầu tiên ngừng lại chờ đợi cả đoàn xe, rồi cả đoàn lần lượt chạy thẳng xuống suối! Dòng suối chảy xiết; chúng tôi lo sợ vì đang bị nhốt trong xe với chiếc còng trên tay. Tài xế dường như quen thuộc lối đi nên lái chậm chậm qua suối một cách dễ dàng. Qua thêm ba suối như vậy nữa thì tới một con sông lớn. Tên cán bộ cho biết đó là nhánh của sông Hồng, con sông lớn nhất miền Bắc. Tôi tự hỏi làm thế nào để qua được con sông lớn như thế này mà không có cái cầu nào cả. Đó không phải là con suối, và tôi nghĩ nó cũng không cạn như con suối! Tôi nhìn thấy một con đường dốc đi thẳng xuống bờ sông. Đoàn xe ngưng lại khoảng một giờ thì có một chiếc phà nhỏ từ bờ bên kia sông qua. Đây là một chiếc ca-nô nhỏ kéo một chiếc mảng tre nhỏ. Nó chỉ có khả năng chở một chiếc xe mỗi lần! Xe tôi là chiếc xe đầu của đoàn xe nên được lên phà trước. Sông chảy siết vì mùa nước. Phà chạy ngược dòng kéo chiếc xe qua bờ bên kia, và rồi có vài người cột dây cáp vô phà quay vòng rọc kéo phà vào bờ sông. Chiếc phà qua lại bờ kia để kéo một xe khác. Mọi việc diễn ra như trong chuyện đời xưa! Phải mất năm tiếng đồng hồ mới xong đoàn xe.

Tay phải tôi bị sưng lên. Còng quá chặt mặc dù cổ tay tôi nhỏ. Tôi cố xoa bóp nó bằng tay trái. Ngồi bên cạnh tôi Nghiệp không nói gì, dường như đang ngủ dù tôi biết rằng anh ta vẫn thức. Tôi hỏi tên cán bộ để đi tiểu rồi cùng Nghiệp đi ra một bụi cây bên đường. Tôi cảm thấy nhẹ hơn sau khi ấy. Dân chúng nhìn chúng tôi tò mò. Vài đứa trẻ con mặc quần đùi và áo vá đùm la lên: “*Nguy, Nguy*”, nhưng không thấy ai ném đá như chúng tôi đã được báo trước. Tôi muốn hỏi chúng vài câu nhưng không dám. Vài trại viên ném cho chúng ít bánh mì; chúng chụp lấy rồi ăn ngon lành. Vài đứa trẻ còn chạy đến gần xe để nhận dưa hấu. Các cán bộ phải xua chúng ra xa khỏi đoàn xe. Đoàn xe bắt đầu chạy lại khi bắt đầu chiều.

Rừng nối tiếp rừng, núi tiếp nối với núi, đoàn xe phải vượt qua nhiều con suối. Tôi ngồi gật gù mệt mỏi ở băng ghế và thức tỉnh khi trời bình minh. Đoàn xe lắc lư trên con đường đầy hố bom. Những đồi chè hiện ra hai bên đường trông giống như đường đi Đà Lạt ở Cao Nguyên miền Trung. Đây đó có những đoàn người mang gùi trên lưng

đi hái chè, họ thoáng ẩn hiện giữa những hàng cây chè thẳng tắp. Vài người dân chạy xe đạp trên đường với chiếc cốc cột trên sườn xe. Họ đang đi làm cho những nông trại tập thể! Chúng tôi đã được nghe nói về việc cải cách ruộng đất ở Bắc Việt từ năm 1955, không còn ai còn được làm chủ ruộng đất nữa; mọi cái đều là của chung. Trong mười bài học tập khi mới vào trại, chúng tôi đã được dạy rằng đất đai và công cụ sản xuất là của mọi người dân trong xã hội. Việt Cộng bảo rằng đó là việc làm chủ tập thể. Nhân dân làm chủ tất cả, *“nhưng không có gì cả!”* Mức hưởng của mỗi người tùy công lao động mà người đó đóng góp. Chúng tôi thì đùa rằng *“ai làm ít lãnh ít, làm nhiều lãnh nhiều, và ai không làm thì hưởng hết!”*

Chúng tôi đang đi vào một thành phố nhỏ vào sáng sớm. Tôi nhìn thấy hàng chữ *“Ủy Ban Nhân Dân Thị xã Phú Thọ”* trên nền đỏ treo trước căn nhà gạch có cột cờ treo lá cờ đỏ ngôi sao vàng, cờ của Bắc Việt. Phú Thọ là một phần của tỉnh Vĩnh Phú (gồm 2 tỉnh cũ: Vĩnh Yên và Phú Thọ) ở miền Trung Du Bắc Bộ. Thị trấn quá nhỏ với vài căn nhà gạch số còn lại hầu hết là nhà lá. Những cánh đồng khoai mì và đồi chè xác nhận rõ ràng đặc sản của vùng. Cây soan nằm thành hàng giữa những cánh đồng và dọc theo đường. Dân địa phương dùng cây soan để cất nhà lá vì chúng có nhựa đắng có thể tránh được mối mọt. Vào mùa đó, cây soan đang ra bông màu tím nhạt. Những ngọn đồi trồng cây cọ để lấy lá lợp nhà. Dân miền Nam dùng lá dừa nước còn dân miền bắc thì dùng lá cọ để lợp nhà. Hầu hết nhà cửa trong vùng thường có vách đất với một cái ao nhỏ phía trước nhà. Sau này tôi mới biết rằng dân chúng đào ao để lấy đất đắp nền nhà và trét vách còn ao thì để nuôi cá.

Qua khỏi Phú Thọ, đoàn xe rẽ mặt trên một con đường gỗ ghề để vào một khu rừng. Những dãy núi thoáng hiện đằng xa. Vài người dân miền núi nhìn chúng tôi một cách tò mò khi đoàn xe đi qua. Họ là những người thuộc các sắc tộc Thái, H’Mông, Tày, tôi không biết rõ, lưng họ đều mang gùi và tay cầm rìu. Đồi núi bao bọc lấy thung lũng. Những cánh đồng lúa bậc thang trên lưng đồi trông từ xa giống như những con rắn đang bò ra khỏi hang. Nhà sàn với mái cong và cao là một đặc trưng của miền núi. Những đứa trẻ con bụng ỏng dơ dáy chơi đùa bên cạnh những con heo thả rong. Những con chó nằm lơ đãng ở hiên nhà. Mọi vật tò mò nhìn chúng tôi khi đoàn xe đi qua. Ở nơi xa xôi này, xe hơi là cái gì rất bất thường đối với mọi người.

Khoảng trưa, đoàn xe đi qua một con suối rộng và chảy mạnh tên là *“A-Mai”* ở một cái bên nhỏ tên là *“Bến Ngọc”* rồi chạy trên một con đường đất sét rộng khoảng sáu thước. Hai bên đường có nhiều nhà lá hơn trước. Một khu nhà gạch vây quanh bởi một hàng rào tre và kẽm gai dây có tám băng mang tên *“Trường Phổ Thông Công Nông Nghiệp Số 1”* nằm bên phải con đường. Trẻ con khoảng từ 10 đến 15 tuổi mặc quần đùi áo xanh bạc màu đang làm trên những cánh đồng quanh trường dưới sự trông chừng của những công an mặc quân phục. Tôi tự hỏi chúng là tù hay là học sinh của trường? Đoàn xe cuối cùng ngừng lại trước cửa của trại: chúng tôi đang đến trại cải tạo *Tân Lập* thuộc tỉnh Vĩnh Phú sau một ngày rưỡi đi xe từ cảng Hải Phòng. Lúc đó khoảng giữa trưa ngày 20 tháng 4 năm 1977.

Chương 24. Một Cái Nhìn Tổng Quát Về Trại Tân Lập

Hai hàng “cán bộ” đang chờ đợi chúng tôi trước cổng trại khi chúng tôi đến nơi; họ hầu hết đều được vũ trang! Những bộ đồng phục vàng với những quân hàm mà chúng tôi chưa từng thấy trước đây ở các trại miền Nam. Chúng tôi được tháo còng và đưa vào

trong trại. Một cái băng biểu ngữ giăng ngang cổng trại đề: “Chào mừng các anh đến với nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Trại cải tạo Tân Lập nằm giữa một thung lũng bao quanh bởi rừng núi. Từ trại chúng tôi không thể nhìn thấy được đâu là chân trời. Con đường duy nhất dẫn đến trại là một con đường đất sét rộng khoảng bảy thước chạy từ Bến Ngọc, một cái bến mang tên của một ông cả trong vùng, người đã lập ra nó. Ai muốn đi đến trại từ Hà Nội thì phải đi xe lửa từ ga Âm Thượng, rồi dùng một phương tiện duy nhất đến Bến Ngọc là chiếc đò dọc, một chiếc ghe nhỏ chèo bằng tay dọc theo nhánh của con sông Hồng, con sông lớn nhất miền Bắc. Từ Bến Ngọc đến trại thì chỉ có cách đi xe đạp hoặc đi bộ.

Có tất cả bảy phân trại thuộc trại cải tạo Tân Lập đặt tên là K, từ K1 đến K7. Phân trại mà chúng tôi được đưa đến là K5, cũng là bản doanh trung ương của bộ chỉ huy toàn trại. K1, K2 và K3 là ba phân trại lớn khác, các K khác nhỏ hơn. Từ Bến Ngọc vào thì K đầu tiên là K5; và K cuối cùng là K1 cách K5 khoảng mười lăm cây số về phía bắc. K3 cách K5 bởi một cái suối tên là A-Mai, đó là nguồn cung cấp nước cho toàn trại và cho nhân dân sống trong vùng. K2 nằm khoảng giữa K5 và K1, và K4 cách K5 khoảng mười cây số về phía tây. K6 và K7 là 2 trạm trung chuyển để nhận tiếp liệu cho toàn trại.

Con đường đất sét từ Bến Ngọc đến K5 xa khoảng mười lăm cây số đi qua một dốc cao tên là dốc Trinh. Cái dốc này khá cao và rất trơn trượt vào những ngày mưa. Con đường từ ngã rẽ vào trại K5 phải đi qua một cánh đồng có tên là cánh đồng Mua vì có nhiều cây Mua mọc ở đó. Mua là một loại cây họ với cây sim có hoa màu tím nhạt và trái màu xanh đen. Một chuồng bò nằm ở đầu khúc quanh ấy để làm cột mốc giữa đất của trại và những khu đồi và rừng cây gần đó. Khoảng cách từ khúc rẽ này đến trại khoảng tám trăm thước.

Kiến trúc của K5 trại cải tạo Tân Lập được chia ra làm hai phần: khu cơ quan và khu trại.

Khu cơ quan K5 cũng là bản doanh của trại. Nó gồm ba dãy nhà gạch để làm văn phòng nằm theo hình chữ U và bốn dãy nhà lá phía sau hai nhánh để làm nơi ở cho các cán bộ độc thân. Căn nhà gạch chính nằm ở đáy hình chữ U của tổng thể là căn nhà khang trang nhất nằm trên nền cao. Đó là văn phòng của toàn trại và của trưởng K5. Hai căn nhà gạch kia là văn phòng của Ban giám thị và Hội Đồng cán bộ phụ trách K5. Bốn dãy nhà lá khác được xây dựng trong một khu riêng biệt dành cho các cán bộ có gia đình. Một nhà giữ trẻ dành cho con của các cán bộ nằm gần khu gia đình. Rải rác chung quanh khu trại là những nhà lá gọi là “nhà lô” được dùng làm địa điểm lao động cho trại viên và cũng là điểm canh gác trại vào ban đêm.

Khu trại giam là khu đất hình vuông mỗi cạnh khoảng năm trăm thước bao quanh bởi tường gạch cao khoảng ba thước với kẽm gai khoảng một thước rưỡi bên trên. Trừ mặt trước ra, hai bên tường rào là hào sâu đầy nước. Cổng chính là một cái nhà gạch hai tầng với hai trạm gác ở hai bên của cánh cổng rộng khoảng sáu thước. Tầng trên cổng gác là văn phòng của “cán bộ trực trại”. Có tất cả bốn khu trong trại giam tên là khu A, B, khu bệnh xá, và khu bếp cùng hội trường.

Đi vào trong trại, qua khỏi cánh cổng là một sân rộng khoảng một mẫu dùng làm khu quan sát và để làm khu tập hợp trại viên đi lao động. Khu A ở phía góc phải gồm bốn

dãy nhà gạch mái lợp lá cọ và bao quanh bởi một dãy phòng dùng làm phòng của “Ban thi đua”, phòng của “cán bộ quản giáo” và làm cái gọi là “phòng ăn” cho trại viên. Các nhà trong khu A được ngăn cách nhau bởi những bức tường gạch cao khoảng hai thước có gắn miếng chai bên trên. Mỗi bức tường có một cánh cửa nhỏ. Khu B ở phía cạnh trái của trại gồm hai dãy nhà không có rào quanh. Mỗi đầu nhà phía trái là một cái hồ xi măng hình chữ nhật cạnh mười và mười lăm thước sâu khoảng một thước rưỡi chứa nước để uống và để tắm rửa, nước này được bơm vào từ một máy bơm đặt ở gần suối. Mỗi nhà chia ra hai phòng giam mỗi phòng là sáu gian rộng năm thước, có hai gian làm kho chứa đồ ở hai đầu nhà và hai gian ở giữa làm nhà vệ sinh.

Phòng giam là căn phòng dài khoảng ba mươi thước rộng năm thước. Một cánh cửa gỗ ở cuối phòng có thể khóa bên ngoài bằng một thanh gỗ luồn qua những khoen sắt. Mười bốn khung cửa sổ có song sắt không có cánh cửa gồm sáu cái ở mỗi phía và hai cái ở một đầu, chúng được mở rộng quanh năm ngay cả trong mùa đông với mục đích để kiểm soát bên trong.

Hai dãy sạp hai tầng được làm bằng khung sắt chữ L lót ván để làm chỗ ngủ cho trại viên. Ai ngủ phía trên thì phải leo lên bậc được làm bằng những thanh sắt ngăn hàn dính vào khung thẳng đứng. Kệ để đồ đạc cho trại viên được làm dọc theo tường phía trên cửa sổ ở tầng trên, còn trại viên nằm phía dưới thì để đồ đạc trong cái kệ ở trong nhà vệ sinh. Tầng dưới của sạp cao khỏi mặt nền khoảng sáu tấc, tầng trên khoảng hai thước, do đó người nằm tầng dưới không thể đứng thẳng người được trên sạp.

Lối đi rộng khoảng hai mét ở giữa hai dãy sạp dẫn vào nhà vệ sinh. Trần nhà làm bằng nan tre đan có đóng dây kẽm gai dẫu bên trên. Chỉ có một bóng đèn nhỏ treo giữa phòng chiếu ánh sáng mờ về đêm, nhưng nó lại được thay bằng một ngọn đèn dầu sau khi điện cúp vào khoảng chín giờ tối. Ngọn đèn dầu này làm bằng một cái chai cắt ngang miệng với cái tim cắm thẳng vào dầu hôi.

Cái gọi là “nhà vệ sinh” cho trại viên trong phòng giam là một căn phòng rộng khoảng ba thước dài sáu thước với phía sau là nhà cầu và phía trước là kho chứa đồ. “Nhà cầu” là một lỗ xí cao khoảng nửa thước với hai cái bàn ngồi hình bàn chân làm bằng xi măng ở hai bên một cái lỗ nhỏ, phía dưới được đặt một cái thùng bằng gỗ. Phân tươi sẽ được lấy đi vào sáng hôm sau từ cái cửa nhỏ phía ngoài phòng giam và sẽ được làm phân bón được gọi là “phân bắc”! Đó là một loại nhà cầu phổ biến ở miền Bắc được gọi là “cầu ba ngăn”. Chỗ chứa đồ đạc trại viên nằm bên dưới sạp nằm được đặt phía trước của nhà vệ sinh. Đó là một phòng nhỏ có ba cái kệ bốn ngăn đặt dọc theo tường. Cửa phòng vệ sinh không thể khép sát được, do đó căn phòng giam luôn luôn có mùi hôi thối.

Khu vực bệnh xá là một dãy nhà gạch dài khoảng ba mươi thước rộng sáu thước nằm trong một khu đất rào quanh bởi kẽm gai. Bên phải của cổng bệnh xá từ ngoài đi vào là một vườn trồng thuốc nam. Phía bên phải của bệnh xá là một cái ao nhỏ nuôi cá rô phi và một khu đất trồng rau muống, một loại rau thông dụng của người Việt, để “bồi dưỡng” cho bệnh nhân. Phía mặt, gần khu A của trại là một hàng dậu cao bằng cây dâu tằm, một loại thuốc “an thần”. Không có bác sĩ hay y tá nào làm trong bệnh xá ngoài vài trại viên được ban giám thị tin tưởng cùng một cán bộ phụ trách, tất cả những người này đều không có một chút kiến thức gì về phòng bệnh và trị bệnh. Hầu hết thuốc men trong bệnh xá là những loại bột lá hay rễ cây được vò viên nhỏ gọi là “thuốc dân tộc”.

Hội trường là kiến trúc lớn nhất trong trại rộng khoảng tám thước dài năm mươi thước trên một nền đất viền bằng gạch nằm thẳng đường nhìn ra cổng chánh của trại. Mái hội trường lợp bằng lá cọ và vách thì trét bằng đất trộn với rom. Những khung cửa sổ làm bằng tre và một khung cổng chính ở đầu hội trường nằm song song với cổng chính của trại. Một cái bục có màn đỏ che ở một đầu hội trường chứng tỏ rằng hội trường này có mục đích để trình diễn văn nghệ, nhưng hội trường thì lại trống rỗng!

Khu vực nhà bếp nằm cạnh bên hội trường phía bên góc trái của trại gồm có hai dãy lều nằm thành hình chữ L: Một dãy dùng làm nhà nấu nướng và một dãy ở cuối khu song song với hội trường làm nhà kho và nơi phát cơm cho trại viên. Khu nhà bếp được rào quanh bởi một vòng rào kẽm gai với một cánh cổng rộng phía trái để các người làm trong bếp ra vào và một cổng nhỏ phía phải dành cho trại viên đi vào lấy cơm hay nước uống. Nhà nấu bếp là một căn lều không có vách với sáu cái lò có những cái chảo to phía trên: ba cái để nấu thức ăn hay nước uống và ba cái để nấu cơm (hay đúng hơn là nấu khoai mì, bắp, hoặc bo bo). Một cái giếng duy nhất trong trại nằm gần nhà nấu được nhìn thấy rõ từ xa vì có một cái cần kéo nước dài làm đòn bẩy bằng tre cột một miếng sắt to ở một đầu còn đầu kia thì cột một sợi dây treo cái thùng để lấy nước. Vào mùa nắng, giếng rất sâu nhưng nước trong còn về mùa mưa thì nước lên tới miệng giếng nhưng rất đục. Nhưng chúng tôi cũng phải uống nước ấy mà thôi! Có một căn nhà lá nhỏ khác nằm trong khu bếp để nhốt trâu kéo xe cho nhà bếp, xe trâu là phương tiện di chuyển duy nhất của nhà bếp. Xe bò miền Nam khác với xe trâu của miền Bắc ở chỗ xe bò miền Nam thì có bánh xe làm bằng gỗ niềng sắt còn xe trâu miền Bắc thì có bánh xe làm bằng vỏ xe hơi. Ngoài ra ở miền Bắc dùng trâu kéo xe chứ không dùng bò như miền Nam, do đó chúng tôi gọi nó là xe trâu.

Sau khi được tháo còng, chúng tôi xếp hàng đôi để đi vào trại. Họ không xét đồ đạc chúng tôi nữa, và chúng tôi được đưa thẳng vào khu A. Tôi thuộc đội đầu tiên, do đó vào phòng giam số 1 trong nhà đầu tiên ở khu này. Khi tôi vào đến thì đã nghe tiếng của Tuấn gọi tới chỗ dành sẵn gần chỗ hán nằm ở tầng trên trong góc phòng. Ở mỗi chỗ nằm có để sẵn một chiếc chiếu cói, một cái mùng vải, hai bộ đồng phục tù, và một cái nón cói bằng lá. Tuấn, Hạnh, Lộc và tôi nằm gần nhau ở tầng sập trên dành cho bốn trại viên, do đó chúng tôi dễ nói chuyện với nhau hơn vì không sợ bị người khác nghe thấy và báo cáo.

Việc đầu tiên tôi làm là đi tắm và giặt áo quần ở cái hồ ở phía đầu nhà. Tôi dùng cái gào bằng cao su cột bởi một sợi dây để kéo nước trong hồ lên. Sau khi tắm giặt xong, tôi cảm thấy hơi thoải mái hơn một chút bèn mặc thử bộ đồ tù vào. Chúng tôi nhìn nhau trông thật kỳ khôi! Cái kỳ cục nhất mà chúng tôi chưa từng thấy trong đời là cái nón cói bằng lá cọ. Chúng tôi bật cười với nhau khi nhìn nhau trong bộ đồng phục tù này! Chúng tôi trông giống những người lao động trong những tấm hình chụp những công nhân ở Trung Cộng mà chúng tôi đã từng thấy trước đây. Màu xanh của bộ đồng phục gợi cho tôi nhớ mấy câu thơ của Tố Hữu, một thi sĩ của miền Bắc: “*Rồi một hôm nào cỡi áo xanh, hết cùm, hết xích, hết roi canh*”. Cái áo xanh mà Tố Hữu nói đến là chiếc áo tù của thời Pháp thuộc, và nó đã được nhà nước Bắc Việt bắt chước lại. Nhưng điều khác nhau là chúng tôi không phải là “tù nhân” mà là “trại viên” của trại cải tạo! Tù nhân thì có án, còn chúng tôi thì không. Chúng tôi phải thực hiện cho được tiến bộ để được trở về với xã hội! Quả thật là một điều khôi hài khi bị giam mà không có án phạt.

Khoảng hai giờ chiều, vài phạm nhân hình sự mang phần ăn vào nhà ăn, và rồi cán bộ vào báo chúng tôi đi ăn cơm! Đó là một bữa ăn thịnh soạn nhất mà chúng tôi nhận được kể từ ngày vào trại: một nồi cơm, một tô lớn thịt trâu, một tô canh, và một tô thịt heo cho sáu trại viên. Có cái gì đó lẫn trong cơm mà chúng tôi chưa nhận ra được. Vài người nghĩ là một loại đậu, nhưng sau này chúng tôi biết được đó là bo bo, một loại thức ăn gia súc của người Ấn Độ. Thịt trâu là loại thịt rất dai mà chúng tôi ăn lần đầu. Ở miền Nam, dân chúng ít khi nào ăn thịt trâu, nhưng đối với dân miền Bắc thì thịt trâu là loại thịt thông dụng. Chúng tôi không thể nào ăn hết phần ăn này nên chúng tôi quyết định mang phần còn lại vào để dùng tiếp. Lúc đó còn quá sớm cho bữa ăn chiều nhưng lại quá trễ đối với bữa ăn trưa, do đó vài người vẫn chờ đợi bữa ăn chiều như thường lệ với mong mỏi là sẽ có thêm bữa ăn thịnh soạn như vậy nữa. Vài người còn không mang phần ăn thừa vào và lại nói rằng họ sẽ được ăn như thế hàng ngày. Quả thật là một sự lạc quan tếu! Nhưng rồi không có bữa ăn chiều nào nữa hết. Chúng tôi bị nhốt vào phòng giam vào khoảng 6 giờ chiều, và tôi thì ngủ ngay sau khi đó vì quá mệt.

Ngày hôm sau, chúng tôi phải lên hội trường để nghe ông giám thị trưởng, “đồng chí Thùy” nói chuyện. Ông ta là một người hơi ốm và xanh, cao khoảng một thước sáu mươi hai. Cái áo sơ mi trắng bỏ ngoài quần vàng trông giống kiểu của một cán bộ cao cấp của VC. Bài nói chuyện của hắn ta rất trôi chảy như những diễn giả khác vì tất cả đều học cùng một bài! Thùy là sếp của toàn trại. Với cái nhìn đầu tiên, hắn trông rất dễ gây cảm tình, nhưng qua cách nói không hở răng, cười không hở môi, chúng tôi biết hắn ta là một người rất hiểm độc. Với giọng nói Nghệ tĩnh, quê hương của Hồ, rất khó nghe, hắn ta dùng rất nhiều thơ của Hồ Chí Minh để thêm vào bài nói chuyện. Nhưng tựu trung thì bài nói chuyện của Thùy là nói đến sự quan tâm của “Đảng và Nhà Nước” đối với việc cải tạo của những người có tội với nhân dân. Chúng tôi được đưa đến đây là để được gần với trung ương, có điều kiện thuận lợi hơn trong việc cải tạo. Chúng tôi sẽ có điều kiện để lao động và học tập! Và rồi để kết luận, hắn lại bảo rằng ai tiến bộ trước sẽ được về trước. Chúng tôi đã nghe nói đi nói lại điều này ở mọi trại cải tạo rồi, chẳng có gì mới mẻ cả!

Chương 25. Cuộc Tuyệt Thực

Hai ngày đầu tiên ở trại Tân Lập là hai ngày nghỉ ngơi! Chúng tôi tụ tập nhau để hát nhạc vàng, ăn trưa và tối, tắm giặt và đi rong trong khu A. Chúng tôi không thể ra khỏi khu được vì họ đóng cửa, nhưng chúng tôi có thể đi qua các nhà trong khu để gặp nhau. Cơm nước thì được những phạm nhân hình sự làm trong nhà bếp mang đến nơi. Có vài phạm nhân hình sự làm trong Ban Thi Đua, nhưng họ chỉ đứng ngoài quan sát chúng tôi mà thôi.

Ngày chúa nhật 24 tháng 7 năm 1977, những sinh hoạt hàng ngày của chúng tôi diễn tiến như thường lệ sau khi cửa phòng giam được hai cán bộ đến mở ra, một cán bộ vũ trang và cán bộ trực trại. Trong lúc tôi cùng Tuấn, Hạnh và Lộc đang ngồi uống trà tại chỗ nằm thì nghe tiếng ồn ào ở ngoài sân. Một nhóm trại viên la hò cổ vũ cho việc đánh nhau. Vài thanh niên trong nhóm “Phục Quốc” đánh Thượng, một trại viên thuộc nhóm “tình báo”. Chúng bảo rằng Thượng có thái độ rất là hèn hạ khi nói chuyện với cán bộ trực trại mà lại khoanh tay lại. Kết quả của trận đánh ấy là tay của Thượng bị

gậy! Tôi thì không thấy thái độ của Thượng sáng nay ra thế nào, và cũng không biết Thượng có phải là ăn ten hay không dù anh ấy đã ở cùng trại với tôi ngay từ lúc đầu. Thượng không phải là bạn thân của tôi, và anh ta chỉ là một trại viên bình thường như nhiều trại viên khác chọn thái độ “nín thở qua sông” để sống trong trại. Nếu quả thật anh ta có khoan tay khi nói chuyện với cán bộ trực trại thì tôi nghĩ đó cũng chỉ là một thói quen khi thời tiết miền bắc đang lạnh mà thôi. Những thanh niên “Phục Quốc” là những người yêu nước, tôi không phủ nhận điều này, nhưng họ còn quá trẻ để hiểu biết mọi việc. Sự chống đối VC lại đổ lên đầu của Thượng, đó là một điều rất bất công.

Các cán bộ và ban thi đua vào mang Thượng đi bệnh xá và đóng cửa ở các bức tường ngăn cách các nhà với nhau trong khu A. Trại viên bắt đầu tập hợp trong các phòng giam, và tôi nghe giọng đồng ca bản nhạc “Việt Nam Quê Hương Ngao Nghẽ” vang lên từ nhà số 2, đó là bài ca tâm lý chiến thường được hát trong những dịp tranh đấu. Vài trại viên từ phòng 2 sang yêu cầu Uyển và Bình tham gia vào. Trong phòng 1 nơi tôi đang ở có khoảng một trăm trại viên chia làm hai đội: đội một và đội hai. Uyển, trại viên từ khu D của trại Thủ Đức làm đội trưởng đội 1 và Bình từ khu C của trại Thủ Đức là đội trưởng đội 2. Ngoài trừ những trại viên đang tắm giặt ở hồ nước, các trại viên còn lại trong phong đều tụ họp nhau và bắt đầu ca nhạc vàng và nhạc tranh đấu.

Khoảng mười giờ, bốn cán bộ vũ trang đi cùng cán bộ trực trại vào khu A để dẫn vài trại viên lên hội trường. Đó là những người đã đánh Thượng vào sáng nay như Tri, Long, Bình, Dũng, và vài người khác mà tôi không nhớ tên. Sau một lúc thì họ thả Long và Dũng về, số còn lại thì đưa đi K1 để biệt giam. Vài người sau này đã chết ở đó, số còn sống thì cũng rất tang thương.

Bữa ăn trưa được các phạm nhân hình sự mang đến phòng ăn như thường lệ, nhưng tôi nghe ai đó ra lệnh không được ăn. Tôi không biết ai đã ra lệnh này, và chẳng trại viên nào dám đi vào phòng ăn vì ai cũng sợ bị đánh như Thượng sáng này! Có lẽ đó là lần đầu tiên mà VC chứng kiến cảnh ấy trong trại. Những cán bộ vũ trang đi chung quanh khu A nhưng không vào trong. Cán bộ trực trại thì vào hỏi Uyển về tình hình đang diễn biến. Vài người lên tiếng yêu cầu thả những người bạn của họ trước khi họ ăn cơm. Cuộc tuyệt thực bắt đầu!

Bài ca “Việt Nam Quê Hương Ngao Nghẽ” được lập đi lập lại nhiều lần và bắt nhịp bởi những tiếng vỗ tay tạo nên một nhịp điệu kích động. “Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người...Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân gian!” Cái không khí quen thuộc này tôi đã từng nhìn thấy trong những buổi xuống đường của sinh viên được giặt dây bởi VC trước kia nay lại đang diễn ra trong một trại cải tạo của VC. Quả là gây ông đập lưng ông! Ngay cả những bài như “Dậy Mà Đi” hoặc “Tự Nguyện” của VC cũng đã trở thành một vũ khí tranh đấu chống lại chúng. “Ai chiến thắng mà không hề chiến bại, ai nên khôn mà không khôn một lần”, hoặc “Nếu là người, tôi xin chết cho quê hương”. Những lời ca này lại trở thành đúng lúc hơn lúc nào hết.

Tuân, Hạnh, Lộc và tôi ngồi tại chỗ của chúng tôi để uống trà tham gia cuộc tuyệt thực! Bữa ăn chiều không được mang vào và phần ăn trưa thì vẫn nằm nguyên trong nhà ăn. Vào khoảng 6 giờ chiều, cán bộ trực trại và cán bộ vũ trang vào điếm buồng giam như thường lệ. Chúng tôi không đứng ngoài sân để điếm mà ngồi tại chỗ để đếm số thứ tự. Nhạc vàng và nhạc tranh đấu lại được cất lên cho đến nửa đêm mặc dù đèn điện đã tắt sớm hơn mọi ngày. Chúng tôi thay phiên nhau hát. Tôi không thuộc nhiều nhạc, do đó tôi đã ca một bản nhạc tiền chiến tên là “Ghen”. Đó chỉ là bản tình

ca. Khoảng nửa đêm, chúng tôi chui vào mùng ngủ vì muỗi quá nhiều. Tôi chìm vào giấc ngủ mệt mỏi với cái dạ dày trống rỗng.

Cuộc tuyệt thực bắt đầu một cách ồn ào và rồi chấm dứt trong lặng lẽ.

Cộng Sản đã cô lập chúng tôi mà không cần cảm đoán những gì mà chúng tôi muốn làm trong vòng rào khu A. Không có một hậu thuẫn nào để làm chỗ dựa, không có một tổ chức nào để hướng dẫn, cuộc tranh đấu trông giống như một ngọn lửa nhỏ, bạo phát bạo tàn! Họ chẳng cần đàn áp cuộc chống đối; nó tự tàn lụi lấy. Tôi đã biết trước như vậy và đang chờ đợi những hành động trả đũa của VC tiếp theo sau.

Sáng hôm sau, cán bộ đến để điểm buồng, trại viên ra khỏi phòng giam, nhưng có thêm vài cán bộ vũ trang đi kèm với cán bộ trực trại. Không ai nhắc nhở gì đến cuộc tuyệt thực hôm trước có tiếp tục hay không. Một ngày không ăn và một đêm thức khuya đã khiến mọi người đều đói và mệt. Khi bữa ăn trưa được mang vào nhà ăn, mọi người đều đặt đồ đựng chung quanh và trại viên trực chia phần cho mỗi người như thường lệ. Cuộc tuyệt thực đã chấm dứt một cách dễ dàng giống như khi nó bắt đầu! Vài người cũng còn tụ tập để hát nhạc vàng, nhưng không còn quy tụ được đông như trước đó. Sau một đêm, tôi nghĩ chắc ai cũng nhận ra được tình trạng nguy hiểm của mình ở trong trại khi không có được một sự hậu thuẫn nào. VC chưa làm gì cả, nhưng tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra sau này đây. Tôi nghĩ chắc là họ không dễ dàng bỏ qua đâu. Có lẽ họ đã học được bài học điển ra khi đưa những trại viên đánh Thượng đi, và họ đợi sự kiện lặp lại.

Những trại viên nổi tiếng trong cuộc tuyệt thực đều bị trừng phạt về sau bằng cách này hay cách khác. Một số đã chết trong những phân trại khác và một số lại trở thành ăn-ten còn tồi tệ hơn những người khác !

Chương 26. Lao Động Là Vinh Quang

Những ngày nhàn rỗi tiếp sau cuộc tuyệt thực trôi qua trong lặng lẽ. Tôi đi vòng quanh khu A để xem những bảng viết trên tường. Có 4 loại bảng được kẻ khắp nơi; đó là: bốn tiêu chuẩn cải tạo, ba mươi sáu điều nội quy của trại, hai mươi điều lệnh về nếp sống văn hóa mới, và mười chín điều về kỷ luật lao động.

Cái gọi là “Bốn Tiêu Chuẩn Cải Tạo” gồm bốn điều quy định mà mọi trại viên phải thực hiện để được coi là có tiến bộ. Điều quan trọng nhất là nhận tội và khai báo tội lỗi của người khác mà mình biết dù họ đã bị bắt vào trong trại hay vẫn còn ở ngoài xã hội. Tôi không thể nhớ từng chữ của bản văn, nhưng tựu chung nội dung như sau:

- 1. Thành thật thú hết tội lỗi còn dấu diếm hay chưa nói hết. Thật thà tố cáo tội lỗi của đồng bọn và bọn phản cách mạng mà mình biết được dù chúng đã bị bắt vào trong trại hay còn ở ngoài xã hội.*
- 2. Tích cực học tập cải tạo; có trách nhiệm giúp đỡ các trại viên khác trong việc cải tạo.*
- 3. Chấp hành nội quy của trại. Không được có lời nói phản tuyên truyền hoặc hành động phá hoại.*

4. Tự nguyện tự giác lao động, tích cực học tập cải tạo. Đề xuất được những sáng kiến tốt trong việc quản lý và giáo dục phạm nhân, đẩy mạnh sản xuất của trại.

Nội quy của trại gồm 36 điều chia làm 4 phần: phần tổng quát, kỷ luật về học tập, về nếp sống, và về lao động.

Mười chín điều về “kỷ luật lao động” và hai mươi điều về cái gọi là “nếp sống văn hóa mới” được phát triển một cách chi tiết từ bản nội quy.

Cái quan trọng nhất là bốn tiêu chuẩn cải tạo và nó được kẻ khắp mọi nơi trong trại. Các cán bộ cũng thường bảo rằng việc trở về xã hội của trại viên là tùy theo mức độ mà người ấy thực hiện được qua 4 tiêu chuẩn này. Điều đó đã khiến nhiều trại viên bị lẫn lộn giữa sự tiến bộ và sự tự trọng bởi vì nếu muốn làm theo những tiêu chuẩn ấy thì người trại viên phải làm những điều đi ngược lại quyền lợi của người khác. Quả là một chiến thuật nguy hiểm của VC để chia rẽ trại viên với nhau để điều hành trại! Trong hoàn cảnh ấy thì ai mà không muốn được ra khỏi trại? Trại viên không còn tin tưởng nhau, và điều này giúp Cộng Sản điều hành trại được dễ dàng hơn.

Vài ngày sau khi xảy ra vụ tuyệt thực, tình hình trong trại càng lúc càng lắng dịu hơn. Vào ngày thứ hai một tuần sau đó, một cán bộ vào phòng giam của chúng tôi gọi Uyển và Bình, hai đội trưởng trong phòng, cho mười trại viên đi với hắn để lấy “xe cải tiến” cho việc lao động vào hôm sau! Xe cải tiến là cái gì? Chúng tôi hỏi nhau.

Tôi theo nhóm để lấy xe cải tiến. Tên cán bộ giải thích rằng “xe cải tiến” là phương tiện để giải phóng đôi vai vì chúng ta dùng nó thay vì gánh nặng bằng vai. Thật là một cách giải thích kỳ khôi! Nhưng chúng tôi cũng không hiểu được cái từ “cải tiến” là thế nào. Cái gì đã cải tiến trong chiếc xe? Một cái máy gắn vào hay cái gì khác?

Chúng tôi, mười trại viên mặc bộ đồng phục tù với cái nón cối bằng lá cọ trông rất kỳ khôi đi theo tên cán bộ. Qua cổng trại, tên cán bộ bảo chúng tôi phải bỏ mũ nón ra; chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên. Không nói lời nào, nhưng trong thâm tâm chúng tôi cảm thấy tôi nghiệp cho cái thân của kẻ chiến bại.

Trời cuối tháng tư, thời tiết miền Bắc vẫn còn se lạnh. Chúng tôi đi trên con đường đất sét nhầy nhụa dọc theo bức tường gạch phía trước trại. Những hình vẽ một cách vụng về trên tường diễn tả các hoạt động của trại viên. Những bông hoa soan màu tím nhạt rụng đầy trên mặt đất, và những chồi non đang trồi ra khỏi cành cây trơ trụi. Dân chúng gọi đó là cây “sầu đông” vì đó là loại cây duy nhất ở miền Bắc bị rụng hết lá về mùa Đông.

Cái gọi là “xe cải tiến” là chiếc xe kéo có một cái thùng bằng gỗ dài khoảng một thước rưỡi rộng một thước và cao khoảng năm tấc với hai bánh xe bằng sắt bọc cao su gắn phía dưới. Hai càng xe bằng gỗ được gắn vào cái thùng ấy để kéo đi. Chúng tôi kéo năm cái xe trên con đường đất sét bên cạnh hàng rào trại nằm gần bên suối A-Mai đi từ bộ chỉ huy trại đến lò gạch.

Suối A-Mai lúc ấy đang cạn nước. Bờ suối chạy dài ra xa. A-Mai là con suối nhỏ chảy vào một nhánh của sông Hồng, do đó dòng suối cũng lên xuống theo sự lên xuống của dòng sông Hồng. Trong mùa mưa, nước sông Hồng lên rất cao, và đôi khi làm vỡ đê

gây ngập lụt cho đồng bằng Bắc Việt. Tên cán bộ cho biết nước suối A-Mai từng lên tới tận con đường và chảy rất mạnh trong những ngày mưa lớn.

Phân trại K3 hiện ra ở phía xa xa bên kia bờ suối. Phương tiện duy nhất để đi từ K5 qua K3 là chiếc mảng tre do một phạm nhân lái. Một sợi dây cáp bằng thép nối liền hai cột xi măng ở hai bên bờ suối, và chiếc mảng được nối với sợi cáp bằng một cái ròng rọc. Người lái mảng chống sào để đưa chiếc mảng đi từ bờ này qua bờ kia. Có một con đường mòn từ con đường đất sét xuống tới bên mảng. Bên mặt của con đường đất sét, tôi nhìn thấy một vài cái nhà lá mà cán bộ cho biết đó là “nhà lô” cho những trại viên làm mộc. Cảnh đồng phía sau trại hoàn toàn hoang vu với cỏ cao và bụi rậm.

Cách trại khoảng hơn một cây số, lò gạch vuron lên cao từ xa với tường bằng đất và mái lợp tôn rỉ. Khu đất quanh lò gạch bị đào bới trông giống như một thành phố cổ đang bị đào bới để tìm di tích. Một cái sân phẳng nằm bên cạnh dùng làm nơi đóng gạch.

Chúng tôi kéo xe vào trong một cái chòi bên cạnh lò gạch, nơi ở của cán bộ. Hắn ta nói với Uyển rằng ngày mai sẽ vào để dẫn đội đi lao động ngày đầu tiên và rồi hắn đưa chúng tôi về trại.

Đến gần suối chỗ quẹo vào trại gần máy bơm nước, tên cán bộ bảo rằng để “bồi dưỡng” cho việc làm của chúng tôi, hắn cho phép chúng tôi được tắm giặt trong mười lăm phút. Chúng tôi chạy thẳng xuống suối, cởi quần áo và tắm giặt một cách vội vã. Lúc ấy đã gần trưa, nhưng cũng còn hơi lạnh. Chúng tôi phải mặc áo quần ướt đi về trại.

Không chỉ có chúng tôi, những người đi lãnh xe, mà tất cả mọi trại viên trong trại đều thắc mắc về chữ “cải tiến”. Khi nghe chúng tôi mô tả hình dạng của chiếc xe cải tiến, tất cả đều bật cười. Kể từ lúc ấy, hai từ “cải tiến” hay “cải thiện” đều trở thành một sự diễn đạt: xe cải tiến, thức ăn cải thiện, quần áo cải tiến, vân vân. Chúng tôi dùng từ “cải thiện linh tinh” để chỉ những người gặp cái gì thu nhặt cái đó, và nó đã trở nên một từ rất thông dụng trong trại cải tạo.

Trại viên sẵn sàng để đi lao động vào những ngày tiếp theo. Chúng tôi đã được cho biết rằng chúng tôi được “Đảng và Nhà Nước” đưa ra đây là để có điều kiện thuận tiện cho việc lao động cải tạo. Bằng cách này hay cách khác, chúng tôi phải làm việc và làm việc cực nhọc.

Một thành ngữ tốt để thay cho “lao động cường bức”: “*Lao động là vinh quang!*” Cái thành ngữ này đã trở nên quá quen thuộc đối với mọi người trong nước kể từ ngày Cộng Sản vào. Không chỉ chúng tôi trong trại mới biết mà mọi người dân đều biết rằng “lao động là vinh quang”. Những người Cộng Sản bảo rằng thông qua quá trình lao động, nhân loại đã được phát triển từ vượn người để biến thành con người, và cũng thông qua lao động dân chúng sẽ cung cấp tài sản cho xã hội. Sự phát triển của xã hội tùy thuộc vào sự lao động của nhân dân, do đó mọi người trong xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa phải lao động cho chính mình và cho xã hội.

Trong cải tạo, lao động là thước đo sự tiến bộ của mỗi trại viên, họ bảo rằng đó là việc cải tạo thông qua lao động. Tôi nghĩ mọi thứ giải thích đều nhằm mục đích bắt buộc mọi người phải làm việc! Nhưng trong tình trạng ấy thì chúng tôi làm gì khác được ngoài việc phải làm những điều mà VC bảo chúng tôi làm? Chống lại lệnh chúng là chết sớm mà thôi. Cách duy nhất là phải chấp nhận hoàn cảnh để tìm cách sinh

tồn. Mỗi khi tránh được việc lao động, chúng tôi thường đùa với nhau rằng “lao động là vinh quang, nhưng ở không là huy hoàng!”

Tiếng kèn đánh thức chúng tôi dậy như thường lệ. Sau khi điểm số trại viên, cán bộ trực trại bảo chúng tôi cho người đi nhà bếp lãnh phần ăn sáng rồi chuẩn bị đi lao động. Đó là lần đầu chúng tôi lãnh phần ăn sáng ở trại Tân Lập, một muống canh (gọi là cái muôi) bo bo luộc rất khó nhai vì cái vỏ cứng của hạt bo bo. Ngoại trừ vài người thật sự bệnh và được bệnh xá cho phép nghỉ hay những người trực vệ sinh buồng, mọi người đều phải xếp hàng đi ra sân tập hợp phía sau cổng trại. Đã có một hàng cọc với những bảng nhỏ đề tên đội cắm sẵn ở đó. Trại viên ngồi xôm thành hai hàng theo từng đội. Có cả hai đội của phạm nhân hình sự ngồi phía bên phải của bãi tập hợp. Họ trông bần thiêu và ốm yếu với quần áo bạc màu và tả tơi. Nhìn họ rồi nghĩ lại mình, tôi bỗng rung mình! Bộ đồ tù này có thể chịu đựng được bao lâu, và riêng tôi thì có thể chịu đựng được bao lâu trong hoàn cảnh này?

Một cán bộ mặc sắc phục với quân hàm thượng úy -ba sao với một gạch- tự giới thiệu là trại phó đặc trách K5 tên là Bảng sẽ có vài lời nhân buổi lao động đầu tiên của chúng tôi. Chẳng có gì mới! Chúng tôi, những tội phạm của Nhà Nước và Nhân dân phải cải tạo tội lỗi của chúng tôi. Đảng và Nhà Nước đưa chúng tôi đến trại này là để có điều kiện thuận lợi cho việc cải tạo. Để được trở về với gia đình và xã hội, chúng tôi phải đạt được cái gọi là “tiến bộ”. Có ba điểm chính trong việc cải tạo để đạt được sự tiến bộ, đó là học tập, lao động và chấp hành nội quy của trại. Trong ba điều ấy thì lao động là điều quan trọng nhất. Chúng tôi phải cố gắng tối đa trong lao động vì lao động là thước đo mức độ tiến bộ của mỗi người! Giống như các cán bộ khác, Bảng lặp lại những gì mà hắn đã được nhồi nhét vào đầu.

Bảng khoảng trung tuần bốn mươi, giọng nói Nam Định với chữ “l” và “n” lẫn lộn với nhau chứng tỏ nguồn gốc bần nông của hắn, một giai cấp chính của VC. Tôi đã nghe nói rằng để được gia nhập Công An của Cộng Sản thì người nào cũng phải có ít nhất là ba đời thuộc giai cấp bần nông. Cộng Sản bảo rằng người trong giai cấp ấy không có gì phải mất ngoài cái quần đùi rách, khi chiến thắng thì họ sẽ được tất cả. Quả là một lý do vững chắc để gia nhập “Cách mạng”! Tiểu tư sản trí thức và tư sản là những giai cấp không trung thành với Đảng, chỉ có bần nông và công nhân là giai cấp trung thành nhất.

Nhiều cán bộ đi vào trại sau khi Bảng chấm dứt bài diễn văn. Họ là những “cán bộ quần giáo” hay còn gọi là “ban quần giáo” phụ trách các đội lao động.

Cán bộ trực trại gọi từng đội đi lao động. Đầu tiên là những đội hình sự và rồi đến phiên chúng tôi theo thứ tự từng đội từ 1 đến 8. Khi một đội được gọi đến, đội trưởng phải đứng lên và la lớn: “tất cả đứng dậy”, “bỏ mũ nón” và rồi “đứng nghiêm”. Khi đội đã đứng yên, đội trưởng quay lại đối diện với cán bộ trực trại và báo tổng số trại viên trong đội mình, số trại viên ốm bệnh, số ở trong trại với những lý do, và tổng số trại viên xuất trại đi lao động. Trại viên đi theo hàng đôi qua cổng trại với mũ nón cầm ngửa ra hai bên. Các trại viên phía bên phải cầm nón ở tay phải và bên trái cầm nón ở tay trái. Họ bảo rằng làm thế là để dễ quan sát coi có gì giấu trong nón hay không, nhưng tôi thì nghĩ họ muốn trại viên phải có thái độ phục tùng. Một hàng cán bộ vũ trang đợi chúng tôi bên ngoài trại. Cán bộ quần giáo đi cùng với trại viên còn hai cán bộ vũ trang -còn gọi là cán bộ bảo vệ- đi phía sau.

Trong những ngày đầu tiên này, chúng tôi được chia ra thành tám đội với những công việc làm như sau:

- Đội 1 và 2 gọi là đội gạch có nhiệm vụ làm gạch.
- Đội 3 gọi là đội rau xanh có nhiệm vụ trồng rau.
- Đội 4 gọi là đội xây dựng có nhiệm vụ sửa chữa nhà cho trại và cơ quan.
- Đội 5, 6, 7 và 8 gọi là các đội nông nghiệp có nhiệm vụ làm trên những cánh đồng quanh trại.

Ngoài các đội của chúng tôi còn có các tội nhân hình sự làm trong những đội như “đội chăn nuôi” chuyên nuôi heo, bò, gà vịt, đội “lâm sản” chuyên đi lấy củi, và đội “nhà bếp” chuyên nấu trong bếp. Một số phạm nhân hình sự khác thì làm trong những bộ phận lẻ gọi là “diện rộng”, đi lao động không có cán bộ đi kèm, và làm việc riêng cho các cán bộ hay cho cơ quan.

Chúng tôi im lặng bước đi trên con đường mà tôi đã đi ngày hôm qua để đến lò gạch. Chúng tôi thuộc đội 1, do đó đội chúng tôi là “đội gạch”. Có hai đội làm ở lò gạch là đội 1 chuẩn bị đất và đội 2 đóng gạch. Công việc của chúng tôi là đào đất, gánh nước từ suối lên đổ vào đất, quần trâu để nhào đất, và khiêng đất lên sân cho đội 2 đóng gạch.

Trong mùa nắng, đất sét trộn cát rất cứng. Để đào đất ấy, chúng tôi phải dùng cuốc và xà beng chứ không thể dùng xẻng. Đất được đào khu chung quanh và chuyển đến một cái hồ nhỏ ở chính giữa bằng xe cải tiến. Việc nặng nhọc nhất là gánh nước từ suối lên, khoảng cách chừng năm trăm thước. Chúng tôi phải gánh đôi nước khoảng bốn mươi lít trên vai và đi trên một con đường gồ ghề. Cái lỗ để trộn đất sâu khoảng hai thước phía dưới mặt đất, chúng tôi phải làm những bậc thang để gánh nước xuống và khiêng đất lên cho đội 2. Vài trại viên đã đan những cái ky bằng tre cho hai người khiêng đất, đó là những thanh tre được đan vào nhau với hai đòn để cầm. Đội chúng tôi được chia làm ba tổ để thay phiên làm những việc như gánh nước, làm đất, và khiêng đất lên sân đóng. Thật là một công việc nặng nhọc nhất là dưới ánh nắng bởi vì nếu trời mưa thì không thể đóng gạch được.

Sau khi đất và nước đã đủ trong lỗ, hai trại viên dẫn hai con trâu vào để lừa chúng đi quanh lỗ đất ấy. Chân trâu đạp lên đất để trộn đất với nước cho đến khi đồng nhất. Nếu chỗ nào không được thì chúng tôi phải đạp cho đất được hoàn toàn. Họ gọi công việc này là “quăng trâu”.

Đóng đất đã được nhào cho đồng nhất xong thì chúng tôi phải dùng cuốc xẻng để trộn lần cuối và đánh thành đồng để chuẩn bị khiêng lên chỗ đóng gạch. Công việc này được gọi là “lên quả”.

Khi vừa ra tới lò gạch thì tên cán bộ quản giáo bảo tôi chẻ lạt tre cho những người khác đan ky khiêng đất. Tôi không biết làm sao nên đã chẻ tre thành thanh thay vì thành sợi lạt. Tên cán bộ không nói gì với tôi mà bảo tôi đi làm đất thay vì chẻ lạt. Vào giờ trưa, hán tập hợp đội lại và đưa tôi ra làm một thí dụ điển hình về một người không hề biết lao động là gì mà trong chế độ cũ chỉ biết ăn bám vào công sức lao động của người

khác! Tối hôm ấy trong phòng giam, chúng tôi phải họp để phê và tự phê, và rồi tôi lại được đưa ra để làm đề tài phê bình cho đến khi tôi phải nhận khuyết điểm. Cuối cùng thì tôi phải nói rằng tôi không hề biết gì về lao động tay chân bởi vì lúc nhỏ tôi chỉ đi học và khi lớn lên tôi chỉ làm việc trí óc chứ chưa hề làm việc tay chân. Tôi hứa sẽ cố gắng tích cực hơn trong thời gian tới để theo kịp những người khác. Kể từ hôm ấy trở đi, chúng tôi phải đi lao động từ sáng đến chiều và tối lại thì phải ngồi họp để kiểm điểm những việc làm trong ngày cho đến khi nghe tiếng kèn đánh báo ngủ.

Đóng gạch cũng chẳng khỏe hơn làm đất. Chúng tôi phải ngồi xổm trên sân suốt ngày dưới ánh nắng. Đất mang lên sân được chất thành những đồng nhỏ, người đóng gạch phải dùng cái khung bằng gỗ đè vào đồng đất để lấy đất và đập xuống sân, kéo viên gạch sắp thành hàng và lấy cái khung ra để làm viên gạch khác. Điều này tưởng chừng như dễ dàng, nhưng dưới ánh nắng và suốt ngày phải ngồi xổm, bò từ nơi này đến nơi khác khiến mọi người đều bị đau lưng, đau hông, và đau vai. Thêm vào đó còn phải làm cho đủ tiêu chuẩn mà tiêu chuẩn ấy thì cứ tăng lên hàng ngày.

Giữa hai công việc đóng gạch và làm đất thì tôi chọn công việc sau mặc dù có nặng hơn nhưng tôi có thể di chuyển được chứ không phải ngồi xổm suốt ngày. Đội của chúng tôi và đội 2 thay phiên nhau làm hai việc này. May mắn cho tôi là tôi chỉ làm đội gạch khoảng một tháng thì được đổi sang đội làm mộc. Tôi không biết tôi có thể chịu đựng bao lâu nếu cứ ở đội làm gạch? Lao động quả thật là vinh quang, đặc biệt là lao động cường bức! Trong trại, chúng tôi luôn luôn phải biết cái thành ngữ “tự nguyện và tự giác lao động”, nhưng nếu chúng tôi không tự nguyện thì họ buộc chúng tôi phải lao động hoặc là xử phạt chúng tôi bằng mọi cách!



Chương 27. Tôi Làm Thợ Mộc

Làm gạch quá nặng nề đối với tôi, và đi làm ngoài đồng thì những con đĩa bám đầy chân mỗi lần bước xuống nước khiến tôi rất kinh khiếp. Vì vậy khi trại cần ai biết làm thợ mộc để biên chế vào đội mộc, tôi tình nguyện ngay dù thật tình thì tôi chẳng biết gì

ngay cả việc cầm cái cửa để cửa gỗ! Tôi cũng muốn nói ở đây là cái cửa ở Việt Nam là loại cửa khung với cái khung gỗ có hai tay cầm dài khoảng năm tấc nối liền nhau bởi một thanh gỗ nhỏ dài bằng cái lưỡi cửa và được căng bằng một thanh gỗ khác ở giữa. Cái cửa này rất khó giữ cho thẳng bằng nếu chưa quen tay.

Tôi được chuyển ngay sang đội mới thành lập, đó là đội 10 và Uyển vẫn làm đội trưởng đội này. Ngày đầu tiên đến “nhà lô” của đội, ngay phía sau vòng rào trại, để làm mộc, tôi được phân công để rọc gỗ thành những thanh gỗ khổ 4×10 phân. Tên cán bộ quản giáo bảo tôi đặt tấm bìa gỗ dày lên trên hai cái ghế ngựa và ngồi thẳng lên đó. Tôi phải giữ lưỡi cửa bằng cả hai tay; tay mặt nắm vào một đầu ngay chỗ lưỡi cửa gắn vào khung còn tay trái thì giữ đầu kia của khung cửa. Sau đó cả hai tay phải đưa đều lên xuống và mắt thì nhắm thẳng theo đường mực để lái lưỡi cửa cắt theo đó. Điều này nghe cũng dễ, nhưng khi làm thì rất khó vì đó là lần đầu tiên trong đời tôi phải xẻ gỗ bằng cửa. Lưỡi cửa cứ đi lượn vòng như con rắn bò chứ không đi theo ý mình muốn, càng lái thì nó càng bị kẹt trong gỗ khiến tôi rất khó nhọc mới đưa lên xuống được. Chỉ một lúc sau mồ hôi đầm ướt cả mình mẩy, và hai vai tôi ê ẩm như bị ai đánh.

Tôi ráng giữ bình tĩnh và tự nhủ rằng dù sao thì còn hơn là phơi nắng và giẫm bùn suốt ngày ở chỗ làm gạch. Ở trong trại, tôi không thể tránh không làm việc được, do đó đành phải chấp nhận cái khá nhất trong số những cái xấu! Sau vài ngày, tôi có thể lái lưỡi cửa theo ý mình và công việc cũng trở nên dễ dàng hơn một ít.

Thời gian sau đó, đội chúng tôi được phân công làm nhà để gia đình trại viên đến thăm nuôi. Nhà thăm nuôi này nằm ở ngã rẽ vào phân trại K5, đối diện với chuồng bò. Tôi lại cũng chẳng biết tí gì về kiến trúc, cho dù làm nhà gạch hay nhà lá. Nhưng trong đội có vài người ở trại Tây Ninh đã từng làm nhà, họ trở nên những “chuyên viên” hướng dẫn chúng tôi làm việc này.

Công việc đầu tiên của tôi là phải dùng rìu để đẽo cây gỗ thành cột nhà. Những cây này do các phạm nhân hình sự trong đội lâm sản mang về. Trước hết tôi phải đẽo vuông cái cây rồi đẽo thành hình bát giác, sau đó dùng cái bào để bào tròn thành cột nhà. Họ gọi là “chuông tư”, “trâm tám”, rồi “lăng cạnh”! Để làm những xà nhà thì chỉ cần đẽo thành hình vuông rồi bào sơ cho có hình dáng.

Long và Tranh, những “chuyên viên” trong đội đặt cột và xà nhà trên mặt đất theo hình dạng của sườn nhà rồi vẽ những cái mộng và lỗ mộng cho chúng tôi đục, cửa và ráp lại thành hình.

Chúng tôi phải đào một cái ao phía sau để lấy đất đắp nền nhà. Sau ba tuần thì sườn nhà được dựng lên, và lúc đó là lúc chúng tôi phải làm mái, làm tường, và những công việc về mộc khác.

Để làm tường bằng đất, chúng tôi phải đục những lỗ vuông nhỏ cạnh 1×3 phân trên cột và xà nhà gọi là “lỗ bua” để nhét những thanh tre vào. Những thanh tre được nối tiếp nhau và cột dính lại thành hình dạng trông giống như mạng lưới. Trong lúc đó thì một toán phải đào đất, trộn rơm và nước vào rồi dùng chân trần mà đạp cho thành một chất nhầy nhầy. Chúng tôi dùng tay để trét thứ đất trộn rơm ấy vào vách để thành vách đất.

Mái nhà thì làm bằng ba lớp tre. Những cây tre để nguyên cây gọi là “đòn tay” được cột bằng dây lạt song song theo đường ngang từ cây kèo này qua cây kèo khác với

khoảng cách khoảng một thước. Những cây nứa nhỏ được gọi là “rui” được cột vào đòn tay theo chiều dọc cách nhau khoảng năm tấc từ đòn tay trên cùng đến đòn tay cuối. Cuối cùng là những thanh tre chẻ khoảng ba phân cột vào rui theo chiều song song với đòn tay ở khoảng cách khoảng ba tấc được gọi là “mè”.

Để lợp mái, chúng tôi dùng lá cọ non dài khoảng một thước rưỡi đến hai thước. Chúng tôi xé hai tép nhỏ ở hai bên lá cọ, gắn nó vào mạng lưới của rui và mè theo chiều ngửa lên. Sau ba lớp lá, chúng tôi phải cột một thanh tre để giữ lá ở vị trí vì vùng này thường hay có bão. Đỉnh của mái nhà là một hàng các cọc tre đâm xuyên qua và những cái lá cọ móc vào rồi đặt nằm chéo nhau.

Sườn nhà được nối với nhau bằng những mộng đuôi cá hay những cọc tre. Chỉ có cửa sổ và cửa cái là dùng đỉnh để đóng mà thôi! Cái nhà, hay nói đúng hơn là căn lều khoảng 8×10 thước, mà chúng tôi phải bỏ ra hai tháng trường để làm hoàn tất với công sức lao động cực nhọc của bốn mươi người chưa kể những phạm nhân hình sự cung cấp cây và lá. Nhưng điều mà tôi thu nhận được qua thời gian này là tôi bắt đầu có một ít kinh nghiệm về việc sử dụng cưa, đục, bào và rìu, tất cả sẽ có ích cho tôi trong thời gian sắp tới.

Sau khi hoàn thành “nhà thăm nuôi” cho trại viên, đội chúng tôi, đội 10 được đặt tên là “*đội mộc và xây dựng tạm thời*” với nhiệm vụ làm và sửa chữa nhà cửa làm bằng cây và tre trong trại và khu cơ quan. Trong thời gian không có công tác xây dựng thì chúng tôi được làm mộc ở nhà lô. Một đội khác được thành lập trong lúc đó là đội 2 chuyên làm mộc gia dụng như đóng đồ đạc bằng gỗ, xẻ gỗ cung cấp cho mộc và xây dựng.

Tôi suy nghĩ rằng chỉ có cách duy nhất để tránh các công việc nặng nhọc khác ở trong trại là làm sao học nghề làm mộc để được ở lại đội 10. Với một ít khéo léo và với khả năng về tính toán, tôi nhanh chóng bắt kịp nghề nghiệp này. Tôi có thể tính được mọi thứ trong căn nhà và không cần phải sắp cây gỗ xuống đất theo hình dạng cái khung nhà để vẽ mộng. Tôi chỉ cần cán bộ quản giáo cho biết về kích thước chung của căn nhà là có thể tính toán một cách chính xác bao nhiêu vật liệu để làm. Sáu tháng sau, tôi trở thành chuyên viên cho đội! Tôi lợi dụng việc ấy để có thể làm những điều mà tôi muốn làm theo ý mình.

Hàng ngày đến nhà lô, cán bộ quản giáo nói với đội trưởng Uyển về công việc phải làm, và rồi Uyển hỏi tôi cần bao nhiêu trại viên để làm công việc ấy. Tôi thường yêu cầu số người nhiều hơn là nhu cầu để mọi người đều được thoải mái hơn trong công việc. Khi làm nhà, tôi thường bảo những phạm nhân hình sự trong đội làm sẵn chất những thứ cần thiết theo từng loại để chúng tôi khỏi phải di chuyển quá nhiều, điều đó có thể làm chúng tôi rất mệt nhất là với tình trạng thiếu dinh dưỡng ở trong trại. Mọi điều mà tôi tính toán đều với mục đích là làm thế nào để tránh cho chúng tôi mất sức. Chúng tôi phải tránh sự tiêu hao năng lượng cho chúng tôi trong hoàn cảnh này để còn có thể sống sót!

Luôn luôn có những điều ngộ nghĩnh xảy ra trong mọi tình huống, ngay cả trong những tình cảnh bi đát nhất. Ở trại Tân Lập thì hầu hết nhà cửa là nhà “tạm thời”, nghĩa là nhà làm bằng tre, gỗ và lá cọ. Chúng tôi có rất nhiều việc phải làm, và đôi lúc chính điều này đã tạo nên một cảnh ngộ trái ngược. Các cán bộ và gia đình của họ cần nhà để ở, cần chòi để nuôi heo gà vùn vùn, và chúng tôi lại là những người làm ra những thứ mà họ cần. Nhà tốt hay xấu là tùy thuộc vào chúng tôi! Còn chúng tôi thì cần cái gì? Tất

nhiên điều mà tù cải tạo nào cũng cần là thức ăn và công việc làm nhẹ nhàng! Tôi không bao giờ quên cơ hội để đòi hỏi những thứ cần thiết cho cuộc sống của chúng tôi như gà, thịt, trứng, khoai mì, và ngay cả rau. Họ khó có thể từ chối những điều yêu cầu ấy vì họ luôn muốn chúng tôi làm việc tốt cho họ. *“Chúng tôi luôn muốn làm tốt mọi việc và làm nhanh cho các ông, nhưng như các ông thấy, chúng tôi không đủ sức. Nếu các ông có món gì đó để bồi dưỡng cho chúng tôi, món gì cũng được, tôi nghĩ chúng tôi sẽ làm việc tốt hơn”*. Đó là câu nói đầu môi của tôi mỗi lần tôi muốn hỏi xin thức ăn cho chúng tôi khi làm việc cho họ.

Có một lần chúng tôi làm một căn nhà bảy gian cho khu gia đình cơ quan, khi đặt cây đòn tay ở nóc nhà, tôi thấy vài người mang đồ đến cúng rồi tặng cho chúng tôi đồ cúng ấy. Tôi hỏi xem họ làm gì vậy thì họ cho biết cây đòn tay là một vật quan trọng nhất trong cái nhà, và theo sự tin tưởng của họ, họ yêu cầu chúng tôi trân trọng khi đặt đòn tay cho căn nhà để họ có may mắn khi sống trong nhà ấy. Chúng tôi thì chẳng cần điều gì ngoài phẩm vật của họ! Kể từ đó, chúng tôi đã biết được rằng cho dù là Cộng Sản, họ cũng rất mê tín.

Một lần khác khi làm cửa nhà cho họ, chúng tôi làm cửa trước và cửa sau thẳng đường từ trước ra sau. Họ đến yêu cầu tôi cho làm chéo qua một chút. Tôi biết đó cũng là một điều mê tín, do đó tôi báo với họ rằng đó là ý kiến của “ban kế hoạch trại”. Một lát sau họ mang đến cho chúng tôi một bao bo bo và bảo tôi làm dùm họ điều mà họ muốn. Chúng tôi chia nhau phân bo bo rồi vừa sửa lại mà vừa cười với nhau!

Sự thiếu ăn và cái đói là điểm chính yếu trong trại cải tạo. Đội chúng tôi dù được làm những việc tương đối nhẹ nhàng hơn vài đội khác nhưng lại không có được những “bồi dưỡng” như những đội nông nghiệp, do đó tôi đã phải yêu cầu cán bộ quản giáo cho trồng cái gì đó để trại viên trong đội có thêm phần ăn. Ông ta cho phép Niệt, một trại viên trong đội làm việc ấy. Sau vài tháng, Niệt thay luôn người phạm nhân hình sự và trở thành trại viên “diện rộng” làm riêng cho cán bộ quản giáo. Niệt trồng cho đội giàn bầu và vài luống rau, ngoài ra anh ta còn có nhiệm vụ đi kiếm thêm thức ăn cho cán bộ quản giáo. Đôi lúc anh ta mang vào phòng cho riêng tôi một ít thức ăn mà anh ấy kiếm được. Trong cái địa ngục như trại Tân Lập, không có gì quan trọng hơn thức ăn, mọi loại thức ăn, bởi vì mọi người đều đói!

Đầu năm 1978, Uyển chuyển qua làm trong ban “Thi Đua”. Ban Giám Thị đưa Yêm từ K1 qua làm đội trưởng đội 10. Yêm chưa biết gì về mộc và xây dựng, nhưng vì là đội trưởng anh ta muốn nắm lấy trách nhiệm. Anh ta đưa tôi vào làm mộc ở nhà lô thay vì làm công việc xây dựng. Đó là thời gian mà tôi có dịp để học đóng đồ gia dụng. Công việc này tương đối nhẹ hơn làm xây dựng, nhưng phải ở tại nhà lô và không có thêm được thức ăn “bồi dưỡng”. Điều này rất quan trọng cho chúng tôi.

Trong trại, chúng tôi thường làm giường, tủ chạn, bàn ghế cho cán bộ và gia đình. Đôi khi họ còn bảo tôi làm dùm “hòm” (rương đựng quần áo làm bằng gỗ). Việc này thường là công việc làm riêng tư, không có trong kế hoạch của trại, do đó tôi lại có cơ hội để yêu cầu họ cung cấp cho tôi món này món nọ.

Sau vài tuần lễ, Yêm không thể nào làm được việc của đội, đặc biệt là khi làm căn nhà khá lớn, do đó cán bộ quản giáo và cán bộ kế hoạch của trại bảo tôi phải trở lại làm việc như là chuyên viên về xây dựng cho đội. Tôi làm công việc này vì tôi biết họ cần tôi

trong công tác xây dựng, và đó cũng là cơ hội để tôi có thể tránh được công việc nặng nề và có cơ hội giúp các trại viên khác trong đội.

Cũng vì điều này đã khiến có lần tôi suýt bị nguy hiểm khi ban giám thị trại có ý định chơi trò chơi dân chủ trong trại bằng cách cho phép trại viên bầu ban thi đua và các đội trưởng. Tôi đã cảm thấy đó là một chiến thuật của VC để loại trừ những trại viên nào được các trại viên khác có cảm tình.

Trong đội tôi, dưới sự chủ trì của cán bộ quản giáo, các trại viên đã đề cử đội trưởng Yêm, đội phó Sinh, và tôi ra để được bầu vào chức vụ đội trưởng. Sau cuộc bầu cử, tôi lại là người được một trăm phần trăm phiếu bầu của các trại viên trong đội. Một buổi họp của Ban Giám Thị với Bích, một phạm nhân hình sự làm trưởng ban thi đua, đã đi đến kết luận là phải chuyển tất cả những người đã được các trại viên tín nhiệm đi đến phân trại khác, trong đó có tên tôi. Uyên, Yêm và vài người nữa được chuyển đi K1, nhưng họ giữ tôi lại vì lý do không có người thay thế để làm công việc xây dựng. Tôi ở lại đội 10 với nhiệm vụ củ là “chuyên viên về xây dựng”, và họ đưa Tổng từ K1 sang làm đội trưởng đội 10.

Các trại viên đến đội 10 và đi khỏi đội, các trại viên được chuyển đến trại Tân Lập và rồi được thả ra khỏi trại; nhiều cán bộ quản giáo đến phụ trách đội 10 và chuyển đi đội khác. Tôi vẫn cứ ở đội ấy hầu hết thời gian từ đầu cho đến khi rời trại Tân Lập để đi về miền Nam. Long, Tranh, Tánh, và những trại viên trong nhóm 410 người trên chiếc tàu “Sông Hương” đã được thả ra khỏi trại từ đội 10. Vui, Nam, Giới, Tứ, và những trại viên khác được chuyển đến trại Tân Lập từ Lào Kai, Yên Bái, Hoàng Liên Sơn vãn vãn là những trại viên cuối cùng của đội 10. Nhưng chỉ có tôi là ở đội ấy từ đầu đến cuối.

Cũng không phải tất cả mọi việc đều trôi chảy! Mặc dù chúng tôi thường làm trong nhà lô, “*nắng không tới mặt, mưa chẳng tới đầu*”, nhưng rồi cũng luôn luôn có những việc ngoại lệ. Trong mùa giông bão, và miền Bắc Việt Nam thì thường có giông bão, chúng tôi phải đi sửa mái nhà trong trại và khu cơ quan trong khi các đội khác thì được nghỉ. Mái nhà làm bằng lá cọ rất dễ bị tung bay trong gió bão nên chúng tôi không bao giờ được nghỉ ngơi trong mùa này!

Thêm vào đó, chúng tôi làm việc nguy hiểm mà không có trang bị an toàn nào cả. Làm việc trên mái nhà, đặc biệt là vào mùa đông khi có mưa phùn và gió bắc, những sợi lạt tre rất bén dễ cắt đứt tay. Tôi đã té xuống đất một lần từ mái khi cột dây lạt và dây bị đứt làm mất thăng bằng. May mắn là tôi rơi trúng đồng lá cọ nên chỉ mất một cái răng chứ không bị thương nặng. Nếu không có đồng lá thì không biết tôi sẽ ra sao?

Một lần khác, ba trại viên trong đội cùng tôi phải đi cắt một cây sung ở bờ suối A-Mai về làm cột nhà. Hôm ấy trời mưa nhỏ chứ chưa phải là mưa to. Sung là một loại cây có nhiều nhựa rất khó cưa ngang bằng cái cưa cá mập. Cây lại nằm ở bờ suối ngay chỗ giáp với mặt nước. Chúng tôi không thể đứng dưới nước để cưa nên chúng tôi phải đóng cái ghế ngựa vào thân cây và ngồi trên ghế để cưa cây. Mực nước càng lúc càng dâng lên cao. Có lẽ là đang mưa to ở trên nguồn. Lúc đầu thì cây sung nằm gần bờ nhưng lần lần thấy bờ càng xa ra. Khi đã cắt xong thì chúng tôi không còn làm cách nào khác hơn là bám vào thân cây để nó trôi theo dòng nước đang chảy xiết. Một lần may mắn nữa là cây sung lại trôi tấp vào bờ; chúng tôi lôi nó lên bờ và đi về nhà lô với quần áo ướt và lạnh.

Năm năm ở trại Tân Lập quả là quá dài để quen dần với mọi thứ. Kể từ lúc bắt đầu chưa biết làm mộc là gì cho đến lúc có thể làm được hết mọi việc và thành một thứ chuyên viên cần thiết cho việc xây dựng trong trại, tôi đã phải vượt qua biết bao nhiêu là khó khăn! Cán bộ và ban giám thị lần lần biết tôi. Đầu năm 1981, nhà lô đội 10 chuyển qua địa điểm mới, ở gần bộ chỉ huy trại và nằm cạnh vườn cam. Tôi có thể đi ra nhà lô một mình mà không cần phải có cán bộ đi theo trông chừng. Đôi khi ban giám thị trại còn cho phép tôi được đi một mình ra nhà dân để quan sát lấy ý về để làm nhà cho cơ quan. Tôi nghĩ tôi có thể nhân đó mà trốn trại được và họ chỉ có thể phát hiện khi điểm buổi vào buổi tối mà thôi. Nhưng như tôi đã nói từ trước, trại Tân Lập bao quanh bởi núi rừng và thật sự tôi không biết đi đâu khi trốn ra khỏi trại! Cũng đã có vài cuộc trốn trại nhưng chưa một ai đi được xa vì tất cả đều bị những người dân miền núi trong vùng bắt nộp về trại để nhận phần thưởng là một ít gạo và thực phẩm. Mọi cuộc trốn trại bị thất bại đều dẫn đến cái chết bằng cách này hay cách khác sau khi bị biệt giam một thời gian dài.

Một mẫu chuyện tình trong đời cải tạo: Khi nhà lô mới của đội 10 dời về khu vườn cam, nó cũng nằm gần nhà giữ trẻ cho gia đình cán bộ. Cô giáo nhà trẻ tên là Lan thường đến nhà lô để nhờ tôi làm dùm thước kẻ. Lúc đầu tôi không chú ý gì đến cô ta vì cô ta là “cán bộ”. Nhưng lâu dần điều ấy trở thành thường xuyên, và cô ta chỉ nhờ tôi làm dùm công việc này trong khi có nhiều trại viên khác làm trong nhà lô. Mỗi lần có dịp đến để sửa chữa trong nhà trẻ, học sinh của cô ta lại cho tôi biết rằng cô giáo đang “*trăng điểm*” trước khi ra gặp tôi! Vài người bạn trong đội và ngay cán bộ quản giáo cũng biết điều này, nhưng họ chỉ cười với tôi mỗi khi thấy cô ấy đi tới nhà lô. Lan không đẹp nhưng có nụ cười hấp dẫn và thân hình cân đối, có lẽ vì cô ấy lao động từ bé. Sự quan hệ của chúng tôi dần dần trở nên gần hơn cho đến khi tôi chuyển về miền Nam đầu năm 1982. Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không chuyển khỏi trại Tân Lập?

Không chỉ mình tôi mà một số trại viên khác cũng bắt đầu có những sự quan hệ với các cán bộ nữ. Bên cạnh đó thì sự quan hệ giữa trại viên, nhất là những người trong đội lâm sản với dân quanh vùng càng lúc càng nhiều hơn. Thật là một tình trạng đảo ngược! Tôi có thể nói rằng “*chính sách của Đảng và Nhà Nước trước sau như một*”, nhưng mà quan điểm của con người thì đã bắt đầu thay đổi!

Chương 28. Dưới Hai Tầng Áp Bức

Trại Tân Lập không phải là một trại mới xây như tên gọi của nó. Tân Lập là một mẫu mực của một trại cải tạo của Việt Cộng bởi vì nó đã được thành lập từ thời 1954 sau khi Cộng Sản thôn tính miền Bắc Việt Nam. Nó đã từng là trại giam giữ các nhân viên của thời Pháp. Trong phong trào “Nhân Văn Giai Phẩm” 1955 ở miền Bắc, nó lại được dùng để tập trung các văn thi sĩ có những tư tưởng chống Cộng. Tân Lập cũng đã từng là nơi để nhốt những địa chủ trong giai đoạn “Cải Cách Ruộng Đất” ở miền Bắc sau 1954. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, các tù binh Mỹ cũng đã bị giam ở đó. Trước khi chúng tôi đến trại thì Tân Lập đã là trại cải tạo các thiếu nhi phạm pháp và các trẻ bị đời. Với một lịch sử như vậy, Tân Lập là một trại cải tạo tổ chức rất hoàn hảo.

Cơ cấu tổ chức nhân sự của trại Tân Lập gồm hai thành phần: Các đơn vị Công An VC quản lý trại và các trại viên.

Các sĩ quan công an VC được chia làm hai bộ phận, “Ban Giám Thị” và “Hội Đồng Cán Bộ”. Ban Giám Thị hay Ban Chỉ Huy trại gồm những Công An trông coi các việc điều hành chung trong trại như Trưởng trại, các trại phó đặc trách mỗi K, các trại phó trông coi các ban ngành như kế hoạch, giáo dục, chấp pháp, và an ninh. Hội đồng cán bộ bao gồm hai bộ phận chính, đó là các cán bộ quản giáo trông coi trại viên trong mỗi đội và các cán bộ vũ trang hay cán bộ “bảo vệ” có nhiệm vụ canh gác trại và quan sát trại viên lao động bên ngoài trại.

Trại viên trong trại được chia thành từng đội và tổ. Mỗi đội gồm khoảng từ ba mươi đến bốn mươi trại viên với một trại viên được sự tín nhiệm của ban giám thị hay cán bộ quản giáo làm đội trưởng. Đội được chia thành ba hay bốn tổ tùy theo công việc của từng đội. Mỗi tổ có khoảng mười trại viên và có một tổ trưởng trông coi công việc lao động do đội trưởng hay cán bộ quản giáo giao phó cho tổ ấy.

Một tổ chức đặc biệt của trại Tân Lập là cái gọi là “Ban Thi Đua” gồm có “Thường Trục Thi Đua” và “Hội Đồng Tự Quản” bao gồm các đội trưởng. Đó là những cái tai và mắt của Ban Giám Thị và Hội Đồng Cán Bộ.

Khi chúng tôi vừa đến trại Tân Lập thì cái gọi là “Thường Trục Thi Đua” nằm trong tay của các tội nhân hình sự, với Bích, một tên “mắt lé răng hô”, và Khôi nắm giữ mọi sinh hoạt trong trại. Chúng rất có thể lực! Có lần tôi được gọi lên văn phòng của chúng để kê khẩu hiệu, tôi thấy có một cán bộ kế hoạch của trại vào để hỏi vài trại viên đi theo làm công việc gì đó. Bích đang nằm để một phạm nhân xoa bóp trong phòng riêng phía bên trong văn phòng của thường trục thi đua; hắn ta la lớn lên rằng “bảo ông ta đợi tôi, tôi đang bận!” Tôi không hiểu hắn ta là loại tù gì? Nếu là trại viên thì chắc đã bị phạt nặng lắm rồi!

Còn Khôi thì hàng mỗi buổi sáng ngồi ở bệnh xá để cho phép trại viên được nghỉ bệnh trong trại hay không. Các trại viên nào muốn khỏi đi lao động thì phải có cái gì đó dứt lốt cho hắn!

Trong khi trại viên chỉ có một chén nhỏ bo bo thì chúng có đầy dẫy thức ăn; trong khi trại viên bị nhốt trong phòng giam thì chúng có riêng phòng ngủ và có riêng những người phục dịch để giặt giũ và ủi áo quần! Chúng dường như là những ông vua ở trong trại. Không ai biết về tội trạng của chúng và án tù mà chúng bị xử. Tôi nghe vài phạm nhân hình sự bảo rằng Bích đã từng là một cán bộ kinh tài làm trong bộ tài chánh ở Hà Nội, thủ đô của Bắc Việt. Hắn ta ăn cắp tiền của bộ và bị xử hai mươi năm. Khôi thì là một sĩ quan ở địa phương có tội giết vợ nên bị tù chung thân. Ban Giám Thị trại rất tin tưởng bọn chúng nên trao cho bọn chúng hết mọi quyền hành trong trại.

Vào năm 1978, vài trại viên trong nhóm “Chế độ cũ của miền Nam” gia nhập vào “Thường Trục Thi Đua”. Khôi được dời đi K1, nhưng Bích thì vẫn là trưởng ban thi đua cho đến khi được tha ra khỏi trại vào năm 1981.

Tôi không muốn phê bình hay kết án các hành động của Ban Thi Đua trong nhóm của các trại viên đến từ miền Nam. Tôi chỉ muốn kể lại ở đây những gì đã xảy ra ở trại Tân Lập. Đối với những ai đã ở trại Tân Lập thì tôi nghĩ họ đã biết quá nhiều về các

Thường Trực Thi Đua này. Còn đối với những người khác thì tôi nghĩ chắc là khó có thể tin được những việc làm của họ là sự thật. Đôi khi chính tôi còn phải tự hỏi rằng những người ấy là công an của VC hay là tù cải tạo?

Uyển, Bình, Tú, Diêu vân vân là những “thường trực thi đua” được điều khiển bởi Bích và hành động cũng giống như Bích. Trại viên trong trại bị áp bức bởi hai bộ phận: Các Cán Bộ và các Thi Đua. Điều nguy hiểm của Cộng Sản là chúng dùng thủ đoạn “ném đá giấu tay”, dùng Thi Đua như một công cụ của chúng để điều hành trại. Các cán bộ thì luôn miệng nói rằng “đường lối và chính sách của Đảng và Nhà Nước” là không đánh đập hay hành hạ trại viên để trả thù, và nếu có những hành động xấu nào đó xảy ra thì đó là hành động của từng cá nhân chứ không phải là chính sách của Đảng và Nhà Nước. Những điều mà các Thi Đua làm đó là do ý của họ chứ không phải là do Ban Giám Thị và Hội Đồng Cán Bộ!

Nhiều trại viên đã không thù hận các VC mà lại thù hận những thi đua, và họ đã quên rằng chính các thi đua là những người thi hành những chỉ thị của Ban Giám Thị trại.

Các Thường Trực Thi Đua đứng bên ngoài phòng giam để quan sát, nghe lén, và phê bình các buổi họp của trại viên.

Các Thường Trực Thi Đua tổ chức riêng cho mình những hệ thống ăn-ten gồm những trại viên làm tai mắt cho chúng.

Các Thường Trực Thi Đua gọi những trại viên vi phạm nội quy của trại lên văn phòng và đánh đập các trại viên ấy.

Các Thường Trực Thi Đua bắt buộc các trại viên bị bệnh phải đi lao động.

Rất nhiều hành động của Thường Trực Thi Đua đã tạo nên những căm thù trong trại viên.

Cái chiến thuật này của Cộng Sản đã rất thành công trong trại cải tạo, đặc biệt là ở trại Tân Lập. Trại viên sợ hãi các thường trực thi đua như Bích, Uyển, Bình, Tú, Diêu, vân vân, hơn cả những cán bộ trong ban giám thị như Thùy, Bảng, hay Trung.

Chương 29. Quay Đầu Về Núi!

Mùa Đông năm 1977, đó là mùa Đông đầu tiên mà chúng tôi phải chịu ở miền Bắc Việt Nam. Thời tiết rất lạnh, nhất là đối với chúng tôi, những trại viên bị ốm đói, không đủ quần áo che thân, và ngủ không có chăn mền trong những phòng giam mà cửa sổ luôn luôn được mở rộng để dễ kiểm tra bên trong. Mưa phùn và gió bắc là những điều mà trước kia chúng tôi chỉ được đọc trong các tiểu thuyết viết về sự đau khổ của những người nghèo ở miền Bắc. Giờ đây chúng tôi phải sống với những thứ đó trong một tình trạng còn tồi tệ hơn cả những người nghèo, trong cái địa ngục của thể gian!

Lưu Đình Việp, nguyên chánh nhất của tòa thượng thẩm Sài Gòn đã bị bệnh tiêu đường. Ông ta làm trong đội “rau xanh”. Một hôm nọ ông ta bị con đĩa cắn vào chân;

máu không cầm được mà lại không thể ở trong trại để nghỉ ngơi. Hàng ngày ông phải gánh nặng gánh gọi là “phân tươi” để tưới rau. Phân tươi còn gọi là “phân bắc” là phân lấy từ nhà cầu của trại viên trộn với nước suối. Vết thương của ông ta bị làm độc và không có thuốc men gì nên ông bị chết sau vài tuần lễ! Ông ta là người trại viên đầu tiên chết ở trại cải tạo Tân Lập.

Sau đó thì trại viên thay phiên nhau chết từng người một. Vài trại viên đã ngã ra chết khi đang hút thuốc Lào; tay của họ còn nắm cái điếu. Vài người chết trong lúc lao động. Có người thì chết trong lúc đang ngủ.

Lúc ấy tôi đang làm trong đội 10, đội “mộc”. Tôi phải đóng quan tài gần như hàng ngày, và những tội nhân hình sự trong “đội lâm sản” thì mang người chết đi chôn.

Hôm ấy là một đêm mùa Đông vào tháng chạp năm 1977. Chúng tôi đang ngồi họp sau bữa ăn chiều trong phòng giam khi đã bị nhốt vào phòng thì nghe tiếng lanh canh mở khóa phòng giam làm gián đoạn buổi họp của chúng tôi. Cán bộ quản giáo của đội 10 vào và bảo Uyên, đội trưởng đội 10 cho năm người đi với ông ta. Lúc đó vào khoảng chín giờ tối. Hôm ấy là phiên trực của tôi do đó tôi đi cùng bốn trại viên khác trong đội để đến nhà lô của đội đóng một cái quan tài chôn một trại viên vừa chết cách đó khoảng một tiếng đồng hồ. Điều này rất là bất thường vì chúng tôi vẫn thường làm việc này trong giờ lao động mà thôi.

Đóng một cái quan tài! Nói thì dễ hơn làm vì chúng tôi không có sẵn gỗ ván theo kích thước. Chúng tôi phải cưa gỗ bằng cưa tay để có được theo đúng kích thước, phải bào cho nhẵn và rồi lại phải rong cạnh cho thẳng để có thể ghép vào nhau được. Tiếp theo đó thì chúng tôi đóng thành một cái quan tài hình hộp vuông dài hai thước với các cạnh năm và sáu tấc có sẵn cái nắp để đóng đinh vào. Chiếc quan tài làm xong vào khoảng nửa đêm; chúng tôi khiêng nó vào bệnh xá để đặt tử thi và đồ đạc của anh ta vào đó.

Với hai sợi dây cột vào hai đầu của quan tài, chúng tôi luồn một thanh đòn tre ngang qua cho dễ khiêng bằng vai. Một người trong chúng tôi bung một cái mâm gồm một chén cơm, vài trái chuối, vài cây nhang, và hai cây đèn cầy. Một người khác thì cầm cây đuốc để soi đường vì lúc ấy trời rất tối. Một người nữa thì cầm mấy cái xeng, và hai người còn lại thì khiêng quan tài. Cán bộ quản giáo đi phía trước còn hai cán bộ vũ trang thì đi phía sau, chúng tôi đi trên một con đường đất sét dốc ngược về phía K4 của trại. Cái nghĩa trang để chôn trại viên bị chết nằm trên đỉnh của một ngọn đồi trước dùng để trồng cây trà, nằm cách K5 khoảng mười cây số.

Dưới ánh đuốc lung linh, những ngôi mộ đất nhỏ nằm không theo thứ tự trông giống như những luống cây dờ dang. Bàn thờ của chúng tôi đang nằm đó! Nhưng ít ra thì thân xác và linh hồn của họ không còn bị hành hạ nữa, và gia đình họ cũng không còn phải chờ đợi họ một cách vô vọng nữa!

Thọ, một trại viên trong đội văn nghệ đã viết một bài ca có tựa đề là “*Quay đầu về núi*”.

“Rồi một ngày mai anh chết đi, em không còn phải đợi phải mong. Và rồi một ngày mai anh chết đi, thân xác anh quay đầu về núi, trong mộ phần không chút khói hương.... Xin em trồng giữa mộ anh một loài hoa nhỏ dại không tên.”

Cái huyết hổ đã được các phạm nhân hình sự đào sẵn. Chúng tôi đặt quan tài gần bên cạnh hổ, đốt mấy cây nhang và hai cây đèn cây, đặt cơm, muối, và mấy trái chuối lên mâm. Tôi khấn thầm cho anh ta được bình an nơi thiên đàng, và rồi chúng tôi thông quan tài xuống dưới huyết, lấp đất lại và trở về trại.

Trời đã bắt đầu hừng đông; chúng tôi được phát mỗi người một chén cơm và ít muối để bồi dưỡng cho việc làm này và được cho phép nghỉ trong trại hôm ấy, không phải đi lao động. Đó là lần đầu tiên tôi đi chôn một người bạn tù, tôi không nhớ được tên anh ta. Nhưng đó không phải là lần cuối cùng vì sau đó chúng tôi phải thay phiên nhau đi hầu như hàng đêm!

Đầu tiên, chúng tôi đóng quan tài khi có người chết; sau đó chúng tôi đóng sẵn để chờ người chết. Trại viên chết quá nhiều, chết vì đói, vì bệnh không có thuốc, vì kiệt sức. Chúng tôi không còn gỗ để đóng quan tài nữa, do đó chúng tôi phải dùng một cái quan tài cho nhiều người chết. Chúng tôi đặt người chết và đồ đạc của họ quần trong chiếc chiếu vào trong quan tài, mang đến mộ phần của họ, chôn tất cả xuống mộ và mang chiếc quan tài trống trở về cho người chết khác!

Đỉnh đồi sau đó đã đầy, chúng tôi phải dời qua một đỉnh đồi khác để lập một nghĩa trang mới. Trại Tân Lập nằm trong một thung lũng bao quanh bởi núi, do đó tất cả các người chết đều được quay đầu về núi cho dù có chôn họ theo hướng nào đi nữa!

Chương 30. Đói!

Đó có lẽ là điều chính yếu trong tất cả các trại cải tạo, và ở trại Tân Lập thì đó lại là một vấn đề quan trọng giữa cái sống và cái chết. Rất khó có thể diễn tả được cái đói trong trại cải tạo bởi vì nó khác hơn mọi cái đói khác. Người ta đói vì không có gì ăn. Trại viên thì đói mặc dù vẫn có ăn ngày ba bữa!

Ngày đầu tiên đến trại Tân Lập, chúng tôi được một bữa ăn thịnh soạn gồm cơm, thịt trâu và thịt heo. Vài ngày sau thì chúng tôi vẫn có cơm độn với một ít bo bo với một ít canh bí đỏ. Nhưng rồi thì bo bo được lần lần thay cho gạo cho đến khi chúng tôi chỉ được chín mươi phần trăm bo bo với một chút cơm và đôi khi không có một tí cơm nào nữa hết.

Cao lương hay bo bo là một loại thực phẩm gia súc được viện trợ từ Ấn Độ. Hạt bo bo lớn khoảng một phần tư hạt bắp với cái vỏ cứng và dày hơn hạt bắp. Bo bo chưa xay vỏ rất khó nấu chín, và cái vỏ thì cũng rất khó lột ra ngay cả nấu thật lâu đi nữa!

Đầu tiên thì chúng tôi nhai bo bo giống như ăn cơm, nhưng rồi chúng tôi khám phá ra rằng bo bo bị tiêu hóa ra ngoài nguyên cả hạt. Chúng tôi phải nhai kỹ hơn, nhưng mà cái vỏ cứng của nó khiến răng và hàm chúng tôi đau chịu không nổi. Chúng tôi lại phải giã nó ra, và vài người còn nấu lại trước khi ăn nữa.

Cái đói đã tạo nên nhiều hành động rất là bi hài, đặc biệt là khi chia phần ăn. Khi đi lấy bo bo ở nhà bếp về cho đội thì phải có ít nhất là hai trại viên đi cùng. Một người để mang bo bo còn người kia thì đi theo để kiểm soát vì mọi người đều nghĩ rằng bo bo bị

cắt bớt trên đường từ bếp về đến đội. Để chia phần ăn, các trại viên thường dùng thành ngữ “*công bằng và chính xác!*” Nhưng rồi ai cũng nghĩ rằng phần của mình ít hơn của người khác. Trại viên không tin tưởng vào những cái chén hay cái muôi (muỗng canh) nữa, do đó vài người đã chế ra những cái cân làm bằng thanh tre với một hòn đá cột ở một đầu và cái đĩa cột ở đầu kia để chia phần ăn. Cũng chưa đủ, có người còn đề nghị đếm số theo một thứ tự nào đó hay bắt số theo một quy ước nào đó rồi người đầu tiên lấy phần ăn cho dù đó không phải là cái chén của mình. Thật là một bi hài kịch! Một tục ngữ Việt Nam nói rằng: “*Miếng ăn là miếng tòi tàn, mất đi một miếng lợn gan lên đầu.*” Điều này trông rất rõ ràng trong trại cải tạo.

Bữa ăn của trại viên thường là một chén nhỏ bo bo hay một thứ gì đó xem như tương đương với cơm, và một chén canh rau. Bát canh rau này thường là nước muối có một vài cọng rau như lá xanh của bắp cải, lá của su hào, lá cải củ, hay rau muống, tùy theo từng mùa. Cái gọi là “những thứ tương đương với cơm” là những cái mà trại có như bo bo, khoai mì, khoai lang, bắp, và đôi khi bánh bột mì.

Khoai mì hay sắn là thường xuyên nhất vì đó là sản phẩm chính của tỉnh Vĩnh Phú. Chúng tôi đặt cho nó một cái tên là “*bach sâm*”! Điều tệ hại là chúng tôi ít khi được ăn khoai mì tươi mà thường là khoai mì khô: Sắn lát hay sắn đuôi! Sắn lát (chúng tôi gọi là nút chai) hay sắn đuôi (cắt thành sợi) được cắt từ nguyên củ khoai mì kể cả vỏ và tim, được phơi nắng (và phơi cả mưa), và được trữ lâu ngày trong nhà kho, do đó chúng thường rất dai và mốc. Sau khi được nấu lên, sắn lát chỉ chín ở lớp ngoài còn bên trong thì vẫn còn sống, còn sắn đuôi thì biến thành một chất cháo nhầy nhụa.

Khoai mì, khoai lang, và bắp là những thứ nông sản mà dân địa phương thường nộp thuế nông nghiệp cho nhà nước. Dân chúng trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa không nộp thuế bằng tiền, đặc biệt là thuế nông nghiệp; họ đóng bằng những nông phẩm của họ để thay vào đó. Sau vụ mùa, chúng tôi thường thấy những người dân địa phương sống vùng quanh trại gánh sắn đuôi, sắn lát, khoai lang, và bắp vào trại để nộp thay vì nộp cho chính quyền địa phương.

Dân chúng trong vùng rất nghèo, họ là những người dân sơn cước như người Tày, Mường, H'Mông, hay những người dân sống trong xóm đạo (Công giáo) bị chuyển từ những thành phố lớn như Hà Nội, Nam Định về đây sau năm 1954 để xây dựng “*khu kinh tế mới*”. Để thực hiện chính sách đàn áp tôn giáo đặc biệt là Công giáo, và để tịch thu tài sản của những người giàu có và những gia đình của những người làm cho chế độ cũ, Cộng Sản đã thiết lập những cái gọi là “*khu kinh tế mới*” ở những vùng xa xôi hẻo lánh và bắt những người dân này đến để khai phá. Vài địa danh như Bến Ngọc, A-Mai, và dốc Trinh là tên của những người đầu tiên đến khu này. Ngọc là tên của một ông cả trong làng người đã lập ra cái bên, A-Mai là người chết đầu tiên trong dòng suối, và Trinh là tên một cô gái vẫn còn sống, người đã bị VC hiếp dâm và vẫn thường đi lang thang trên đầu dốc gần trại.

Dân chúng sống quanh trại rất nghèo đến nỗi không đủ áo quần để mặc; họ trao đổi mọi thứ có được để lấy cả mấy bộ đồ tù! Vài trại viên phải đưa áo quần trại cho các phạm nhân hình sự nhờ đổi dùng thức ăn mặc dù họ biết chắc rằng những phạm nhân hình sự này sẽ cắt xén rất nhiều của họ. Trong tình trạng đói kém thì có được một ít còn hơn là không có gì cả! Quần áo rách còn có thể vá lại được chứ cái đói thì không thể trị được. Một bộ áo quần đổi lấy một ký bo bo, ba ký lô sắn, hay nửa ký lô gạo, sau một thời gian ngắn những trại viên mới đến còn tả tơi hơn những phạm nhân hình sự.

Theo kỷ luật của trại, trại viên không được phép mua bán đổi chác bất cứ vật gì. Đôi khi các cán bộ lại đứng ra làm trung gian để kiếm lời; họ bảo rằng làm như thế thì đôi bên đều có lợi. Các phạm nhân hình sự trong đội làm sản và ở diện rộng là những người thu lợi nhiều nhất trong dịch vụ này.

Nhiều sự vi phạm kỷ luật của trại bắt nguồn từ cái đói mà ra đã bị nâng lên như là những vi phạm do từ quan điểm của trại viên. Một trại viên chỉ nhặt quả bí đỏ để ăn vì quả đói đã bị xử phạt rất nặng vì đã phá hoại tài sản của trại, tài sản của Đảng và Nhà Nước, và tài sản của Xã Hội Chủ Nghĩa! Nhiều trại viên đã bị chết trong các nhà biệt giam chỉ vì vài cọng rau mà họ thu nhặt lúc làm lao động trên cánh đồng.

Đôi khi chúng tôi cũng được trại phát cho một ít đường, chỉ một ít khoảng độ một trăm gram cho mỗi trại viên. Những hạt đường ấy dường như thấm sâu vào từng tế bào vị giác trên đầu lưỡi của tôi. Vài trại viên còn ngồi đếm từng hạt đường mà anh ta bỏ vào miệng. Không chỉ đường mà thôi, muối cũng rất hiếm trong trại. Tôi vẫn luôn nhớ một lần vào năm 1978, chúng tôi đang đắp nền cho một căn nhà của khu gia đình cán bộ nằm trên một khoảng đất trồng khoai lang. Chúng tôi nhìn một cách thèm thuồng những củ khoai thu nhặt cho các cán bộ. Tôi cố hỏi xin cán bộ quản giáo các lá khoai lang để “bồi dưỡng” cho đội. Chúng tôi không có muối để ăn với lá khoai lang luộc, và chúng tôi cũng không được phép mang bất cứ vật gì vào trại. Chúng tôi đành phải ăn những lá khoai nhặt pheo đó để lấp cho đầy cái dạ dày đang trống rỗng của chúng tôi vậy!

Chung quanh trại cũng không còn cái gì có thể thu nhặt để ăn được. Qua thời gian, rau dại đã không còn mọc được, cỏ dại, dế, ếch nhái, và ngay cả chuột cũng không thể sinh tồn được vì chúng đã bị tiêu diệt bởi nhiều thế hệ tù. Dòng suối A-Mai thì không có một con cá hay cả một con ốc! Dân chúng nghèo khổ trong vùng đã thu nhặt hết những thứ gì ăn được. Có lẽ cá, ốc, và thú vật trong vùng đều đã tuyệt chủng hết rồi!

Chúng tôi chỉ dựa vào tiêu chuẩn của trại là mười lăm kí lô của những thứ tương đương với gạo trong mỗi tháng cho mỗi trại viên.

Khoai mì, đặc biệt là sắn lát và sắn đuôi không có một chút dinh dưỡng nào cả; nó chỉ giúp cái dạ dày cảm thấy đầy một chút mà thôi. Nhưng ngay cả chúng cũng không đủ để lấp được cái dạ dày vốn đã trống rỗng của chúng tôi nữa! Sau thời gian dài ăn khoai mì, thân hình chúng tôi trở nên còm cõi trong khi mặt thì trông to ra! Đầu tiên chúng tôi cảm thấy nặng nề ở hai gò má, và rồi thì hai quai hàm sưng lên. Chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên. Có phải chúng tôi mập ra không? Khuôn mặt chúng tôi trở nên to nhưng lại xanh xao! Chất độc của acid cyanhydric trong vỏ của khoai mì đã tích trữ trong tuyến dưới hàm khiến chúng tôi giống như bị bệnh quay bị. Khi thức dậy mỗi buổi sáng, ghèn dán kín đôi mắt tôi; cổ họng tôi thì khô khốc! Căn phòng dường như quay cuồng quanh tôi khi tôi đặt chân lên mặt đất.

Khoai lang, gọi là “hoàng sâm” thì làm cho miệng tôi đắng nghét mỗi khi thức dậy, và nó khiến chúng tôi đói hơn là ăn khoai mì vì số lượng của nó quá ít! Bắp, bo bo, và bánh bột mì thì đỡ hơn một chút, nhưng lại không có thường xuyên như khoai mì. Bắp thì là loại cho gia súc ăn, không phải là loại bắp ngọt, được phơi khô rất cứng và nấu chưa được mềm ra. Bánh bột mì là loại bột do Liên Xô viện trợ được nhào và nặn rồi luộc thành những cái bánh tròn khoảng một tác đường kính và dày khoảng một phân.

Tôi đã cố gắng tập ăn ít ngay từ trại đầu tiên, nhưng cái phần ăn này cũng vẫn thiếu đối với tôi. Trong khi chia phần, tôi cố lảng tránh ra xa, nhưng rồi tôi vẫn còn quan sát từ đằng xa và đôi khi vẫn cảm giác là phần của mình ít hơn của người khác. Tôi tự ghét mình vì điều này, nhưng vẫn không thể tự kiềm chế được mình.

Mỗi trại viên có cách ăn khác nhau. Có người thì ăn ngay sau khi chia phần; người khác thì để lại cho đến khi vào chỗ ngủ mới ăn vì họ không muốn ngủ trong cơn đói! Có người thì ăn chậm chạp như không muốn bữa ăn chấm dứt; người khác thì ăn vội vã như quá đói và sợ phần ăn của mình bị mất đi. Vài người thì chia phần ăn ra làm những phần nhỏ và ăn mỗi lần một chút dường như họ có nhiều phần ăn vậy; người khác thì ăn ngay một lúc nhưng lại nhai rất kỹ như muốn phần ăn của mình được hấp thu một cách trọn vẹn.

Cái thói quen xấu của tôi là tôi thường hay đổ nước vào chén sau khi ăn xong rồi uống luôn phần nước ấy như muốn không bỏ sót cái gì trong chén sau khi ăn xong! Khi Uyên còn là đội trưởng của đội, tôi thường ngồi ăn chung với anh ta; chúng tôi vừa ăn vừa hút thuốc lảo để kéo dài bữa ăn! Sau khi Uyên chuyển qua làm thi đua, tôi không mang phần ăn vào phòng như trước nữa mà ăn ngay sau khi được chia ra, xong rồi rửa chén bát và đặt chúng ngay trên bàn để đợi bữa ăn tiếp theo.

Đầu tiên thì chúng tôi có những phòng ăn gần công khu A, nhưng không ai ăn uống trong đó. Chúng chỉ được dùng để làm nơi đặt đồ lấy nước uống và để treo áo quần đi lao động. Vào năm 1980, sau khi những trại viên ở những trại khác được chuyển đến thì những phòng ăn ấy trở thành phòng dành cho các cán bộ quân giáo và ban thi đua. Chúng tôi dựng những chiếc lều tranh trong sân ở gần phòng giam với những chiếc bàn và kệ bằng tre để chứa đồ đạc của chúng tôi vì lúc đó chúng tôi quá đông.

Tôi không biết làm thế nào để mô tả được cái đói trong thời gian này. Nó có nghĩa là chúng tôi ăn mỗi ngày ba bữa mà vẫn đói, không thấy cái gì trong dạ dày cả. Khi những trại viên chuyển đến trại Tân Lập từ Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, vân vân, lúc miền Bắc bị Trung Cộng tấn công, họ trông thấy chúng tôi mà đâm ra sợ hãi! Mặc dù chúng tôi ra miền Bắc sau họ, nhưng chúng tôi trông gầy ốm và xanh xao hơn họ nhiều. Chúng tôi thường so sánh sự khác nhau của những trại cải tạo do Công An quản lý và do Bộ Đội quản lý qua sự ốm đói của các trại viên.

Cái đói và sự thiếu ăn đôi khi khiến vị giác chúng tôi trở nên sai lệch. Hầu hết trại viên trong tình trạng này đều biết rằng họ cảm thấy ngọt ngào ngay cả khi bỏ một hạt muối vào miệng. Khi được hỏi anh sẽ ước muốn điều gì khi được thả ra thì Chương, một trại viên trong đội tôi nói rằng anh ta chỉ muốn một rổ đầy khoai mì để ăn cho đã đời trong khi ngồi trên xe lửa về miền Nam. Nhưng rồi anh ta cũng không thực hiện được ước mơ của mình bởi vì anh ta đã chết sau đó mấy tháng! Chúng tôi thường đùa rằng nếu cho chúng tôi được chọn lựa giữa một bữa ăn ngon lành và một cô gái đẹp thì chúng tôi sẽ chọn bữa ăn. Một bữa ăn ngon có thể giúp chúng tôi sống sót được; ngoài ra chúng tôi làm gì được với một cô gái đẹp trong tình trạng của chúng tôi như thế?

Mỗi lần có được bữa ăn “tươi”, một chút thịt heo nấu với nước muối, mọi người trong chúng tôi đều muốn có được một ít mỡ thay vì thịt nạc. Sự thiếu dinh dưỡng đã tàn phá mọi thứ dự trữ trong cơ thể khiến cho da chúng tôi trở nên mồi trểch và nhăn nheo. Da trâu cũng trở nên một loại thực phẩm cao cấp, ngay cả loại da đã bị trổng cũng đã bị đánh cắp để ăn. Khi đào khoai lang ngoài đồng, nhiều trại viên đã ăn sống khoai mà

không lột vỏ cũng không rửa sạch. Vài bệnh trạng như kiết lỵ và tiêu chảy do sự ăn uống thiếu vệ sinh mà ra đã giết chết rất nhiều trại viên vốn yếu ớt sẵn rồi. Một trại viên làm ở lò rèn nung một con cóc nhỏ rồi ăn cả con đã ngả ra chết ngay tại chỗ vì gan cóc bị nhiễm độc.

Mỗi đêm, cái đói khiến tôi rất khó ngủ. Chiếc loa phóng thanh nhỏ treo ở cuối phòng lại vang lên lời ca của một ca sĩ nổi tiếng của VC, Ái Vân, con gái của nữ nghệ sĩ nhân dân Ái Liên. “*Cuộc đời vẫn đẹp sao, tình yêu vẫn đẹp sao, dù đạn bom man rợ thét gào, dù thân thể triền miên mang đầy thương tích....*” Bài ca được quảng cáo là đã được đoạt huy chương vàng tại đại hội thanh niên toàn thế giới (chính xác là thế giới Cộng Sản) ở Đông Đức. Tôi rất bức mình nhưng không biết làm gì khác hơn là nhét lỗ tai lại và cố vỗ giấc ngủ. Tôi muốn la to lên rằng “cuộc đời này rất vô nghĩa, tình yêu cũng rất vô nghĩa khi mà cái dạ dày của tôi đang trống rỗng và tôi đang sống trong cái địa ngục của thế gian này!”

Dùng thực phẩm như là một con mồi và chiếc gậy là một thủ đoạn của VC. Chúng bảo rằng ai làm lao động tốt sẽ được ăn phần ăn đặc biệt và ai lười biếng thì bị ăn phần ít hơn. Chúng chia ra làm ba loại tiêu chuẩn ăn: 15 kí lô lương thực hàng tháng cho những trại viên bình thường, 18 kí lô cho những trại viên tiên tiến, và 13 kí lô cho những trại viên lười biếng. Điều này đôi khi cũng làm vài trại viên bị sa bẫy! Trong lúc đói ai mà không muốn có được nhiều hơn, do đó có người đã cố làm lao động để được xuất ăn đặc biệt. Họ đã quên rằng làm như thế thì họ sẽ mất rất nhiều năng lượng mà không thể bù đắp được bởi vài kí lô thực phẩm hàng tháng! Những người to xác và những người ăn xuất ăn đặc biệt lại là những người bị suy sụp sớm nhất.

Chương 31. Bến Ngọc

Dòng suối A-Mai, nguồn cung cấp nước cho trại và cho cả nhân dân sống chung quanh là một trong những con suối đổ vào con sông nhỏ, một nhánh của sông Hồng. Suối A-Mai thường chảy rất siết nên thuyền bè không thể di chuyển được. Các nguồn cung cấp cho trại được chuyển đến bằng thuyền bè thì phải cập vào một cái bến bãi tên là “Bến Ngọc”, cách K5 khoảng mười lăm cây số.

Dân chúng địa phương kể lại rằng trước đây có một ông điền chủ trong vùng tên là Ngọc đã làm ra cái bến ấy để làm nơi đổi chác những sản phẩm của ông ta với người khác. Khi Cộng Sản chiếm miền Bắc, gia đình ông ta bị giết trong đợt đấu tố địa chủ của giai đoạn cải cách ruộng đất năm 1955. Cái bến đã bị bỏ hoang. Từ đó dân chúng dùng tên ông ta để đặt cho bến ấy.

Thật ra thì không có gì ở Bến Ngọc ngoại trừ một cái bãi cát dài khoảng trên một cây số, rộng khoảng sáu trăm thước về mùa khô và khoảng mười thước về mùa nước lớn. Dân chúng thường dùng bến ấy để cập những mảng tre bương mà họ chặt ở khu rừng trên thượng nguồn rồi chống theo dòng suối để đến bến bán cho người khác.

Lương thực, than đá, lá cọ, và xăng dầu cung cấp cho trại được chuyển bằng xe lửa từ ga Hàng Cỏ ở Hà Nội đến ga Ấm Thượng, và rồi người ta dùng một chiếc phà để chuyển đến Bến Ngọc. Từ đó, họ thường dùng xe trâu để chuyển về trại nếu chỉ có một

số lượng nhỏ, nhưng nếu số lượng lớn như tre, lá cọ, than đá, thì trại viên và cán bộ phải đi ra đó mà lấy để chuyển về. Trại thường tổ chức một buổi “ra quân” để làm việc này.

Sáng sớm hôm có buổi “ra quân”, khi mở cửa phòng giam, cán bộ trực trại sẽ bảo chúng tôi sẵn sàng để đi “Bến Ngọc”. Chúng tôi không mang đồ đạc linh kinh của riêng mình mà chỉ mang theo bình nước uống vì khi về chúng tôi sẽ phải mang vác nặng nề trên một lộ trình khá xa! Chúng tôi xuất trại như thường lệ, nhưng những chiếc xe cải tiến thì đã được đem về đậu trước cổng trại sẵn sàng. Trại viên lấy xe của đội mình để kéo theo, quẹo về phía trái ở trước cổng trại rồi quẹo mặt vào con đường đất sét đi về phía Bến Ngọc. Con đường này rất bụi bặm vào ngày nắng nhưng lại trơn trượt vào ngày mưa. Các trại viên kéo xe cải tiến đi phía trước, hai hàng trại viên khác đi tiếp theo, và cuối cùng là các cán bộ, chúng tôi phải đi vội vã.

Khoảng nửa đường từ K5 đến Bến Ngọc, có một ngôi trường mà đầu tiên trông thấy đã khiến tôi rất kinh ngạc, đó là “*Trường Phổ Thông Công Nông Nghiệp Số 1*”. Học sinh trong trường là các trẻ em khoảng từ mười đến mười lăm tuổi. Chúng ăn mặc giống hết chúng tôi và làm việc như chúng tôi! Các “thầy giáo” là những công an mặc quân phục với súng trên vai trông chừng chúng làm việc trên những cánh đồng. Đó là loại trường học gì vậy? Chúng cũng có buổi “ra quân” như chúng tôi. Tôi thử hỏi xem chúng học cái gì trong trường thì chúng cười và nói “*học cái gì, chúng cháu làm việc như trâu!*” Chúng thường gọi chúng tôi là “bố” và hỏi xin “thuốc lào” dù chúng còn rất trẻ. Chúng là những trẻ bụi đời ở những thành phố lớn ở miền Bắc như Hà Nội, Hải Phòng, hoặc những đứa trẻ hư hỏng mà gia đình không dạy được phải đưa vào trại để cải tạo. Cái gọi là “trường học” thật ra là một trại tù để giam trẻ con mà thôi. Hầu hết bọn chúng sẽ được chuyển đi các “nông trường” để sống cho hết đời hoặc vào các trại cải tạo khi đến tuổi mười tám.

Cộng Sản không có nhà tù, họ chỉ có “trường học”, “trại cải tạo”, và các “nông trường” mà thôi.

Những đứa trẻ này cũng tả tơi và ốm đói như chúng tôi; chúng kéo xe cải tiến đi về phía Bến Ngọc với những cán bộ vũ trang đi theo sau. Không có gì khác với chúng tôi cả ngoài việc chúng là trẻ con! Có lẽ có một điều khác hơn là chúng ăn nói dơ dáy với những tiếng lóng mà chúng tôi không thể hiểu nổi, và chúng chửi thề luôn miệng!

Chúng tôi đến Bến Ngọc khoảng giữa trưa và chờ đợi tất cả đến nơi. Chiếc pha đầy than chưa cập bến. Trời bắt đầu mưa. Không có chỗ nào núp mưa; chúng tôi ngồi co ro dưới mưa. Cái lạnh và cái đói trộn lẫn với nhau làm tôi run rẩy; hai hàm răng tôi đánh bật ra. Tôi không ước mong gì hơn là có được một chén cơm nóng ở trong một căn phòng ấm áp. Điều ước muốn ấy thật quá đơn giản, nhưng trong hoàn cảnh này thì nó còn khó hơn bay lên cung trăng! Tôi nhìn quanh các bạn bè; vài người trong họ đã từng giữ những chức vụ chỉ huy trước đây. Họ cũng đang co ro và run rẩy như những con mèo ướt.

Cán bộ thì mặc pon-sô họp nhau cười nói và chia nhau những miếng thuốc lá. Trại viên thì ngồi trong hàng run rẩy dưới mưa. Hai hình ảnh trái ngược nhau ở cùng một chỗ! Tôi chẳng thương mà cũng chẳng ghét gì các cán bộ. Họ cũng là những người Việt Nam; vài người trong bọn họ cũng có tính người. Lớn lên trong một xã hội được xây dựng trên nền tảng của sự hận thù, họ giống như những người máy. Tôi vẫn nhớ

người bạn cũ của tôi tên là Khiêm, anh ta đã theo VC sau khi tốt nghiệp trung học, trong những ngày đầu “giải phóng”, anh ta đã nói với tôi rằng một khi đã gia nhập đảng Cộng Sản thì anh ấy giống như có một dây thòng lọng quấn quanh cổ. Anh ấy phải làm những gì mà họ bảo làm, nếu không thì anh ấy sẽ bị thất cổ chết mà thôi.

Chế độ Cộng Sản đã tạo nên những con người làm những gì mà họ được ra lệnh làm, nói những gì mà họ đã được nhồi nhét vào đầu, và suy nghĩ những gì mà họ được chỉ bảo. Năm này qua năm khác, họ đã được dạy rằng chúng tôi là những kẻ thù của Nhà nước và của Nhân dân, và quan trọng nhất là kẻ thù của Đảng, do đó họ phải đối xử với chúng tôi như những kẻ thù.

Trẻ con ở miền Bắc đã được dạy rằng chúng tôi là những tên quỷ dữ chỉ biết ăn gan uống máu của nhân dân. Khi các đứa trẻ trong “trường” hỏi chúng tôi về những điều này, chúng tôi không biết làm thế nào để giải thích cho bọn chúng mà chỉ biết cười và bảo đùa rằng chúng tôi cũng đã từng ăn gan và uống máu, nhưng chúng tôi chỉ ăn gan gà và uống máu dê mà thôi! Trẻ con ở miền Bắc được dạy rằng dân chúng miền Nam đã bị bóc lột đến tận xương tủy, do đó dân miền Bắc phải vào để giải phóng dân miền Nam, những người đang sống trong sự nghèo nàn và đau khổ. Điều tuyên truyền này đã khiến người miền Bắc nghĩ rằng dân miền Nam nghèo hơn người miền Bắc rất nhiều.

Có nhiều người đã thay đổi cả ý nghĩ sau khi được vào Nam. Trung úy Trung, cán bộ chấp pháp trong Ban Giám thị của trại, người đã từng có thái độ căm thù chúng tôi ra mặt khi chúng tôi mới đến trại. Khi hắn ta được vào miền Nam trở về, nhìn thấy những khác biệt giữa sự thật và những gì mà hắn ta đã được nghe trước kia về miền Nam, hắn ta đã thay đổi hẳn thái độ và trở nên tử tế hơn nhiều cán bộ khác. Nhiều cán bộ khác cũng đã thay đổi thái độ sau khi được vào miền Nam. Tôi tự hỏi thế thì ai cải tạo ai đây?

Mưa đã tạnh, và chiếc xe trâu của nhà bếp cũng đang mang phần ăn trưa đến cho chúng tôi. Vài củ khoai mì với một lời an ủi là sẽ có phần “ăn tươi” vào bữa chiều đã giúp chúng tôi có một ít năng lực để làm việc.

Chiếc phà đã cập bến. Bốn trại viên phụ trách một chiếc xe cải tiến; chúng tôi phải thay phiên nhau xúc than đổ lên xe. Chiếc xe đầy than rất nặng; bánh xe lún vào trong cát không thể di chuyển được dễ dàng dù chúng tôi đã cố đẩy hết sức mình. Một người trong chúng tôi giữ càng xe, ba người khác đẩy mạnh phía sau, nhưng chiếc xe vẫn không nhút nhích. Chúng tôi đổi cách làm: một người vẫn giữ càng xe để lái, một người đẩy phía sau, hai người còn lại nắm vào bánh xe mà xoay để chiếc xe di chuyển từng đoạn ngắn một. Chúng tôi vật lộn với chiếc xe gần một tiếng đồng hồ mới đem nó được lên đường để chờ mọi người làm xong! Sau lần đầu đó, chúng tôi rút được kinh nghiệm. Mỗi lần đi lấy than chúng tôi mang theo vài chiếc ky để khiêng than đá từ chiếc phà lên xe cải tiến để ở trên bờ.

Đi trở về trại cũng rất xa dù khoảng cách chỉ vào khoảng mười lăm cây số. Đến những dốc ngược hay những đoạn đường lầy lội, chúng tôi lại phải tiếp tục vật lộn với chiếc xe. Dốc Trinh có độ dốc khoảng ba mươi độ là một đoạn đường khó khăn nhất vì nó dài khoảng trên một trăm thước. Dân chúng địa phương bảo rằng họ đặt tên cho cái dốc ấy theo tên của một người con gái vẫn còn sống. Cô ta bị một tên VC cưỡng hiếp trở thành điên loạn. Trong những đêm có trăng, cô ấy thường khỏa thân đi lại trên dốc với

mái tóc xõa ra trông giống như một bóng ma. Người ta thường gọi tên cái dốc là “dốc Trinh Hồng” vì tên cô ta là Hồng.

Về đến trại, chúng tôi hoàn toàn hết sức lực! Cái gọi là “bữa ăn tươi” là một miếng thịt nhỏ khoảng ngón tay cái không đủ để thuyết phục chúng tôi ăn ngay được bữa ăn dù chúng tôi đang rất đói.

Đi lấy lá cọ hay lấy tre cũng chẳng khác hơn. Ba trại viên một xe cải tiến, số còn lại phải vác bằng vai. Hai bó lá cọ khoảng hai mươi ký lô mỗi bó được xuyên qua bởi một cây đòn xóc quả là quá nặng nhất là con đường quá dài và lầy lội với những dốc ngược. Để chất được nhiều trên xe cải tiến, họ bắt chúng tôi phải buộc những thanh tre vào sườn xe để chất lá lên cao lên khỏi sàn xe. Muốn kéo xe dễ dàng hơn, vài người trong chúng tôi phải buộc dây vào càng xe rồi quán quanh vai trông giống con trâu mang ách. Tôi thường đi theo xe cải tiến để lấy lá hay lấy tre mặc dù nó nặng hơn một chút vì tôi không thể gánh trên vai được; nó khiến vai tôi đau ră rời.

Cuối năm 1979, khi trại cho phép gia đình đến thăm nuôi trại viên, con đường đi Bến Ngọc trở thành con đường của gia đình chúng tôi! Bến Ngọc cũng trở nên đông đúc hơn. Một số dân địa phương có thêm một nghề mới, đó là giúp đỡ gia đình trại viên để chuyển đồ đạc họ từ phà lên bến và đôi khi phụ gánh vào trại.

Cũng kể từ đó, đi Bến Ngọc lại là một niềm vui cho chúng tôi mặc dù cũng vẫn rất mệt. Chúng tôi có cơ hội để gặp được dân Sài Gòn. Mặc dù họ không phải là thân nhân mình đi nữa, nhưng ít ra họ vẫn thấy thân quen hơn.

Có lần tôi đi cùng mấy người trong đội đến Bến Ngọc để lấy gỗ về làm nhà, một người đàn bà đến hỏi tên tôi rồi bà ta bật khóc. Bà ấy là vợ của anh bạn tôi đi thăm chồng đang ở K3. Bà ta trao cho tôi một ít quà và bảo rằng bà ta không thể nhận được ra tôi vì tôi thay đổi nhiều quá. Có lẽ là tôi đã quá tang thương nên không còn nhận ra được nữa! Tôi không nhận quà của bà ta nên sau khi thăm chồng xong bà ta gởi qua cho tôi một ít; đó cũng là lần đầu tiên tôi nhận được món quà của người Sài Gòn.

Chương 32. Hút Thuốc Lào

Có lẽ mọi trại viên đều biết đến “thuốc Lào” dù rằng có người không hề hút thuốc. Khi ra đến trại Tân Lập, chúng tôi không còn được phát thuốc lá nữa mà được phát loại thuốc vụn và thuốc Lào.

Thuốc vụn là loại thuốc cắt thừa trong các hăng thuốc lá. Nó rất khó quán thành điều vì thuốc rất nát, nhất là với loại giấy quuyến nhỏ dùng để quán thuốc lá trong các hăng. Vài người sáng chế ra cây cò nhỏ làm bằng miếng giấy dày hay bằng miếng nilon để cuộn thuốc. Tôi không thể quán được thuốc theo cách ấy mà phải dùng mọi thứ giấy có được để quán bằng tay như quán thuốc rê. Nhưng thuốc ấy không thể nào có đủ để hút trong vòng một tháng hơn để đợi kỳ phát sau. Ngoài ra thì còn “thuốc Lào” nữa! Chúng tôi làm gì đây với loại thuốc này? Nhiều người không biết hút thuốc Lào nên thử cuộn để hút như hút thuốc rê, nhưng nó không thể đốt cháy được. Tôi cũng thử làm theo cách

ấy lúc đầu. Chỉ một vài người miền Nam là biết hút thuốc Lào thôi, họ đổi thuốc vụn cho chúng tôi để lấy thuốc Lào.

Thuốc Lào hút được lâu hơn vì mỗi lần chỉ hút một nhúm rất nhỏ. Có hai loại điều để hút thuốc Lào, đó là điều bát và điều cày. Hầu hết những trại viên từ miền Nam mới ra đều hút thuốc Lào bằng điều bát tự chế. Điều bát là một cái hũ kín có hai lỗ trên mặt: một lỗ để chứa thuốc Lào và một lỗ để hút. Cái lỗ để đựng thuốc Lào được gắn vào đó một cái “nỏ” hình loa kèn để chứa một nhúm nhỏ thuốc Lào mỗi lần hút, còn cái lỗ để hút thì được gắn một ống dài thường là ống tre. Cái “nỏ” được gắn theo chiều ngược để đầu nhỏ của hình loa kèn nhúng vào trong nước chứa trong bát trong khi cái loa kèn thì nằm phía trên nắp. Khi hút, khói thuốc sẽ đi vào nước trong điều trước khi vào miệng của người hút. Trong trại, ít người có được cái điều bát thật sự. Vài người chế tạo cái điều bát từ những hũ chao, nhưng nó không hoàn hảo để mà hút thuốc Lào và lại rất khó mang theo mình.

Khi vừa ra tới trại Tân Lập, chúng tôi nhìn thấy những phạm nhân hình sự hút thuốc Lào bằng một ống điều làm bằng tre gọi là “điều cày”, và chính chúng tôi chỉ chúng tôi cách hút thuốc Lào bằng loại điều này.

Cái ống điều gọi là “điều cày” vì nó được những người thợ cày mang theo ra đồng mỗi khi họ đi cày ruộng. Nó được làm bằng một mắt tre dài khoảng sáu hoặc bảy tấc, đường kính khoảng ba phân có một đầu kín để chứa nước và một đầu hở để hút thuốc. Cách cái mắt tre khoảng năm phân, người ta xoi một lỗ nhỏ để gắn cái nỏ điều vào theo độ dốc khoảng bốn mươi lăm độ. Cái nỏ điều phải được gắn thế nào để đầu nhỏ của nó chắm vào nước trong điều mỗi khi được giữ khoảng 45 độ và khi được giữ ở chiều gần như ngang thì nó nằm trên mặt nước. Nghệ thuật làm nỏ điều là phải xoi lỗ làm sao cho khi hút nó rít lên một tiếng kêu lớn. Chúng tôi thường không ai biết làm nỏ điều, do đó chúng tôi phải đổi chác với các phạm nhân hình sự để có được cái điều cày.

Để đốt thuốc mỗi lần hút, chúng tôi cần phải có giấy hay những thứ nào dễ bắt lửa. Giấy rất hiếm trong trại cải tạo, do đó chúng tôi thường phải chế tre thành những thanh mỏng, ngâm trong nước vài ngày rồi đem phơi khô để làm đóm.

Hút thuốc Lào thì phải học cách hút. Chúng tôi nhúm một chút thuốc và vò nó lại thành những viên nhỏ gọi là “con dế”, đặt con dế ấy lên nỏ điều, đốt cái đóm, và rồi với chiếc điều ở vị trí khoảng 45 độ, chúng tôi đặt môi vào đầu điều. Cùng lúc ấy, chúng tôi phải vừa đốt thuốc vừa hít nhẹ vào để khói thuốc đi vào trong điều và con dế được đốt hết. Giai đoạn kế tiếp là giai đoạn “tuyệt vời” nhất đối với người hút thuốc Lào. Con dế đã bị đốt tron vẹn sẽ được phun ra, rồi người hút thuốc Lào giữ cái điều gần như ngang với mặt đất để cái nỏ chỉ nằm trên mặt nước trong điều chứ không chìm vào trong nước nữa, tiếp theo người hút phải hít một hơi dài; cái điều kêu rít lên, đó là lúc người hút thuốc Lào cảm thấy “say sưa” nhất!

Tôi đã hút thuốc Lào không lâu sau khi đến trại Tân Lập. Phong, một người tù hình sự làm chung với tôi khi tôi đi vẽ tấm tranh cổ động cho trại đã cho tôi cái điều cày và chỉ tôi cách hút.

Cảm giác say sưa của thuốc Lào rất khác với cảm giác say thuốc lá hoặc say rượu. Nó làm cho người hút dường như bị tê ở mặt, dường như đang bay bổng, tay run run, đầu óc thì rất tỉnh táo nhưng không thể kiểm soát được các cử động của tay chân. Đôi khi

người say thuốc Lào có thể bị ngã sấp xuống; mặc dù anh ta đã có ý muốn nắm giữ vào vật gì đó để gượng lại nhưng anh ta không thể điều khiển cử động của mình được nữa. Cái cảm giác đầu tiên này chỉ xảy ra trong vòng năm phút, và rồi “con dế” tiếp theo không thể mang lại cái cảm giác ấy được nữa cho đến một thời gian lâu sau, có khi đến hôm sau. Đó cũng là lý do khiến các trại viên hay hút thuốc Lào vào mỗi sáng sớm khi giật mình thức dậy. Cảm giác say thuốc Lào là một cảm giác rất khó quên. Một người nào đó đã đặt ra một câu ca dao để diễn tả rằng “*Nhớ ai như nhớ thuốc Lào, đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên!*”

Khi Uyển làm đội trưởng của đội 10, Uyển và tôi thường ngồi ăn cơm chung với nhau, vừa ăn vừa hút thuốc Lào để kéo dài bữa ăn. Hai loại thuốc mà trại phát cho chúng tôi lúc ấy là “Sông Cầu” và “An Thái”. Vào năm 1980, khi các gia đình miền Nam được phép ra thăm nuôi, họ mang loại thuốc Lào miền Nam tên là “999”. Tôi đã hút thử thuốc này một lần duy nhất, và nó khiến tôi “gần chết!” Nhịp tim tôi đập rất nhanh; tôi ngã sấp xuống nền nhà mà không thể kiểm chế được mình. Tôi bỏ hút thuốc Lào kể từ đó, giao điếu cày của tôi cho Nhân, người bạn nấu nước trong đội. Điếu của tôi trở thành tài sản chung cho đội!

Hàng ngày khi đi lao động, Nhân mang cái điếu ấy theo mặc dù anh ta không hút thuốc Lào. Vào giờ giải lao, các trại viên trong đội tôi thường đến chỗ của Nhân để uống nước và hút thuốc Lào. Đôi khi họ bỏ vào lon guigoz những thứ mà họ thu nhặt được trên hiện trường lao động nhờ Nhân nấu dùm để “cải thiện”. Chúng tôi không được phép mang vào trại những thứ này, do đó phải ăn những thứ ấy ngay lúc giải lao.

Mỗi đội thường có một người phụ trách nấu nước uống khi đi làm lao động. Người này thường được gọi là “anh nuôi”, và trại viên trong đội thường phải nhờ những anh nuôi ấy nấu dùm đồ ăn mà họ thu nhặt được để ăn lúc giải lao. “Anh nuôi” còn có nhiệm vụ mang cái điếu cày cho toàn đội vì trại không cho phép mỗi người mang điếu riêng của họ khi đi làm lao động. Khi đi lao động, “anh nuôi” gánh một đôi thùng nước có treo lưng lửng xung quanh những củ nấu, ống điếu cày, và lon guigoz. Những hình ảnh rất quen thuộc của các trại cải tạo là “anh nuôi”, cái lon sữa guigoz bằng nhôm có gắn quai gọi là lon “gô”, và chiếc điếu cày.

Chương 33. Muông, Người Tù Hình Sự Đặc Biệt

Hắn ta vào khoảng năm mươi vào năm 1977. Tội của hắn là truyền bá thơ văn của nhóm “*Nhân Văn Giai Phẩm*”, và hắn không có một án phạt nào cả! Hắn ở trong trại cải tạo từ năm 1955.

Tôi gặp Muông lần đầu tiên lúc tôi đang vẽ tấm tranh cổ động cho trại ở phòng ăn của một đội ở khu B, gần văn phòng của “Ban Thường Trực Thi Đua”. Hắn đến để xem tôi vẽ.

- “Tại sao anh không tự vẽ lấy tấm tranh cổ động?” Hắn hỏi tôi.

Tôi ngạc nhiên hỏi lại hắn. “Sao anh hỏi tôi như vậy?”

- “Vì tôi nghĩ anh có đủ khả năng để sáng tác tấm tranh chứ không cần phải bắt chước theo tờ báo.” Hấn trả lời tôi.

- “Cám ơn anh, nhưng đây là cách làm của tôi trong mọi trại cải tạo. Điều này dễ cho tôi hơn vì tấm tranh cổ động này không phải là của tôi, không ai có thể chụp mũ cho tôi được vì nó không phải ý tôi.”

- “Anh khôn quá!”

Hấn ta hơi lùn, nhưng không ốm đỗi như những người khác. Tóc hấn đã ngã xám, gần như bạc hấn mặc dù hấn trông không có vẻ già lắm. Hấn ta hỏi tôi nhiều điều về miền Nam, hỏi tôi làm gì trong chính quyền Nam Việt Nam, hỏi về gia đình tôi, vân vân. Tôi chỉ trả lời những điều chung chung vì tôi không biết hấn có phải là “cán bộ” muốn điều tra tôi hay không.

Tôi muốn hỏi hấn về tội trạng của hấn, án phạt mà hấn bị, nhưng tôi thấy không tiện vì điều đó rất là bất lịch sự. Hầu hết các phạm nhân ở khu B đều là những tội phạm hình sự mang những tội như giết người, cướp của, hay hiếp dâm. Án phạt của họ thường ít nhất là mười năm.

Phong, một phạm nhân hình sự vẽ chung với tôi trong phòng nói cho tôi biết rằng Muông là một “tù nhân chính trị” chứ không phải hình sự. Nhưng Phong không biết loại chính trị gì mà Muông bị bỏ tù!

Muông là một trại viên làm việc ở “ban chỉ huy trại”, nuôi heo cho cán bộ; hấn đã ở trong trại quá lâu nên có thể đi bất cứ đâu cũng không cần có cán bộ canh chừng. Đôi khi hấn ta mang cho tôi một ít thức ăn, một ít rau, và chúng tôi lần lần quen biết nhau nhiều hơn. Hấn ta kể cho tôi nghe về những việc xảy ra ở miền Bắc sau 1954 khi bị Cộng Sản chiếm. Tất cả những nhân viên làm cho Pháp hoặc cho Chính Phủ Quốc Gia đều bị bắt đi cải tạo, và một số lớn đã chết trong các trại. Số còn lại thì bị chuyển đến những nông trường quốc doanh và sống ở đó cho hết đời.

Trong phong trào “nhân văn giai phẩm” vào năm 1955, hầu hết những văn thi sĩ có những tư tưởng đi ngược lại đường lối của Đảng đều bị cải tạo. Hấn ta không phải là nghệ sĩ hay nhà văn gì cả mà chỉ lưu giữ những bài viết của nhóm ấy và bị người khác báo cáo. Điều ấy khiến hấn bị trả một cái giá là cả cuộc đời hấn ở trong trại cải tạo từ năm 1955. Hai mươi hai năm từ những trại như Lào Kai, Yên Bái, Sơn La, vân vân, hấn được chuyển về trại Tân Lập để chờ đi nông trường. Hấn bảo rằng không bao giờ có chuyện thả các trại viên không có án ngoại trừ khi người ấy có thân nhân làm cho Cộng Sản ở cấp bậc cao, hoặc là có một “*phép lạ*” nào đó!

Tôi hỏi hấn tại sao hấn không về nhà vì tôi thấy hấn có thể đi bất cứ đâu mà không ai canh chừng. Hấn nói rằng hấn đã về nhà hai lần rồi, nhưng không có thể trốn đâu được hay sống được trong xã hội của Cộng Sản. Họ kiểm soát hết mọi thứ kể từ gia đình chúng ta, họ hàng chúng ta, và cả hàng xóm chúng ta.

Tôi thường xuyên gặp Muông cho đến khi hấn được chuyển đi một trại nông nghiệp của nhà nước tên là “*Hồng Trường*” vài tháng sau.



Một cảnh thăm nuôi tù ở các trại tù miền Bắc vào các năm cuối thập niên 1970. (theo: Google)



Chương 34. Một Ngày Bình Thường Ở Trại Tân Lập

Một ngày ở trại Tân Lập bắt đầu khi tiếng kèn đánh báo thức vào buổi sáng; chúng tôi phải xếp chăn màn và đặt chúng vuông vắn gọn gàng ngay trên đầu nằm. Họ gọi đó là “*chăn vuông chiếu thẳng*”, nhưng tôi nghĩ làm như thế để họ dễ kiểm soát đồ đạc mà chúng tôi giấu diếm. Theo quy định của trại, chúng tôi không có quyền lưu giữ những vật bèn nhọn vì lý do an toàn, không được phép cầu nguyện bất cứ một tôn giáo nào, không được đọc những loại sách vở báo chí “phản động và đòi tự do”, vì vậy ngoài những “vũ khí bèn nhọn” thì họ luôn luôn lục tìm những loại Kinh Thánh, những kinh của đạo Phật hoặc các tôn giáo khác, và mọi loại sách vở hay bản viết tay tiếng ngoại quốc hoặc không xuất bản ở các nước Cộng Sản. Có nhiều trại viên đã bị phạt rất nặng vì lưu giữ những thứ này.

Cán bộ trực trại đến điểm số trại viên sau khi tiếng kèng đánh không lâu. Ông ta đứng ở ngưỡng cửa đếm từng người đi ra, và rồi buông trường báo cáo số trại viên đã đi ra ngoài, số trại viên ốm bệnh hay đang ở trong nhà cầu. Các trại viên không ra được phải la to lên để chứng minh rằng mình có hiện diện trong phòng.

Vài trại viên tới phiên trực đi đến nhà bếp để lãnh nước uống và phần ăn sáng về chia ra cho mọi người trong đội trong khi những người khác cố gắng rửa mặt đánh răng thật nhanh. Chúng tôi thường không đủ thời gian để ăn sáng nên phải mang phần ăn theo và ăn sau.

Một hồi kèng khác để báo tập hợp trại viên ở sân phía sau cổng chính, chúng tôi có khoảng mười lăm phút vào hàng và đi ra sân tập hợp chuẩn bị xuất trại đi lao động. Sau khi trại viên ngồi xổm xuống chỗ của từng đội, cán bộ trực trại gọi từng đội một để xuất trại. Đội trưởng đứng lên khi đội được gọi và la lớn lên “tất cả đứng dậy”, “ng nghiêm”, và rồi “bỏ mũ nón”. Sau đó anh ta phải quay về phía cán bộ trực trại để báo cáo tổng số trại viên trong đội, số đi lao động, số nghỉ trong trại vì các lý do. Các trại viên đi theo hàng đôi qua cổng gác để xuất trại với mũ nón cầm ở tay quay ra hai bên hàng.

Trên đường đi đến nhà lô hay đến cánh đồng để làm lao động, cán bộ quản giáo sẽ cho đội trưởng biết về công việc trong ngày để chúng tôi có thể triển khai việc làm ngay khi tới nơi.

Tới hiện trường lao động, chúng tôi phải đứng nghiêm trong hàng và bỏ mũ nón ra để đội trưởng báo cáo với cán bộ bảo vệ trước khi phân công làm việc.

Từ chín đến mười giờ, chúng tôi có được mười phút giải lao để hút thuốc, ăn sáng, hay uống nước do anh nuôi nấu. Khoảng trưa khi nghe hồi kèng, chúng tôi phải thu dụng cụ đem vào nhà lô và xếp hàng để đội trưởng báo cán bộ bảo vệ và trở vào trại.

Đến bờ suối, cán bộ thường cho chúng tôi năm hoặc mười phút để rửa chân tay. Đôi khi chúng tôi tranh thủ để tắm nhanh với quần áo mặc luôn trên người rồi về trại.

Trước khi nhập trại, đội trưởng lại phải báo cáo cán bộ trực trại hay cán bộ gác cổng chính. Một vài trại viên đến phiên trực đi thẳng xuống nhà bếp để lãnh phần ăn cho đội còn những người khác thì về phòng để sẵn đồ đựng chờ chia cơm nước hay làm những công việc riêng như phơi quần áo ướt, gặp bạn bè, hoặc chuẩn bị cho buổi lao động chiều. Chúng tôi chỉ có khoảng một giờ buổi trưa trước khi nghe tiếng kèng đánh báo thức vào buổi chiều. Hầu hết trại viên thường cố ngủ để có sức lao động buổi chiều. Mọi việc lại diễn ra giống như buổi sáng ngoại trừ khi ra về thì chúng tôi được cho phép tắm giặt khoảng nửa giờ.

Đội tôi là đội làm mộc nên thường làm tại nhà lô và ít khi về trại vào buổi trưa. Chúng tôi ngưng việc vào lúc nghe tiếng kèng buổi trưa, đi tắm giặt ở suối gần đó, và ăn trưa. Anh nuôi đã vào trại để lãnh phần ăn trưa và chia ra trước cho mỗi người, do đó chúng tôi thường có nhiều thời gian nghỉ trưa hơn những đội khác. Tôi thường ngủ ngay trên cái ghế bành của tôi vào buổi trưa. Khi nghe tiếng kèng báo thức buổi chiều, chúng tôi thức dậy để chuẩn bị lao động trong khi các đội khác phải tập hợp trong sân trại.

Chúng tôi phải điêm nhập buồng vào khoảng bảy giờ chiều. Vài người đem phần ăn chiều vào trong phòng để ăn vì họ không đủ thời giờ ăn uống nếu họ muốn làm việc gì đó. Khi nghe tiếng keng báo điêm buồng, chúng tôi phải xếp hàng sẵn để đợi cán bộ trực trại vào. Buồng trưởng báo cáo tổng số trại viên trong buồng, số nhập buồng, và số trại viên khác với những lý do. Một ngày làm việc đã qua, nhưng một ngày ở trong trại vẫn chưa chấm dứt! Chúng tôi còn phải ngồi sinh hoạt trong đội để phê bình và tự phê bình về những mặt yếu, mặt mạnh trong ngày, trong tuần hay trong tháng. Những buổi họp này thường trở nên rất nghiêm trọng vì cán bộ hay ban thi đua thường đứng bên ngoài để nghe lén và góp ý. Chúng tôi thường chỉ được ngủ khi đèn đã tắt.

Bốn trăm mười trại viên đến từ trại Thủ Đức là những trại viên đầu tiên ở phân trại K5, trại cải tạo Tân Lập. Sau cuộc tuyệt thực, khoảng mười trại viên bị đưa đi biệt giam ở K1, số còn lại ở trong hai căn nhà ở khu A. Khoảng một trăm trại viên trong mỗi phòng giam có nghĩa là chúng tôi mỗi người có một khoảng trống khoảng vừa một chiếc chiếu cói tám tấc. Đầu năm 1980, trại viên ở các trại phía Bắc gần biên giới với Trung quốc được chuyển về trại Tân Lập vì Bộ Đội Trung Quốc tấn công Việt Nam. Hầu hết các K ở trại Tân Lập đều đầy trại viên! K5 có khi đạt đến con số hai trăm trại viên trong mỗi phòng giam! Khoảng bốn tấc bề ngang cho mỗi trại viên, chúng tôi chỉ còn đủ chỗ để nằm nghiêng chứ không thể nằm ngửa được, và phải quay đầu nằm ngược chiều nhau để tránh khỏi đập vào nhau trong khi ngủ. Có người còn phải ngủ cả dưới sàn nhà. Nhưng điều đó còn không ghê gớm bằng điều kiện vệ sinh của phòng giam. Hai trăm người với một cái lỗ cầu duy nhất, quả là ghê gớm!

Rệp đầy dẫy khắp nơi, trong các tấm ván lót sàn ngủ, trong những lỗ nhỏ trên tường, trong chiếu, mùng, chăn, và ngay cả trong quần áo chúng tôi. Tôi đã phủ tấm pon-sô phía dưới chiếc chiếu mà chúng cũng có thể leo lên mùng và nhảy dù xuống mình tôi, tôi không thể nào tránh chúng được, cũng không thể giết hết chúng được. Vài người mang ván nằm ra để đập và giết rệp, nhưng chúng lại tiếp tục sinh sôi nẩy nở. Ruồi, muỗi, rệp, và mùi hôi thối, thật là một địa ngục của trần gian! Vào buổi sáng khi điêm buồng, tên cán bộ trực trại không dám đứng ngay cửa phòng mà đứng núp vào vách để tránh mùi hôi thối từ trong phòng bay ra.

Không đủ chỗ để trại viên chứa đồ đạc, chúng tôi phải làm những căn lều ở sân cạnh mỗi phòng giam. Sân càng chật hẹp hơn. Trong những ngày nghỉ, cái sân trông giống như một cái chợ trời nhất là khi trại viên bày đồ đạc của họ ra để phơi. Khi điêm buồng vào phòng, chúng tôi phải đứng trên hàng hiên.

Vào lúc ấy, tôi làm việc với cương vị là phụ trách về kỹ thuật cho đội mộc; trong những ngày nghỉ vài trại viên trong đội cùng với tôi thường hay nói với cán bộ quản giáo để lãnh ra nhà lô lao động thay vì nghỉ ở trong trại. Không có nhiều công việc làm trong những hôm ấy; nó giúp tôi tránh được tình trạng đông đúc trong trại và có dịp để tắm giặt. Nước cung cấp không thể nào đủ cho trại vì máy bơm không đủ công suất để bơm cho quá nhiều trại viên. Thêm vào đó, khi làm việc như thế, nhất là những công việc riêng cho các cán bộ, chúng tôi có thể xin được món này món nọ rất cần cho những người ít được tiếp tế như chúng tôi. Ngày này qua ngày khác, lâu dần việc làm lao động trong ngày nghỉ của chúng tôi trở thành một thông lệ, chúng tôi thường đi làm hầu như hàng ngày.

Chương 35. Tết ở Trại Tân Lập

Ba ngày Tết ở trại cải tạo Tân Lập là những ngày mà trại viên mong đợi nhất vì khỏi phải đi lao động mà còn có những bữa ăn “thịnh soạn” nữa! Để chuẩn bị cho những ngày Tết này, trại phải làm nhiều việc trước đó hàng tháng. “Ban Thi Đua” và cái gọi là “Bộ phận Văn Hóa” -những người có nhiệm vụ trang trí trong trại và ngoài khu cơ quan nhân những ngày lễ- đã phải tổ chức một nhóm trại viên có những năng khiếu đặc biệt để làm những công việc chuẩn bị cho Tết. Thường thì có ba nhóm trại viên phục vụ Tết trong trại, đó là nhóm trang trí, đội múa lân, và đội văn nghệ.

Hàng năm ở trại Tân Lập, nếu không có một công trình xây dựng quan trọng nào thì tôi được bổ sung vào nhóm trang trí cho Tết. Chúng tôi sẽ làm đèn lồng, kẻ khẩu hiệu chúc mừng năm mới, sơn vẽ đầu lân cho đội múa lân, và đôi khi phụ trang trí sân khấu cho đội văn nghệ trình diễn.

Vật liệu để trang trí rất là hiếm hoi ở trong trại, do đó tôi phải tận dụng tất cả những gì có thể dùng được. Đèn lồng, thường là loại đèn sáu cạnh gọi là “đèn kéo quân” làm bằng sườn tre, nhưng chúng tôi không có cả dây để cột tre lại nữa, do đó chúng tôi phải thu nhặt bao cát hay bao bố để tháo lấy dây cột. Giấy màu thì phải nhuộm những loại giấy gì có thể dùng được như giấy báo, bao xi măng, tập sách đã xài rồi, vân vân. Màu đỏ thì dùng thuốc đỏ ở bệnh xá hay nhiều khi phải xay nát gạch ra để trộn với nước, màu xanh và tím thì dùng mực màu, màu vàng thì dùng thuốc quinine hòa tan trong nước, màu đen thì dùng lọ nồi hay than. Cọ vẽ thì làm bằng thanh tre giã nát một đầu hay dùng đuôi heo xin ở nhà bếp. Mọi thứ đều phải “khắc phục” như họ thường nói! Ban thi đua chỉ đưa riêng cho tôi một hộp màu nước để vẽ hoa trên những tấm giấy trắng dán sáu mặt của đèn lồng. Chính vì lý do đó mà công việc trông rất dễ dàng nhưng phải mất rất nhiều thời gian.

Điều quan trọng nhất đối với những trại viên được bổ sung vào nhóm chuẩn bị cho ngày Tết là họ khỏi phải đi lao động mà đôi khi còn được những phần ăn thêm – mà chúng tôi thường dùng cái từ “bồi dưỡng”- như khoai mì, bo bo, hay đôi khi rau. Tôi thường là trưởng nhóm trang trí, do đó tôi có thể hỏi xin khoai mì để giã ra nấu hồ dán. Ban thi đua thường đưa cho tôi nhiều hơn số cần thiết và phần dư ra chúng tôi chia nhau trong nhóm.

Trong trại thì mọi cái đều có một mục đích rõ ràng là kiếm ăn! Đó là phương cách để sinh tồn! Đôi khi tôi cũng bị một chút phân vân về việc này vì tôi được làm những việc nhẹ nhàng mà lại có “bồi dưỡng” trong khi những bạn bè khác thì phải đi lao động mà không có gì cả. Nhưng trong hoàn cảnh ấy thì phải làm sao đây? Phương cách để sống còn trong trại là phải tìm mọi cách để sống miễn là không làm hại ai hết là được rồi!

Điều khác biệt chính yếu của việc chuẩn bị cho ngày Tết ở trại miền Bắc và trại ở miền Nam là ở miền Nam các trại viên làm vì họ thích làm, còn ở miền Bắc thì họ làm vì họ muốn tránh né lao động! Tôi hiểu thế, nên tôi không bao giờ vội vã trong việc làm để mọi người đều có thể kéo dài được thời gian nghỉ ngơi càng nhiều càng tốt.

Trong những ngày Tết, thường chúng tôi được nghỉ lao động trong ba ngày. Thời tiết miền bắc rất lạnh nên họ cho phép chúng tôi có một cái lò trong phòng giam để nấu nướng và để sưởi ấm, coi như đó là một ân huệ của trại trong những ngày đầu năm

mới. Lò thường được làm bằng những cái thùng sắt cũ đốt bằng than bùn trộn với đất. Nó khiến căn phòng giam đã dơ dáy sẵn rồi lại thêm đầy bụi than, nhưng không ai còn chú ý đến việc ấy nữa bởi vì có dơ thêm một chút thì cũng vậy thôi. Ngoài ra chúng tôi còn có thể sưởi ấm thêm một ít và có thể nấu nướng gì đó ngay cả chỉ nấu một ít nước sôi để pha trà.

Những phần ăn đặc biệt cũng được phát cho chúng tôi trong những ngày này như cơm trắng không độn, thịt heo, thịt trâu, bánh chưng, và kẹo mứt. Vài người bị đói quanh năm không thể kềm chế được đã ăn quá nhiều trong một lúc nên bị ói mửa và thổ tả đầy nhà cầu. Căn phòng càng lúc càng dơ bẩn hơn!

Trong những ngày đầu năm, vài trại viên cũng còn cố giữ phong tục. Họ mặc áo quần tốt nhất của họ rồi đi gặp gỡ bạn bè để chúc tụng nhau dù rằng họ vẫn gặp nhau hàng ngày.

Đêm đầu năm, buổi trình diễn văn nghệ thường được tổ chức ở hội trường do đội văn nghệ đảm trách, thường là tuồng cải lương, một loại tuồng của miền Nam. Không chỉ có sự tham dự của trại viên mà cả các cán bộ và gia đình và đôi khi cả dân chúng vùng xung quanh trại cũng vào xem. Ở cái vùng hẻo lánh này thì chẳng có gì để họ vui Xuân ngoài việc vào xem cải lương do trại viên trình diễn, đặc biệt là được xem người miền Nam ca cổ nhạc Nam bộ.

Khi chúng tôi mới đến trại Tân Lập, chúng tôi được xem tuồng cải lương tên là “*Bà Mẹ Sông Hồng*” do các phạm nhân hình sự ở phân trại K1 trình diễn. Vì là người miền Bắc ca vọng cổ miền Nam nên giọng ca nghe rất buồn cười. Vài tháng sau, ban giám thị trại đã phải cho thành lập một đội văn nghệ gồm những trại viên có những khả năng đặc biệt như Tánh, người có thể đàn được nhiều nhạc cụ như guitar, đàn violon, đàn tranh, đàn cò, đàn nguyệt; như Dũng, người giả gái rất giống và rất đẹp nữa, vân vân. Đội văn nghệ thường phải đi lao động phụ với các đội khác trong những công việc lao động hàng ngày và chỉ tập để trình diễn trong những dịp như Tết hay ngày lễ độc lập của VC.

Một bộ phận trại viên trong trại mà tôi muốn nói thêm ở đây là các phạm nhân hình sự. Mọi việc diễn ra hoàn toàn khác với chúng tôi trong các phòng giam tội nhân hình sự trong ba ngày Tết. Họ treo mừng và chiếu suốt ngày để ngăn riêng chỗ của mỗi người giống như là mỗi người có một phòng riêng trong phòng giam. Họ đặt trà, bánh mứt, thuốc lá, mọi thứ mà họ có được ở ngay chỗ nằm. Căn phòng giam trông rất tối tăm và mốc thối với những đồ đạc dơ bẩn của họ. Tôi có đèn đó một lần khi tôi làm với Phong, một phạm nhân hình sự làm trong bộ phận văn hóa.

Ngoài việc không phải lao động ba ngày và có nhiều thức ăn ra, Tết ở trại Tân Lập khiến tôi rất nhớ gia đình. Kể từ năm 1980, khi trại quá đông trại viên, Tết còn là những ngày ghê gớm đối với chúng tôi vì nước không cung cấp đủ cho các trại viên trong trại. Gần hai ngàn trại viên mà chỉ có một cái máy bơm cũ kỹ, lúc thì chạy được lúc thì không quả là một điều kinh khủng! Không ai thích đi lao động, nhưng trong điều kiện ấy thì chẳng thà đi ra ngoài để được tắm giặt ở suối còn hơn là ở dơ trong trại. Vài trại viên trong đội 10 cùng với tôi thường hỏi cán bộ quân giáo đội để ra nhà lô làm việc, và trên tất cả là để tránh sự đông đúc và dơ bẩn ở trong trại.

Chương 36. Tôi Nằm Bệnh Xá.

Chúng ta có thể xem bệnh xá của trại cải tạo Tân Lập như là một nhà xác cũng là đúng vì nó không có thuốc men gì cho bệnh nhân. Đó chỉ là nơi để các trại viên bệnh hoạn nằm chờ Thần Chết hoặc chờ một Phép Lạ mà thôi. Chỉ có những cái gọi là “thuốc dân tộc”, cỏ khô, rễ và lá cây khô, và thuốc đỏ cho những người bị vết thương! Và quan trọng nhất là cũng không có một y sĩ hay người nào có một chút kiến thức về y học cả.

Bệnh xá là một căn nhà gạch duy nhất trong trại có mái ngói với mục đích để trình diễn khi có khách đến thăm trại. Đi vào từ cổng trại thì nó nằm phía góc phải gần với hàng rào trại; bao bọc bởi hàng rào kẽm gai và cây dâu tằm ăn trồng gần nhau. Cây dâu tằm còn được dùng làm thuốc ngủ nữa.

Trong một khu vực trợ trại của trại giam thì màu xanh của khu vực bệnh xá được nổi bật lên như một điểm tương phản trong một bức tranh đồng màu. Vì lý do an ninh, cây cối và bụi rậm không được trồng trong khu vực trại ngoài khu bệnh xá và một ít ở khu bếp. Trong khu bệnh xá, người ta trồng rau và cây thuốc nam, trồng cây đu đủ để làm thức ăn cho bệnh nhân và vài loại hoa để làm cảnh.

Nhân viên làm việc trong bệnh xá là những trại viên được Ban Giám Thị tín nhiệm chứ không cần phải có một kiến thức gì về y học. Khi tôi mới đến trại thì Khôi, một phạm nhân hình sự mang tội giết người trong ban Thường Trục Thi Đua làm ở đây. Hắn ta là ông vua trong bệnh xá; hắn có thể cho phép bất cứ trại viên nào được nghỉ bệnh khỏi phải đi lao động để được dứt lốt phẩm vật. Khi hắn ta bị chuyển đi K1 thì vài trại viên khác vào làm trong bệnh xá, và một trung úy cán bộ phụ trách ở đó.

Vào mùa Đông năm 1978, cuối cùng thì tôi cũng bị kiệt sức! Mặc dù tôi không làm những công việc quá nặng nhọc nhưng tôi cũng vẫn không còn sức để kháng nữa. Mọi năng lượng dự trữ đều đã cạn. Tôi hầu như là một bộ xương biết đi mà thôi! Mỗi sáng thức dậy tôi bước xuống các bậc của tầng gác nằm một cách rất khó khăn. Một hôm thì tôi không còn gượng dậy được nữa, và các bạn tôi đã khiêng tôi xuống bệnh xá. Trí óc tôi lúc đó vẫn tỉnh, nhưng tôi phải giả như mê man vì nếu không thì họ sẽ buộc tôi phải đi lao động. Không có ai là bác sĩ, do đó tôi không sợ ai phát hiện được tôi đang giả vờ, và cũng không có thuốc men gì ở bệnh xá nên tôi cũng không sợ bị uống phạm thuốc.

Mọi người nghĩ tôi đang chết dần mòn. Họ đặt tôi nằm trên một chiếc giường ở gần cửa sổ phía trước trong bệnh xá. Có hai dãy khoảng hai mươi chiếc giường trong phòng ấy. Căn phòng tất nhiên là sạch sẽ hơn phòng giam rất nhiều vì chỉ có khoảng trên dưới mười bệnh nhân mà lại được dọn vệ sinh hàng ngày. Nhà cầu thì nằm bên ngoài. Ngoài hai trại viên được ban giám thị cho phép làm việc ở đó ra thì các bệnh nhân khác đều hầu như kiệt sức hay gần chết, do đó họ không để ý nhiều đến vấn đề an ninh.

Để trị bệnh cho tôi thì họ cho tôi uống những viên thuốc bột sâm đại mà họ thu nhặt ở trong rừng và trồng trong bệnh xá. Điều quan trọng là tôi được nghỉ ngơi không phải làm gì và còn được ăn uống khá hơn với cơm trắng và nhiều rau.

Vài người bạn của tôi đến thăm, nhưng tôi vờ không nhận ra họ. Tôi nghe những người làm trong bệnh xá nói với tên cán bộ phụ trách rằng tôi bị kiệt sức về tinh thần lẫn thể xác, do đó tôi hơi bị thần kinh! Họ cần giữ tôi ở đó để đoán bệnh! Giống như những

trại viên khác bị kiệt lực, không ai có thể sống sót được, nên họ nghĩ sớm muộn gì thì tôi cũng sẽ chết mà thôi.

Trong những ngày đầu nhìn thấy các bệnh nhân lần lượt chết, tôi nghĩ chắc tôi cũng không tránh khỏi. Tôi cảm thấy mất tinh thần. Nhưng khoảng một tuần sau, tôi cảm thấy mình khá hơn. Cái bản năng sinh tồn lại khiến tôi chiến đấu với chính tôi. Tôi cố đấu sự hồi tỉnh của tôi đi, nhưng trong thâm tâm thì tôi biết rằng tôi sẽ qua được cơn khó khăn này. Tôi cố làm sao để ở được trong bệnh xá càng lâu càng tốt. Chỉ có ở đây mới cung cấp cho tôi được những bữa ăn khá hơn một chút và không phải lao động! Tôi đã không bị bệnh gì nặng gì mà chỉ bị thiếu ăn.

Đầu tiên tôi nằm suốt ngày suốt đêm khoảng một tuần lễ. Mỗi khi tỉnh dậy, tôi làm bộ như đang làm bầm gì đó mà tôi không nhớ được. Đôi khi tôi hát nhỏ mấy câu hát tự nhiên đến với tôi. Tôi nghe họ nói với cán bộ phụ trách bệnh xá rằng tôi bị thần kinh nhưng không có triệu chứng gì nguy hiểm! Điều này tốt cho tôi vì tôi có thể ở bệnh xá chứ không bị cách ly.

Một tháng sau tôi cảm thấy khỏe hơn mặc dù chỉ uống mấy viên thuốc làm bằng sâm đại và uống nước dâu tằm như là một phương thuốc an thần. Tôi biết rằng tôi không thể nằm mãi, do đó tôi giả vờ nửa tỉnh nửa mê và tự mình kiềm chế mình trong sự giả vờ ấy. Tôi nhận biết sự việc hay vờ như không biết gì cả tùy theo ý của tôi. Hàng ngày, khi họ cho rằng tôi tỉnh thì họ bảo tôi làm những việc lật vật như lau sàn nhà, nhặt rau cho bữa ăn của bệnh nhân. Khi họ thấy tôi đi tới lui và làm bầm cái gì đó thì họ không bảo tôi làm gì cả. Đôi khi tôi cảm thấy buồn cười cho những hành động của chính mình rồi tự nhiên bật thành tiếng cười giống như tôi đang điên thật vậy. Mọi người cũng tưởng rằng tôi điên thật! Nhưng mà tôi cần gì? Tôi chỉ muốn lấy lại sức trước khi phải trở về buồng giam. Tôi cũng không cảm thấy mắc cỡ chút nào bởi vì tôi nghĩ rằng mình phải thực hiện câu cách ngôn của người Việt rằng “*đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma thì mặc áo giấy*” để giả đại qua ải trong lúc này.

Ba tháng sống trong bệnh xá giúp tôi rất nhiều sau này, nhưng tôi lại phải chứng kiến biết nhau sự đau khổ của những trại viên. Hầu hết những trại viên bị bệnh đưa vào đó đều đã chết vì đói sức, chết vì bệnh mà không có thuốc và đói mà không có gì để ăn và không được nghỉ ngơi. Vài bệnh trạng thông thường dễ dàng giết chết họ bởi vì họ không còn sức đề kháng nào cả, và cũng không có gì để chữa trị. Một trại viên bị vết thương làm chứng uốn ván đã bị bỏ mặc cho chết một cách đau đớn. Nhiều trại viên bị thổ tả bị chết vì chỉ uống mấy thứ cỏ dại mà thôi. Vài người khác bị thương trong lúc làm lao động đã chết vì nhiễm trùng mà không có thuốc kháng sinh. Một trại viên bị các cán bộ đánh nằm chết ối máu bên cạnh giường tôi. Tôi không nhớ hết đã có bao nhiêu người chết trong thời gian ba tháng mà tôi nằm trong bệnh xá, nhưng tôi nghĩ cái danh từ “nhà xác” được dùng cho bệnh xá quả thật không sai chút nào!

Trong thời gian nằm ở đó, tôi còn được chứng kiến một hoạt cảnh rất lạ lùng. Một hôm họ có một phái đoàn của Bộ Nội Vụ đến thăm trại, các cán bộ trong trại đã dời hết những bệnh nhân nặng đi đâu mất và thế vào bằng những trại viên khác. Tôi được ở lại vì lúc đó tôi cũng đã khá hơn nhiều. Sau đó họ dọn dẹp sạch sẽ bệnh xá rồi đặt ở mỗi đầu giường một hộp sữa đặc, một bộ quần áo tù mới, một gói đường với lời dặn là chúng tôi không được dùng những thứ đó mà chỉ để biểu diễn thôi. Khi phái đoàn đã đi khỏi trại, họ thu lại hết các thứ ấy rồi mới đưa các bệnh nhân trở về. Đó chỉ mới là phái đoàn của VC; nếu là một phái đoàn khác thì không biết họ sẽ biểu diễn tới mức nào?

Tôi rất là may mắn đã xuất khỏi bệnh xá một cách lành lặn. Những “nhân viên bệnh xá” và ông “cán bộ bác sĩ” phụ trách ở đó cho tôi được trở về đội 10 với đề nghị là tôi phải thường xuyên trở lại để tái khám hàng tuần (mặc dù họ không biết khám bệnh là thế nào!) Họ rất hãnh diện là đã trị cho tôi hết bệnh mà chỉ cần dùng các thứ “thuốc dân tộc”.

Kể từ khi đó, tôi chỉ làm việc như một trại viên coi về kỹ thuật xây dựng cho trại ở đội 10. Tôi không phải leo lên mái nhà hay khuân vác đồ nặng nề nữa.

Chương 37. Làm Thợ Vẽ.

Những tấm hình mà tôi vẽ vợ con tôi đã đưa tôi đến với công việc vẽ vôi ở trại cải tạo Tân Lập. Khi khám đồ đạc tôi, các thường trực thì đưa và cán bộ đã trông thấy chúng và sau đó không lâu tôi được gọi lên để làm điều mà họ gọi là làm “văn hóa” -vẽ và kẻ chữ.

Lần đầu tiên thì Long, người đã tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Sài Gòn cùng với tôi phải vẽ hai tấm tranh cổ động cho phong trào thi đua cải tạo của trại viên. Một tấm lấy đề tài là “lao động” và một có đề tài “học tập”. Long đã chọn đề tài “lao động” và tự vẽ phát lấy tấm tranh theo ý anh ta; riêng tôi thì hỏi Bích, trưởng ban thường trực thi đua đưa tôi hình trong một tờ báo và vẽ theo đó. Tôi cảm thấy không an tâm khi vẽ tranh cổ động tự ý mình vì “họ” thường có ý nghĩ về tấm tranh ấy theo cái nhìn của họ, nhất là đối với loại tranh có tính cách tuyên truyền.

Tấm tranh cổ động đầu tiên của tôi rất là đơn giản: một cây bút cắm vào một bình mực và một quyển sách mở rộng nằm trên một cái bàn với một người ngồi phía sau như hậu cảnh. Tấm hình ở trong tờ báo vẽ theo kiểu đường nét rõ ràng, do đó tôi chỉ có việc phóng đại nó ra cho vừa với khổ của khung vải.

Với một khả năng về nghệ thuật, Long phát tấm tranh của anh ta rất cẩn thận. Long đã chọn một đề tài khá phức tạp vì việc “lao động” trong trại có nhiều ngành nghề khác nhau. Anh ta đã tập trung vào đề tài chăn nuôi: Hai trại viên trong bộ đồng phục tù đang cho heo và gà vịt ăn. Long lại không vẽ bằng đường nét mà vẽ theo hình khối với những màu sắc tương phản để biểu diễn cấu hình của tấm tranh. Đó rõ ràng là một tấm tranh rất xuất sắc, nhưng tôi lại nghĩ chưa chắc gì nó thích hợp với những người không hề biết và cũng không cần biết gì về nghệ thuật!

Tôi cũng muốn kể lại rằng việc vẽ vôi ở trong trại, nhất là trại Tân Lập không đơn giản như ta nghĩ. Để có được tấm khung vải, chúng tôi đã phải tự làm khung lấy, và lại phải nôi những cái mền của những trại viên được thả ra để căng khung vải. Sau đó, chúng tôi phải cà củ khoai mì ra để nấu hồ trộn với phèn chua để tránh bị lên men rồi phết lên khung vải trước khi bắt đầu vẽ. Việc này dù sao cũng là một công việc vui vì chúng tôi có thể có thêm khoai mì để ăn. Màu vẽ lại cũng là một vấn đề. Chúng tôi không có gì cả ngoài những gì mà chúng tôi có thể thu lượm được trong trại: lọ chảo trộn với dầu hôi để làm màu đen, mực xanh và tím, thuốc đỏ làm màu đỏ, vôi bột làm màu trắng, thuốc ki-nin làm màu vàng, vân vân. Ngoài ra phải lấy đuôi heo hay thanh tre để làm cọ vẽ. Mọi cái đều phải “khắc phục khó khăn” như họ thường nói!

Hai tấm tranh cổ động khổ hai thước rưỡi, ba thước được hoàn tất sau một tháng trường. Rồi lại đến lúc để duyệt trước khi cho treo lên! Ban Giám Thị trại, Hội Đồng Cán Bộ, và Ban Thi Đua đã họp trong phòng mà chúng tôi để hai bức tranh để phê bình. Đối bức tranh của Long, họ nói rằng nó rất đẹp, nhưng hình ảnh của hai trại viên trông rất buồn, điều này có nghĩa là Long vẫn chưa an tâm cải tạo và không tin tưởng tuyệt đối vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà Nước! Đối với tấm tranh của tôi thì họ bảo rằng cái bút cắm thẳng vào bình mực trông giống như con dao đâm vào tim! Bích, trưởng ban thi đua nói rằng tấm tranh của tôi được vẽ từ một tấm tranh cổ động trong tờ nhật báo “Nhân Dân”, do đó họ không có thêm phê bình nào khác.

Sau đó Long bị đưa sang K1 để nhốt biệt giam và tấm tranh của anh ta thì được Phong, một phạm nhân hình sự làm trong bộ phận văn hóa sửa lại. Tôi không biết rõ tại sao họ lại nhốt kỷ luật Long, vì bức tranh hay vì những hành động trước đó của anh ta. Long là người đã góp phần trong việc đánh ăn ten trên chiếc tàu “Sông Hương” khi chúng tôi được đưa từ Nam ra Bắc. Đó là một bài học cho tôi ở trong trại. Kể từ đó trở đi, tôi không bao giờ tự sáng tạo bất cứ tấm tranh nào. Khi nào làm công việc “văn hóa”, tôi luôn luôn đòi hỏi những hình mẫu và giữ những bản mẫu ấy để tự đề phòng.

Một lần khác, họ bảo tôi vẽ chân dung Hồ Chí Minh, tôi cố tránh bằng cách bảo rằng tôi không quen vẽ chân dung mà chỉ mới học vẽ hình vợ con tôi mà thôi. Họ bảo Long vẽ chân dung Hồ Chí Minh còn tôi thì vẽ chân dung của Các Mác và Lê Nin. Tôi chỉ vẽ đen trắng bằng than mà thôi và bảo với họ rằng tôi không biết vẽ chân dung bằng màu. Long đã vẽ hình của Hồ Chí Minh rất đẹp, nhưng anh ta vẫn bị phê bình là màu da của Hồ trong tranh giống như một xác chết! Màu sắc tự chế lấy không thể tạo được tấm tranh như ý họ muốn là “sống động”. May mắn là lần ấy Long chỉ sửa lại thôi chứ không bị kiên giam.

Làm công việc “văn hóa” trong trại đôi khi cũng nguy hiểm, nhưng lại là một việc nhẹ nhàng và có lúc cũng có những “bồi dưỡng”. Trong những ngày lễ của VC như ngày Độc Lập, ngày Công An Nhân Dân, hay ngày Quân Đội Nhân Dân, công việc của tôi là cắt chữ dán vào vải để làm khẩu hiệu, và rồi chúng tôi đem treo chúng trong hội trường cùng với vài thứ trang hoàng khác. Sau khi hoàn tất công việc, chúng tôi thường được một bữa ăn đặc biệt, điều này rất có ích cho chúng tôi trong tình trạng thiếu ăn trong trại.

Tôi luôn nhớ ngày Giáng Sinh năm 1977, ngày lễ Giáng Sinh đầu tiên ở trại Tân Lập. Sáng sớm ngày 24 tháng chạp năm 1977, thường trực thi đua bảo tôi đi trang trí cho khu cơ quan. Tôi rất ngạc nhiên vì VC không bao giờ cho phép chúng tôi có bất kỳ một thứ lễ nghi tôn giáo nào trong trại. Tôi không tin là họ tổ chức Lễ Giáng Sinh! Nhưng sau đó thì tôi khám phá ra rằng họ ăn mừng ngày “Công An Nhân Dân” của họ chứ không phải là ngày lễ Giáng sinh!

Sau khi hoàn tất công việc, họ cho tôi một ít kẹo đậu phộng và đưa tôi trở về trại. Mọi thứ đều đã thay đổi. Để ngăn ngừa trại viên ăn mừng Giáng Sinh, họ đã khám đồ đặc trại viên rồi biên chế để xáo trộn trại viên trong các đội với nhau. Tôi vẫn ở lại đội 10, đội làm mộc, và các bạn tôi đã giúp tôi mang đồ đặc sang phòng giam khác. Tôi hôm đó chúng tôi có được một ít kẹo của họ cho để ăn lễ Giáng Sinh!

Sau khi được tha ra khỏi biệt giam, Long làm việc trong bộ phận văn hóa còn tôi thì vẫn ở đội 10. Tôi chỉ làm công tác “văn hóa” trong những ngày lễ hoặc khi họ cần. Ngoài

ra thì tôi cũng không thích làm việc ấy một cách thường trực vì nó khiến tôi phải ở mãi trong trại. Làm công việc xây dựng khiến tôi cảm thấy có chút gì đó tự do hơn mặc dù có hơi nặng nề hơn.

Chương 38. Vợ Tôi Đến Thăm Nuôi

Năm 1978, sau gần hai năm ở trại Tân Lập, tôi gần như kiệt sức! Tôi không còn nhận được ra mình nữa khi nhìn vào gương. Tóc thưa hẳn đi vì nước suối A-Mai có chất độc gì đó đã làm nó rụng quá nhiều. Mặt mũi thì xanh xao và hai quai hàm thì lại bạnh ra do chất độc của acid cyanhydric trong khoai mì ăn hàng ngày chất chứa trong tuyến dưới cằm. Tôi gầy rộc hẳn đi mặc dù trước kia thì tôi cũng vốn đã gầy rồi.

Nhìn các bạn lần lượt ngã ra chết, tôi tự hỏi liệu mình có thể vượt qua được cơn khó khăn này hay không. Tôi không sợ chết nữa bởi vì điều đó chỉ làm tâm hồn và thể xác tôi trở nên thanh thản hơn mà thôi. Cái đói hành hạ tôi hàng ngày. Do sự thiếu ăn và do ăn uống thiếu dinh dưỡng, tôi luôn cảm thấy đói ngay cả sau khi vừa ăn xong. Tôi nghĩ tôi sẽ chết trong vài ngày, vài tuần, hay vài tháng nữa mà thôi, nhưng tôi chẳng quan tâm đến điều ấy nữa. Hàng đêm, tôi chỉ mong mình ngủ trong bình yên và không bao giờ thức dậy vào sáng hôm sau để khỏi phải chịu đựng cái đau khổ này nữa. Nhưng tôi không chết! Tôi nghĩ chắc là tôi đã mắc nợ quá nhiều trong tiền kiếp nên kiếp này phải trả cho dứt. Dân tộc mình có cái tội là đã diệt chủng một dân tộc Chiêm Thành ở phía Nam của Việt Nam nên chúng tôi phải trả món nợ ấy.

Kể từ tháng tư năm 1977, khi chúng tôi đến trại Tân Lập cho đến tháng sáu năm 1978, chúng tôi không được phép viết cho gia đình một chữ nào. Sau này gia đình tôi kể lại rằng họ tưởng tôi đã chết ở một nơi nào đó ở miền Bắc rồi. Họ đã nhờ những người quen biết làm trong chính quyền của VC hỏi dùm, nhưng không ai biết gì về tôi cho đến khi nhận được thư tôi hơn một năm sau.

Cuối năm 1978, sau khi thấy chúng tôi chết quá nhiều, VC mới cho chúng tôi được nhận quà của gia đình với quy định năm kí lô mỗi ba tháng và với một số giới hạn như không được gói thực phẩm khô, gia vị và muối để đề phòng trốn trại. Tôi đã nhận được gói quà đầu tiên của gia đình gồm những món rất thông thường nhưng gói ghém biết bao tình thương: mắm ruốc, muối mè, bột gạo lứt, đường đen, và vài loại thuốc men để trị cảm cúm. Qua bức thư của gia đình, tôi biết được gia đình tôi cũng đã rất nghèo khi họ nói rằng đó cũng là tình trạng chung của đất nước sau chiến tranh. Họ đã phải chia xẻ cảnh nghèo khổ ấy cho tôi.

Những vật trông rất tầm thường đối với xã hội bên ngoài nhưng rất quý giá đối với trại viên trong trại cải tạo, nó có thể giúp chúng tôi vượt qua được bao nhiêu là sự khó khăn ngay cả nó có thể giúp chúng tôi sống sót được nữa. Giống như cây cối bị khô hạn lâu ngày, một cơn mưa rào có thể làm nó xanh tươi lại! Với một ít thêm vào bữa ăn hàng ngày khiến sức khỏe chúng tôi phục hồi rất nhanh; một vài loại thuốc thông thường như Aspirine, Tylenol, Vitamin, có thể trị được những bệnh đã tiềm ẩn lâu ngày vì chỉ uống mấy thứ “thuốc dân tộc” -những thứ lá cây rừng phơi khô-

Đầu năm 1979, gia đình trại viên được phép đến trại để thăm nuôi, nhưng rất hiếm hoi. Chỉ một vài gia đình có thân nhân ở miền Bắc là đến được vì phương tiện di chuyển từ Nam ra Bắc còn rất khó khăn và hạn chế. Để đến trại từ Sài Gòn, thân nhân chúng tôi phải mất hàng mười ngày cho một chuyến đi! Họ còn phải xếp hàng đợi thật lâu mới có thể mua được vé xe lửa, đôi khi phải mất hai ba ngày. Từ Sài Gòn đến Hà Nội, xe lửa chạy mất ba bốn ngày. Rồi lại chờ “tàu chợ” (loại xe lửa đường ngắn) ở ga Hàng Cỏ để đến ga Âm Thượng, mất thêm hai ngày nữa. Từ ga Âm Thượng đến Bến Ngọc phải đi đò dọc theo sông Hồng và suối A-Mai. Đi vào trại từ Bến Ngọc, gia đình chúng tôi không có phương tiện nào khác ngoài cách đi bộ mười lăm cây số với đồ đạc nặng nề trên vai. Cho đến khi có nhiều thân nhân đến thăm nuôi, trại mới dùng một chiếc xe ngựa để đưa rước.

Bên cạnh sự khó khăn về di chuyển, cướp bóc dọc đường còn là một điều rất thường xuyên xảy ra nữa. Rồi còn chuyến đi về Nam, do đó người đi thăm nuôi phải mất hàng tháng cho một chuyến đi để chỉ được gặp trại viên trong thời gian mười lăm đến hai mươi phút. Điều đó có đáng hay không? Chỉ có tình thương mới giúp họ làm được việc ấy mà thôi.

Trong bức thư gửi cho tôi năm 1979, vợ tôi dường như có ý định đi thăm tôi. Vợ tôi viết rằng ít ra thì cũng có thể gặp tôi được một lần, nhưng mà cô ấy chưa có tiền! Bức thư ấy khiến tôi ở trong tình thế lưỡng nan. Tôi rất muốn gặp vợ tôi, nhưng lại không muốn cô ấy chịu cực khổ vì chuyến đi. Vợ tôi không khỏe mạnh như nhiều người khác. Tôi viết thư trả lời để ngăn cản ý định ấy của vợ tôi. Tôi bảo rằng tôi luôn yêu thương cô ấy, nhưng tôi không muốn cô ấy phải chịu cực khổ vì chuyến đi như thế. Vài gói quà của gia đình là đã giúp tôi nhiều lắm rồi, tôi chỉ muốn cô ấy an tâm để nuôi con mà thôi. Tình yêu mà cô ấy dành cho tôi là một động lực để giúp tôi vượt qua được cảnh ngộ này rồi.

Vào tháng sáu năm 1979, khi mà tôi không trông mong gì cả thì một hôm tôi lại được gọi ở lại trong trại trong khi đội xuất trại đi lao động. Họ bảo rằng tôi có người đến thăm nuôi. Tôi rất kinh ngạc và đoán rằng có lẽ là vợ tôi đến. Không còn bộ quần áo cá nhân nào, tôi phải lựa một bộ đồng phục tù còn tương đối mới để mặc. Tôi không có được tấm gương để trông xem mình ra thế nào, nhưng tôi biết tôi trông rất kỳ khôi! Tôi không muốn vợ tôi trông thấy tôi như thế này, nhưng tôi phải làm sao đây? Hai năm rưỡi về trước gặp nhau ở trại Thủ Đức, tôi đâu đến nỗi như thế này. Ở trại Thủ Đức thì dù sao chúng tôi cũng đủ ăn và không phải lao động quá nặng nề, và tôi còn có quần áo riêng để mặc khi ra thăm không đến nỗi kỳ quặc như thế này. Hai năm ở trại Tân Lập gần như đã giết chết tôi, dù không giết chết ngay tức thì nhưng cũng đã từng bước một. Tôi không còn là tôi nữa!

Tôi bước đi trên con đường đến nhà thăm nuôi như một người không có linh hồn. Chỉ có một phần hạnh phúc xen lẫn với không biết bao nhiêu nỗi lo lắng trong lòng! Vợ tôi ra sao? Làm sao cô ta có thể chịu đựng được một cuộc hành trình xa xôi và vất vả như thế? Gia đình tôi thế nào? Con tôi ra sao? Hàng trăm câu hỏi xâm chiếm lấy đầu óc tôi trên con đường đi đến nhà thăm nuôi.

Vợ tôi đang đứng ở ngưỡng cửa với những người khác khi tôi đi đến nơi. Chúng tôi ngồi hai bên chiếc bàn lớn với tên cán bộ ngồi ở đầu bàn quan sát. Tôi cố vói qua nắm lấy tay cô ta và siết chặt. Những gì mà chúng tôi đã nói với nhau tôi không thể nhớ được, nhưng tôi nghĩ rằng tôi chỉ đủ thời gian để hỏi về gia đình, về con tôi, về cuộc

sống của vợ tôi khi không có tôi ở nhà! Hơn một tuần lễ đi đến và rồi còn thời gian trở về mà chỉ gặp nhau được hai mươi phút, tôi nghĩ là không đáng cho sự chịu đựng của vợ tôi chút nào.

Cô ấy trông vẫn trẻ, vẫn “mỏng manh”, vẫn là tình yêu của tôi như thuở nào, nhưng tôi thấy dường như xa xôi lắm sao, dường như đến từ thiên đàng để gặp một người ở địa ngục! Cô ấy cho biết rằng cô ấy đi cùng với Ngọt, vợ của Tuấn. Họ là bạn ở trung học, bạn có chồng làm chung với nhau, và bạn có chồng cùng ở tù chung nữa! Tôi cảm thấy hơi an lòng một chút khi biết rằng vợ tôi không phải đi một mình. Khi từ già, tôi nhìn thấy ngón chân vợ tôi bị băng. Cô ấy cho tôi biết rằng thùng quà đã bị rơi khi cô ấy chắt nó lên xe ngựa. Họ đã phải đi bộ từ Bến Ngọc vào đến trại vì có nhiều người đến thăm hôm ấy; chiếc xe ngựa đã chắt quá đầy.

Vợ tôi đã chịu bao nhiêu là khó khăn để đến thăm tôi, và còn con đường về nữa? Điều ấy cứ lớn vồn trong đầu óc tôi mỗi khi tôi trở vào trại. Tôi đặt hai thùng và một giỏ quà lên chỗ rồi nằm đó mà nghĩ đến vợ tôi. Cô ấy vẫn còn ở ngoài nhà thăm nuôi để chờ Ngọt đang thăm chồng bên K3. Chỉ có một hàng rào ngăn cách giữa vợ tôi với tôi, nhưng sao mà xa xôi quá như vậy! Hai mươi phút gặp nhau trôi qua như một giấc mơ mà tôi không thể nào quên được. Tôi còn có thể gặp được vợ tôi nữa không hay đây là lần cuối cùng? Những gói quà này chứa đầy tình yêu. Nó sẽ giúp tôi rất nhiều trong những ngày tháng sắp tới, nhưng điều quan trọng nhất đối với tôi lúc ấy chính là tình yêu của vợ tôi dành cho tôi vẫn còn hiện hữu.

Tôi không thể chợp mắt được suốt đêm, mong tiếng keng báo thức. Điều đầu tiên khi ra đến nhà lô là hỏi Lung, cán bộ quản giáo của đội, dẫn tôi trở lại nhà thăm nuôi, nhưng mà vợ tôi đã đi cùng với Ngọt rồi. Tôi thất vọng đi trở về nhà lô không còn làm được gì nữa cả.

Vợ tôi viết trong bức thư sau đó rằng cô ấy chỉ muốn ở lại với tôi một đêm thôi để có thể tâm sự được với nhau. Hai mươi phút trôi qua quá nhanh, nhưng cô ấy cảm thấy hạnh diện vì các bạn đi cùng bảo rằng tôi trông vẫn còn trẻ và trông không đến nỗi tệ hại như họ nghĩ! (ngay cả trong bộ đồng phục tù!)

Kể từ khi có nhiều trại viên được thăm nuôi thì bộ mặt của trại thay đổi hẳn ra. Những trại viên có thân nhân ở nước ngoài giờ tiền về được thăm nuôi thường xuyên, vài người không ăn cả phần ăn của trại và chia nó ra cho những người khác. Các trại viên “cô nhi” có thêm được một ít trong tiêu chuẩn ăn hàng ngày, và giống như nắng hạn gặp mưa rào, mọi người trở nên khỏe mạnh hơn lên.

“Đội lâm sản” và “đội vận chuyển” đã được giao cho các trại viên miền Nam. Chúng tôi bắt đầu liên hệ với dân chúng sống trong vùng quanh trại, và họ cũng đã bắt đầu làm quen với người miền Nam thông qua gia đình trại viên. Một số người dân có thêm một công việc mới, đó là giúp gia đình đến thăm mang đồ đạc và chuyển vào trại bằng xe đạp.

Ở vùng hẻo lánh như nơi đó thì thời trang Sài Gòn là một điều rất hấp dẫn đối với những người dân không đủ quần áo để mặc. Khi những người Sài Gòn đến nơi thì trẻ con chạy theo nhìn, những cô gái thì ngắm nhìn rồi bàn tán, những người đàn ông thì huyết sáo. Trong một bức thư vợ tôi gửi tôi sau này, cô ấy nói rằng khi Ngọt và cô ấy đi

vào trại thì thấy các đứa trẻ quần áo tả tơi chạy theo và bảo nhau đi xem các “tài tử”. Cô ấy không thể ngờ rằng lại có những người dân còn nghèo khổ đến như thế.

Khi đã có nhiều người đến thăm nuôi, dân chúng trong vùng và cả gia đình cán bộ có thêm được một nghề mới, bán đồ đạc cho thân nhân và cho trại viên. Dân chúng đi mua những món hàng từ các thành phố gần đó về bán dọc theo con đường từ Bến Ngọc đến trại. Người đi thăm nuôi không phải mua những thứ nặng nề hoặc những thức ăn tươi từ Hà Nội nữa. Cán bộ và gia đình còn mang cả đồ vật vào trại bán cho các trại viên đã dấu tiền khi thăm nuôi. Mặc dù nội quy không cho mang tiền vào trại, nhưng rồi họ cũng làm ngơ.

Cuộc sống trong trại càng lúc càng dễ dàng dần. Cán bộ trực trại có lúc đã bán cả rượu cho trại viên và vào uống với trại viên. Vào Tết năm 1982, họ nói rằng tổng số rượu mang vào trại lên tới con số trên hai trăm lít! Các cán bộ nữ thì bắt đầu học khiêu vũ với trại viên trong đội văn nghệ. “Nhạc vàng” vẫn bị cấm trong trại, nhưng các cán bộ lại bảo trại viên dạy cho họ hát. Tất cả những thứ đó trông giống như một sự tranh đấu giữa hai thứ văn hóa: cái văn hóa của người thắng trận và cái văn hóa của kẻ bại trận. Điều đó khiến tôi nhớ tới tình trạng của dân Mãn Thanh sau khi chiếm được nước Trung Hoa lập nên nhà Thanh rồi sau đó lại bị người Trung Hoa đồng hóa ngược lại vì Mãn Thanh là một dân tộc không có nền văn hóa phát triển như Trung Hoa.

Cộng Sản thường nói rằng “ai thắng ai giữa chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa Tư Bản”. Tôi nghĩ đây là một dịp để nhìn thấy được sự thật ấy. Họ đã thắng trong cuộc chiến, nhưng chiến tranh của hai nền văn hóa vẫn còn tiếp tục. Họ đã đốt hết sách vở của miền Nam, cấm ca hát “nhạc vàng”, cấm thời trang miền Nam, và thay vào đó bằng sách vở, ca nhạc, và thời trang của họ. Giờ đây họ lại muốn nghe nhạc vàng, muốn khiêu vũ kiểu miền Nam. Đó chính là dấu hiệu đầu tiên để trả lời câu hỏi “ai cải tạo ai, hay là ai thắng ai?”



Phần 5

Trại Cải Tạo Z30D, Hàm Tân, Thuận Hải.

Chương 39. Đi Về Miền Nam

Năm năm ở trại Tân Lập quả là quá dài để chịu đựng biết bao nhiêu đau khổ, đặc biệt vào những năm đầu tiên. Nhiều người đã chết, nhiều người bị bệnh kinh niên, và nhiều người thì bị thương tật. Bệnh trĩ của tôi càng lúc càng nặng mà không có thuốc men gì để trị hay để làm giảm đau! Tôi không thể biết được có bao nhiêu người còn lại trong

số bốn trăm mười trại viên đầu tiên đến trại Tân Lập vì đã có nhiều lần di chuyển xáo trộn, đến và đi. Theo tôi nghĩ thì chắc phải có ít nhất là khoảng một phần ba trại viên đã chết trong số bốn trăm mười người đến Tân Lập trên chuyến tàu “Sông Hương”. Vài trại viên đã bị đưa đi khỏi K5 của trại Tân Lập để biệt giam ở một nơi nào đó và rồi mất biệt luôn.

Sau khi Trung Quốc tấn công vào các tỉnh miền Bắc Việt Nam năm 1979, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trở nên căng thẳng. Việt Nam và Trung Quốc không còn ở tình trạng “*môi hở răng lạnh*” nữa mà bây giờ là răng cắn môi chảy máu! VC chia miền Bắc ra thành ba khu vực: khu một gồm các tỉnh giáp với biên giới Trung Quốc, khu hai là miền Trung Du Bắc Việt, và khu ba là đồng bằng sông Hồng. Sau khi bị Trung Quốc tấn công, họ đưa hết các trại cải tạo ở khu một về khu hai, và kể từ khi đó thì trại Tân Lập rất đông trại viên. Chúng tôi đã phải đào giao thông hào trong sân sát với buồng giam để chuẩn bị cho trận tấn công của Trung Quốc vào khu hai.

Dự tính của VC thành lập những “nông trường” quốc doanh cho chúng tôi sống ở đó suốt đời đã không thành công. Hai “nông trường” được thành lập ở Thanh Hóa có tên là Thanh Phong và Thanh Lâm cuối cùng đã trở thành hai trại cải tạo mà thôi! Họ bắt đầu phải đưa trại viên trở về miền Nam từ năm 1980, nhưng cuộc nổi dậy của các trại viên ở một trại ở Hàm Tân vào đầu năm 1981 khiến việc này bị đình lại cho đến năm 1982. Kể từ tháng tư năm 1982, trại Tân Lập bắt đầu chuẩn bị cho cuộc di chuyển vào Nam.

Từ Tết năm 1982, các tin đồn về sự thay đổi của trại từ “tù chính trị” sang “tù hình sự” được loan truyền khắp nơi trong trại. Hầu hết những tin đồn này đều phát xuất từ các cán bộ. Nhưng chúng tôi không biết được điều đó sẽ là chúng tôi sẽ được thả ra khỏi trại hay di chuyển vào Nam. Cũng đã có vài cuộc phóng thích nhưng không bao giờ đạt đến con số một trăm trại viên. Thời gian ấy, trại Tân Lập rất đông trại viên từ K1 đến K5; tôi nghĩ toàn trại có thể đạt đến con số ba ngàn trại viên. Phạm nhân hình sự chỉ là thiếu số so với số trại viên đến từ miền Nam. Tôi không tin họ có thể thả một số lớn trại viên như thế, do đó tôi nghĩ rằng có lẽ sẽ có một cuộc di chuyển.

Vào sáng ngày 7 tháng tư năm 1982, chúng tôi đi ra nhà lô để lao động như thường lệ. Nhưng từ ngày hôm qua, chúng tôi đã nghe các trại viên trong đội vận chuyển và đội làm sân cho biết rằng ở các phân trại K1, K2, K3 và K4 đã đọc tên trại viên được chuyển vào Nam rồi. Nhưng mọi việc dường như vẫn diễn ra bình thường ở phân trại K5.

Tôi đang làm một cái “hòm” bằng gỗ cho một cán bộ ở nhà lô đội 10. Đó là một cái rương bằng gỗ đặc biệt vì nó được làm bằng loại gỗ “lắc”, một thứ gỗ quý ở miền Bắc. Tôi đã bào xong bốn tấm ván hông, chỉ đợi để cắt mộng và ráp vào mà thôi. Nhưng đó lại là một giai đoạn khó nhất trong việc đóng “hòm” vì tôi phải cưa những cái mộng đuôi cá nhỏ cho thật khít khao nếu không thì lúc ráp nó sẽ bị nứt hết. Tôi không thể tập trung được vào việc làm này mà chỉ đứng ở cầu bào nhìn về phía cổng trại. Phân trại K5 là bộ chỉ huy của toàn trại, nếu có việc di chuyển như vậy thì nhất định các trại viên sẽ phải tập trung về đây trước khi đi nơi khác.

Cán bộ quản giáo đội 10 không nói gì với tôi mà chỉ nói với Vui và Nam, hai trại viên trong đội rằng sẽ không có gì hết và chúng tôi phải làm việc như thường lệ. Tôi nghe ông ta nói và trả lời lại rằng tôi có thể làm mọi việc mà ông ta bảo, nhưng chắc chắn là

sẽ không hoàn hảo như ý muốn vì đầu óc tôi không thể điều khiển hai tay tôi được nữa! Sống quá lâu trong trại và ở đội 10, tôi trở nên quen thuộc với từng cán bộ một và không còn sợ họ như lúc đầu nữa, nhưng tôi lại luôn luôn giữ một khoảng cách để họ không có lý do gì mà phạt tôi. Ngoài ra thì làm một cái “hòm” gỗ cho cán bộ là công việc làm có tính cách riêng tư; họ không có cách gì để bắt buộc tôi được!

Hầu hết các cán bộ trong các trại cải tạo đều rất nghèo. Họ cần những thứ rất là tầm thường như những cái rương bằng gỗ, cái ghế nhỏ, cái bàn, và đôi khi chỉ cần một quyển sổ có vẽ hình bông hoa mà thôi. Làm những việc này là những công việc riêng tư nên đôi khi phải dấu cả Ban Giám Thị, nhưng nhờ đó mà tôi sống được dễ dàng hơn trong trại! Đôi khi tôi muốn đi ra ngoài chỉ để tắm giặt mà thôi, nhưng tôi bảo với tên cán bộ gác cổng rằng tôi phải ra nhà lô để làm việc. Hắn ta là người đang nhờ tôi vẽ chùm mây bông hoa trong cuốn sổ cho nên hắn sẽ cho tôi đi một cách dễ dàng với điều kiện là tôi đừng trốn trại và làm chùm công việc mà hắn nhờ! Đó là cách sống của tôi trong trại: làm những điều có lợi cho tôi mà không hại ai hết là được rồi.

Khoảng mười giờ sáng, các trại viên ở các phân trại khác bắt đầu đến nơi. Họ mang xách đồ đạc trên vai. Chúng tôi nhìn một cách kích thích, nhưng chưa thể vào trại được cho đến trưa.

Chiều hôm ấy, tiếng kèn báo giờ đi lao động vang lên như thường lệ. Chúng tôi tập hợp ở sân để chuẩn bị xuất trại thì thấy có một cán bộ cầm giấy vào đọc tên các trại viên ở lại trong trại. Những người không có tên thì đi lao động. Có khoảng mười lăm trại viên trong đội tôi được ở lại, trong đó có tôi; chúng tôi trở vào buồng để lấy đồ đạc và đi chuyển sang một buồng khác ở khu B với các trại viên từ K1 đến.

Một tiếng đồng hồ sau thì cán bộ quản giáo đội 10 vào dẫn tôi ra nhà lô để hoàn tất cái “hòm”. Nam, người bạn thân với tôi trong đội vẫn ở lại; anh ta trông buồn buồn nhưng cố giấu đi. Tôi giao lại cho anh ta tất cả đồ đạc trong cầu bảo của tôi –đó là tài sản của tôi. Tôi thường giấu nhiều thứ trong ấy như cam (hái lên từ vườn cam ở gần nhà lô), khoai lang, khoai mì, bắp cải, gạo, bo bo, vân vân; những thứ mà các cán bộ cho tôi khi tôi làm những công việc riêng tư cho họ. Tôi cũng giao cho Vui, phụ tá của tôi ở đội 10, những dụng cụ và chỉ anh ta cách hoàn tất cái hòm sau khi tôi đã làm xong phần hông và nắp.

Những sự chia tay trong trại diễn ra thường xuyên. Các trại viên ở lại thường ái ngại cho những trại viên phải ra đi, nhưng lần này thì mọi việc đều ngược lại. Nhìn dáng vẻ buồn rầu của họ, tôi không biết nói gì hơn là an ủi họ rằng chắc rồi sẽ còn những cuộc di chuyển tiếp theo. Nam và Vui đều được thả ra sau lần di chuyển thứ hai của trại Tân Lập.

Một điều ngộ nghĩnh là nhiều cuộc chia tay khác lại diễn ra giữa trại viên với cán bộ nữ và giữa trại viên với các phụ nữ sống quanh trại! Vài cán bộ còn bảo rằng họ không muốn chúng tôi đi vì không thích các phạm nhân hình sự thay thế chúng tôi. Mọi người đều đã thay đổi quan điểm, và đôi khi tôi tự nghĩ không biết ai cải tạo ai đây?

Đêm hôm ấy, hầu như mọi người đều thức để trò chuyện. Vài trại viên còn biết trước rằng chúng tôi sẽ được chuyển vào trại Thủ Đức. Thủ Đức là trại mà từ đó tôi được đưa ra trại Tân Lập năm năm về trước! Nếu thật sự chúng tôi được chuyển về trại Thủ Đức

thì đó chỉ là giai đoạn ngắn mà thôi vì Thủ Đức chỉ là một trại trung chuyển, và chúng tôi đều mong rằng chúng tôi sẽ được thả ra khi về đến miền Nam.

Ngày hôm sau, tôi xếp mọi thứ vào cái ba lô để chờ đợi. Đã có kinh nghiệm từ lần di chuyển trước từ Nam ra Bắc, tôi cố giữ lại những thứ thật cần thiết để được càng nhẹ càng tốt dù rằng ở trong trại thì mọi thứ đều cần. Thời tiết tháng tư vẫn còn lạnh, do đó tôi mặc cái áo khoác thay vì nhét nó vào ba lô. Cái áo khoác của tôi đã rách nát và phải mạng vá lại bằng nhiều thứ vải. Chỉ có hai bộ đồng phục tù là tương đối còn coi được nên tôi bỏ chúng vào ba lô cùng với mùng mền. Tôi cũng đã cắt cái pon-sô của tôi thành hai phần, một để làm áo mưa còn một tấm để làm tấm trải phía dưới chiếu ngăn rệp. Tôi cuộn chiếc chiếu và tấm pon-sô ấy vào với nhau và cột vào nắp ba lô, cái bi-đông đựng nước uống và cái hũ đựng cơm thì được treo vào hông ba-lô. Tôi đã sẵn sàng, nhưng tôi nghĩ họ sẽ di chuyển vào ban đêm vì đó là thói quen của họ.

Tôi cố đi ngủ sớm ngay lúc vừa điểm nhập buồng vì tôi nghĩ rằng chúng tôi sẽ di chuyển vào tối hôm ấy. Khoảng nửa đêm, các cán bộ vào để kiểm trại viên trước khi di chuyển. Chúng tôi phải xếp vào hàng và họ còng hai người lại với nhau trước khi dẫn chúng tôi ra khỏi cổng trại. Đó là sáng sớm ngày 9 tháng tư năm 1982; tôi đã ở trại Tân Lập được bốn năm, mười một tháng, mười tám ngày!

Không có chiếc xe nào phía trước cổng trại. Dưới sự dẫn đường của cán bộ vũ trang, chúng tôi đi về phía bờ suối hướng qua phân trại K3. Hướng đó ngược với hướng đi về phía Bến Ngọc nếu chúng tôi thật sự đi về Nam. Tất cả chúng tôi đều lo lắng biết đâu đây lại là một trò ma mãnh nào đó của họ. Đến bờ suối nơi tôi vẫn thường băng ngang vì nơi đó tương đối cạn, chúng tôi băng qua suối. Đôi dép râu của tôi vượt mất quai nên tôi phải bỏ nó vào ba-lô và đi chân không kể từ khi ấy. Nhiều người có quá nhiều đồ đạc nặng nề di chuyển rất khó khăn nhất là với chiếc còng trên tay nên đã phải bỏ bớt đi một phần.

Qua bờ suối bên kia, chúng tôi quay ngược lại về phía Bến Ngọc. Tôi thở dài nhẹ nhõm! Tôi đoán có lẽ đó là chỗ duy nhất để có thể băng qua suối. Con đường mòn đi đến Bến Ngọc từ phân trại K3 phải băng qua một khu rừng bỏ đẽ. Trong bóng đêm, tôi không thể tránh khỏi những bụi gai mắc cỡ và những viên đá sắc cạnh ở khắp nơi. Với chiếc quần ướt và đôi chân trần bị cắt đứt bởi đá và gai nhọn, tôi phải rán theo kịp mọi người trong sự đau đớn và lạnh lẽo. Nhưng trong thâm tâm thì tôi vẫn luôn hy vọng vượt mọi thứ để được về miền Nam, để ít nhất được gặp lại gia đình và quê hương tôi.

Đó là lần thứ hai tôi đi qua phía bên kia bờ của Bến Ngọc. Lần đầu tiên là lúc tôi mới đến trại Tân Lập năm năm về trước; đoàn xe ngừng một lúc để đợi nhau rồi chạy thẳng xuống suối để đi qua bờ bên kia. Lần này thì chúng tôi đến Bến Ngọc lúc sáng sớm, và đoàn xe đã chờ sẵn ở đó! Tôi không biết tại sao nó không chịu đi vào trại dù lúc ấy suối A-Mai chảy cũng không đến nỗi mạnh lắm. Đó là đoàn xe “Molotova” chứ không phải xe đồ như lúc chúng tôi đi đến trại. Chúng tôi leo lên sàn của những xe không mui ấy và đợi tất cả trại viên đến nơi.

Khi mọi người đến nơi thì trời cũng đã sáng tỏ. Rất đông người đứng hai bên đường để tiễn đưa chúng tôi, vài người còn ném thức ăn lên xe. Khi chúng tôi đến đây thì họ nhìn chúng tôi với sự nghi ngại; bây giờ, khi chúng tôi rời nơi đây thì họ tiễn chúng tôi với tình cảm của họ. Kể từ khi gia đình trại viên đến thăm, dân chúng sống quanh vùng trại

bắt đầu tiếp xúc với dân miền Nam. Họ cũng bắt đầu biết ít nhiều về sự thật của miền Nam, những điều mà họ đã bị che đậy hàng bấy lâu nay.

Chúng tôi rời Bến Ngọc vào sáng sớm. Quang cảnh nơi này trông có vẻ đông đúc hơn khi chúng tôi đến. Nhà cửa mọc nhiều thêm lên, vài nhà gạch chen lẫn với nhà lá, dân chúng cũng đông đúc hơn, đất đai cũng không còn hoang vắng như trước, đôi trục đã được che phủ bởi cây trà và khoai mì.

Đoàn xe đến con đường nhựa khoảng một giờ sau. Vài chiếc xe gắn máy Honda chạy trên đường. Khi đoàn xe chạy ra khỏi thị xã thì đường xá trông trải hơn. Chúng tôi đứng lắc lư trên xe khi đoàn xe chạy trên con đường đầy những ổ gà. Năm năm sau khi chiến tranh chấm dứt, không có gì gọi là “cải tiến” trên những phương tiện giao thông ở Bắc Việt ngoài vài chiếc Honda du nhập từ miền Nam! Xe cộ cũng phải lao xuống suối, đường xá cũng đầy những ổ gà, và dân chúng cũng dùng xe đạp như một phương tiện vận chuyển chính của họ.

Tôi không biết đoàn xe chạy theo hướng nào, nhưng vào khoảng trưa thì bắt đầu thấy vài chiếc xe hơi chạy trên đường. Một chiếc xe có vài người ngoại quốc -với da trắng tóc vàng- chạy theo đoàn xe chúng tôi một lúc lâu. Họ không có một dấu hiệu gì cho biết họ là người nước nào, do đó chúng tôi cũng không biết họ là ai. Một người trong bọn họ chào chúng tôi với dấu hiệu hình chữ V bằng hai ngón tay, và vài người trong chúng tôi giơ còng lên để cho họ thấy hoàn cảnh của chúng tôi. Chúng tôi hy vọng họ là những phóng viên, nhưng tôi không biết rõ họ là người nước nào vì trong quốc gia của Cộng Sản, các phóng viên nhất là của Phương Tây không thể đi lại dễ dàng như thế.

Tôi đoán rằng đoàn xe sẽ chạy về phía cảng Hải Phòng để chúng tôi lên tàu về Nam, nhưng tôi lại thấy con đường có vẻ khác hơn lúc chúng tôi đi đến. Rừng núi từ từ biến mất; đoàn xe chạy trong một vùng đồng bằng. Khoảng chiều, xe cộ càng lúc càng đông. Con sông Hồng với bờ cát trải dài ra xa xuất hiện dọc theo đường đi. Đó là mùa nước cạn. Đoàn xe chạy qua cầu vào giờ tan việc. Xe cộ rất đông trên cầu. Có rất nhiều xe gắn máy Honda và dân chúng ăn mặc quần áo sắc sảo hơn là những hình ảnh mà chúng tôi thường thấy về thành phố Hà Nội. Thời trang miền Nam đã du nhập ra miền Bắc sau khi chúng bị cấm đoán ở miền Nam, thật là một chuyện khôi hài! Đó là cây cầu Thăng Long xuyên qua sông Hồng, cây cầu dài nhất miền Bắc. Chúng tôi đang vào thành phố Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa.

Dân chúng nhìn chúng tôi một cách tò mò, nhưng tôi không thấy một dấu hiệu nào của sự thù hận. Vài người vẫy tay dường như chào chúng tôi. Dân Hà Nội đã bắt đầu thay đổi lối sống và thay đổi cả cái nhìn của họ!

Đoàn xe không đi thẳng vào Hà Nội mà chỉ đi vòng quanh. Tôi nhìn thấy ánh phản chiếu từ mặt nước hồ ở xa xa nhưng không biết có phải đó là Hồ Gươm hay không.

Sau khi qua Hà Nội, đoàn xe chạy thẳng hướng Nam khi trời đã bắt đầu tối. Chúng tôi không thể nào ngủ được trong tình trạng ấy cho nên chỉ ngồi dựa vào đồ đạc để cố nghỉ ngơi một chút. Tôi tự hỏi làm thế nào để chịu đựng được một chuyến đi về miền Nam trên chuyến xe như thế này. Đoàn xe tiếp tục chạy trong đêm tối; tôi không thể nhìn thấy được gì ở hai bên đường để đoán biết mình đang đi đâu.

Cuối cùng thì mặt trời cũng bắt đầu mọc; tôi thấy những cánh đồng lúa ở chung quanh. Vài nhà lá với cái ao phía trước là đặc điểm của miền đồng bằng miền Bắc. Chúng tôi đang đi trong địa phận tỉnh Hà Nam Ninh, một tỉnh mới bao gồm ba tỉnh Hà Tây, Nam Định và Ninh Bình. Đoàn xe quẹo phải và rồi ngừng lại ở cuối một con đường đi đến một dòng sông khi trời sáng tỏ. Vài người cho biết đó là con sông Đáy chảy qua thị xã Phủ Lý của tỉnh Nam Định.

Hai bên con đường từ khúc rẽ vào đến bờ sông, nhà cửa cất theo nhiều loại nằm san sát với nhau. Một khu chợ ngoài trời nằm gần bờ sông. Dân chúng khá đông đúc. Vài chiếc đò chở khách từ bờ kia sông sang đang cập bến. Không thấy có cây cầu nào băng qua sông, tôi đột nhiên nhớ tới chiếc phà mỗi lần chỉ chuyên được một chiếc xe chở chúng tôi qua sông khi chúng tôi đi ra miền Bắc năm năm về trước. Chẳng lẽ câu chuyện đời xưa ấy lại diễn ra ở một thị xã như thế này hay sao?

Chiếc ca-nô kéo theo một cái mảng nhìn thấy từ xa. Đó không phải là một chiếc mảng tre mà làm bằng cây bọc thép, và nó có thể chở được hai xe mỗi lần. Chiếc ca-nô thì quá cũ kỹ và không được bảo trì, trông giống như loại tàu nhỏ của Hải Quân miền Nam trước đây. Mười lăm chiếc xe qua sông vào khoảng giữa trưa, chạy khoảng một tiếng đồng hồ qua một dãy núi đá vôi để đi vào phân trại A của trại cải tạo Nam Hà.

Trại cải tạo Nam Hà trông có vẻ rất kiên cố hơn trại cải tạo Tân Lập với nhà gạch bao quanh bởi tường cao. Tôi không có dịp để biết nhiều về trại này vì chúng tôi chỉ ở trong một khu biệt lập. Nền chỗ nằm làm bằng xi-măng chứ không bằng gỗ như ở trại Tân Lập và chắc là cũng ít rệp hơn.

Khoảng nửa đêm ngày thứ hai, chúng tôi được chuyển ra ga Phủ Lý để chờ xe lửa. Địa danh này tôi đã từng biết đến qua các tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn viết khoảng những năm 1930. Nhưng cái gọi là ga “Phủ Lý” chỉ là một căn nhà nhỏ có hai vách ở hai đầu còn hai mặt kia thì trống trơn. Nó được xây có lẽ từ thời Pháp thuộc mà không được sửa sang lại bao giờ. Một bóng đèn treo phía dưới mái nhà không có trần chiếu ánh sáng mờ mờ vàng vọt cho căn phòng khoảng sáu thước ngang mười thước chiều dài.

Trên sáu trăm trại viên chen chúc trong căn phòng ấy; chúng tôi chỉ có thể ngồi co ro ở chỗ để đợi xe lửa. Sau một lúc thì đầu gối và đùi tôi bị tê mà không thể duỗi chân ra được. Tôi bảo Tâm, người bạn bị còng chung còng đứng dậy và đổi vị trí để ngồi dựa lưng nhau. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn một chút, nhưng các tên cán bộ canh gác ở đó không cho phép chúng tôi được cử động nữa. Họ muốn chúng tôi ngồi yên để dễ kiểm soát.

Xe lửa đến khi mặt trời đã xuất hiện ở chân trời, lúc ấy khoảng bảy đến tám giờ sáng. Các cán bộ đọc tên chúng tôi một lần nữa trước khi cho chúng tôi từng cặp một bước lên xe lửa. Chúng tôi chiếm chỗ trên ba toa xe. Điều khó khăn là cái ghế ngồi trên xe lửa làm cho ba người. Hai cặp có thể ngồi được ở hai hàng ghế nhưng một cặp khác không thể ngồi ở hai bên ghế của đường đi ở giữa với cái còng không dây trên tay. Chúng tôi phải chia xẻ sự khó khăn này bằng cách đổi chỗ với nhau: hai cặp ngồi trên ghế và một ngồi dưới sàn xe.

Mặc dù với cái còng trên tay, tôi vẫn thấy cảm thấy thoải mái hơn ở trong hầm của chiếc tàu “Sông Hương” năm năm trước. Đây là chuyến xe lửa chở khách, do đó chúng

tôi có phòng vệ sinh và có phục vụ thức ăn hàng bữa với thực đơn của khách. Chúng tôi không phải bước trên sàn dơ bẩn như trên tàu nữa, và trên tất cả là chúng tôi đang được đi về miền Nam, quê nhà của chúng tôi! Vài người có vẻ lạc quan tếu còn phát biểu rằng “*ngày đi đau khổ, vinh quang ngày về!*” Tôi thì không chắc rằng có vinh quang gì không, nhưng ít ra thì tôi cũng biết được mình đang đi đâu và tôi có thể gặp lại được gia đình tôi.

Con đường xe lửa chạy dọc theo đường quốc lộ số một, con đường duy nhất chạy từ Bắc vô Nam Việt Nam. Tôi nhìn thấy những hố bom nằm rải rác trên những cánh đồng, dấu hiệu của chiến tranh vẫn còn vương lại trên miền Bắc Việt Nam. Đường quốc lộ số một quá hẹp và đầy ổ gà. Chiếc xe lửa cũ kỹ với đầu máy chạy bằng than phun đầy bụi khói! Đến những ga dọc đường, xe không ngừng nhưng chạy chậm lại, do đó chúng tôi có thể nhìn thấy những sinh hoạt của dân miền Bắc. Những người bán hàng rong, phần lớn là trẻ con mang những cái rổ đựng đầy hàng bánh chạy theo xe rao mời khách. Ở vài ga đầu tiên, cán bộ không cho chúng tôi mở cửa sổ, nhưng rồi sau đó họ có vẻ lờ đi. Vài trại viên có tiền đã mua hàng của những đứa trẻ bán hàng rong này. Khi chúng nhận ra chúng tôi là những người khách hàng đặc biệt, chúng không chịu nhận tiền nữa, nhưng không ai muốn lợi dụng chúng.

Các chiếc xe lửa khách đường ngắn -gọi là tàu chợ- đầy khách đứng ngồi ngổn ngang và ngay cả có nhiều người đeo bám ở cửa; thật là một quang cảnh lộn xộn mà tôi chưa từng thấy bao giờ! Tôi đột nhiên rùng mình nghĩ đến chuyến đi của vợ tôi khi cô ấy đến thăm tôi vào năm 1979. Làm thế nào để vợ tôi có thể chịu đựng được một chuyến đi dài đằng đẳng và lại lộn xộn như thế? Chỉ có tình yêu mới giúp được cô ấy vượt qua được những vất vả và có đủ sức để làm việc ấy mà thôi. Trên chuyến tàu từ Nam ra Bắc, ngoài tình trạng hỗn loạn còn có cả cướp giết, và ngay cả giết người nữa. Những người đàn bà với đồ đạc ngổn ngang rõ ràng là mục tiêu của bọn này. Tôi nghĩ những chuyến tàu ấy còn tệ hơn là chuyến tàu mà chúng tôi đang đi mặc dù hành khách không bị còng như chúng tôi!

Tới một ga mà tôi không nhớ tên, xe lửa ngừng lại một lúc. Vài đứa trẻ bán hàng rong nhảy lên xe để bán hàng. Tôi mua hai trái chuối nướng bọc trong nếp bằng tiền mà tôi giấu trong ba-lô rồi ngồi ăn một cách ngon lành như một món ăn rất đặc biệt.

Tôi ngồi mệt mỏi trên sàn tàu và chớp mắt được một lúc. Một đêm chờ đợi ở ga “Phủ Lý” làm tôi mệt mỏi, nhưng tôi không thể ngủ được. Tới phiên tôi được ngồi lên ghế khi trời vừa tối. Chiếc xe lửa đi qua sông “Bến Hải” trên một chiếc cầu song song với chiếc cầu nổi tiếng mang tên là “Hiền Lương” ở vĩ tuyến thứ mười bảy nơi đã từng là ranh giới chia cắt hai miền Nam Bắc Việt Nam.

Có bao nhiêu cuộc chiến đã diễn ra trên chiếc cầu mang cái tên “*hiền lành và lương thiện*” này và trong cái vùng mang tên là vùng “*phi quân sự*” này? Thật là một sự lạm dụng danh từ! Con sông quá nhỏ bé, và chiếc cầu cũng vậy! Nhưng chúng đã đi vào lịch sử Việt Nam như một địa danh không thể quên được. Đã hai lần đất nước bị chia cắt, và những tên như sông Gianh hay sông Bến Hải đã khắc sâu vào tâm khảm của người dân Việt như những vết nhơ không thể xóa sạch được.

Việt Nam đã thống nhất! Vấn đề là những người Cộng Sản đã lợi dụng lòng yêu nước của người dân để xây dựng một chế độ vô nhân đạo trên đất nước. Chẳng những họ đã cướp công của nhân dân trong chiến tranh mà họ còn cướp cả tài sản của người dân sau

khi cuộc chiến chấm dứt nữa. Với những khẩu hiệu như “tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội” họ cướp tất cả của cải của người dân! Sau chiến tranh thì người dân trong nước càng lúc càng nghèo dần. Con sông “Bến Hải” đã đi vào lịch sử, nhưng chủ nghĩa Cộng Sản thì vẫn tồn tại. Dân tộc Việt Nam đã vượt qua được một cuộc chiến tranh ghê gớm nhưng rồi lại phải sống trong nghèo khổ dưới sự cai trị của Cộng Sản. Chỉ có những người Cộng Sản là độc quyền yêu nước. “Yêu nước tức là yêu xã hội chủ nghĩa” quả là một định nghĩa kỳ quặc!

Trời tối hẳn khi tàu tiến vào thành phố Huế, cố đô của Vương Quốc Việt Nam. Vào Tết Mậu Thân 1968, Việt Cộng đã tạm chiếm thành phố này và tạo nên một cuộc thảm sát dã man. Tôi cố nhìn xem sinh hoạt của Huế nhưng không thể được vì trời quá tối. Chiếc xe lửa ngừng ở một trạm và tôi ngủ thiếp đi ở chỗ ngồi.

Người bạn mang chung còng với tôi là Tâm cử động khiến tôi giật mình tỉnh giấc lúc xe lửa đang đi ở một nơi nào đó ở miền Trung Việt Nam. Tôi ngạc nhiên khi thấy những hàng cột điện chạy ngược lại trước mặt mình. Đêm qua tôi vẫn nhớ tôi ngồi ngược với chiều của tàu chạy, có nghĩa là hàng cột phải chạy từ phía sau lưng tôi. Điều gì đã xảy ra đêm qua? Xe lửa đi ngược lại về miền Bắc hay đi vào nơi nào đó của miền Trung? Tôi tự hỏi. Mọi người cũng cảm thấy lo lắng. Sau đó thì chúng tôi được biết rằng xe đã đổi đầu máy chạy bằng dầu sau khi ngừng ở Huế do đó nó cũng đổi chiều của chiếc xe luôn.

Đến vài ga ở miền Trung, dân chúng bắt đầu nhận được ra chúng tôi nên vỗ tay chào. Khi đến ga Quy Nhơn vào khoảng trưa, hàng trăm dân chúng đã đứng dọc hai bên đường rầy, ném quà bánh lên xe, la hò, và vỗ tay chào đón chúng tôi giống như là thân nhân của họ. Sau khi rời ga Quy Nhơn, các cán bộ không cho chúng tôi mở cửa xe nữa. Nhưng xuyên qua cửa kính, chúng tôi vẫn nhìn thấy dân chúng tụ họp ở sân ga và vỗ chào chúng tôi khi thấy xe lửa đến nơi.

Đến Nha Trang, một thành phố biển nổi tiếng của miền Trung, tàu chạy chậm lại vì đó là giờ tan sở. Hàng ngàn dân chúng đã đứng sẵn dọc theo đường rầy đi qua thành phố. Tin tức loan truyền nhanh hơn tàu chạy! Vài trại viên mở cửa xe ra và thấy cán bộ không nói gì. Chúng tôi đồng loạt mở cửa xe. Dân chúng la hò, vỗ khăn tay, ném quà bánh lên xe, và vài người còn chạy theo xe như là họ nhìn thấy được thân nhân của họ vậy. Ga Nha Trang đầy người. Xe lửa chạy chậm lại. Dân chúng chào đón chúng tôi giống như một “đoàn quân chiến thắng”. Nhà cửa hai bên đường rầy đều bật đèn sáng trưng, và dân chúng thì đứng để đợi đoàn xe đi qua. Dù họ thật sự vui mừng khi thấy chúng tôi hay chỉ là sự tò mò, họ đã gây cho tôi một cảm giác mà tôi không thể nào quên được suốt cả cuộc đời mình!

Xe ra khỏi thành phố Nha Trang khi trời đã tối. Chúng tôi đóng cửa sổ lại để ngủ. Tôi nằm trên sàn xe nghe tiếng bánh xe siết vào đường rầy rồi chìm vào một giấc ngủ say cho đến khi trời hừng sáng. Tàu chạy chậm lại rồi ngừng ở một ga tên là ga “Mường Mán”. Đoàn xe đồ đã chờ sẵn ở đó để đón chúng tôi.

Mường Mán là một ga xe lửa nằm trong địa phận tỉnh Phan Thiết, phía Đông Nam của miền Trung Việt Nam. Từ đó đến trại Thủ Đức cũng còn một khoảng khá xa nếu quả thật chúng tôi được đưa về trại Thủ Đức như tin đồn. Tôi nghĩ có lẽ chúng tôi đã bị lừa, và chắc là chúng tôi đang được đưa về một trại nào đó ở miền Trung.

Trạm xe lửa im lìm một cách khác thường. Không thấy một hành khách hay một người bán hàng rong nào. Chúng tôi ngồi trên xe chờ đợi cho đến giữa trưa, và rồi đoàn xe chạy về phía Bắc trên Quốc Lộ số một qua thị xã Long Khánh, rẽ mặt vào một nơi khá nổi tiếng trong chiến tranh tên là “Rừng Lá” thuộc chiến khu của Việt Cộng tên là núi “Mây Tào”.

Trại mà chúng tôi đến có bí danh là Z30D và tên thật của nó là trại “Thủ Đức”, không phải là trại “Thủ Đức” ở thị xã Thủ Đức gần Sài Gòn, mà là trại “Thủ Đức” ở Hàm Tân, tỉnh Thuận Hải. Lúc đó vào khoảng ba giờ chiều ngày 18 tháng Tư năm 1982.

Chương 40. Trại Cải Tạo Z30D, Hàm Tân, Thuận Hải.

Trại cải tạo Z30D là thế hệ tiếp theo của trại ở thị xã Thủ Đức gần Sài Gòn. Nó cũng lấy tên là trại Thủ Đức, nhưng dân chúng thường gọi nó là trại Z30D theo bí danh của nó.

Muốn đến trại từ Quốc lộ số 1 thì người ta phải đi khoảng hai cây số trên một con đường mòn xuyên qua khu rừng buông và cắm lai (một loại cây gỗ quý trồng trong vùng này). Khi tôi mới đến trại thì nó gồm có ba phân trại là K1, K2 và K3. K1 là phân trại chính và cũng là bộ chỉ huy của trại. K2 nằm cách K1 khoảng ba cây số về phía Bắc và K3 khoảng bốn cây số về phía Nam. Một dòng suối, nguồn cung cấp nước cho toàn trại chảy qua cả ba phân trại, nó rất cạn về mùa nắng nhưng lại chảy rất mạnh về mùa mưa.

Trại Z30D thay đổi từng ngày kể từ khi tôi đến cho đến lúc tôi rời trại. Đầu tiên, K1 chia làm bốn khu tên là khu A, B, C và D. Khu A bao quanh bởi hàng rào và tường gạch, và gồm bốn ngôi nhà xây, mỗi nhà chia làm hai buồng giam. Khu B gồm bốn nhà lá bao quanh bởi một hàng rào bằng tre gai. Khu C là một nhà lá nằm riêng rẽ gần với nhà bếp. Khu D nằm phía sau của trại là một căn nhà gạch xây dựng chưa hoàn chỉnh nằm riêng rẽ không có hàng rào bao quanh.

Chúng tôi gồm khoảng sáu trăm trại viên được đưa vào hai khu A và B. Trong khu A, chúng tôi được nhốt trong ba nhà 2, 3 và 4. Nhà 1 thì dành cho những trại viên bị kỷ luật. Năm mươi trại viên trong mỗi buồng giam rộng khoảng sáu thước, dài mười hai thước với một nhà vệ sinh ở một đầu trong đó có một cái hồ nhỏ chứa nước bơm từ suối vào. Ở giữa mỗi nhà phía bên ngoài có một cái hồ xây lớn hơn chứa nước dùng cho trại viên. Cấu trúc của các căn nhà tương tự như các nhà giam ở trại Tân Lập nhưng các bức tường thì xây bằng xi măng lót gạch bông thay vì bằng ván gỗ lót trên khung sắt. Và mái nhà thì lợp bằng tôn xi măng chứ không lợp bằng lá cọ như ở trại Tân Lập. Các căn nhà lá ở khu B thì có vẻ rất sơ sài với vách làm bằng tre và lá buông và các cửa sổ có song làm bằng tre. Tôi không hiểu sao họ lại nhốt chúng tôi trong những căn nhà quá sơ sài như thế? Tuy nhiên các nhà này đều lần lượt thay thế bởi nhà gạch.

Từ khu A sang khu B, trại viên phải đi qua một cổng đóng kín suốt ngày ngoại trừ khi đi lấy cơm dưới sự hướng dẫn của cán bộ hoặc ban thi đua. Nhà bếp nằm phía cuối trại về phía mặt ở gần với lán mộc bên ngoài vòng rào gần với bờ suối. Mỗi khu đều có cửa riêng để đi ra con đường chính của trại, do đó có tất cả ba cổng trại. Hàng rào quanh trại làm bằng hai lớp: hàng rào kẽm gai và tre gai trồng sát nhau. Một cái hào sâu chứa đầy nước đào dọc theo hàng rào ngăn cách hàng rào với khu trại.

Trong khu A còn có hai hàng rào khác, một hàng rào tre ngăn cách khu A với khu B và một bức tường gạch ngăn cách nhà 1 với các nhà khác. Chúng tôi có thể liên lạc nhau được trong cùng một khu ngoài nhà số một dành cho những trại viên bị phạt kỷ luật vì lý do này hay lý do khác.

Khu D của K1 là một căn nhà gạch chưa xây dựng hoàn chỉnh và không có rào ngăn. Các trại viên ở khu này là những người trong ban thi đua và các bộ phận lễ: những người được ban giám thị trại tin tưởng và làm việc ở khu cơ quan.

Đối diện với trại giam là khu cơ quan chia làm ba phần từ trái sang phải là: nhà ở của các cán bộ, văn phòng và nhà kho. Hầu hết nhà trong khu cơ quan đều làm bằng gạch lợp ngói ngoài khu nhà ở của gia đình cán bộ thì làm bằng cây lá.

Một con đường đất sét chạy từ quốc lộ số 1 vào trại và đi thẳng đến bờ suối ngăn cách khu cơ quan với khu trại giam. Cây so đũa, một loại cây lá nhỏ và có hoa màu trắng, được trồng khắp nơi trong trại. Chúng tôi thường thu nhặt bông so đũa để nấu canh cải thiện cho những bữa ăn của chúng tôi.

Quanh trại toàn là rừng. Vài khu đất trồng bắp còn rải rác những gốc cây đốt cháy dở dang. Cây lá buông mọc khắp nơi, do đó dân chúng gọi đây là khu rừng lá. Dân trong vùng lấy lá buông để lợp nhà và những đọt buông nhỏ để đan quạt và làm nón lá, một loại nón của người Việt Nam. Những cọng buông già thì được làm đũa và làm cần câu. Vào mùa Xuân, những cây buông này trở bông, có trái rồi chết. Trái buông có chất độc có thể giết chết cá, do đó dân chúng thường giã nát trái buông để đổ xuống suối bắt cá.

Cây cối trong khu rừng này được chính quyền miền Nam Việt Nam trồng rất lâu đời. Các loại cây như Cẩm Lai, Trắc, Gõ, Thao Lao, và Mun là những loại cây cung cấp gỗ quý. Trong chiến tranh, khu này là khu trắng, một khu oanh kích tự do. Có một đồn địa phương quân nằm cạnh quốc lộ để giữ an ninh cho quốc lộ số 1.

Dòng suối, nguồn cung cấp nước cho trại bắt nguồn từ trên núi; nó chạy vòng quanh ra tận quốc lộ số 1 ở gần phân trại K3 rồi trở vào đến phân trại K1. Trại làm một cái cầu bắc ngang suối bằng cách cột những thân cây theo hình chữ X đặt vào lòng suối rồi lót những tấm ván ngang qua. Nó trông giống như những chiếc cầu khỉ ở đồng bằng miền Nam. Suối rất sâu vào mùa nắng, nhưng chảy xiết vào mùa mưa. Mặt nước đôi khi lên gần đến những tấm ván lót cầu, và chiếc cầu đong đưa rất mạnh mỗi khi chúng tôi đi trên ấy. Bên cạnh cầu, ở sát bờ suối là một nhà nhỏ đặt máy bơm cung cấp nước cho trại và khu cơ quan. Phía bên kia suối hoàn toàn hoang vu. Tre gai, cây buông, và nhiều loại cây rừng mọc san sát. Chỉ có một con đường mòn nhỏ chạy dọc theo bờ suối từ K1 sang K3.

Điều khác nhau giữa rừng miền Nam và rừng ở miền Bắc là ở miền Nam thì có rất nhiều loại thú trong rừng: rắn, thỏ, chim, khỉ, heo rừng, và đôi khi có cả voi nữa. Suối thì đầy cá và sò ốc. Những thứ ấy có thể là nguồn thức ăn cho chúng tôi sau này! Ngoài ra thì măng tre, cây chuối rừng, và nấm mối là những thứ mà tôi dự kiến. Năm năm ở trại Tân Lập đã dạy cho tôi cách để kiếm ăn mỗi khi có cơ hội! Một vài cái bẫy cò ke đặt ở đâu đó trên khu lao động, vài sợi dây với chiếc lưới câu tự chế cắm vào bờ suối, đó là những thứ mà tôi nghĩ tôi có thể làm được một cách dễ dàng.

Hầu hết trại viên ở trại Z30D trông không đến nỗi tệ hại như trại viên ở Tân Lập. Khi đi lao động về hầu như mọi người đều có những thứ thu nhặt ở hiện trường lao động. Đó chính là một dấu hiệu tốt! Hầu hết những trại viên cũ ở đây đều mặc quần áo làm bằng bao cát. Tôi nghĩ họ đã thu nhặt bao cát này quanh khu trại vì nơi đây đã từng là chiến khu, hầm hố với bao cát nằm rải rác khắp nơi.

Trại viên ở trại Z30D gồm những người thuộc chế độ cũ, một số người trong những lực lượng chống Cộng sau năm 1975, và những thuyền nhân bị bắt khi vượt biên thất bại. Chưa có tội phạm hình sự cho mãi đến năm 1985 khi những nữ can phạm được đưa đến trại, và rồi đến năm 1988, phạm nhân hình sự hầu như chiếm đa số trong trại sau đợt thả rộng rãi các trại viên thuộc chế độ cũ.

Một số trại viên ở lại trại Thủ Đức khi tôi bị đưa ra miền Bắc năm 1977 như Cang, Trang, Lương, vân vân, vẫn còn ở lại trại Z30D, nhưng Nhân, cựu nhân viên của tôi thì lại bị đưa đi đến một trại khác để biệt giam sau vụ nổi dậy của trại viên vào Tết năm 1981. Nhân đã chết sau khi vừa được thả ra năm 1988, mặc dù anh ta mới khoảng trung tuần ba mươi tuổi.

Ban thi đua trại viên lúc ấy do Trí, cựu thiếu tá cảnh sát, làm trưởng ban khám xét chúng tôi rất cẩn thận khi chúng tôi vừa đến trại. Những người trong Ban Thi Đua này gồm những sĩ quan của Nam Việt Nam trước đây. Vài người bạn của tôi lưu ý tôi nên cẩn thận đối với một người trong ban thi đua tên là Cung, nguyên là một thiếu tá Nhảy dù, chồng của một vũ nữ khoả thân ở Sài Gòn vào những năm 1970. Sau đó thì Cung đã bị chuyển vào làm ở bếp. Trại viên trong trại thường gọi hắn là “Cung Củ Đậu” (nói lái lại là “cầu đụ”).

Cơ cấu tổ chức của trại Z30D hầu như giống ở trại Tân Lập, và tôi nghĩ đó cũng là một hình thức chung cho các trại cải tạo của Cộng Sản. Trong trại là Ban Thường Trực Thi Đua và Hội Đồng Tự Quản. Ở cơ quan là Ban Giám Thị và Hội Đồng Cán Bộ. Không có gì khác ngoài trừ cách điều hành trại.

Ban Giám Thị của trại Z30D cũng là Ban Giám Thị của trại Thủ Đức năm năm về trước với Mạch là trại trưởng, Phúc trại phó, và Ninh là trưởng phân trại K1. Một tên cán bộ tên là Nhu là một người rất đặc biệt về sau này; hắn ta chỉ là trung uý phụ trách về hậu cần lúc ấy. Nhưng rồi hắn ta càng ngày càng có thế lực và đã làm thay đổi tất cả từ trong trại giam đến ngoài cơ quan. Kể từ khi nắm quyền hành vào năm 1985, Nhu đã leo từ trưởng K1 đến trưởng trại và rồi kết hợp luôn cả hai trại Z30D và Z30C thành một. Trại viên sau đó phải làm việc rất vất vả để phá rừng lấy gỗ quý, chuyển đá về lót lòng suối, đắp đập làm thủy điện, xây dựng nhà cho riêng Nhu và xây dựng khu vui chơi. Hắn ta trở thành một hung thần không những đối với trại viên mà cả đối với các cán bộ nữa.

Chương 41. Những Ngày Đầu Tiên Về Miền Nam.

Những phần khởi khi được về miền Nam đã trôi qua sau mấy ngày; tôi cũng phải trở lại với sống một cuộc sống bình thường trong trại cải tạo. Chúng tôi vẫn còn ở cùng đội như lúc di chuyển khỏi trại Tân Lập và đi lao động như thường lệ. Công việc hàng ngày là làm cỏ cho các mảnh đất trồng bắp. Cỏ tranh là một loại cỏ rất khó đẩy sạch vì rễ nó ăn luôn dưới mặt đất. “*Một cái cuốc cho mỗi trại viên*”, đó là phương pháp lao động ở trại Z30D.

Đất trồng bắp chen lẫn với rừng rậm. Các cây nhỏ đã được dọn sạch, nhưng những cây lớn vẫn còn. Bắp được trồng quanh các cây này. Chúng tôi phải đào gốc buông dọn thêm đất để trồng bắp. Những cây buông có đường kính ở gốc khoảng một thước với rễ ăn sâu xuống đất, do đó chúng tôi phải đào cái hố khoảng ba thước đường kính để bứng gốc của chúng. Chỉ tiêu cho mỗi trại viên là hai cây buông mỗi ngày. Đó quả thật không phải là một công việc dễ dàng.

Nhà lô của đội chúng tôi núp trong rừng rậm, do đó cán bộ quân giáo đội là ông vua trong vùng. Bất cứ ai muốn đến nhà lô đều phải đi qua một con đường mòn nhỏ đầy gai mắc cỡ, và đôi khi rắn rết hay bò cạp khắp nơi. Ban giám thị trại ít khi nào muốn đến đó nên cán bộ quân giáo cùng cán bộ vũ trang có thể dùng bất cứ trại viên nào mà họ cần để làm những công việc riêng tư cho họ.

Với khả năng vẽ vẽ và về mộc, thời gian này tôi hầu như là làm trong nhà lô mà thôi. Các trại viên khác đặt cho những người làm công việc riêng cho cán bộ là “sĩ quan nhà lô”. Tôi biết đó là một ý nghĩ không tốt, nhưng tôi không có sự chọn lựa nào khác. Ở trong trại, chúng tôi phải làm những gì mà các cán bộ bảo chúng tôi làm nếu chúng tôi muốn sống. Vẽ lại việc vẽ vài cái bông hoa trong cuốn sổ hay làm một cái rương gỗ cho họ cũng chẳng phải là một công việc “dơ bẩn” hay “xấu xa” gì. Chẳng qua chỉ là công việc nhẹ nhàng hơn các người khác mà thôi, do đó vài người trở nên ganh tỵ! Sống trong trại không dễ dàng hơn cuộc sống trong xã hội vì tôi phải va chạm hàng ngày với nhiều người mà không thể tránh né họ được. Làm thế nào để làm vừa lòng hết mọi người?

Vào ngày Chúa Nhật hai tuần sau khi viết thư cho gia đình, tôi được gọi đi thăm nuôi. Tôi rất ngạc nhiên! Đứa em trai út của tôi là Tuấn từ Phan Thiết vào thăm tôi. Tuấn đã tốt nghiệp Đại Học Kinh Tế và đang làm việc ở thị xã Phan Thiết thuộc tỉnh Thuận Hải. Chắc là em tôi đang làm việc cho chính quyền của VC nên tôi mới được phép thăm vì hôm ấy không phải là ngày thăm nuôi.

Ngày thứ hai hôm sau, tôi đi lao động như thường lệ. Hôm ấy đội chúng tôi không làm ở nhà lô mà đi làm vệ sinh cho một miếng đất ở phía sau nhà thăm gặp.

Nhà thăm gặp nằm phía bên phải của một con đường đất sét cách trại khoảng năm trăm thước về hướng quốc lộ số 1. Đó là một căn nhà gạch dài khoảng hai mươi thước rộng sáu thước nằm bên trong vòng rào bằng kẽm gai. Cổng trước của nhà thăm gặp đi thẳng vào phòng thăm nuôi. Phía bên mặt là phòng làm việc của cán bộ phụ trách nhà thăm nuôi và làm phòng để các thân nhân trại viên đến đăng ký, còn phía bên trái là một căn phòng lớn làm phòng chờ đợi. Mỗi phòng đều có cửa cửa trước, cửa sau và nhiều cửa sổ.

Phía sau khu nhà thăm nuôi là miếng đất trồng bắp. Chúng tôi đang làm cỏ ở đấy mà mọi con mắt đều hướng về phía nhà thăm nuôi. Đột nhiên tôi thấy vợ tôi và mẹ tôi ở trong phòng chờ đợi. Tôi vẫy tay làm dấu gọi và hai người cũng nhìn thấy tôi. Tôi không biết tại sao trại lại không gọi tôi ở lại để được ra thăm nuôi. Vợ tôi bảo con tôi đến gặp tôi, nhưng nó chỉ đứng ở xa xa. Có lẽ tôi còn quá xa lạ với nó! Tôi dẫn con tôi đến gặp cán bộ quân giáo để hỏi về trường hợp của mình. Hắn ta đang nhờ tôi làm những công việc riêng tư, cho nên hắn đi vào hỏi cán bộ phụ trách nhà thăm nuôi và trở lại cho tôi biết rằng tôi đã được gặp gia đình vào ngày hôm qua cho nên họ không giải quyết cho tôi nữa. Tôi giải thích cho hắn biết rằng hôm qua chỉ là em tôi ghé để xem có

phải tôi đã về đây không để báo cho mẹ và vợ tôi biết đến thăm tôi hôm nay. Tên cán bộ quân giáo vào gặp cán bộ phụ trách thăm nuôi lần nữa rồi ra báo cho tôi biết là tôi được vào thăm ngay nhưng không được vào trại để thay quần áo. May mắn cho tôi là hôm ấy tôi làm lao động ở sau nhà thăm nuôi, nếu không thì chắc gia đình tôi đành phải quay về.

Vợ tôi trông có vẻ khoẻ mạnh hơn ba năm trước khi gặp nhau ở trại Tân Lập; có lẽ vì cô ấy không phải trải qua một đoạn đường quá dài như lúc đi từ Nam ra Bắc! Đặc biệt là con tôi, lần đầu nó biết được cha, người cha thật sự chứ không phải chỉ qua mấy tấm hình chụp. Sau một lúc ngỡ ngàng, nó đến với tôi và gọi “ba”! Nó đã gần bảy tuổi và đang học lớp một ở trường tiểu học.

Mẹ tôi thì trông già và gầy hơn. Bà đã chịu đựng qua nhiều khổ đau kể từ khi cha tôi đi vào chiến khu. Cuộc đời bà chỉ là một chuỗi dài phấn đấu cho cuộc sống của gia đình, cho chồng và cho con.

Điều mất mát lớn lao đối với tôi là cái chết của bà ngoại tôi, điều mà tôi cảm thấy lâu lắm rồi. Gia đình tôi đã giấu tôi việc này suốt ba năm trường. Nhiều lần tôi có hỏi về bà ngoại tôi, nhưng mọi người trong gia đình đều tránh không nói tới. Tôi biết họ không muốn tôi đau buồn bởi vì bà ngoại là người gần gũi với tôi nhất.

Chương 42. Cậu Học Trò Tên Tâm.

Đầu năm 1983, tôi được biên chế vào đội 2, họ gọi đó là “đội mía” với công việc làm hàng ngày là trồng và chăm sóc các ruộng mía ở phân trại K3 thuộc trại Z30D.

K3 nằm cách K1 khoảng bốn cây số về phía Nam, và vào lúc ấy thì nó chỉ là một trại nuôi bò cho toàn trại. Chỉ có vài trại viên được ban giám thị trại tin tưởng ở đó cùng với hai cán bộ trong một ngôi nhà lá không có rào ngăn nào cả. Hàng ngày, họ dẫn khoảng năm mươi con bò vào đồng cỏ ở gần chân núi Mây Tàu để cho bò ăn và rồi buổi chiều lừa bò trở về chuồng. Phân trại K3 đã từng là một phần của trại nơi giam giữ các trại viên, nhưng khi một số đông trại viên được thả vào năm 1980 thì nó bị bỏ hoang.

Ngày đầu tiên đi lao động ở các cánh đồng ở K3, tôi gặp Tâm, nguyên là học trò của tôi ở lớp 12 trường trung học Hoàng Gia Huệ nơi tôi đã dạy từ năm 1970 đến năm 1975. Hoàng Gia Huệ là một trường trung học công giáo thuộc một giáo xứ ở Trung Chánh, của đồng bào di cư từ Bắc vào Nam năm 1954. Hiệu trưởng của trường ấy đồng thời cũng là cha xứ tên là Diêng, linh mục phụ trách nhà thờ ở trong xứ đạo. Trong cuộc nổi dậy của Công Giáo chống lại Cộng Sản vào năm 1976, vài giáo sư của trường cũng như một phần đồng bào trong xứ đạo ấy đã bị bắt giam, số còn lại thì chuyển đi nơi khác hay trốn biệt. Tâm cho tôi biết là cha Diêng trốn vào “mật khu” để chống lại VC. Chính Tâm cũng bị bắt trong cuộc nổi dậy đó.

Tâm khoảng hai mươi lăm tuổi vào lúc ấy, nhưng trông có vẻ trẻ hơn số tuổi có lẽ vì dáng dấp nhỏ nhắn. Da sạm nắng vì thường làm việc ngoài đồng mà không bao giờ đội nón. Thật ra thì tôi không thể nhận ra học trò của mình được cho đến khi Tâm đến nói chuyện với tôi. Nhưng kể từ đó hẳn ta rất cần thiết đối với tôi vì Tâm vừa trẻ lại vừa lành lẹ. Chúng tôi lần lần trở thành hai người bạn thân và tôi bảo Tâm gọi tôi bằng “anh” thay vì bằng “thầy”! Hàng ngày khi đi lao động ở các cánh đồng mía ở phân trại K3, Tâm thường thu nhặt những thứ ăn được và nấu ăn cho cả hai. Rắn, chuối, ếch

nhái, và ngay cả thỏ cũng khó có thể thoát khỏi bàn tay của hắn ta vì hắn “nhanh như sóc”! Tôi chỉ cho Tâm cách làm bẫy và chúng tôi bắt được khá nhiều các thú nhỏ để cải thiện các bữa ăn.

Chúng tôi phải đi vào K3 bằng một con đường mòn nhỏ dọc theo bờ suối. Khoảng cách chỉ khoảng bốn cây số, nhưng phải mất hàng hai tiếng đồng hồ mới đến nơi được vì con đường mòn đầy những gai mắc cỡ và đá nhọn, và chúng tôi còn phải lội qua những con suối nhỏ nữa. Vào những ngày mưa lớn thì càng khó khăn hơn vì chúng tôi phải đi vào rừng để tránh dòng suối chảy siết. Chúng tôi thường không về trại vào buổi trưa, và họ chỉ cho phép một trại viên là “anh nuôi” đi cùng với cán bộ vũ trang về lãnh cơm và thức ăn cho cả đội.

Công việc hàng ngày của chúng tôi là làm luống để trồng mía. Luống mía rộng khoảng một thước rưỡi, cao khoảng năm tấc và dài tùy theo chiều dài của miếng đất. Chúng tôi phải nối những đợt lá buông non lại với nhau để căng song song cách nhau khoảng bốn thước để làm chuẩn cho các luống mía. Nếu luống mía đụng phải cây nào thì chúng tôi phải đào gốc cây ấy. Các cánh đồng quanh phân trại K3 đã bỏ hoang lâu ngày nên cỏ tranh và bụi rậm đầy đầy. Đặc biệt là các cây buông mọc cùng khắp rất khó bứng đi. Làm luống mía quả thật là một công việc nặng nhọc vì chúng tôi chỉ có mỗi người một cây cuốc mà thôi, tuy nhiên điều tốt nhất là chúng tôi cảm thấy chút nào đó tự do và quan trọng hơn cả là chúng tôi có cơ hội để thu nhặt được những thức ăn thêm.

Sau khi các luống đã thành hình, chúng tôi trồng vào đó những hom mía mà họ mua ở nơi nào đó. Những hom mía này được cắm vào luống với góc độ khoảng ba mươi độ. Trong vòng ba tháng lao động nặng nhọc, bốn mươi trại viên chúng tôi làm được khoảng mười mẫu mía. Chúng tôi lại phải khai phá thêm nhiều đất và chờ cho mùa thu hoạch vụ đầu để có hom trồng cho khu đất mới vì họ không muốn bỏ tiền thêm ra mua hom mía nữa. Cùng lúc ấy, chúng tôi phải làm cỏ cho các ruộng mía đã trồng để giúp mía dễ mọc lên. Vụ thu hoạch mía đầu tiên diễn ra khoảng một năm sau khi cây mía bắt đầu có cò. Chúng tôi chặt mía sát gốc lấy ngọn trồng cho các ruộng mới và thân mía thì đem đi bán cho các lò đường. Chúng tôi còn phải đốt lá mía ở các ruộng đã thu hoạch để giúp cho cây mía mọc lên mùa thứ hai, và họ bảo rằng mùa thứ hai này mới là mùa thu hoạch có năng suất cao nhất. Hai mươi mẫu mía này là những ruộng mía đầu tiên mà chúng tôi đã làm ở trại Z30D. Vài năm sau, trại thành lập lò đường và mua thêm mía của nơi khác về để nấu đường cộng thêm với mía trồng trong trại.

Đầu năm 1984, Tâm và tôi chuyển về đội mộc. Tâm làm trong nhóm làm mộc còn tôi thì thuộc nhóm xây dựng. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng còn gặp nhau cho đến khi Tâm được thả ra vào cuối năm 1984.

Chương 43. Vợ Tôi Nói Tiếng “Giả Từ!”

Sau lần thăm nuôi đầu tiên thì vợ và con tôi thường lên thăm tôi khoảng hai hoặc ba tháng một lần. Chúng tôi bắt đầu có dịp để nói được những điều mà chúng tôi muốn nói. Cán bộ phụ trách nhà thăm gặp lần lần dễ dãi hơn. Hắn ta không còn ngồi ở bàn nữa và còn cho chúng tôi được gặp nhau dài hơn hai mươi phút như thời hạn mà trại ấn định vì cũng không còn nhiều trại viên thăm gặp như lần đầu nữa.

Kể từ khi ấy, tôi cảm thấy chút nào đó gần gũi với vợ tôi hơn trước. Nhưng tôi lại thấy một vài điều gì đó chia cắt chúng tôi, những điều mà tôi không thể giải thích được. Vợ tôi trông cũng “mỏng manh”, ít nhất là diện mạo bên ngoài, vẫn là người mà tôi yêu, nhưng tôi nghĩ có lẽ cô ấy đã thay đổi. Cô ấy có vẻ tự tin hơn trước, và tôi nghĩ cô ấy thật sự không còn “mỏng manh” như trước nữa. Cô ấy không còn cần tôi nữa. Ngược lại chính tôi mới là người cần cô ấy! Tôi cũng không biết rằng vì tình yêu hay chính là những quan niệm cổ xưa đã là sợi dây trói buộc chúng tôi với nhau. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho vợ tôi đã phải uống phí cuộc đời vì tôi. Đôi khi tôi bảo vợ tôi rằng mặc dù tôi vẫn rất yêu thương cô ta nhưng tôi không muốn cô ấy phụ thuộc vào tôi nữa vì tôi không thể biết bao giờ tôi mới được thả ra. Tôi rất mong việc ấy, nhưng mọi cái đều không còn tùy thuộc vào tôi nữa! Tôi chỉ mong cô ta hãy nuôi dạy con chúng tôi trở nên người tốt trong xã hội mới này mà thôi.

Cuối năm 1983, trại bắt đầu cho phép những trại viên mới về từ trại Tân Lập được thăm nuôi qua đêm. Điều này trước đây chỉ áp dụng cho những trại viên thuộc diện đặc biệt như các “đội trưởng”, “ban thi đua”, và các trại viên làm trong các “bộ phận lễ”. Vợ tôi bảo tôi tìm cách hỏi cán bộ để chúng tôi được gặp nhau qua đêm ít nhất một lần để chúng tôi có dịp nói những điều xảy ra trong thời gian dài mà tôi xa nhà. Không hiểu tại sao tôi lại cảm thấy chút nào đó lo lắng về ý định này của vợ tôi.

Cán bộ quản giáo của đội lúc ấy tên là Tư. Hắn ta cũng đang nhờ tôi làm một vài công việc riêng. Hắn ta bảo tôi rằng hắn chỉ có thể giúp tôi được việc này nếu tôi là đội trưởng hay đội phó mà thôi vì đó là quy định của ban giám thị trại. Hắn ta dựng ra một chức vụ mới cho tôi là “đội phó đặc trách về đời sống” cho trại viên trong đội, và đó là lần đầu tiên mà tôi được gặp vợ tôi qua đêm vào tháng mười năm 1983.

Nhà thăm gặp cho trại viên và gia đình ở qua đêm là một căn nhà lá nằm trong vòng rào đối diện với khu thăm nuôi. Nó có bốn phòng ở hai đầu nhà để thăm gặp và một căn phòng ở giữa dành cho cán bộ. Phòng thăm gặp là một phòng nhỏ hình vuông mỗi cạnh khoảng ba thước, vách lá và nền đất. Chỉ có một cái giường nhỏ với chiếc chiếu cói và một cái bàn không có ghế ở bên trong phòng. Một bóng đèn điện treo phía dưới mái nhà cung cấp một ánh sáng vàng vọt cho căn phòng.

Đêm ấy, vợ tôi đã nói rất nhiều về cuộc sống của cô ấy kể từ khi rời trường Chu Văn An để về nhà, và điều chính yếu là cô ấy muốn tôi nói với gia đình tôi để cô ấy được phép về sống với gia đình ba má cô ấy. Tôi cũng đã biết về những sự xung khắc giữa vợ tôi với gia đình tôi từ lâu, nhưng tôi nghĩ cô ấy có thể vượt qua được những điều ấy. Vợ tôi luôn luôn dễ hòa hợp với mọi người! Ở lại với vợ tôi, tôi đã không thể ngủ được, suốt đêm nằm nghe những điều cô ấy nói cộng với tiếng dế và tiếng côn trùng rên rỉ bên ngoài phòng. Trở vào trại vào chiều ngày hôm sau, tôi suy nghĩ rất nhiều về những điều mà vợ tôi đã tâm sự và bỗng cảm thấy một cái gì đó không ổn mà tôi sẽ phải đối phó trong những ngày sắp tới. Đó không đơn giản như mọi việc bình thường. Tôi không thể từ chối những yêu cầu của vợ tôi, nhưng tôi biết rằng tôi sẽ mất cô ấy. Tám năm chờ đợi đã quá dài đối với cô ấy; tôi không thể nào ích kỷ! Cô ấy phải có cuộc sống riêng, ngay cả không có tôi trong đó. Cô ấy có thể làm việc ấy một mình, nhưng cô ấy đã hỏi tôi trước, chính điều này khiến tôi lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Tôi vẫn còn yêu vợ tôi quá nhiều, nhưng tôi lại không muốn cô ấy bỏ phí cuộc đời vì tôi. Cô ấy có thể bắt đầu làm lại cuộc đời ở cái tuổi ba mươi hai; nếu không thì sẽ quá trễ! Với ý nghĩ ấy, tôi đã viết thư cho gia đình tôi.

Hai tháng sau, vợ tôi lại lên thăm tôi lần nữa. Cô ấy cảm ơn tôi về quyết định của tôi. Chúng tôi ở lại với nhau đêm ấy, và đó cũng là lần cuối cùng! Cô ấy đã dời trở về nhà với cha mẹ.

Ba tháng sau đó, vợ tôi lại lên thăm tôi. Nhưng lần này thì cô ấy không muốn ở lại và chỉ cho tôi biết cô ấy đang sửa soạn đi ra nước ngoài với người “anh họ” của cô ấy. Theo lời vợ tôi cho biết thì ông anh họ ấy đã di tản sang Mỹ vào năm 1975, và hiện đang có ý định bảo lãnh cô ấy sang đó với anh ta. Tôi hoàn toàn không biết gì về ông “anh họ” này, và tôi nghĩ tôi cũng không cần phải biết. Điều duy nhất tôi biết là lần ấy sẽ là lần cuối cô ấy lên thăm tôi. Cô ấy trông có vẻ xa xôi đối với tôi mặc dù vẫn đang ngồi gần nhau trong nhà thăm gặp. Cô ấy ăn mặc cũng có vẻ sang trọng hơn những lần trước. Và cô ấy nhất định quay về nhà sau giờ thăm gặp mặc dù tôi đã xin được ở lại đêm ấy. Vợ tôi chưa nói tiếng “từ giả” nào cả, nhưng qua thái độ của cô ấy tôi biết đó là lời nói giả từ. Tôi phải chấp nhận bất cứ điều gì xảy ra cho tôi vì *“đất nước mất vào tay Cộng Sản là mất tất cả.”*

Trong lần gặp nhau cuối cùng ấy, vợ tôi đã nhờ tôi ký tên vào giấy cho phép con tôi đi với cô ấy ra nước ngoài. Tôi đợi tờ giấy ấy, nhưng mãi vẫn không thấy. Tôi biết tôi cũng sẽ mất cả con tôi một khi tôi ký vào giấy ấy. Tôi luôn luôn sẵn sàng chấp nhận mọi mất mát, và chỉ cầu mong cho vợ con tôi được một cuộc đời khá hơn. Tôi đã viết rất nhiều bức thư cho vợ tôi nhưng rồi lại xé đi! Tôi không muốn cứ mãi làm một vật cản đường tiến của cô ấy. Cô ấy phải được đền bù cho những mất mát mà cô ấy đã phải chịu suốt tám năm trường!

Tôi phải ở trong trại bao lâu nữa đây? Không ai biết được điều này. Cô ấy đã hoàn toàn đúng khi viết cho tôi trong một bức thư sau đó rằng cô ấy phải *“thực hiện những điều thật tế trước mắt chứ không thể mất thời giờ để chờ đợi một sự viên vọng!”* Đó là một lời “từ giả” mà tôi nhận được từ vợ tôi. Để ghi khắc điều này, tôi quyết định bỏ hút thuốc. Tôi trao lại cho bạn bè tất cả thuốc hút mà tôi có và nói với họ rằng kể từ giờ phút ấy sẽ không bao giờ tôi đặt một điếu thuốc lên môi. Điều ấy quả là một điều không dễ dàng đối với một người nghiện thuốc lá như tôi, nhưng tôi quyết phải làm được việc này để chứng tỏ cho mọi người thấy tôi sẽ làm được cái mà nhiều người vẫn thường cho rằng họ chỉ có thể “bỏ được người yêu chứ không thể bỏ được thuốc lá.” “Cô ấy đã bỏ tôi; tôi sẽ bỏ hút!” Tôi nghĩ đó có lẽ sẽ là chấm dứt cho chuyện tình của mình, nhưng rồi nó vẫn đeo đẳng tôi mãi mãi trong suốt thời gian tôi ở trong trại cải tạo. Nó chỉ mới là lời “từ giả” chứ vẫn chưa phải là lời “vĩnh biệt”!



Chương 44. Đội Mộc.

Vào đầu năm 1984, tôi được chuyển về đội làm mộc của trại Z30D. Các trại viên làm ở đội này thường là những người tình nguyện khi trại có nhu cầu tuyển một số trại viên có tay nghề để bổ sung cho đội. Lần này thì tôi không tình nguyện vì tôi cảm thấy làm nông nghiệp ở trại Z30D cũng không đến nỗi quá nặng nề như ở trại Tân Lập và nhất là chỉ làm rẫy, không có những con đũa mà tôi kinh khiếp nhất. Thêm vào đó, đi làm nông nghiệp còn có cơ hội để thu nhặt được những thức ăn cải thiện nữa! Tuy nhiên chính cái lịch sử làm mộc ở trại Tân Lập đã đưa tôi vào đội mộc của trại Z30D.

Nhà ở của đội nằm cuối khu trại, gần nhà bếp và đó cũng là nhà ở cho các trại viên làm trong đội bếp. Đó là một dãy nhà lá dài và không ngăn riêng thành từng phòng giam. Vách nhà làm bằng lá buông đập vào lớp tre đan và những song cửa sổ làm bằng những thanh tre dọc. Đây quả thật là một kiến trúc rất sơ sài đối với một nhà giam.

Khoảng một trăm năm mươi trại viên thuộc ba đội được nhốt trong căn nhà giam dài khoảng sáu mươi thước ngang sáu thước. Các trại viên thuộc đội bếp ở một đầu nhà, đội mộc ở giữa, và đội xây dựng ở đầu kia. Có hai nhà vệ sinh ở hai đầu nhà. Các trại viên nằm ngủ trên những vật đan bằng tre và đặt lên một khung gỗ hai tầng. Cách bố trí trong nhà giam cũng tương tự như ở trại Tân Lập chỉ có điều mọi thứ vật liệu được làm rất cầu thả. Chúng tôi không có kệ để đồ đạc cho nên phải đặt ngay trên đầu chỗ nằm. Căn phòng tuy thế vẫn còn chỗ trống cho nên chúng tôi cũng không đến nỗi quá chen chúc! Điều tệ hại nhất là nền nhà bằng đất nên trong nhà rất bẩn thỉu. Ba đội ở trong nhà giam này thường làm từ sáng đến tối mới về phòng để ngủ, vì vậy cũng không ai quan tâm nhiều đến vấn đề vệ sinh này!

Khi về đây, tôi gặp lại những người bạn và những sếp cũ của tôi, những người đã ở lại trại Thủ Đức khi tôi bị chuyển ra trại Tân Lập năm 1977. Họ đều làm ở đội bếp. Trong thời gian sống ở đây, tôi chỉ nhớ có một người bị chết vì bệnh, đó là ông Cựu Tổng Trưởng Phát Triển Sắc Tộc của nội các cuối cùng của chính phủ Nam Việt Nam. Một số khác thì đã ở trại Z30D với tôi cho đến đợt thả rộng rãi năm 1988 như Lương, cựu

trưởng ban A10, Trang, cựu trưởng ban A8, và một số khác thì ở lại trại với tôi cho đến chung cuộc như Cang, nguyên Đặc Ủy Trưởng, Nghi, nguyên trưởng toán đặc nhiệm Cảnh Sát Đặc Biệt.

Đội mộc là đội có số trại viên đông nhất toàn trại Z30D, nó được chia ra làm bốn nhóm: nhóm mộc, nhóm xây dựng, nhóm xẻ gỗ, và nhóm rèn.

Nhóm làm mộc và nhóm xây dựng khoảng ba mươi trại viên thường làm việc hỗ trợ nhau trong những công việc như đóng đồ mộc trong nhà, làm cửa nhà, và làm những công việc của xây dựng như gắn cửa, gắn đòn tay và vì nhà, và làm nhà bằng cây gỗ hay tre nứa.

Nhóm xẻ gỗ khoảng mười lăm trại viên có nhiệm vụ xẻ gỗ bằng cưa vòng và cưa mâm, cung cấp gỗ thành phẩm cho mộc và xây dựng.

Nhóm rèn khoảng mười trại viên chuyên làm dao cho đội lâm sản, làm và sửa cuốc cho các đội nông nghiệp.

Nhà lô của đội mộc nằm gần con suối. Đó là bốn căn nhà lá nằm trong một khoảng đất độ một mẫu, rào quanh bởi dây kẽm gai: một lán dành cho nhóm mộc và xây dựng, một dành cho nhóm rèn và xẻ, một dành cho những trại viên ở lại làm vào buổi trưa, và nhà cho các cán bộ. Căn nhà duy nhất có vách là nhà ở cho các cán bộ. Lán xẻ và rèn nằm song song với một con đường đất sét đi từ K1 sang K2 và nằm đối diện với nhà bếp (bếp sau đó dời vào một nơi khác). Căn nhà dành cho cán bộ nằm cạnh cổng chính đi vào khu mộc và gần với lán rèn và xẻ. Nhà dành cho trại viên ở lại làm buổi trưa nằm thẳng góc với nhà dành cho cán bộ, và căn lán mộc và xây dựng nằm cuối khu đất, song song với lán rèn và xẻ. Tất cả các cấu trúc được làm theo hình chữ U với khu đất trống ở giữa dùng để chứa cây gỗ.

Làm công việc xây dựng ở trại Z30D tương đối dễ dàng hơn ở trại Tân Lập vì cây gỗ đã được cắt sẵn theo hình dáng và kích thước với cưa xẻ và cưa mâm. Chúng tôi không phải đẽo và bào tròn. Các lỗ mộng thì hình vuông và dùng đinh để đóng, do đó cũng đơn giản hơn làm mộng đuôi cá.

Đầu tiên thì chúng tôi chỉ có nhiệm vụ làm và sửa chữa các nhà lô của các đội, sửa chữa các nhà của khu trại và khu cơ quan. Khoảng sáu tháng sau, một cán bộ tên là Nhu nắm quyền điều hành đội và mọi việc đều bắt đầu thay đổi. Trại viên phải làm việc nhiều hơn tám giờ mỗi ngày và đôi khi còn phải làm cho tới tối mịt. Tổng số trại viên của đội lên tới con số trên một trăm người. Nhu đốt các căn lán trong khu mộc và cho xây dựng mới, và nhà ở cho trại viên làm ngoài giờ được trang bị lại với những sản ngủ vì chúng tôi không những phải làm trưa mà còn phải ở lại làm đêm. Căn lán xẻ và rèn được xây hai tầng: tầng trên dành cho cán bộ canh gác lán mộc và tầng dưới thì đặt máy cưa và làm phòng cho những người làm mũi cưa. Một căn nhà hình bát giác nằm cạnh cánh cổng được xây dựng cho Nhu mỗi lần đến kiểm tra công việc của đội và sau đó dành cho Giới, trại viên phụ với Nhu trong công tác xây dựng.

Khi công việc của đội quá nhiều, Nhu đã thành lập ba nhóm cưa xẻ gồm một nhóm của các cán bộ để liên tục xẻ gỗ hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Trại viên phải ở lại nhà lô và thay phiên nhau làm việc. Buổi tối, Nhu buộc các trại viên trong các đội khác chuyển mặt cưa đem đổ dầu vào các ruộng mía. Đội kiểm lâm của tỉnh Thuận Hải cũng thường

đến kiểm tra về việc phá rừng, nhưng không thể tìm thấy dấu vết. Đôi lúc họ cũng đã bắt giam các trại viên đi lấy gỗ, nhưng rồi cũng phải thả ra vì họ không thể giữ các trại viên đang ở trong trại cải tạo. Khoảng chừng sáu tháng sau, rừng quanh trại hoàn toàn bị khai phá. Nhu cho các trại viên trồng cây bạch đàn xen lẫn với mía để thể vào. Gỗ quý được xẻ và chuyển đi nơi khác. Nhu càng lúc càng giàu và càng có thể lực.

Công việc xây dựng trong trại cũng được tiến hành để thay thế các căn nhà lá. Đầu tiên thì nhóm xây dựng chỉ phụ các nhà thầu làm nhà trong khu B của trại. Sau đó, chúng tôi phải tự xây nhà lá. Những căn nhà được xây lên rồi phá xuống rồi xây lại nhiều lần. Tôi không biết tại sao, nhưng vài cán bộ cho biết rằng Nhu làm như thế để thu tiền của “nhà nước” về cho “trại”, vì hẳn ta sẽ báo cáo tổng số diện tích xây dựng lên trên để nhận ngân khoản.

Trong thời gian ấy thì Giới, một trại viên trước là thiếu tá dù của VNCH, phụ cho Nhu trong công tác xây dựng và nắm hết mọi quyền hành mặc dù Tứ là đội trưởng của đội mộc. Tôi cảm thấy không an toàn chút nào trong công tác xây dựng vì công việc làm rất cầu thả, do đó tôi đã nói với Tứ chuyển tôi về nhóm xẻ gỗ. Trong nhóm này, tôi phụ đẩy máy cưa và đôi khi đi đo và tính gỗ do đội lâm sản chuyển về khu đất bên cạnh khu mộc. Cây gỗ hầu hết là loại gỗ quý như Cẩm Lai, Trắc, Gỗ Téch, Gỗ Đỏ vùn vùn được đem về quá nhiều đến nỗi đôi khi tôi phải đo cả ngày và tối lại mới có thời giờ để tính toán khối lượng.

Làm việc trong đội mộc, tôi không thể thu hoạch được thêm thức ăn như lúc làm trên các cánh đồng. Nhưng được cái là nhà lô của đội nằm gần bờ suối, do đó tôi làm một số câu cá đặt ở bờ suối và bắt cá góp thêm vào bữa ăn. Đôi khi tôi có thể dùng buổi trưa để đi câu ở suối nữa.

Cho đến năm 1986, khi nhiều nhà đã được xây dựng, Nhu chuyển tôi về làm công việc vẽ tranh để trang trí nội thất, tuy nhiên tôi vẫn thuộc nhân số của đội mộc.

Chương 45. Nhu Và Sự Thay Đổi Của Trại Z30D

Cuộc sống của chúng tôi ở trại Z30D tùy thuộc rất nhiều vào một cá nhân. Tên hẳn ta là Trịnh Văn Nhu. Hẳn ta điều hành trại theo đường lối riêng của hẳn, và là một bóng ma không những đối với trại viên mà cả đối với cán bộ nữa.

Trại trưởng trước của trại là Đoàn Mạch, người đã từng làm trại trưởng của trại Thủ Đức từ những năm 1975. Khi tôi mới chuyển về trại Z30D thì Mạch vẫn còn là trại trưởng và Phúc là trại phó. Trưởng phân trại K1 là Ninh. Nhu lúc ấy chỉ là trung úy phụ trách về hậu cần. Ban Giám thị trại lúc ấy điều hành trại theo một đường lối mà tôi vẫn thấy ở trại Tân Lập với mục đích là giữ cho trại viên trong một kỷ luật và lao động như thường lệ. Chúng tôi làm lao động tám giờ một ngày và chỉ làm công việc lao động hàng ngày trên những cánh đồng bắp nhỏ hay làm việc trong các nhà lô. Khu vực quanh trại vẫn còn hoang vắng; cây cối và bụi rậm còn mọc đầy đặc. Trại lúc ấy còn có vẻ rất tạm thời ngoài các kiến trúc ở khu A.

Nhu bằng với tuổi của tôi, lúc ấy khoảng bốn mươi, nhưng hẳn trông có vẻ già hơn. Hẳn ta lùn, ốm, và có diện mạo trông rất rõ ràng là của một người bần nông miền Bắc mặc dù hẳn đã cố tìm cách che đậy bằng mọi phương tiện! Da ngăm đen, và hàm

răng hô được gắn rất nhiều vàng, điều mà chúng tôi thường nói đùa lên với nhau là “khi hấn ta cười thì cả bầu trời này đều rực rỡ.” Cái kỳ cục nhất của hấn ta là cách ăn mặc khác thường. Khi tôi gặp hấn ta lần đầu ở nhà kho, hấn ta mặc một bộ vét màu xanh lá mạ rất rực rỡ mặc dù trời hôm ấy rất nóng. Tôi cũng thấy nhiều lần khác hấn ta mặc đồ pi-da-ma đi khắp nơi trong trại cũng như trong các hiện trường lao động của trại viên. Khi nói chuyện với các trại viên lớn tuổi, hấn ta cố dùng những từ ngữ thân thiện, nhưng tư cách thì lại tỏ ra rất mất dạy.

Vào năm 1985, tôi nghe nói rằng Nhu được bầu vào chức vụ Bí thư của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản của trại, đó là một chức vụ quan trọng ở cơ quan trại. Trong quốc gia của Cộng Sản, luôn luôn có hai tổ chức trong cùng một đơn vị: tổ chức chính quyền và tổ chức Đảng (Đảng Cộng Sản). Ở cơ quan trại thì có hai đơn vị chính là Ban Giám Thị và Hội Đồng Cán Bộ, và hai tổ chức Đảng của hai đơn vị này là Đảng Bộ và Đoàn Thanh Niên Cộng Sản.

Do nhu cầu xây dựng trại, Nhu bắt đầu nắm lấy quyền điều hành đội mộc. Hấn ta không làm Cán Bộ quản giáo, nhưng vì là Cán Bộ hậu cần và là Bí Thư đoàn Thanh Niên, hấn ta điều hành hết mọi công việc của đội. Cán bộ quản giáo lúc ấy chỉ là bù nhìn! Nhu thay đổi cán bộ quản giáo của đội bất kỳ lúc nào. Hấn ta tái tổ chức đội, đặt hai tổ mộc và xây dựng lại với nhau, và biên chế nhiều trại viên vào đội. Đội mộc trở thành một điểm nóng của toàn trại với tổng số trại viên lên đến trên một trăm người. Hấn ta buộc trại viên làm việc nhiều hơn là tám giờ một ngày, và đôi khi hấn ta lấy đồ vật trong nhà kho của cơ quan để “bồi dưỡng” cho trại viên. Chẳng ai dám phê bình hấn vì hấn ta là cán bộ hậu cần, và hấn cũng thường bảo rằng: “thủ kho to hơn thủ trưởng.”

Nhu nổi lửa đốt nhà lô của đội mộc rồi cho xây dựng mới. Căn nhà dành cho các trại viên làm ngoài giờ được làm vách và đặt sàn nằm vì hấn ta buộc trại viên của đội làm cho đến tối mịt và không được nhập trại vào buổi trưa. Căn lán của máy cưa xẻ thì được xây hai tầng; tầng trên dành cho cán bộ canh gác khu nhà lô ngày lẫn đêm, và tầng dưới thì để máy cưa. Một căn nhà cho cán bộ quản giáo ở gần công và một căn nhà hình bát giác ở cạnh đó dành cho riêng hấn ta mỗi lần đến nhà lô.

Sau khi đội mộc đã được tái tổ chức, Nhu bắt đầu nắm lấy đội xây dựng. Đội này đang phụ với các nhà thầu xây dựng căn nhà ở khu B của trại. Khi đội xây dựng đã được tái tổ chức, Nhu đuổi các nhà thầu và cho đội xây dựng tự làm các nhà trong khu B. Những căn nhà này được làm rất cầu thả so với các nhà khác với tường mười thay vì hai mươi phân, và các sàn nằm thì xây bằng xi măng thay vì lát gạch. Nhu không quan tâm đến chất lượng xây dựng mà chỉ chú ý đến thời gian. Đôi khi hấn ta buộc trại viên phải hoàn tất công việc trong một hai ngày không kể ngày đêm hay phẩm chất tốt xấu. Hấn ta thường xuyên hiện diện ở các điểm nóng. Hấn ta thường cho những trại viên làm việc siêng năng và xử phạt các trại viên tỏ ra lười biếng. Những tường thường này chỉ là một ít thịt, một ít đường, hay đôi khi là một bộ đồng phục tù, nhưng chúng tôi cũng phải ra sức lao động vì không ai muốn bị nhốt kỷ luật.

Trong thời gian này, trại viên nằm đầy trong các phòng giam kỷ luật. Các cán bộ đôi khi phải dời các trại viên ở quá lâu trong ấy về cùm ở phòng giam để dành chỗ cho những trại viên mới vào. Một khi trại viên bị nhốt kỷ luật, họ phải ở trong đó cho đến khi Nhu nhớ và thả ra. Đôi khi cán bộ trực trại còn phải nhắc Nhu về những trại viên bị cùm quá lâu. Nhu thường phạt trại viên một cách rất bất thường. Tôi nghĩ rằng hấn ta

muốn cảnh cáo cho những trại viên khác để họ làm lao động tích cực hơn. Ngoài ra, hắn ta cũng muốn chứng tỏ cho các trại viên biết rằng hắn ta có quyền hành vô giới hạn; hắn ta có thể làm mọi việc mà không cần biết đến giới hạn của luật pháp.

Do nhu cầu xây dựng, đội lâm sản sau đó đã bị Nhu nắm lấy quyền hành. Nhu đốt khu rừng phía bên kia suối nơi đội lâm sản dựng nhà lều. Hắn ta cho xây lại nhà lều của đội lâm sản ở khu vực K3, gần chân núi Mây Tàu. Hắn ta biên chế thêm trại viên vào đội này và cho nhiều cán bộ vào cùng làm với các trại viên đồng thời quản chế trại viên luôn. Đội lâm sản đôi khi phải ở luôn trong rừng cả ngày lẫn đêm. Cây cối được hạ và chuyển về nhà lều đội mọc dẫu ở khu đất trống bên cạnh. Rừng chung quanh trại bị phá quá nhanh cho nên toán kiểm lâm của tỉnh Thuận Hải thường vào để kiểm tra trại. Nhu cho trại viên đem dẫu mật cưa trong các ruộng mía, và che dẫu các cây gỗ bằng lá buông và mía. Hắn ta tổ chức tiệc tùng cho các nhân viên kiểm lâm mỗi khi họ đến kiểm tra trại, và rồi dần dần các toán kiểm lâm này đã bị mua chuộc.

Kể từ khi Nhu nắm lấy đội mộc thì trại Z30D cũng bắt đầu thay đổi. Đầu tiên các khu nhà giam tạm thời của khu B và C bị hạ. Khu D biến thành khu B với bốn căn nhà mới xây thêm. Khu nhà bếp mới được xây dựng ở gần với khu B, và khu bệnh xá ở gần khu A. Khu trại được rào quanh bằng tường gạch và chỉ có một vọng gác nằm thẳng với hội trường giữa hai khu A và B. Khu nhà giam kỷ luật nằm phía sau hội trường. Hai bức tường ngăn cách khu A và B với khu hội trường. Khu đất nằm giữa khu nhà bếp và khu bệnh xá được dùng làm khu vực tập hợp trại viên đi lao động. Sau đó Nhu cho xây dựng một thư viện ở gần bệnh xá, đào và xây hồ nuôi cá vàng, và làm một vườn hoa bên cạnh. Muốn đi vào bệnh xá, mọi người đều phải đi qua một cây cầu bắc ngang hồ nước. Thư viện được làm hai tầng: tầng dưới làm thư viện còn tầng trên thì làm phòng nơi Nhu tiếp khách vào thăm trại. Hai kiốt nằm hai bên đường vào hội trường dùng làm “căn tin” bán đồ đặc cho các trại viên có tiền. Khu hội trường sau đó biến thành cái gọi là “khu vui chơi.”

Không những ở trong trại mà cả khu cơ quan và khu vực chung quanh trại cũng hoàn toàn thay đổi. Trại viên phải đào ao trong khu cơ quan và xây cầu cùng các nhà nổi trên các hồ nước. Khu vực phía trên suối được đào để làm hồ nước thủy điện. Lòng suối thì được cản bằng đá lấy từ núi về. Rất nhiều công viên được thành hình ở hai bên suối. Nhu cho xây lại khu thăm nuôi phía bên kia suối, cất nhiều nhà cho thân nhân ở lại qua đêm để thu tiền và làm một căn tin để bán đồ cho thân nhân. Mọi việc đều được thực hiện bằng lao động nặng nhọc của trại viên.

Sau khi các kiến trúc của trại gần hoàn chỉnh thì Nhu đưa một số trại viên đi xây những căn tin và khách sạn ở lề đường của Quốc Lộ Số Một và đi xây đập thủy điện ở thị xã Tân Xuân, cách trại khoảng sáu mươi cây số. Cùng khi ấy thì đội lâm sản được dời vào khu mới để hạ cây gỗ và phá rừng để trồng mía và bạch đàn. Khoảng sáu tháng sau thì khu vực rừng rậm chung quanh trại khoảng trên mười lăm cây số đều bị tàn phá. Cây bạch đàn được trồng vào để thay thế cho các loại cây gỗ quý đã được trồng hàng trăm năm trước. Nhu càng lúc càng trở nên giàu có và có thế lực!

Sự thay đổi còn xảy ra trong nội bộ nhân sự ở cơ quan nữa. Sau khi trại trưởng Đoàn Mạch nghỉ hưu, “trung ương” cử Ý vào thay, và Nhu lên làm trưởng phân trại K1 mặc dù lúc ấy hắn ta chỉ mới mang lon trung úy. Nhu bắt đầu nắm hết quyền hành ở cơ quan và Ý chỉ là một bù nhìn. Trại phó Phúc thì là một bóng mờ, không ai để ý gì đến hắn ta. Ninh, nguyên trưởng phân trại K1 được chuyển đi nơi khác khi Nhu thay

thể. Mọi việc từ K1 đến K2 đều nằm trong tay Nhu. Sau một thời gian thì cả hai phân trại K1 và K2 được nhập vào nhau và Nhu trở thành trưởng trại mặc dù lúc ấy hắn ta chỉ mới mang quân hàm đại úy. Sau khi nhiều trại viên được thả vào năm 1988, trại Z30C ở cách trại Z30D khoảng ba mươi cây số được sát nhập vào và Nhu biến thành trại trưởng của liên trại, lúc ấy thì hắn ta mang lon thiếu tá. Hắn ta leo lên bốn cấp chỉ trong vòng ba năm. Hắn đặt các “đàn em” vào các chức vụ trưởng phân trại K1 và K2 để dễ dàng hành động theo ý.

Các cán bộ cũng rất sợ Nhu. Các cán bộ quân giáo và vũ trang luôn phải canh chừng để loan báo cho các trại viên biết khi thấy Nhu đi đến từ xa vì nếu có điều gì đó xảy ra thì không những trại viên bị cùm mà các cán bộ cũng có thể bị chuyển đi. Có một lần tôi đi về bức tranh tường ở khu cơ quan; các trại viên thì đang đào ao gần đó, và các cán bộ cũng đang làm lao động ở gần để chặt bỏ các cây xoài. Một cán bộ đang chặt nhánh một cây có đầy kiến vàng. Hắn ta nhảy ra xa để phui kiến đeo đầy cổ. Tôi nghe Nhu la lớn lên: “Mày sắp là Đảng viên mà lại sợ mấy con kiến vàng à?” Tên cán bộ đành phải tiếp tục làm việc, một tay cầm dao chặt nhánh xoài còn một tay thì phui mấy con kiến đang đeo ở cổ. Thật là một cảnh tượng mà tôi chưa hề trông thấy bao giờ! Nhu đối xử với các “đồng chí” của hắn ta còn như vậy thì đối với chúng tôi hắn ta sẽ đối xử ra sao?

Nhu lại là một con người rất mê tín. Hắn ta dùng riêng Văn như một người bói toán và coi địa lý. Trần Hồng Văn, một tên thọt và từng là một ký giả trong chế độ Cộng Sản, bị tù vì tội gì thì tôi không được biết. Hắn ta quả thật là một tên ba hoa! Văn được Nhu cho làm việc ở thư viện và được ở trong một căn phòng riêng ở gần thư viện. Hắn ta bảo với Nhu rằng dòng suối phía sau trại là một con rồng mà cái đầu rồng thì nằm ở gần với tảng đá phía sau khu lảng mộc. Nhu cho xây một căn nhà hình bát giác ngay trên con suối ở đó cho riêng hắn ta, và xây một vườn hoa trông giống hình một ngôi mộ ngay trên bờ suối. Hắn tin rằng đó là mộ của hắn và khi nó được hoàn tất thì hắn ta sẽ đứng vào ngôi mộ ấy coi như hắn ta đã được chôn ở đó để kiếp sau được tốt. Tôi biết được điều này nên mặc dù không tin tôi cũng muốn phá ý đồ của hắn ta bằng cách đem chôn một con cá lòng tong mà tôi câu được trong dòng suối. Tôi khấn rằng nó sẽ biến thành một con kinh ngư sau này thay vì Nhu biến thành vương tướng như ý hắn mong muốn!

Trong “thời đại” của Nhu, các trại viên phải làm việc rất nặng nhọc mà lại bị xử phạt một cách rất vô lý. Vài trại viên đã bị thương tật, bị chết, và vài người bị què khi khai thác vùng đất đầy mìn ở một đồn địa phương quân cũ phía bên kia Quốc Lộ Số Một, để trồng cây bạch đàn. Trại viên phải làm việc cả ngày lẫn đêm không đủ thời giờ nghỉ ngơi. Đội mộc phải làm việc hai mươi bốn giờ trong một ngày với hai nhóm làm việc thay phiên nhau trong ba ca. Những đội khác thì phải làm thêm những việc làm ban đêm như đào ao, đào hồ thủy điện, phụ đội xây dựng. Nhu thưởng những đội đi làm đêm bằng cách chiếu phim chương của Tàu và bắt buộc mọi người phải ở lại xem với hắn ta cho đến khuya rồi lại phải thức dậy sớm sáng hôm sau để đi lao động hàng ngày như thường lệ!

Chương 46. Trại Viên Nữ.

Đầu năm 1985, sau khi trại vừa hoàn tất cơ bản việc xây dựng bên trong khu trại giam thì chúng tôi được lệnh phải dọn lại nhường hai căn nhà để đón các trại viên mới; đó là những trại viên nữ. Họ gồm khoảng hai trăm người và chia làm ba thành phần. Thứ

nhất là các trại viên thuộc dạng “chính trị” gồm nhân viên chế độ cũ và những người bị bắt tham gia các tổ chức chống Cộng sau ngày 30 tháng tư năm 1975. Thứ hai là các người bị bắt vì vượt biên thất bại hay tổ chức vượt biên và những người không có tội trạng rõ ràng nên bị xử án “tập trung cải tạo”. Thứ ba là những tội phạm hình sự mang trọng tội như cướp của, giết người và mang án tù từ mười năm trở lên.

Hôm ấy tôi đang vẽ bức tranh nền trong hội trường thì các trại viên này được chuyển vào đó để khám xét trước khi cho về phòng giam. Trông họ cũng chẳng khác gì các trại viên khác, cũng dơ dáy luộm thuộm; đặc biệt là đồ đạc của họ rất nhiều và công kênh hơn các nam trại viên. Tôi không thể phân biệt được ai cho đến khi nghe có người gọi nhỏ tên mình, và tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra đó là bà thiếu tá Thủy, nguyên trưởng toán “Thiên Nga” thuộc Cảnh Sát nữ trước đây. Có lẽ Thủy là người nữ trại viên duy nhất thuộc “chế độ cũ” bị giữ lại sau gần mười năm cải tạo!

Cũng vào đêm hôm trước đó, trong một trò chơi “bói Kiều” với các bạn trong phòng giam, tôi đã bắt trúng một câu là: *“Ở đây âm khí nặng nề, bóng chiều đã ngã, dặm về còn xa!”* Ở trong trại giam mà lại bắt trúng câu ấy thì quả thật là “bất hạnh!” *“Bóng chiều đã ngã”*; thời gian ở tù đã chín muồi rồi, đã dài đằng đẳng rồi, thế mà *“dặm về còn xa”*; đường về còn quá xa xôi, vẫn còn phải ở tù tiếp! Riêng hai chữ *“âm khí”* thì chúng tôi chỉ đoán là nó ám chỉ đến những oan hồn uổng tử đã chết trong trại vẫn còn vất vưởng đâu đây chứ không hề nghĩ đến những người nữ tù sắp chuyển đến trại!

Trong số các trại viên nữ này tôi muốn nói một ít đến một thành phần được lãnh một cái án rất “kỳ khôi” của Cộng Sản, đó là án “tập trung cải tạo”. Cũng như những nam trại viên, ngoài những thành phần của “chế độ cũ” thì còn có những người không có một tội danh rõ ràng và không thể có bằng chứng xác thực để kết án, VC đã ban cho họ một cái án “tập trung cải tạo” và chỉ được thả ra khỏi trại khi đạt được “tiến bộ”. Có những người được ghép những tội danh rất lạ lùng như “âm mưu lật đổ chính quyền”, như “tình nghi vượt biên”, cũng có những người không có tội danh gì mà chỉ là những gái mãi dâm bị bắt trong những vụ căn quét và rồi bị tù thật lâu với cái án “tập trung cải tạo”. Một thí dụ điển hình là trường hợp của Thoáng, một cô gái bị bắt vào năm mới mười sáu tuổi. Anh rể cô ấy ăn cướp trên tàu hỏa bị bắt và bị kết án mười năm, được thả ra sau bảy năm tù. Người chị bị kết án ba năm vì lưu trữ tang vật. Thoáng thì không có tội danh gì mà chỉ là người ở chung nhà với cô chị nên bị kết án “tập trung cải tạo” và được thả ra năm 1986 sau mười năm tù! Quả là sự “ưu việt” của chế độ Cộng Sản!

Hai dãy nhà 1 và 2 ở khu B, phía bên phải hội trường nhìn từ cổng vào được rào riêng ra dành cho các trại viên nữ. Đầu tiên thì họ cũng được biên chế vào các đội đi làm nông nghiệp như đa số các trại viên ở trong trại. Lúc ấy thì trại đang trồng hai loại nông sản chính là mía để cung cấp cho lò đường và ớt để xuất khẩu.

Sau khoảng hai tháng thì Nhu cho thành lập xưởng may để may đồng phục tù cung cấp cho các trại cải tạo trong cả nước và xử dụng hai đội nữ dệt may. Nhu tách riêng một phần của khu cơ quan nơi từng là nhà ở của các cán bộ độc thân ra để làm xưởng may. Tường bao quanh khu xưởng may được xây sau đó và trại viên lại phải đào ao xây hồ, làm nhà nôi, xây cầu bắc ngang để đi vào xưởng may. Cứ mỗi lần có những công việc như vậy thì toàn thể trại viên trong trại lại phải đi lao động thêm vào ban đêm và làm cả những ngày chúa nhật. Các đội mộc và xây dựng thì làm và sửa sang nhà cửa; các đội khác thì đào ao, lát đá quanh bờ ao, làm các công viên.

Xây dựng đập thủy điện cho trại là một công trình tốn nhiều công sức của trại viên nhất trong thời gian này.

Dòng suối chảy ngang qua khu vực trại rất nhỏ. Mùa mưa thì bề ngang khoảng hai mươi thước, nước chảy rất siết. Mùa nắng thì nó trông giống như một cái mương nhỏ, nhiều chỗ có thể đi ngang qua được vì nước chỉ tới mắt cá chân. Chỉ có một vài chỗ là có thể tắm được nhưng lại giống như một vũng nước bùn vì mọi trại viên đều được dẫn đến đó để tắm sau giờ lao động.

Khi Nhu ra lệnh làm đập thủy điện thì chúng tôi rất lo sợ vì ở trại không có một công cụ nào để đào đất ngoài mấy cây cuốc hay xà-beng và sức lực của trại viên! Thêm vào đó không có một ai hay một chuyên viên nào biết về việc xây đập thủy điện.

Công việc trước tiên mà trại viên phải làm là nới rộng lòng suối từ chiếc cầu trở lên. Hai người một chiếc ky đan bằng tre để di chuyển đất đá đắp vào bờ, dự kiến là sẽ cách bờ suối cũ khoảng một trăm thước. Số trại viên trẻ và tương đối khỏe hơn thì dùng cuốc, xẻng, hay xà-beng để đào đất. “Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm.” Câu “châm ngôn” này của VC đã được áp dụng một cách triệt để. Trại viên còn thêm vào: “Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm, nếu thấy chẳng êm, làm thêm ngày nghỉ!” Thế là tất cả trại viên chúng tôi đều phải thực hiện cho được chỉ tiêu ấy và làm cả ngày lẫn đêm và không có ngày Chúa Nhật hay ngày lễ nào cả!

Đây là lúc mà toàn thể trại viên đều lao động rất vất vả. Người nào cũng thiếu ngủ, thiếu ăn. Chúng tôi có thể ngủ bất cứ lúc nào ở bất kỳ nơi đâu. Một trại viên nào đó đã diễn tả tình trạng ấy trong một bài ca được đổi lời từ một bài hát được nghe gần như hàng ngày trên các đài phát thanh của VC lúc bấy giờ. Bài hát mang tên “*Mùa Xuân trên thành phố Hồ Chí Minh*” đã được đổi thành “*Mùa Xuân trên trại Z30D*”:

“Mùa Xuân này mẹ đi thăm con.

“Mới biết đường lên Ba Mươi Đê (Z30D)

“30D cuốc đất đào ao, cho con tôi thân xác tiêu điều!

“Mờ sương, năm giờ sáng mẹ xuống xe vô thăm,

“Lúc này con ốm nhom, xanh xao gầy còm.

“Còn cần chi con nói me tường.

“Đường đen trong lon guigoz,

“Lon ruốc xào với bao cơm khô.

“Đây bánh chưng hai cái mẹ mua

“Cho con ăn cho đỡ đói lòng.

“Và đây hai ngàn rưởi mẹ chặt chiu cho con,

“Con cầm dẫu đem vô, lo giữ hộ mình.

“Cần thì con cứ lấy ra xài.

“Ngày mai me không lên thăm,

“Có ít tiền con lo thân con.

“Bao nhiêu năm trong chốn khổ sai,

“Mong con tôi được sống qua ngày!

“Mùa Xuân trên rừng lá Hàm Tâm xa xôi

“Là mùa Xuân khổ nhất trên đời!”

Việc đào hồ để làm đập thủy điện là một công việc tốn rất nhiều công sức và thời gian, do đó Nhu lựa một số trại viên trẻ và khỏe mạnh để làm thường xuyên, số còn lại thì phải làm những công việc lao động hàng ngày ở trại và chỉ đào hồ vào ban đêm hay ngày nghỉ. Nhân dịp có số nữ trại viên chuyển về trại, Nhu cho thành lập nhóm đào hồ hỗn hợp nam nữ và Nhu thường gọi đó là toán “mũi nhọn xung kích”. Đây là nhóm lao động hỗn hợp nam nữ đầu tiên ở trại. Cũng từ đó, việc “quan hệ nam nữ” bắt đầu diễn ra một cách phức tạp trong trại.

Trong những đêm lao động trên công trình “đập thủy điện”, Nhu thường cho dựng một chiếc lều ở phía trên khu đất tương đối cao và đặt bàn ghế ngồi nghe nhạc, uống trà. Trại viên lao động bên dưới, Nhu và một số cán bộ ngồi bên trên cao để quan sát trông giống như những phim La Mã diễn lại thời đại vua chúa đang trông coi các nô lệ làm các đền đài lăng tẩm. Cũng từ đó, nhạc vàng bắt đầu được nghe một cách công khai trong trại vì Nhu luôn mở băng cát sét nhạc vàng để nghe trong những buổi làm lao động ban đêm.

Một thay đổi khác kể từ khi có các trại viên nữ chuyển đến là đội văn nghệ. Từ trước thì các vai trò nữ trong những vở diễn là do các trại viên nam giả gái, do đó tuồng tích, nhất là cải lương, rất khó tập vì phải chọn những vở có ít nhân vật nữ. Kể từ khi có đội văn nghệ hỗn hợp thì đội văn nghệ càng trở nên có nhiều sắc thái hơn, nhưng cũng trở thành phức tạp hơn. Có vài nữ trại viên đóng tuồng cải lương rất xuất sắc như Sương, mặc dù không có nhan sắc nhưng lại rất dễ bắt đèn sân khấu và ca diễn cũng rất khá. Vài người khác có khả năng ca hát cả tân và cổ nhạc như Ngọc, Thương, Chuyên vân vân. Nhiều vở cải lương rất khó tập như “Thái Hậu Dương Vân Nga”, “Tám Cám” đã được đội văn nghệ hỗn hợp này trình diễn rất thành công.

Khi thành lập đội văn nghệ hỗn hợp thì ngoài công việc vẽ tranh để trang trí trại, Nhu giao cho tôi thêm nhiệm vụ phụ đội văn nghệ để làm các công việc về y trang, đạo cụ, và phong màn. Thật quả là một việc làm rất phức tạp! Vật liệu trong trại luôn luôn rất hiếm hoi. Để thực hiện các y trang cho các vở tuồng xưa, tôi đã phải dùng các loại quần áo tù và dùng cả mùng mền rồi nhờ đội may may theo sự tưởng tượng của tôi vì cũng không có một tài liệu nào trong trại để nghiên cứu cả. Sau đó dùng bột màu và giấy bạc của các bao thuốc lá để trang trí cho các quần áo ấy. Gươm giáo và các thứ khác thì dùng tre gỗ hay giấy để làm. Khi hóa trang thì tùy theo tình trạng của từng trại

viên mà thực hiện. Thường thì vài trại viên nữ có sẵn các son phấn riêng của họ, họ giữ để dùng riêng khi hóa trang ra sân khấu. Ai không có thì tôi đành phải dùng bột màu ở phòng vẽ để bôi lên mặt! Đây là một việc làm có hại cho làn da, nhưng ai cũng phải chấp nhận vì dù sao thì việc tập để diễn văn nghệ vẫn khỏe hơn là đi lao động. Có lần Nhu đã cho phép tôi đi cùng với một nhóm trại viên đặc biệt về chợ Bến Thành để mua sắm các son phấn cho đội văn nghệ, nhưng không thể nào đủ vì không có ngân khoản nào cho việc này mà chỉ là tiền riêng của các trại viên nữ đưa nhờ tôi mua dùm.

Đội văn nghệ thường chỉ tập trình diễn mỗi năm hai hay ba lần, mỗi lần khoảng hai hay ba tháng, nhất là trong các ngày lễ Tết hay ngày lễ Độc Lập của VC. Thời gian còn lại thì bổ sung nhân lực cho những công việc lao động cần thiết trong trại.

Một vấn đề phức tạp xảy ra sau khi các trại viên nữ chuyển đến trại là vấn đề “quan hệ nam nữ”. Sở dĩ nói rằng đây là một vấn đề phức tạp vì có việc khác xảy ra từ sự quan hệ này. Trước hết, theo nội quy của trại cải tạo thì luôn luôn nghiêm cấm việc quan hệ giữa các trại viên với nhau cho dù đồng phái hay khác phái. Trại trưởng Nhu thì ra lệnh phạt rất nặng việc quan hệ nam nữ này, nhưng hắn ta lại khuyến khích nam nữ làm việc chung với nhau. Hắn ta bảo rằng làm như thế thì kích thích họ hăng say lao động. Mỗi khi lao động đêm trên công trình làm hồ thủy điện, hắn ta bảo hai trại viên khác phái phải kiêng chung một ky đất, nhưng rồi khi không thích thì hắn ta lại bắt họ nhốt vào nhà biệt giam. Một điều nữa là mỗi người có một cái nhìn về việc này, người thì kết án hay chê bai, kẻ thì thờ ơ hoặc không có ý kiến.

Sự quan hệ nam nữ này lúc đầu thường xảy ra một cách bí mật qua những bức thư xếp nhỏ lại giấu một nơi nào đó gọi là “*keo*”, hay những cái nhìn, cái liếc mắt từ xa gọi là “*chích*”. Rất khó đánh giá được đây là một sự liên hệ tình cảm thật sự hay chỉ là sự lợi dụng để tìm cách thỏa mãn những nhu cầu về vật chất hoặc tình cảm! Đa số trại viên nữ, nhất là những người thuộc dạng hình sự thường rất thiếu thốn vì không có sự tiếp tế của gia đình. Họ thường là những người đã bị gia đình từ bỏ hay vô gia cư. Các trại viên nam thì dù ít dù nhiều cũng có gia đình tiếp tế, tuy nhiên lại sống xa gia đình quá lâu nên thường thiếu thốn tình cảm hoặc chưa có vợ hoặc vợ đã sang ngang(!) Hai thành phần như thế rất dễ gặp nhau nhất là trong hoàn cảnh hạn hẹp của trại cải tạo. Sự đổi trao một ít vật chất để lấy một ánh mắt, một nụ cười cho dù có giả dối thì cũng là một điều tự nhiên, có tính chất con người. Nhiều người trong số trại viên cũng đã phê bình gay gắt hay tỏ vẻ chê bai việc quan hệ này, nhưng rồi cũng không thể tránh được sự việc phải xảy ra.

Riêng Nhu thì lợi dụng việc này khi cần thiết và lại xử phạt khi thấy hết cần. Trong lúc ấy thì chính Nhu lại lập một “*cắm phòng*” cho riêng hắn ta. Năm nữ tù được hắn ta chọn riêng ra để ở riêng một gian son mà chỉ có Nhu mới được quyền tới lui, trại viên và cả cán bộ đều không dám bén mảng. Các trại viên đặt tên cho năm người này là “*ngũ long công chúa*”. Đó là: Loan, Mai, Châu, Anh, và Phi (sau khi Phi được thả ra thì Tú vào thế). Bốn người làm trong tiệm may để may và sửa quần áo cho các cán bộ còn Phi thì phụ trách căn-tin. Trong số này thì Loan là người mà Nhu canh chừng chặt chẽ nhất. Mọi người trong trại không ai bảo ai đều biết rằng cô ta chính là “người của Nhu”. Liên lạc với một trong số “*ngũ long công chúa*” là một điều mà các trại viên ít ai dám. Lộc một trại viên trong đội văn nghệ chỉ vì sự liên hệ với Loan mà bị cùm ở nhà biệt giam nhiều lần. Nam, trại viên phụ trách kỹ thuật lò đường và âm thanh cho đội văn nghệ, người được Nhu rất tin cậy đã tự tử bằng thuốc rầy chết vì sự quan hệ với Tú.

Trong thời gian này thì tôi thường đi vẽ các bức tranh tường chung quanh trại và khu cơ quan, cũng như ở những nơi vừa xây dựng xong. Những viên “kẹo” thường xuyên được bỏ vào thùng sơn với những lời lẽ rất buồn cười. Tuy nhiên tôi chỉ cảm thấy tội nghiệp cho họ mà thôi, nhất là khi nghĩ lại hoàn cảnh của chính bản thân mình trong thời gian khổ sở nhất ở trại Tân Lập. Tôi thấy cho dù họ có muốn lợi dụng sự quan hệ để kiếm ăn thì cũng là một điều tự nhiên của bản năng sinh tồn, giống như chính tôi đã phải kiếm cái ăn bằng cách này hay cách khác những khi có dịp.

Riêng có một cô gái mà tôi cảm thấy rất tội nghiệp, đó là Phi, một trong “ngũ long công chúa”. Tôi biết cô ấy có nhiều tình cảm đối với tôi nhưng lại sợ Nhu nên không dám biểu lộ. Cô ta vẫn thường để một ca nước sữa đậu nành phía trước phòng vẽ cho tôi mỗi lần có dịp đi ngang qua. Sau khi được thả ra khỏi trại lại còn viết thư vào cho tôi, tuy nhiên tôi không thể trả lời vì không muốn gieo vào lòng cô ấy một hy vọng. Lúc ấy thì quả thật nỗi đau vì sự chia tay với vợ tôi vẫn còn cho nên tôi chưa thấy có được một tình cảm nào với ai cả!

Một việc khác rất phức tạp xảy ra trong số các trại viên nữ là việc quan hệ “đồng phái!”. Tôi không biết lý do gì mà trong số nam trại viên lại ít khi thấy có hiện tượng này mà nó lại xảy ra rất phổ biến trong số những trại viên nữ. Họ giành giật nhau, ghen tuông nhau, thậm chí đánh đập nhau đổ máu vì những “người tình đồng phái”. Xá, cô gái giữ nhiệm vụ đánh trống trong đội văn nghệ có lẽ là một người được nhiều các nữ trại viên “yêu thương” nhất mặc dù trông diện mạo bên ngoài thì rất là luộm thuộm.

Lần lần về sau thì sự liên lạc nam nữ trong trại càng lúc càng trở nên công khai hơn khi trại cho phép các trại viên được ra “khu vui chơi” vào buổi tối. Đến khi một số trại viên nữ được cho đi làm “diện rộng”, tức làm những việc trong khu vực quanh trại mà không có quản chế, thì có vài trại viên nữ đã có mang và sanh con ngay trong trại. Lúc ấy thì số nam trại viên thuộc “chế độ cũ” đã được thả ra, chỉ còn lại một số ít, và các nam phạm nhân hình sự được đưa vào chiếm đa số trong trại.

Chương 47. Phòng Vẽ Của Tôi.

Không có gì ngạc nhiên bằng có được một phòng vẽ riêng ở trong trại cải tạo. Vậy mà điều ấy đã đến với tôi trong trại Z30D. Năm 1985, khi Nhu, tân trại trưởng, sắp hoàn tất việc tái thiết hội trường trong trại, hắn ta bảo các trại viên trong Ban Thường Trực Thi Đua tìm một họa sĩ để vẽ một bức tranh nền cho hội trường. Hắn ta muốn bức tranh phải được vẽ vĩnh viễn lên tường chứ không vẽ lên màn để mọi người khi vào hội trường có thể nhìn thấy ngay.

Một hôm trong khi tập hợp để chuẩn bị đi lao động thì Thường Trực Thi Đua gọi tôi ở lại trong trại để gặp Nhu. Tôi rất ngạc nhiên và cũng hơi lo sợ vì tất cả các trại viên đều biết rằng gặp Nhu thường có nghĩa là sắp có tai vạ. Làm việc trong đội mộc, tôi đã cố gắng tránh né hắn ta bằng cách nói với Tứ, đội trưởng, đổi tôi qua nhóm cưa xẻ thay vì làm trong nhóm xây dựng. Vào thời gian ấy, trại đang bắt đầu cho tái thiết. Nhu có mặt hầu như thường trực với nhóm xây dựng, và hắn ta cũng đã đưa rất nhiều trại viên vào các phòng kỷ luật vì hắn ta cho rằng những trại viên ấy “có vẻ” lười biếng.

Tôi đợi Nhu ở hội trường cho đến trưa. Nhóm xây dựng của đội mộc cũng đang làm trong ấy. Nhu vào và chỉ cho tôi tám pa-nen bằng tôn ở cuối hội trường rồi hỏi tôi:

-“Mày liệu có vẽ được một tấm hình lớn ở đó không?”

-“Có thể được, nhưng tôi chưa biết “*ban*” muốn vẽ gì.” Tôi trả lời hắn ta với một tiếng thờ dài nhẹ nhõm.

-“Chỉ vẽ phong cảnh mà thôi!” Hắn ta nói xong rồi hát nho nhỏ một câu trong bài ca cũ: “*Đường quanh co quẹo góc thông già!*” -“Tao muốn mọi người vào hội trường nhìn vào bức tranh của mày sẽ có cảm tưởng rằng hội trường trải ra xa xa.” Hắn ta nói thêm.

-“Tôi sẽ cố gắng với khả năng có được của tôi, tôi chỉ xin “*ban*” cấp cho tôi sơn và cọ vẽ.”

Tôi đi theo hắn ta ra kho của cơ quan để lãnh sơn và cọ rồi bắt đầu vẽ bức tranh.

Đó là bức tranh phong cảnh đầu tiên tôi vẽ trong trại cải tạo. Như tôi đã nói, làm việc vẽ trong trại cải tạo rất nguy hiểm vì mỗi một cán bộ có cách đánh giá khác nhau, và mọi lời phê bình của họ đều không có một ích lợi nào cho người vẽ tranh. Nhiều trại viên đã bị nhốt kỷ luật vì việc này. Nhưng trong hoàn cảnh như thế thì tôi không có điều chọn lựa nào khác hơn là làm những điều mà Nhu bảo tôi làm nếu không muốn bị vào phòng kỷ luật! Để ngăn ngừa, tôi đã vẽ phác mẫu bức tranh và đưa cho Nhu xem trước.

Tôi đã vẽ phong cảnh hồ Xuân Hương ở Đà Lạt, cao nguyên miền trung Việt Nam làm bối cảnh và vài cây thông để làm tiền cảnh; một con đường mòn chạy vòng từ xa và đổ vào cái bực ở cuối hội trường. Đi vào từ cửa hội trường, người ta có cảm giác đường như đi vào một rừng thông để đến cái hồ ở xa xa. Tôi hoàn tất bức tranh trong bốn tuần lễ. Nhu rất bằng lòng và đưa cho tôi một ít tiền để “bồi dưỡng”. Lần đầu tiên trong trại cải tạo tôi đã nhận tiền từ một cán bộ. Tôi chẳng màng nhiều đến số tiền ấy ngoài việc biết rằng kể từ đó tôi có thể tránh được công việc lao động nặng nhọc, thay vào đó là chỉ có việc vẽ tranh mà thôi. Tôi tự nhủ là chỉ nên vẽ tranh phong cảnh vì ít nhất thì chúng có vẻ chung chung, và không ai có thể phê bình gì ngoài việc nó đẹp hay xấu.

Sau đó thì Nhu bảo đội xây dựng xây ba tấm tường ở ngoài trời quanh khu vực tập họp trại viên trong sân trại. Tôi vẽ ba tấm tranh tượng trưng cho ba miền của Việt Nam: Bắc, Trung, và Nam. Tôi vẽ phong cảnh chùa một cột ở Hà Nội trên bức tường ở gần cổng vào khu B, tháp chuông Thiên Mụ trên bức tường xây gần bệnh xá, và quang cảnh chợ Bến Thành ở bức tường vào cổng khu A. Mỗi bức tranh ấy cao khoảng hai thước rưỡi, dài khoảng ba thước, và tôi đã phải bỏ ra hàng tháng trường để hoàn tất ba bức tranh ấy. Sau đó tôi lại phải vẽ lại nhiều lần vì các bức tranh ấy nằm ngoài trời mà lại vẽ bằng loại sơn để sơn trong nhà nên rất dễ bị phai dưới mưa nắng.

Tôi được chuyển sang làm công việc vẽ và trang trí, nhưng cũng vẫn thuộc đội mộc. Hàng ngày, tôi xuất trại cùng với đội ra tới nhà lô rồi xách sơn và cọ vẽ đi vẽ, hầu hết là tranh tường nơi nào mà Nhu bảo tôi vẽ. Tôi chỉ làm theo lệnh của hắn ta mà thôi. Để được dễ dàng hơn trong công việc, một hôm tôi nói với Nhu rằng có nhiều cán bộ phê bình tranh tôi với nhiều ý kiến khác nhau khiến tôi cũng không biết phải làm sao cho đúng. Tôi không biết hắn ta làm gì, nhưng kể từ sau khi ấy chẳng có cán bộ nào đến phê bình tranh của tôi nữa. Tôi thậm chí biết Nhu đang cần tôi, nhưng tôi vẫn cố giữ một giới hạn để hắn không có lý do để kỷ luật mình.

Ở trong trại lúc ấy thì mọi trại viên đều phải làm lao động cho dù mưa nắng. Có một lần Nhu buộc tôi phải vẽ lúc trời đang mưa lâm râm, tôi pha loãng sơn ra trong dầu hôi rồi vẽ lên tường. Những giọt nước mưa làm sơn chảy nhoe nhoet khắp bức tường. Sau đó thì tôi lại phải cạo hết bức tường rồi vẽ lại từ đầu. Kể từ hôm ấy, tôi có lý do để nghỉ lúc trời đang mưa.

Đầu năm 1986, trong khi tôi đang vẽ trong căn-tin thì Nhu bảo tôi tìm thêm một họa sĩ nữa để vẽ chung với tôi. Tôi giới thiệu Điệp, một trại viên vừa chuyển về từ trại Z30C. Điệp cũng là bạn của tôi lúc làm việc ở cơ quan, và anh ta cũng từng có một phòng tranh riêng ở Sài Gòn trong những năm 1970. Điệp không quen vẽ phong cảnh. Khi anh ta mới về trại Z30D thì vài người quen đến nói với tôi tìm cách giới thiệu anh ta ra làm ở phòng vẽ để Điệp không lên làm trong Ban Thi Đua vì ở những trại miền Bắc anh ta đã bị mang nhiều tai tiếng rồi. Tôi chẳng biết gì về Điệp ở các trại khác, nhưng tốt nhất là giới thiệu anh ta để có người quen biết làm việc chung vì lúc đó cũng rất nhiều công việc mà Nhu giao cho.

Với hai người, Nhu giao cho chúng tôi một cái phòng nằm trong căn nhà, nơi từng là phòng cho cán bộ quân giáo của đội mộc, để làm phòng vẽ.

Phòng vẽ của chúng tôi là một cái nhà mái lá dài khoảng sáu thước ngang bốn thước với nền xi măng và tường bằng ván gỗ. Nó nằm dọc theo con đường phía trước của nhà lô đội mộc. Cửa trước phòng vẽ mở ra đường và cửa hông thì nhìn ra miếng đất trống nối liền xưởng mộc với căn-tin kế bên đập thủy điện. Ngồi từ cửa trước của phòng, tôi có thể trông thấy mọi người đi đến nhà lô đội mộc từ mọi phía; đó là địa điểm quan sát lý tưởng để canh chừng Nhu mỗi lần hấn ta đến quan sát công việc của đội mộc.

Trong phòng vẽ, tôi ngăn riêng ra một góc nhỏ theo bề ngang của phòng và rộng khoảng một thước để làm kho chứa sơn và cũng chứa cả những thứ thuộc “tài sản riêng” của tôi. Chúng tôi bắt đầu vẽ tranh trên khung vải, hầu hết là tranh phong cảnh. Khung thì chúng tôi hoặc là tự làm lấy hoặc nhờ đội mộc, vải là loại vải để may quần áo cho trại viên. Các bức tranh này không thể giữ lâu được, nhất là những bức tranh có kích thước lớn, nhưng chẳng ai cần vì dù sao thì cũng là “nước sông, công tù!”

Cũng trong thời gian này thì Linh, anh rể của vợ tôi, được chuyển về trại Z30D và làm “anh nuôi” trong đội của anh ta. Hàng ngày, anh ấy đi gánh nước ở bờ suối gần chỗ phòng vẽ để về nấu nước uống cho đội anh ấy, và anh ta cũng mang thức ăn cho chúng tôi. Điệp và tôi thì đưa những thứ mà chúng tôi có như cá tươi được ở dưới suối hay những thức ăn mà chúng tôi được “bồi dưỡng” từ đội mộc vì đội ấy đang làm cả ngày lẫn đêm để hoàn thành những công trình xây dựng cho trại.

Vào những buổi trưa, tôi thường bỏ đi câu cá ở bờ suối giao cho Điệp ở lại giữ phòng vẽ. Điệp là “ông từ giữ chùa”! Gia đình anh ta thường xuyên đến thăm hoặc gửi quà tiếp tế nên anh ta cũng không cần thiết phải kiếm ăn như tôi. Thời gian này có thể nói là thời gian mà tôi được thoải mái nhất trong cuộc đời cải tạo. Bên cạnh không phải làm việc nặng nhọc, tôi còn có cơ hội để đi câu cá kiếm ăn thêm, có thể nuôi mấy con vịt xiêm và nuôi cả con mèo nữa.

Nhu không cho phép bất cứ cán bộ nào được đến phòng vẽ ngoài hấn ta ra, do đó chúng tôi chỉ cần để ý đến hấn ta mà thôi. Kể từ lúc hấn ta bảo rằng các tấm tranh của chúng tôi vẽ chính là ý kiến của hấn thì tôi không còn nghe một lời phê bình bất lợi nào nữa

cả! Một vài cán bộ chỉ lên đến phòng vẽ của chúng tôi là để nhờ chúng tôi làm những việc riêng tư như đóng dùm mấy quyển sổ, vẽ vài bông hoa trong sổ, hoặc giúp các đồ đạc trang trí đám cưới. Điệp thường làm những việc ấy. Tôi thì dùng hầu hết thời giờ rảnh ở dưới suối để câu cá, cá nhỏ hay cá lớn đều bắt hết! Tôi phải tự làm lưới câu, và lần lần trở thành một chuyên viên! Da tôi trở nên sạm hơn, nhưng tôi lại cảm thấy khỏe hơn. Kể từ khi dòng suối trở thành cái đập thủy điện, cá càng lúc càng hiếm hoi dần. Đôi khi tôi phải đi xuống phía dưới để câu cá, nhưng tôi vẫn có thể tìm đủ thức ăn. Điều ấy có thể tiết kiệm được cho gia đình tôi vì tôi chỉ cần thêm một ít gia vị, nước mắm, và vài thứ cần thiết cho đời sống mà thôi.

Hàng ba hay bốn tháng thì mẹ tôi thường lên thăm tôi một lần. Đôi khi thì con tôi cũng đi theo; thường là vào dịp nghỉ hè hay Tết. Khi đến sớm nó có thể lên vào phòng vẽ để gặp tôi trước khi tôi đi ra nhà thăm gặp. Tôi cũng không biết nhiều về tin tức của vợ tôi kể từ khi cô ấy nói tiếng “từ già”. Con tôi cũng không đề cập nhiều đến mẹ. Ngoài ra thì tôi cũng không muốn biết nhiều về cuộc sống mới của cô ấy. Có một lần tôi đi ra nhà thăm gặp để gặp chị vợ tôi khi chị ấy lên thăm chồng là Linh, nhưng chị ấy không muốn gặp tôi và bảo Linh vào nói với tôi rằng tốt hơn thì tôi không nên ra gặp. Tôi cũng tránh luôn từ đó. Tôi biết họ không muốn tôi làm phiền đến cuộc sống mới của vợ tôi nữa. Tôi không rõ cô ấy có làm giấy ly dị hay chưa vì tôi cũng không hỏi. Tôi nghĩ rằng tôi vẫn còn yêu vợ tôi, nhưng tôi lại thấy nhẹ nhàng hơn vì tôi không còn là một vật cản đường cho cuộc đời của cô ấy nữa! Trong những bức tranh của tôi đôi khi tôi thêm vào bóng hình một người con gái đi từ xa: một chút buồn, nhưng lại là một sự trống vắng bình yên. Nhiều người hỏi tôi về sự tĩnh lặng của những bức tranh mà tôi vẽ; tôi thường bảo với họ rằng đó chỉ là biểu hiện nỗi buồn trong nội tâm tôi khi tôi đang ở trong hoàn cảnh này.

Trong thời gian này thì Điệp và tôi vẽ rất nhiều tranh, ít nhất cũng đến con số năm trăm tám lớn nhỏ, quả thật là một số lượng khổng lồ! Chúng tôi thường rất phân vân mỗi lần bắt đầu vẽ một tấm tranh mới. Đôi khi chúng tôi phải dời cái cây, đổi bối cảnh, đổi chiều dòng sông hay dòng suối, thay đổi màu sắc vân vân từ một tấm tranh đã vẽ để biến thành một tấm tranh mới. Dần dần chúng tôi làm quen với sự tạo hình của tranh phong cảnh! Chúng tôi có thể vẽ được năm đến mười bức tranh từ một tấm hình mẫu. Những bức tranh của chúng tôi được treo khắp nơi: trong trại, trong cơ quan, trong nhà thăm gặp, trong căn-tin. Đôi lúc Nhu lại dùng chúng như một món quà để tặng khách đến thăm trại. Điều đáng buồn là những tranh này được vẽ bằng sơn để sơn trong nhà và lại vẽ lên loại vải thô rất xấu nên chúng không thể giữ được lâu mà không bị nứt nẻ, phai màu, hay đôi khi bị rách!

Điệp được thả ra vào tháng giêng năm 1988. Phòng vẽ vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Lập, một phạm nhân hình sự với cái án chung thân ra làm với tôi năm 1990. Đến khi ấy thì phòng vẽ được dời vào trong trại, chiếm một phòng nhỏ ở đầu nhà số 1 khu A, gần với văn phòng của “thường trực thi đua”. Họ sợ Lập sẽ trốn trại nếu được làm ở phòng vẽ bên ngoài. Tôi không thích làm bên trong trại vì không còn được đi câu cá, nhưng lại không được một sự chọn lựa nào khác. Lập không biết vẽ tranh, do đó hắn ta chỉ làm công việc trang trí cho ban thi đua. Thời gian này tôi cũng không có nhiều việc để làm vì mọi thứ đều phụ thuộc vào đội mộc. Tôi phải đợi họ đóng khung, đợi sơn, đôi lúc phải đợi lệnh của Nhu vì hắn ta không thường xuyên vào phòng vẽ ở trong trại. Có những ngày tôi không làm gì cả. Tôi chỉ cho Lập làm những công việc xong rồi nằm lắt lư trên chiếc võng treo trong phòng vẽ hoặc đi đấu láo với các bạn, hoặc lên hội trường phụ trang trí cho đội văn nghệ. Quả thật là những ngày buồn tẻ!

Vào tháng Chín năm 1990, tôi bị chuyển qua đội lâm sản sau khi bị nhốt vào nhà kỷ luật. Phòng vẽ cũng đóng cửa từ đó. Căn phòng biến thành phòng “văn hóa” cho ban thi đua. “Vắt chanh bỏ vỏ” là cách mà Nhu đối xử với các trại viên khi hết cần thiết. Tôi thừa biết điều này, nhưng quan niệm sống của tôi trong trại cải tạo là “*tránh né lao động*” được lúc nào hay lúc ấy. Ít ra thì tôi cũng đã được gần năm năm không phải lao động nặng nhọc!



Chương 48. Đợt Thả Năm 1988.

Ở trong trại cải tạo thì quả thật không có gì buồn cho bằng mỗi lần thấy bạn bè được thả ra mà chính mình thì vẫn còn tiếp tục ở lại. Niềm vui nhìn thấy bạn được ra về không thể nào bù đắp cho được nỗi buồn cho thân phận mình không biết ngày mai sẽ ra sao.

Gần mười ba năm tù đã trôi qua với không biết bao nhiêu lần ngồi trong hàng để nghe đọc tên những người được ra khỏi trại. Bao nhiêu lần hồi hộp chỉ mong có tên mình trong danh sách ấy, rồi cũng bao nhiêu lần thất vọng lủi thủi đi theo đội xuất trại lao động trong khi những người được ra về thì vui cười trở vào phòng dọn dẹp đồ đạc trước khi rời trại! Mười ba năm qua từ Nam ra Bắc rồi lại từ Bắc vào Nam, tôi không thể nào nhớ nổi đã có bao nhiêu lần như vậy đã xảy ra. Có lần dăm mười người, cũng có lần vài chục người. Lúc đầu còn thấy chán nản, xôn xao, còn có những đêm nằm suy tư mất ngủ, nhưng dần dần chỉ còn thấy một chút gì đó xao xuyến rồi đầu lại vào đây! Cuộc sống hàng ngày trong trại vẫn phải tiếp tục, phải cố gắng phấn đấu để sinh tồn.

Có người bảo rằng khi ở tù quá lâu thì con người bị chai lỳ đi, nhưng tôi lại nghĩ đó không phải là sự chai lỳ mà là sự chấp nhận, chấp nhận những cái gì xảy đến ngoài tầm tay mình, cho dù điều đó tốt hay xấu. Ở tù không thể là một sự chai lỳ, không phải là một thói quen, mà là một sự chấp nhận hoàn cảnh.

Khi trở về miền Nam, được gặp gia đình thường xuyên hơn, được nghe gia đình kể về cuộc sống của những người bạn đã được thả ra. Có người kết luận rằng họ được ra khỏi cái nhà tù nhỏ là trại cải tạo để sống trong một nhà tù lớn hơn, đó là xã hội của những người Cộng Sản. Thậm chí còn có người cho rằng ra ngoài “xã hội” họ thấy còn “mệt”

hơn là ở trong “trại cải tạo”! Nói thì nói thế thôi chứ có mấy ai không thấy vui mừng khi được nghe tên mình rời khỏi trại cải tạo, và có ai lại muốn đánh đổi cuộc sống ở bên ngoài để vào trở lại trại cải tạo?

Từ năm 1985, trại Z30D cũng có những chuyển biến khác lạ. Từ khi Nhu bắt đầu nắm quyền hành thì chúng tôi thấy nhiều dấu hiệu khác thường! Ngoài việc phải lao động vất vả hơn thì có nhiều điều trước kia rất cấm kỵ mà lúc này lại trở nên rất thông thường. Hát “nhạc vàng” trước đó có thể coi như một là một trọng tội. Khi chúng tôi muốn nghe anh Nghiêm Phú Phát hát cho nghe mấy bản “nhạc hải ngoại” như bản “Một chút quà cho quê hương” của Việt Dzũng hoặc bản “Sài Gòn vĩnh biệt” của Nam Lộc thì chúng tôi phải cất người canh chừng hai đầu nhà và lại còn phải lựa chọn “thính giả” nữa. Những người hát nhạc vàng mà bị báo cáo hay bắt gặp là vào ngay nhà kỷ luật. Thế mà khi Nhu lên nắm quyền, vào những đêm lao động đào hồ thủy điện, những băng cát sét nhạc vàng và nhạc hải ngoại lại được hát một cách công khai cho mọi người nghe để lấy “khí thế” lao động! Những bộ phim chương Trung Hoa lại biến thành những buổi chiếu bóng “bồi dưỡng” cho trại viên đi lao động đêm. Tiếp theo đó thì đội văn nghệ được phép chọn một số những bản nhạc vàng để trình diễn kèm với nhạc “cách mạng”.

Các gia đình lên thăm nuôi cũng cho biết rằng những hiện tượng này cũng là những điều đang xảy ra ở ngoài xã hội. Những bản nhạc gọi là “nhạc cách mạng” và những phim có tính cách tuyên truyền không còn được dân chúng ủng hộ nữa. Ngay cả những người làm cho VC cũng không muốn thưởng thức chúng nữa mà mọi người bây giờ lại bắt đầu trở lại với “nhạc vàng” và “phim chương”.

Thêm vào đó thì nền kinh tế của đất nước hiện đi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Sau khi chính sách “ngăn sông cấm chợ” của nhà nước VC bị thất bại, họ bắt đầu cho nới rộng việc giao thương buôn bán, tuy nhiên vẫn không thể cứu vãn nổi một nền kinh tế vốn đã suy tàn của đất nước. Cuộc chiến tranh với Trung Quốc ở các tỉnh ở biên giới phía bắc Việt Nam đã biến Việt Nam và Trung Quốc trở thành hai “kẻ thù trước mắt”. Trung Quốc không còn là một hậu thuẫn vững mạnh của Việt Nam nữa. Liên Xô và các nước Đông Âu bắt đầu giai đoạn đổi mới để mong hồi phục phần nào nền kinh tế đang què quặt của các nước ấy, do đó họ cũng không còn có thể giúp cho Việt Nam được. Trong nước thì chính sách hợp tác xã nông nghiệp hoàn toàn thất bại. Nông dân rời bỏ ruộng vườn lên thành phố để kiếm ăn. Các vùng “kinh tế mới” không thể phát triển được và những người đi “kinh tế mới” lục tục kéo về lại thành phố tạo nên một thành phố ăn không ngồi rồi. Nền kinh tế của Việt Nam dựa vào nông nghiệp mà ruộng đất thì lại bỏ hoang, thành phố thì phi sản xuất.

Cùng lúc ấy thì chính sách cấm vận của Mỹ đối với Việt Nam càng làm cho nền kinh tế tồi tệ hơn. Việt Nam giờ đây chỉ còn dựa vào số hàng hóa và ngoại tệ cung cấp bởi những người di tản gởi về cho thân nhân trong nước. Xã hội lúc ấy thì ngoài hai giai cấp thống trị (những người Cộng Sản cao cấp) và giai cấp bị trị, thì bắt đầu sản sinh một giai cấp mới, đó là những người có thân nhân nước ngoài gởi về để “viện trợ”. Kinh tế đất nước trở thành một nền kinh tế “ăn bám”.

Ngoài ra thì thân nhân trại viên cũng cho biết rằng Mỹ đang có những đợt đàm phán với VC về vấn đề “tù binh chiến tranh” (P.O.W.) và “những người Mỹ mất tích” ở Việt Nam (M.I.A.). Cú “cà rốt” của “Chú Sam” là việc bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam. Trong những cuộc hội đàm này, họ cũng có đề cập đến những người tù “cải tạo”

của Việt Nam Cộng Hòa. Một lần nữa, chúng tôi lại có một chút hy vọng; hy vọng ở những người “đồng minh” đã bỏ rơi mình suốt mười mấy năm trong lao tù Cộng Sản.

Quả thật thì chúng tôi không còn gì để mong đợi. Mười mấy năm qua chúng tôi không còn một tổ chức nào để làm chỗ dựa, không còn một chính quyền nào để mà trông chờ. Có một chút hy vọng cho dù mong manh vẫn còn hơn không có gì cả. Tôi vẫn luôn nhớ lời của anh bạn Muông, người tù thời “Nhân văn giai phẩm” ở miền Bắc Việt Nam rằng “ở tù Cộng Sản mà không có án tức là không bao giờ có ngày về ngoại trừ có một phép lạ”, và chúng tôi đang trông chờ cái phép lạ ấy. Vẫn biết rằng người Mỹ chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ hơn là số phận của chúng tôi, nhưng ít ra đó cũng là một chút bám víu để mong một “phép lạ” xảy đến. Có còn hơn không!

Những ngày tháng vẽ tranh với Điệp, bạn tôi, trong phòng vẽ cũng là những ngày tháng mà tôi cảm thấy bơ vơ và lạc lõng nhất. Mặc dù lúc ấy quả thật tôi rất nhàn hạ, nhưng cứ mỗi lần anh bạn mình được vợ con vào thăm rồi lại được ở lại qua đêm thì tôi lại thấy hụt hẫng làm sao! Tôi vẫn thường tự nhủ rằng “đất nước mất vào tay Cộng Sản là mất tất cả”, cũng như tôi vẫn tự an ủi rằng tôi không còn là “vật cản đường tiền” của vợ tôi nữa. Nhưng cứ mỗi khi nhìn cảnh đêm ấm của người rồi nhìn lại mình tôi vẫn cảm thấy có một điều gì đó đau lòng và chán nản. Nhiều khi tôi tự hỏi tại sao trong cùng một hoàn cảnh mà người thế này kẻ lại thế kia? Tôi không ganh tị với hạnh phúc của người khác mà chỉ cảm thấy buồn cho thân phận của mình mà thôi. Dù thế nào thì cũng phải chấp nhận hoàn cảnh. Chấp nhận rồi lại đổ cho “phần số”, đó là phương cách dễ dàng nhất để tự an ủi mình.

Đầu năm 1988, những tin tức về một đợt phóng thích rộng rãi càng lúc càng dồn dập. Trại Z30D lúc ấy là trại cải tạo duy nhất ở miền Nam còn giam giữ các trại viên thuộc “chế độ cũ”. Tất cả các trại viên thuộc dạng này ở trại Z30C đều đã được chuyển sang trại Z30D, và trại Z30C chỉ còn giam giữ phạm nhân hình sự. Con số trại viên thuộc dạng “chế độ cũ” trong hai phân trại K1 và K2 của trại Z30D lúc ấy lên đến con số trên một ngàn người. Tôi nghĩ chắc phải có một biến chuyển nào đó thì VC mới chịu thả chúng tôi ra để mà “đóng cửa trại” như chúng tôi vẫn thường nói.

Những ngày cận Tết có một phái đoàn Bộ Nội Vụ của VC vào trại và gọi nhiều trại viên lên để “làm việc”. Qua thời gian ở các trại cải tạo, chúng tôi đã biết rằng đó là giai đoạn gập gờ sau cùng ở trong trại để “họ” có dịp dụ dỗ, hăm dọa ngỗ hầu những người ra về sẽ cộng tác với họ sau này.

Tối ngày 18 (?) tháng giêng năm 1988, Điệp và tôi còn phải ở lại trễ trong phòng vẽ vì Nhu đang ở đó để xem chúng tôi làm việc. Đột nhiên, hắn hỏi tôi: “Không biết trước kia *mày* làm gì mà các ông ấy nhất định không chịu thả *mày* mặc dù *tao* đã đề nghị nhiều lần?” “*Mày tao*” là cách nói chuyện của Nhu với các trại viên. Tôi ngạc nhiên và cũng có hơi ngỡ ngàng trả lời hắn: “Tôi làm gì thì chắc là *ban* cũng đã biết vì tất cả đều nằm trong hồ sơ! Tôi nghĩ chắc là *ban* chưa đề nghị đúng mức mà thôi!”

Hắn không nói gì thêm mà cũng không đề cập gì đến Điệp dù lúc ấy thì Điệp cũng đứng gần đó. Tuy nhiên lời nói của hắn đã đủ cho tôi biết rằng lần này cũng sẽ không có tên của tôi trong danh sách ra trại. Đó là lần đầu tiên trong trại cải tạo tôi biết trước số phận của mình, và cũng là lần đầu tiên mà tôi cảm thấy buồn vì mình sẽ không được ra về cùng với bạn bè.

Đêm ấy trong phòng giam, tôi không ngủ được ngồi đàn hết bản nhạc này đến bản nhạc khác, tất cả mọi bản nhạc cổ điển mà tôi đã học được trong thời gian ở trại Z30D. Những bản nhạc Việt Nam soạn riêng cho Tây Ban Cầm cũng như những bản nhạc Tristesse của Chopin, Serenade của Schubert, hợp khúc cung đô trưởng của Paganini vân vân đã được tôi đàn đi đàn lại nhiều lần. Tôi không biết hôm ấy tiếng đàn của tôi có buồn bã lắm hay không, hoặc là mọi người đều đang hồi hộp mong chờ ngày mai, nhiều người trong phòng giam cũng đang nằm thao thức. Thình thoảng tôi nghe đâu đó có tiếng thở dài.

Buổi sáng hôm sau, sân tập hợp lao động có không khí khác lạ, các cán bộ hiện diện đông hơn mọi khi. Sau khi các đội nữ xuất trại, một số cán bộ mang cặp giấy vào và bắt đầu gọi tên những người được “*thả ra khỏi trại*.”

Mặc dù biết trước sẽ không có tên mình, nhưng khi nghe họ đọc tên từng người một, tôi vẫn cảm thấy hồi hộp. Danh sách thả quá dài! Hầu như mọi người đều được đọc tên. Tôi bàng hoàng cả người, chẳng lẽ họ thả nhiều như thế mà cũng vẫn không có tên mình? Điệp ngồi cạnh tôi được đọc tên lúc nào tôi cũng không hay, và anh ta cũng không có dấu hiệu gì khiến tôi nhận ra. Bạn bè ai được về ai ở lại tôi cũng không biết. Tôi chỉ cố nghe xem có tên mình hay không; tôi chỉ mong Nhu đã nhớ lầm! Đến lúc chấm dứt cũng vẫn không nghe tên mình, tôi thần thờ đứng dậy đi vào buồng. Lúc đó mới biết mọi người hầu như được thả ra, số không có tên quá ít ỏi so với số ra khỏi trại.

Những người được ra về gọi nhau ới ới, chuẩn bị đồ đạc để chia chác cho những người ở lại, hoặc cho các trại viên có án mà họ quen biết trong trại, hay gởi qua ban thi đua để cho các trại viên nữ. Tôi ngồi nhìn mọi người ra về mà không có một phản ứng nào hết. Điệp và các bạn đến giao đồ đạc lại cho tôi mà tôi cũng không hay biết gì.

Cuối cùng thì tất cả đã ra văn phòng cơ quan để làm thủ tục ra khỏi trại. Số còn lại chưa tới hai mươi người. Chúng tôi giật mình nhìn nhau. Tại sao lại thế này, tại sao họ có thể thả gần hết mọi người mà chỉ giữ lại một số ít ỏi như thế này? Họ đang làm gì đây?

Chúng tôi, số còn lại được dồn vào buồng số 1 của khu A để trông các buồng khác cho Thường Trực Thi Đua điều động các trại viên quét dọn để đón các tù mới. Chiều hôm ấy thì lệnh từ trại trưởng Nhu đưa chúng tôi ra các nhà lô để ở. Các người thuộc đội mộc như Hùng, Diễm, và tôi thì ra nhà lô đội mộc. Các người làm ở bếp như Cang, Nghi thì qua nhà bếp. Các người ở phân trại K2 thì ở lại bên ấy để chăn bò và gà vì sau đó phân trại K2 được bỏ trống và biến thành trại chăn nuôi bò và gà vịt của trại Z30D.

Đêm đầu tiên ngủ ngoài trại, tôi nằm một mình trong phòng vẽ thao thức nghe tiếng ếch nhái và côn trùng rên rỉ mà suy nghĩ về số phận của mình. Giờ này chắc là Điệp đã về đến nhà, và chắc gia đình tôi cũng đã biết tôi vẫn còn ở lại trong trại. Không biết gia đình tôi nghĩ ra sao khi thấy tôi không thể “tiến bộ” được mặc dù đã gần mười ba năm cải tạo?

Sau đó khoảng hai tuần thì số còn lại ở trại Nam Hà được đưa vào trại Z30D để nhập chung với chúng tôi. Tổng số trại viên còn lại trong trại cải tạo sau đợt thả năm 1988 là 210 người, trong số có một số cấp tướng lãnh như: Đào, Tất, Trường, Thân, Sang, Giai, một số cấp đại tá như Xảo, Cửa, Hân, Tấn, Phô, vân vân. Số còn lại đa số thuộc các

thành phần An Ninh Quân Đội, Cảnh Sát Đặc Biệt, Trung Ương Tình Báo của VNCH. Chúng tôi bước vào giai đoạn bốn năm cuối của mình trong trại cải tạo Z30D.

Đài phát thanh Hà Nội sau đó loan báo rằng họ đã thả hầu hết những người của “chế độ cũ”. Số rất ít còn lại là thành phần “*có nợ máu với nhân dân và không chịu cải tạo nên không thể thả ra được*”. Cách nói này của Cộng Sản đã quá quen thuộc đối với chúng tôi, do đó không làm chúng tôi suy nghĩ nhiều. Chỉ có một điều mà chúng tôi không hiểu là họ có dự định gì đối với chúng tôi, số rất nhỏ còn lại này!

Chương 49. Tôi Đi Lâm Sản.

Sau đợt về tháng giêng năm 1988, tôi ra ở và làm việc tại phòng vẽ. Đáng lý ra thì tôi phải ngủ chung với các bạn thuộc đội mộc của tôi ở một phòng nằm cuối lán mộc, nhưng vì trong phòng vẽ cũng có một chiếc giường nên tôi ngủ một mình ở đó cho tiện. Hàng ngày tôi làm việc theo giờ giấc của đội mộc, trưa và tối thì thường thả dọc theo bờ suối để câu cá. Rất ít khi tôi vào trong trại, chỉ khi nào có ngày nghỉ thì tôi mới vào để gặp gỡ bạn bè số mới từ trại Nam Hà về.

Thời gian sống một mình trong phòng vẽ, tôi đi lại và làm việc chỉ cần phải để ý có một mình Nhu mà thôi. Có đêm dù không đi lao động nhưng tôi vẫn có thể đi xem phim “chưởng” mà Nhu chiếu để “bồi dưỡng” cho các đội làm đêm, sáng hôm sau có thể ngủ dậy trễ một chút cũng được vì Nhu cũng ít khi nào dậy sớm! Khi mẹ tôi và con tôi lên thăm, tôi có thể gặp nó riêng ở phòng vẽ khi nó vừa đến nơi, tôi có thể nói với cán bộ phụ trách nhà thăm gặp để ra gặp gia đình trước giờ thăm, hoặc có thể gặp nhau ngay bờ suối trong lúc tôi câu cá! Ở ngoài sân kế bên phòng vẽ, tôi nuôi cả mấy con vịt xiêm và gà đẻ lấy trứng.

Đến đầu năm 1990, Lập, một phạm nhân hình sự, được đưa ra làm chung trong phòng vẽ. Tôi nghe nói Lập nguyên là một công an của VC có nhiệm vụ đặc trách việc tổ chức vượt biên giả mạo để bắt những người vượt biên. Anh ta lại có ý định vượt biên thật sự nên đã giết chết đồng bọn để đi. Việc không thành nên bị bắt và lãnh án tù chung thân. Chuyển đến trại Z30D, anh ta bị thương ở mắt vì bị mìn nổ trong khi khai phá một đồn địa phương quân cũ ở phía bên kia quốc lộ số 1 để trồng cây bạch đàn. Sau khi đi bệnh viện về thì anh ta được Nhu đưa ra phòng vẽ để làm chung với tôi vì anh ta cũng biết chút ít về trang trí.

Khoảng một tuần sau khi Lập ra thì có lệnh dời phòng vẽ vào trong trại. Họ sợ Lập trốn trại vì anh ta mới ở trại không bao lâu mà án lại quá dài. Phòng vẽ được dời vào chiếm một căn phòng đầu nhà số 1 của khu A, nằm gần văn phòng Thường Trực Thi Đua. Vào trong trại, tôi không có nhiều việc phải làm vì tất cả đều lệ thuộc vào đội mộc như đóng khung, làm pa-nen. Lập thì làm cho ban thi đua còn tôi thì thỉnh thoảng chỉ phụ với đội văn nghệ để vẽ phong màn, làm trang trí sân khấu. Tranh lúc này cũng được vẽ rất ít vì trại cũng không cần nhiều như trước. Các khu nhà đã xây cất quá nhiều, bây giờ chỉ còn đập phá để xây cái mới. Tranh thì cứ dời nơi này đến nơi khác. Lúc này thì trại cũng đang khai phá khu mới ở tận khu vực của trại Z30C, bây giờ đã trở thành phân trại K2 của trại Z30D. Thỉnh thoảng tôi cũng phải đi theo đội vào đó để sơn nhà, vẽ tranh tường vân vân. Về sau thì họ cho Lập đi còn tôi thì đôi lúc không làm gì cả.

Mặc dù làm ở phòng vẽ nhưng tôi vẫn thuộc đội mộc và ở chung phòng với đội này. Đội mộc lúc ấy chỉ toàn phạm nhân hình sự. Nhiều lần, tôi yêu cầu cán bộ Tư, trưởng phân trại K1 chuyển tôi về đội 20 với các bạn ở Hà Nam Ninh về, nhưng không được. Một hôm trong lúc điếm sổ để nhập buồng, tôi được gọi đi họp với sổ trại viên “chế độ cũ” nên đứng riêng một bên. Tên cán bộ vũ trang không biết nên đã đánh tôi vì lý do tôi không chịu vào buồng. Tôi ra báo cáo với cán bộ trực trại và sau đó chính Nhu phải xin lỗi trước buổi họp với các trại viên. Vài hôm sau tôi được đưa về chung buồng với đội 20.

Trong một lần đi vẽ ở căn tin nằm bên lề quốc lộ số 1, Nhu bảo tôi phải vá lại tấm tranh đã bị rách. Tôi bảo hắn ta là để tôi vẽ tấm khác thế vào vì tấm cũ bị rách quá nhiều khó có thể vá và sửa lại được. Thế là hắn ta la lối om sòm rồi gọi tên cán bộ đứng gần đó đưa tôi vào trại nhốt vào phòng kỷ luật!

Tôi nghĩ đây là hành động mà hắn ta trả thù về việc phải xin lỗi tôi trước mặt các trại viên, và cũng là cái cớ để dẹp phòng vẽ vì lúc đó cũng hết cần thiết.

Khi bị đưa về nhốt vào phòng biệt giam, điều đầu tiên tôi suy nghĩ là không biết mình sẽ phải ở trong đó bao lâu. Đối với Nhu thì không cần phải thắc mắc lý do bị nhốt vì hắn nhốt bất cứ ai mà hắn không thích, không cần nêu lý do và cũng không cần đọc lệnh phạt. Còn thời gian ở trong đó bao lâu thì tùy theo hắn mà thôi.

Tên cán bộ trực trại trước khi đưa tôi vào phòng biệt giam đã cho tôi biết rằng theo điều lệ ở đó thì tôi chỉ được mặc một cái quần đùi mà không được mặc áo vì họ muốn tránh trại viên dùng vải áo để kết thành dây thắt cổ tự tử. Tuy nhiên đối với tôi thì hắn ta “nhân nhượng” cho phép tôi được mặc áo vì trong đó rất nhiều muỗi! Suốt 15 năm ở các trại cải tạo, tôi đã cố tránh việc phải bị giam vào nhà “kỷ luật” bởi vì điều ấy rất dễ dẫn đến sự suy sụp tiếp theo. Lần này thì tôi cũng không thể thoát được.

Nhà “kỷ luật” là một căn nhà xây rất kiên cố, trông giống như một lô-cốt bê ngang khoảng sáu thước dài khoảng mười thước nằm phía sau hội trường. Nó được ngăn cách với hội trường bởi một bức tường cao và ngăn cách hai khu A và B bởi tường rào khu. Có hai cửa nhỏ ở hai đầu nhà với cánh cửa được khoá kín ngoại trừ lúc cán bộ hay ban thi đua đưa cơm nước vào hoặc đưa người vào làm vệ sinh. Phía sau cánh cổng là một lối đi rộng khoảng một thước dẫn vào một lối đi ở giữa rộng khoảng một thước rưỡi. Hai bên lối đi này là hai dãy phòng biệt giam với những cánh cổng bằng sắt khép kín.

Phòng “biệt giam” là một phòng kín dài khoảng hai thước ngang một thước không có một cửa sổ nào cả mà chỉ có cửa cái nhỏ và thấp, khi đi vào phải cúi mình xuống. Trên cánh cửa cái còn có một lỗ nhỏ với một cánh cửa được đóng chốt ở phía ngoài để đưa thức ăn vào. Ánh sáng chỉ được cung cấp bằng một bóng đèn điện trần treo trên cao, bóng đèn này cũng ít khi được thắp sáng do đó căn buồng luôn tối tăm.

Đi qua cửa buồng, về phía bên trái là bệ nằm xây bằng xi măng cao khoảng năm tấc và ngang cũng khoảng năm tấc. Phía bên phải là khoảng trống có để một cái xô nhỏ bằng nhựa cho trại viên tiêu tiểu tiện vào đó. Trại viên bị nhốt trong phòng biệt giam phải nằm đưa chân về phía cửa vì phía đó có một thanh sắt dài luồn qua các phòng. Chân trại viên thì được còng bằng một còng sắt hình chữ U dính vào thanh sắt ấy. Nếu chỉ bị còng một chân thì trại viên có thể chọn chân mặt hay chân trái. Chân bị còng phải gác

lên thanh sắt dài và rất khó xoay trở vì chiếc còng rất chặt. Ở tư thế này thì người bị còng chỉ có thể nằm ngửa hay nghiêng về một bên tùy theo chân bị còng hay có thể ngồi lên nằm xuống để vận động cho đỡ bị cồng chứ không thể đứng dậy được.

Căn phòng rất ẩm mốc và hôi thúi vì chẳng những không có ánh sáng bên ngoài lọt vào mà trại viên còn phải ăn ngủ ỉa đái tại chỗ và lại không có gì để lau rửa ngoài một ít giấy báo phát hàng ngày và một ca nước khoảng một lít để vừa uống vừa làm vệ sinh cá nhân. Vì phòng rất tối tăm nên không có ruồi, nhưng muỗi thì bay cùng khắp cả ngày lẫn đêm! Mặc dù mới lần đầu bước chân vào nhà kỷ luật nhưng tôi đã nghe nói đến điều này. Để tránh phần nào bệnh sốt rét, tôi đã uống trước hai viên quinine khi được cho về thay quần áo trước khi đi vào đây. Chưa quen với muỗi bay vo ve bên tai nên suốt ngày đêm hôm ấy tôi không hề chợp mắt; tay thì cứ đuổi muỗi không ngớt

Nằm trong phòng biệt giam, tôi chẳng thấy buồn mà chỉ thấy tức cười và thấy lo. Tức cười bởi vì một duyên cớ không đâu mà lại bị đi kỷ luật. Còn lo vì không biết bao giờ mới ra và khi ra thì thân thể sẽ ra sao đây? Bất cứ ai khi đã bị Nhu nhốt rồi thì ít ra cũng phải hai ba tháng mới được cho ra dù với bất kỳ một lý do nào, và khi ra khỏi nhà biệt giam thì cũng thân tàn ma dại, đi đứng vật vờ như bóng ma, thân hình thì giống như một bộ xương biết cử động! Đó là chưa kể đến những bệnh hoạn này nọ. Muỗi, rệp, cùng những đêm mất ngủ, những khẩu phần ăn ngày hai bữa chỉ một chén nhỏ cơm độn khoai với một ít nước muối và một lon nước vừa uống vừa rửa ráy hàng ngày. Con người dù khoẻ mạnh hay có sức chịu đựng tới đâu cũng không thể chịu nổi một điều kiện sống như vậy! Tôi vẫn nhớ những lúc chính mình phải mua chuộc cán bộ hay ban thì đưa đề gởi được một cục đường hay một chút mắm ruốc cho các bạn trong nhà kỷ luật trước đây. Giờ đây tới phiên mình không biết có ai làm việc ấy hay không?

Tôi lại nghĩ không biết làm sao nhắn được cho gia đình đừng lên thăm nuôi trong lúc này bởi vì họ sẽ không cho gặp mặt trong lúc đang bị giam trong nhà kỷ luật. Đủ thứ suy nghĩ diễn ra trong đầu óc trong khi tay tôi thì cứ phải xua muỗi không ngớt bám vào chân tay, vào mặt, vào mình mẩy và đốt xuyên qua cả áo! Cuối cùng thì tôi phải ngồi dậy xé một cánh tay áo ra để làm đồ đuổi muỗi, vậy mà hôm sau dấu muỗi đốt cũng đầy khắp người.

Sáng sớm có tiếng lanh canh mở cửa. Thật ra nằm trong đó thì không biết ngày đêm là gì cả, chỉ khi ra ngoài thì mới biết trời đã sáng tỏ! Tên cán bộ trực trại vào mở khoá cho tôi và nói với tôi rằng “*Ban bảo thả anh ra và đưa anh đi theo đội lâm sản ngay tức khắc!*”

Tôi có hơi ngạc nhiên nhưng không trả lời gì cả mà chỉ theo hấn về phòng để chuẩn bị đồ đạc đi “lâm sản”. Đội ấy đã xuất trại chỉ còn cán bộ quản giáo đứng đợi để dẫn tôi ra nhà lô của đội ở khu vực K3 cũ. Đội lâm sản lúc bấy giờ gồm toàn những phạm nhân hình sự, chỉ mình tôi lạc lõng trong đó mà lại là người “già” nhất đội!

Giống như những trại viên khác thuộc đội lâm sản, tôi phải trang bị một con dao đi rừng. Không có thất lưng đeo dao, tôi phải dùng dây lá buộc cột quanh hông rồi treo lưng lửng con dao một bên còn bên kia thì đeo bi đồng đựng nước uống. Trang bị xong xuôi, tôi theo các đội viên khác bắt đầu vào rừng.

Mặc dù đã nhiều lần đi rừng từ Bắc vô Nam, nhưng tôi chưa hề đi rừng với mục đích lấy gỗ. Ở đội mộc trại Tân Lập, tôi chỉ đi vào bìa rừng để cưa cây về làm cột

nhà. Trong thời gian ở trại Z30D này thì tôi chỉ đi rừng để đo khối lượng của cây gỗ mà đội lâm sản hạ sẵn. Lần này thì chính tôi phải hạ những cây gỗ ấy! Không biết phải làm thế nào đây?

Khoảng 9 giờ sáng, chúng tôi bắt đầu rời nhà lô đội lâm sản. Rừng ở Z30D đã bị khai phá đến tận chân núi; chúng tôi phải đi bộ về phía Z30C, lúc ấy đã là phân trại K2 của trại Z30D. Ngang qua những ruộng bắp, các đội viên lâm sản khác rẽ vào để hái một vài trái bắp ngon mang theo mình, họ còn đi thăm những chiếc bắp cò ke mà họ đặt vào hôm trước.

Lâm sản là một đội thuộc “diện rộng” đi không có cán bộ quản chế, do đó trông họ rất có vẻ tự do! Hầu hết đội viên lâm sản là những người sắp mãn án tù nên không ai có ý định trốn trại. Vì chưa biết đường nên tôi phải đi theo anh nuôi của đội, số khác thì đã rẽ ra để đi thăm bắp hay đi đến những điểm hẹn riêng của họ. Hiện trường lao động của đội lúc ấy là một khu rừng rậm cách nhà lô khoảng 15 cây số.

Khi đến nơi thì đã trưa, tôi phụ với anh nuôi nấu cơm cho đội và chia sẵn ra từng phần cho mỗi người. Các đội viên khác cũng lần lượt đến nơi, ăn uống xong thì bắt tay vào việc. Hôm đó họ hạ những cây trắc, gỗ, cẩm lai, thao lao mà họ đã chọn sẵn. Chỉ tiêu là mỗi người một cây. Tôi thuộc nhóm cắt ngọn và cành cây.

Đầu tiên, một số người leo lên cây chặt hết những dây leo quấn quanh các cây với nhau để phòng cây bị vướng hay bị treo khi được cắt đứt. Giai đoạn này có lẽ là giai đoạn khó khăn nhất. Tiếp theo thì từng hai người một cưa “mở miệng” ở gốc cây bằng loại cưa giống cưa khung nhưng lớn hơn và răng cưa cũng to hơn, các cưa này vẫn thường được mài ở đội mộc. Họ phải chọn hướng để cây ngã. Sau đó thì cưa ngang phía đối diện bằng loại cưa “cá mập”. Khi cây đã ngã thì đến giai đoạn cắt ngọn và cắt cành cây, dọn đường cho xe vào kéo gỗ. Giai đoạn này được coi là công việc nhẹ nhàng nhất và dành cho những người chưa quen việc hay những người “già yếu” trong đội. Tôi thuộc toán này! Nói là “nhẹ nhàng” nhất, nhưng khi làm xong thì mồ hôi tôi cũng ướt cả áo quần và tay chân thì mỏi nhừ. Đêm ấy vào trại tôi ngủ như chết, một ngày đêm không ngủ trong nhà kỷ luật và một bữa lao động nặng khiến tôi không còn biết trời đất gì nữa hết! Cũng may là họ cho tôi về phòng của đội 20 chứ không ngủ chung với đội lâm sản. Đã từng ở chung với các phạm nhân hình sự ở đội mộc, tôi cũng không lạ gì cách sống của chúng. Được cái là họ cũng vị nể chúng tôi nên cũng không đến nỗi nào.

Sau vài hôm đi theo đội lâm sản, tôi bắt đầu trở tài đánh bắp. Họ rất ngạc nhiên là tôi luôn luôn bắt được nhiều thú hơn mọi người khác. Mỗi loại thú có một thói quen của chúng, do đó tôi đã áp dụng phương pháp mưu sinh để đánh bắp. Tất cả những thứ bắt được tôi đều giao cho anh nuôi cùng với giá vị của riêng tôi để nấu ăn chung cho cả đội. Nhờ thế mà các đội viên đội lâm sản bắt đầu thích tôi, họ làm dùm chỉ tiêu cho tôi để tôi có thời gian đi “cải thiện” cho đội. Ngoài việc bắp thú ra thì rừng còn có rất nhiều thứ có thể ăn được như măng tre, nấm, cua cá ở các dòng suối nhỏ, vân vân. Lần lần tôi trở thành phụ tá cho “anh nuôi” của đội. Một số khác trong đội thấy vậy cũng bắt đầu góp chung vài thứ họ thu nhặt được để ăn chung vào bữa ăn trưa.

Ngoài việc thực hiện chỉ tiêu của trại ra, một số đội viên lâm sản còn kiếm được tiền bằng cách cắt lá buông cho dân đi lấy lá, hạ cây gỗ và cắt sẵn thành đoạn ngắn cho những người dân đi lấy gỗ. Số tiền này họ phải chia với các cán bộ phụ trách đội lâm sản. Chỉ một số có sức khỏe mới làm được việc này. Thường đó là số chuyên hạ cây,

sau khi hạ xong cây thì họ đi làm thêm kiếm tiền. Đây là phương cách sinh sống của tù và của cả cán bộ thuộc đội lâm sản!

Bên cạnh việc lấy gỗ cho toán xẽ, đội lâm sản còn có nhiệm vụ lấy đọt lá buông cung cấp cho tổ chằm nón lá của trại, lấy tre cho đội xây dựng, lấy măng cung cấp cho bếp cơ quan, và lấy củi đốt cho bếp trại và bếp cơ quan.

Việc lấy lá buông tương đối nhẹ nhàng hơn nên thường dành cho các trại viên yếu. Chúng tôi dùng câu liêm để cắt những đọt lá buông xuống rồi chất lên xe bò chở về trại. Riêng việc đi lấy tre thì rất mới lạ đối với tôi vì nó không đơn giản như tôi nghĩ từ đầu.

Tre rừng là loại tre gai, thân và cành đầy gai nhọn. Không thể chặt đứt gốc tre rồi kéo cây tre ra khỏi bụi vì cành đầy gai vướng chằng chịt vào nhau. Đầu tiên chúng tôi phải dùng câu liêm để dọn một “cái thang” leo lên trên bụi tre. Đó là một khoảng trống với những cành tre ngang làm bậc thang. Tiếp theo thì người chặt tre phải leo lên đến nơi nào mà họ dự định cắt ngọn, dùng dao chặt đứt ngọn tre ném qua một phía. Từ nơi ấy họ phải róc cành tre từ trên xuống dưới, và phải róc nhiều cây cùng một lúc để có thể dọn sạch các cành tre. Khi các cây tre đã trở trụi, họ leo xuống bên dưới chặt đứt gốc tre và lúc ấy mới kéo được cây tre ra vì chúng không còn vướng vào nhau nữa.

Khi chặt tre như vậy thì hầu như phải chặt cả bụi tre cùng một lúc chứ không chỉ chặt vài cây trong một bụi, do đó phải chọn những bụi tre đủ độ già để lấy được nhiều cây. Khu vực quanh trại đã phát quang hết nên không còn tre, mỗi lần đi lấy tre thì chúng tôi phải đi rất xa, thường thì phải có xe chở chúng tôi đi và chở cây tre về.

Tôi chỉ đi theo đội lâm sản khoảng hai tháng thì được trở về đội 20 với các bạn. Tuy nhiên thời gian này có thể nói là thời gian mà tôi đi nhiều nhất khắp các khu vực quanh trại và cả ngoài dân chúng và đó cũng là thời gian tự do nhất trong cuộc đời cải tạo của tôi.

Chương 50. Trại Z30D Tiếp Tục Thay Đổi.

Đọt thả đầu năm 1988 đã khiến trại Z30D giảm hẳn con số trại viên xuống, do đó phân trại K2 đã được loại bỏ và trở thành một trại nuôi bò và gà vịt. Số bò trước đó được nhốt ở chuồng bò trong phân trại K3 cũ được chuyển hết sang K2. Các phạm nhân hình sự lần lượt được điều về lấp đầy phân trại K1 và trở thành lực lượng lao động chính của trại. Nhu đã nắm giữ chức vụ trại trưởng sau khi loại trừ được Ý. Tất cả các “đối thủ” khác đều bị Nhu tìm cách này hay cách khác loại ra khỏi trại. Hắn ta đưa người của mình lên nắm các chức vụ then chốt trong trại. Một nữ cán bộ tên là Phúc được đưa lên làm trại phó, trưởng phân trại K1 lúc đầu là Binh sau đó là Tư, mới chỉ là trung úy. Mọi quyền bính thật sự đều nằm trong tay của Nhu; hắn ta tha hồ làm mưa làm gió ở trại Z30D.

Hai lãnh vực lớn mà Nhu nhắm tới vẫn là lâm sản và xây dựng. Đập thủy điện sau khi hoàn tất đã cung cấp được điện cho trại và khu cơ quan trong mùa mưa và một phần trong mùa nắng. Tuy nhiên lòng hồ cứ cạn dần, do đó trại viên phải ra công để vét và nới rộng lòng hồ không lúc nào ngưng.

Các phạm nhân hình sự đa số trẻ, vào trại chưa bao lâu nên lao động có năng suất hơn so với chúng tôi, những trại viên lớn tuổi. Khu đất phía bên kia bờ suối đã hoàn toàn khai phá, Nhu cho làm một con đường đất đi từ K1 vào tới khu vực K3 cũ. Đất khu này đều được trồng ớt để “xuất khẩu” và trồng mía để nấu đường chén ở lò đường của trại.

Một khu vực thăm nuôi được thành lập mới ở bên kia bờ suối, phía dưới lán mộc. Khu thăm nuôi gồm một nhà thăm gặp chính và nhiều nhà khác dùng làm nhà thăm gặp qua đêm. Lúc đầu việc thăm gặp qua đêm chỉ giới hạn một số ít trại viên, về sau Nhu ra lệnh rộng rãi hơn và thân nhân muốn ở lại qua đêm phải đóng tiền phòng, ngoài việc “lót đường” cho các cán bộ phụ trách thăm nuôi, cho cán bộ ký giấy cho phép và quà cáp cho chính Nhu nữa! Từ khi ấy, có nhiều trại viên và thân nhân được ở lại không những một đêm mà có khi cả tuần lễ hay mười ngày. Thân nhân thì không những là vợ, mà mẹ con hay bất cứ ai cũng có thể xin ở lại. Nhà thăm gặp lúc đó trở thành nơi tiệc tùng cho các cán bộ với gia đình trại viên. Các chiếc xe đồ chở người đi thăm nuôi lúc đầu còn ngừng ở nhà đón khách bên cạnh quốc lộ số 1 rồi trại cho xe ra đón vào, sau đó được chạy thẳng vào tới góc căn tin gần đập thủy điện.

Căn tin này lúc đầu chỉ bán một ít đồ đặc và nước uống, chủ yếu là phục vụ các trại viên lao động đêm. Dần dần nó biến thành địa điểm buôn bán cho các thân nhân trại viên đến thăm nuôi và ở lại. Nước đá, nước ngọt, thịt heo, gà vịt, trứng, chuối, vãn vãn được mua về bán tại đây. Căn tin khi ấy được nói rộng ra sát bờ suối với một sân gạch ở phía trên làm ve ra khỏi bờ suối. Trại viên sau khi gặp thân nhân ở nhà thăm gặp thì được dẫn ra căn tin để ngồi uống nước và nói chuyện tiếp. Mọi thứ đều nhằm mục đích kiếm tiền!

Bãi đất trống giữa lán mộc với căn tin được sửa lại thành công viên với cầu nổi, vườn hoa, tượng và băng đá. Một con đường nhỏ chạy dọc theo bờ suối từ nhà thăm gặp đến căn tin được thành hình để thân nhân trại viên đi mua sắm. Đá được đem về lát dọc theo bờ suối và trong các vườn hoa cũng như trên các con đường đi. Các công việc này tốn rất nhiều công sức của trại viên. Đá được đập từ núi chuyển về rồi lại phải đèo ra theo hình dáng kích thước để lát xuống lòng suối. Nước lũ vào mùa mưa dâng lên cuốn đi rồi lại phải làm lại nhiều lần.

Càng ngày càng có nhiều trại viên được thăm gặp ở lại nhiều ngày, Nhu cho làm một số căn nhà lá nằm riêng rẽ dọc theo con đường phía bên kia đập thủy điện hướng về phân trại K3 cũ. Mỗi căn nhà lá này chỉ có một phòng, nằm cách xa nhau và chỉ được dùng cho một số trại viên chọn lựa vì khu ấy rất khó kiểm soát nếu trại viên có ý định trốn trại.

Gần khu thăm nuôi đặc biệt này là khu “nhà lô” của đội 23, đội của các “bác già” như Nhu vẫn thường gọi. Đó là đội của các trại viên nguyên là các tướng lãnh và các cấp đại tá và một số trung tá thuộc quân lực VNCH; đội do tướng Lê Minh Đảo làm đội trưởng. Vì nằm gần nên khu thăm nuôi này cũng được các “bác già” chăm sóc cẩn thận. Đường đi luôn luôn được quét dọn sạch sẽ, nhà cửa luôn luôn được dọn dẹp ngăn nắp, cây cối chăm bón tươi tốt. Đa số những người thuộc đội 23 này khi thăm gặp qua đêm thường được ưu tiên ở khu vực ấy. Nhu cũng thường dẫn khách đến thăm trại đi qua khu vực ấy để “giới thiệu”.

Khu rừng dọc theo bờ suối lần lượt được khai hoang sạch sẽ. Cây bạch đàn được trồng thay vào đó. Tiếp theo thì Nhu cho trồng thuốc lá vàng loại giống Virginia để bán ra

ngoài. Trong trại thì hẳn ta cũng tổ chức một tổ làm các loại thuốc lá mang những nhãn hiệu giả mạo thuốc ngoại quốc như Jet, 555, Dunhill, Craven A, vân vân. Tổ làm thuốc này do các phạm nhân bị bắt vào về tội làm thuốc lá giả mạo. Các phạm nhân này muốn sống thoải mái trong trại thì phải cung cấp vật liệu và công sức để làm những cái mà họ đã bị kết án để rồi Nhu lại có dịp tung những thứ này ra trở lại thị trường. Quả thật là một điều “khôi hài đen!”

Quanh trại còn được đào nhiều ao nuôi cá trắm cỏ và cá rô phi mà các cá giống đều do các phạm nhân cung cấp nếu họ muốn được làm công việc nuôi cá ở trại thay vì đi lao động cực nhọc.

Bên cạnh Quốc Lộ Số 1, Nhu cho xây dựng một “khách sạn” và quán cà phê do Dũng và gia đình làm quản lý. Dũng là một phạm nhân trẻ bị án chung thân vì tội bắn chết công an ở Sài Gòn. Gia đình của hẳn ta cũng rất có thể lực trong nhà nước Cộng Sản nên Dũng đã tránh khỏi tội tử hình. Vào trại hẳn ta lại được hưởng nhiều ưu đãi nữa. Khách sạn và quán cà phê này cũng là nơi mà Nhu và các khách của hẳn ta làm địa điểm “ăn chơi”. Ngoài ra, một quán “cà phê nhạc” cũng được lập ở thị xã Long Khánh do các phạm nhân nữ làm chiêu đãi viên. Hầu hết những nơi này tôi đều có dịp đến để thực hiện công việc gọi là “trang trí nội thất”: sơn và vẽ bảng hiệu cùng treo tranh ảnh.

Căn nhà “bát giác” nơi trước kia Nhu xây cho riêng hẳn ta bên bờ suối gần với lán mọc đã được dành cho một nữ phạm nhân mà chúng tôi thường gọi là “bà trời!” Nữ phạm nhân này bị bắt về tội truyền bá đạo giáo mê tín. “Bà trời” biến nơi này thành nơi “tu hành” và cũng là nơi để chụp hình cho khách, nhất là thân nhân đến thăm trại viên.

Sau khi nhập chung hai trại Z30D và Z30C thành một, Nhu bắt đầu nói rộng địa bàn sang Z30C lúc đó là phân trại K2 của trại Z30D. Hẳn ta cho cất nhà và lập bàn doanh riêng ở bên ấy. Máy cưa cũng được dời sang và bắt đầu khai phá rừng để lấy gỗ khu vực này.

Sự thay đổi trong trại cũng được thực hiện một cách nhịp nhàng. Kể từ khi có sự trộn lẫn giữa hai thành phần trại viên “có án” và “tập trung cải tạo” thuộc chế độ cũ, cơ cấu của Ban Thi Đua trại viên cũng được thay đổi. Lân, Nuôi, Phò, vân vân là những trại viên ở trại Tiên Lãng miền Trung bị xử án trong trại vì tội làm và nghe lén đài phát thanh ngoại quốc. Người ráp máy thu thanh thì bị án tử hình. Lân thì lãnh án chung thân còn Nuôi, Phò, Sang vân vân thì từ mười lăm đến hai mươi năm. Khi được chuyển về trại Z30D thì Nhu đã dẹp Ban Thi Đua cũ để cho Lân, Nuôi và Phò vào thế chỗ. Theo tôi thì hẳn ta đã bước một bước khéo léo trong việc này. Hẳn ta đã xử dụng thành phần này như một trung gian giữa số trại viên thuộc chế độ cũ và số bị kết án để dễ điều hành công việc trong trại. Về phía trại viên nữ thì hẳn ta đưa Tâm lên làm Thi Đua. Tâm có người cha đã bị giết chết trong cuộc tấn công ngày 30 tháng tư năm 1975 của VC, sau đó cô ta lấy một cán bộ VC rồi lại “chiêu hồi” chồng tham gia tổ chức chống lại Cộng Sản. Bị bắt và bị kết án 20 năm còn chồng thì bị tử hình.

Khi phạm nhân hình sự chiếm đa số trong trại thì một lần nữa Nhu lại thay đổi Ban Thi Đua. Lân vẫn ở nhiệm vụ trưởng ban, nhưng Nuôi và Phò được thay thế bằng Hạnh, một phạm nhân hình sự. Châu, một phạm nhân nữ mang tội phạm về kinh tế thay cho Tâm được thả ra khỏi trại. Nhu cũng thường xuyên “bồi dưỡng” cho các thành viên

trong Ban Thi Đua, do đó theo tôi thấy thì đây là một Ban Thi Đua làm được việc nhất mà lại ít gây căm thù nhất trong trại viên và phạm nhân.

Một thay đổi lạ lùng nhất ở trong trại là việc thành lập cái gọi là “*Khu Vui Chơi*”. Trong thời gian đầu của việc xây dựng đập thủy điện thì vào những đêm lao động để đào hồ, các trại viên trước khi ra về thường được ghé qua “căn tin” ở gần đập để ngồi nghe nhạc và uống nước. Đôi lúc cũng có những buổi chiếu video phim chương Trung Quốc nhưng chỉ ở khu cơ quan. Năm 1988, Nhu bắt đầu cho thành lập “*Khu Vui Chơi*” trong trại. Khu trồng bạch đàn ở hai bên con đường đi vào hội trường được trang bị những băng ghế ngồi và bàn nhỏ làm bằng bia gỗ xẻ lấy từ đội mộc. Các bàn và băng ghế này được chôn cố định. Ở đầu đường vào hội trường được dựng một cổng với tấm bảng “*Khu Vui Chơi*”; hai bên cổng là hai ki-ốt bán nước uống và bánh kẹo, thuốc lá vãn vãn. Ngoài việc được phục vụ nước uống, thường là sữa đậu nành, trại viên ra khu vui chơi còn được phép ngồi nói chuyện tiếp xúc nhau dù là khác phái! Sau đó tất cả được vào hội trường để xem video phim chương hay ca nhạc, nhất là các băng nhạc video hải ngoại như “*Thúy Nga Paris*”. Đôi khi trại còn tổ chức ca nhạc ngoài trời do các trại viên lên ca với sự đệm nhạc của các trại viên trong đội văn nghệ. Các trại viên khác thì tự do khiêu vũ. Nhạc vàng lúc này được ca hát không còn cấm đoán trong trại nữa.

Có ba thành phần trại viên được ra khu vui chơi. Thứ nhất là những người bỏ tiền ra mua vé; khi đóng cửa buồng thì những người này được đứng riêng ra để ra khu vui chơi, số còn lại thì vào buồng và khóa cửa phòng lại. Thứ hai là những trại viên trong toán lao động đêm, nhóm này thường nhập trại khi các trại viên trong khu vui chơi đã vào hội trường để xem phim. Thành phần thứ ba là “các bác già”, ở nhà số 1 khu A, các trại viên thuộc thành phần “chế độ cũ” không bị khóa cửa cho đến sau khi tan buổi chiếu phim. Mặc dù được tự do đi ra khu vui chơi, nhưng thành phần này cũng ít khi tham dự ngoài những buổi chiếu video ca nhạc hải ngoại mà các băng nhạc này thường do gia đình mang lên để “ủng hộ” cho trại.

Khu vui chơi lần lần biến thành chỗ hẹn hò cho các cặp “nhân tình” trong trại! Không chỉ những đêm văn nghệ mà cả những ngày nghỉ hay buổi trưa đi lao động về, các cặp “*quan hệ nam nữ*” này thường ra đó để gặp nhau. Sự quan hệ nam nữ giữa các trại viên với nhau lúc đầu còn lén lút dần dần trở nên công khai từ khi thành lập cái gọi là “khu vui chơi”.

Để tận dụng “tài nguyên”, các hào nước sát hàng rào trại được cho vét lại và cho đầu trâu nuôi cá rô phi và cá trắm cỏ. Trại viên nào muốn ở trong trại nuôi cá thì phải cung cấp cá giống và nuôi cá cho trại. Mọi phương tiện đều dẫn đến việc đầu tư để lấy thêm tiền “gây quỹ”, như các cán bộ giải thích. Thực hiện kế hoạch “tự túc” do nhà nước VC đề ra cho các cơ quan, đơn vị, trại cải tạo dần dần biến thành một cơ sở kinh doanh dưới mọi hình thức.

Chương 51. CT: Cải Tạo hay Con Tin?

Chúng tôi, một số rất nhỏ còn lại sau đợt thả đầu năm 1988 quả thật đã bị một cú sốc khá nặng. Hàng ngàn trại viên được ra về mà chỉ có trên dưới hai mươi người bị giữ lại! VC đang suy tính gì đây? Mỗi người chúng tôi đều có trong đầu một suy

nghĩ. Ngay ngày hôm ấy, thay vì nhốt kỹ chúng tôi để phòng việc trốn trại thì họ lại “thả lỏng” chúng tôi ra, đưa chúng tôi ra ngủ bên ngoài trại mà không cần một sự canh giữ nào. Thật là một điều nghịch thường! Chúng tôi bảo nhau rằng sau Tết có thể họ sẽ thả chúng tôi vì theo chúng tôi nghĩ thì cũng chẳng có một lý do gì để họ giữ lại một số quá ít như thế này trong khi có thể thả hầu hết mọi người khác. Thêm vào đó, nếu so sánh số còn lại với số ra về thì cũng chẳng có gì khác biệt nhau mấy. Chúng tôi đành chuẩn bị một cái Tết điều hui nhất từ trước tới nay ở trong trại cải tạo với một hy vọng mong manh là chúng tôi sẽ ra về sau Tết.

Hùng và Diễm làm ở lán mộc, một mình tôi ở phòng vẽ. Phải làm công việc hàng ngày nhưng tôi không còn đầu óc đâu mà suy nghĩ tới việc làm. Tôi vẽ giống như một người máy, cứ tô màu cho kín khung vải chứ chẳng để tâm đến những gì mình đang vẽ. Chỉ mong cho tới giờ nghỉ là thả rong xuống suối cá và suy nghĩ vẩn vơ. Vì không còn Diệp làm “ông từ” giữ chùa nên tôi phải khép cửa phòng vẽ lại mà đi. Nhu cũng không thường xuyên ghé qua như trước; có lẽ hẳn ta cũng biết tôi đang bị xáo trộn đầu óc nên không muốn gặp tôi trong tình trạng này.

Đội mộc bắt đầu bổ sung các phạm nhân hình sự. Bạn bè đã về hết nên tôi thường ăn uống sinh hoạt chung với Thực, một người bị bắt về tội vượt biên và ở đội mộc cũng đã khá lâu. Thực hàng ngày đi làm và nhập trại cùng với đội mộc. Những con cá câu được vào đêm hôm trước tôi rộng vào một thùng nước để hôm sau giao lại cho Thực tùy nghi nấu nướng, và chúng tôi ăn trưa và chiều với nhau. Ngoài ra còn có Nam cũng thường hay lui tới phòng vẽ với tôi. Nam là người bị bắt vì tội tổ chức vượt biên, làm ở lò đường và là chuyên viên về âm thanh và ánh sáng của đội văn nghệ. Cũng nhờ Nam mà không bao giờ tôi thiếu số đường dự trữ. Sau này, Nam tự tử chết bằng thuốc rầy vì tình yêu vô vọng với một tù nữ tên là Tú, bán ở căn tin.

Tin tức từ những người mới ra về cho biết rằng họ không còn bị quản chế như những đợt thả trước kia mà được nhập “hộ khẩu” với gia đình ngay sau khi trình diện. Về cuộc sống ở ngoài xã hội thì họ cũng cho biết ngoài số những người có thân nhân ở ngoại quốc chỉ viện về thì số còn lại đa số sống cũng rất vất vả. Công việc làm không có mà sức khỏe cũng không đủ để cáng đáng những công việc nặng nề như đập xe xích lô, xe ba gác, hay làm phu khuân vác vân vân. Điều này không chỉ xảy ra đối với những người cải tạo về mà cũng là tình trạng chung của mọi người dân trong nước.

VC thường nói rằng đất nước ta nếu có khó khăn thì cũng chỉ là “tạm thời”, còn thuận lợi mới là “cơ bản”. Đã mười ba năm qua kể từ ngày chấm dứt chiến tranh, thế mà tình trạng đất nước ngày càng khó khăn hơn. Không biết cái gọi là “tạm thời” này bao giờ mới chấm dứt?

Khoảng hai tuần sau, số trại viên còn lại ở trại Hà Nam Ninh được chuyển về nhập chung với chúng tôi nâng tổng số trại viên còn giữ lại trong trại cải tạo lên con số khoảng hai trăm mười người. Sau đó ít lâu họ lại thả một vài người mà họ cho rằng “già yếu bệnh tật”. Số còn lại bước vào một giai đoạn cải tạo hoàn toàn mới.

Không lâu sau đó, đài phát thanh Hà Nội loan báo rằng họ đã thả hầu hết số “ngụy quân và ngụy quyền” ở trong các trại cải tạo. Họ còn nói rằng số rất ít còn giữ lại vì lý do những người này thuộc thành phần “*có nợ máu với nhân dân và không chịu cải tạo*” nên không thể thả ra được! Như vậy là rõ ràng rằng chúng tôi sẽ không thể nào ra về ngoại trừ có một “phép lạ” nào đó. Không biết họ sẽ đối xử với chúng tôi như thế nào

đây? Đưa ra tòa án “nhân dân” để xử, đưa đi đày ở những hải đảo nào đó, hay đưa đi những nông trường để sống ở nơi ấy trọn đời? Chúng tôi nghĩ rằng đúng lý ra thì họ phải đưa chúng tôi ra trở lại miền Bắc để “gắn với trung ương” cho dễ thi hành các biện pháp chế tài chứ tại sao họ làm ngược lại là đưa vào miền Nam.

Cùng lúc ấy thì cũng có những tin tức về các cuộc hội đàm của phái đoàn Mỹ do tướng Vessy dẫn đầu với phái đoàn Hà Nội về vấn đề “Người Mỹ Mất Tích” và “Tù Binh Chiến Tranh”, trong đó có đề cập đến những “quân nhân và nhân viên của chính quyền Nam Việt Nam” đang ở trong các trại cải tạo. Thế là một bên tung một bên hứng. Vô hình chung chúng tôi cũng như những “tù binh chiến tranh” và “người Mỹ mất tích” lại trở thành những món hàng để ngã giá, một thứ “con tin” trong cuộc mua bán giữa Mỹ và VC!

Riêng cuộc sống của chúng tôi trong trại cải tạo thì hoàn toàn thay đổi. Không biết vì chúng tôi đã trở thành một nhóm “thiếu số và già nua” hay vì lý do gì khác mà những công việc lao động nặng nhọc không có mặt chúng tôi nữa. Ngoài số chăn bò và gà vịt ở K2 cũ và vài người ở đội mộc và đội bếp, số mới về từ trại Hà Nam Ninh được biên chế thành hai đội: đội 20 và đội 23.

Đội 23 gồm những cựu tướng lĩnh của quân lực VNCH cũ như các tướng Đào, Giai, Trường, Tất, Sang (tướng Thân làm ở Bệnh Xá) và các người thuộc cấp đại tá như Hân, Xảo, Cửa, Phô, Tấn vân vân cùng vài người cấp trung tá. Số còn lại thuộc đội 20, đa số thuộc các thành phần: An Ninh Quân Đội, Cảnh Sát Đặc Biệt và Trung Ương Tình Báo.

Công việc của hai đội này chỉ làm lao động quanh khu vực nhà lô của đội. Nhà lô đội 23 nằm gần bờ suối phía bên kia đập thủy điện từ cầu hướng về phía K3. Nhà lô của đội 20 nằm cách trại khoảng bốn cây số hướng về phía Quốc Lộ Số 1. Mặc dù trại Z30D lúc ấy đang lao động rất vất vả cả ngày lẫn đêm với các công việc như đào ao, vét lòng hồ thủy điện, xây dựng, vân vân, nhưng hai đội 20 và 23 thì chỉ sáng đi chiều về chứ không hề đi lao động đêm như các đội khác.

Ngoài ra mỗi buổi tối các phòng của nhà số 1 khu A dành cho hai đội này được mở cửa cho đến khi các đội làm đêm vào nhập buồng hoặc đến khi khu vui chơi chấm dứt. Riêng các trại viên nguyên cấp tướng thì được ở riêng một căn nhà nằm cuối sân của nhà 1 và các trại viên cấp đại tá thì được ở một buồng nhỏ ở đầu nhà, hai nơi này không bị khóa cửa về đêm và có giường riêng cho mỗi người. Chúng tôi còn được xem truyền hình ở một phòng TV nằm ở góc cuối bệnh xá. Những khi có trận đá bóng quốc tế hay có những chương trình đặc biệt còn có thể xem cho đến khi chấm dứt, có lúc đến sau nửa đêm, miễn là “biết điều” với cán bộ trực trại và có gói thuốc lá 555 để hấn ta “xông muỗi”!

Đến thời gian này thì những tin tức không còn bị che dấu hoàn toàn như trước kia. Một số sách báo ngoại quốc được mang vào trại như các tuần báo “Times”, “Newsweek” của Mỹ hay tạp chí “Le Monde” của Pháp. Tin về việc đổi mới ở Liên Xô và các nước Đông Âu không thể bị bưng bít được. Ngay cả hôm mà người dân Đông Đức giật sập bức tường Bá Linh, ngày 9 tháng 11 năm 1989, chúng tôi cũng được xem trên truyền hình ở căn tin với một số cán bộ!

Tôi thấy hình như họ không còn quan tâm nhiều đến những vấn đề chính trị nữa mà chỉ chú ý đến việc “kiếm ăn”. Những tô “mì tôm có người lái” (mì ăn liền nấu với thịt hay

trúng) quan trọng hơn tin về sự sụp đổ của bức tường Bá Linh hay của cả Đông Đức. Những gói thuốc “ba số có cán” (thuốc lá 555 đầu lọc) cần thiết hơn sự tồn tại của nhà nước Cộng Sản Liên Xô!

Đầu năm 1990, việc lập thủ tục HO cho những người tù cải tạo đã được thả ra để đi sang Mỹ trở nên rầm rộ. Tin tức về những người bạn này đã ra đi, người bạn kia thì đang chờ chuyến bay khiến chúng tôi ở trong trại sốt ruột hơn lúc nào hết. Chúng tôi nghĩ rằng cái “phép lạ” đang xảy ra, nhưng bao giờ thì đến với chúng tôi? Một số người lại tỏ ra lạc quan cho rằng có thể chúng tôi sẽ không được thả để đi theo diện HO mà sẽ được đi thẳng từ trong trại cải tạo. Mỗi tối thường có những nhóm nhỏ ngồi bàn tán và phóng đại những tin tức do gia đình đưa lên. Người nào đi thăm nuôi vào cũng cố gắng moi cho được những “thang thuốc bổ” (những tin tức có lợi cho chúng tôi). Thậm chí có người còn cho rằng khi sang đến Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ được lãnh “ráp ben” nữa! Quả là một sự “lạc quan tếu!” Tôi thì nghĩ rằng cho dù đó là những phóng đại sai lệch sự thật, nhưng chính chúng lại thật sự là những “liều thuốc bổ” giúp những người còn lại như chúng tôi vượt qua được một chặng đường đầy đầy những thử thách và chán nản trong thời gian ấy!

Từ khi các trại viên ở trại Hà Nam Ninh chuyển về, phong trào thăm nuôi trở nên mạnh mẽ hẳn lên. Lúc đầu thì gia đình vợ con lên thăm còn ở lại một đêm. Dần dần thời gian thăm gặp kéo dài hàng tuần lễ, mười ngày. Nhất là kể từ lúc trại cho phép trại viên được ở lại dễ dàng miễn là “đóng tiền phòng” và “biết điều” với các cán bộ ký giấy và cán bộ phụ trách nhà thăm gặp. Nhiều người nhờ có thân nhân ở ngoại quốc gởi tiền về sống một cách rất sung túc, họ không ăn cả phần ăn của trại nữa.

Đến giữa năm 1990, có những người trung gian lên giới thiệu các phụ nữ cho các trại viên còn độc thân hoặc đã bị vợ bỏ với hy vọng sẽ được gán ghép vào danh sách “đi Mỹ”. Những người tù thì vì nhu cầu sinh lý và vật chất còn những người phụ nữ kia thì lại muốn ra đi. Hai đối tượng này kết hợp nhau giống như một khế ước tạm thời! Tình cảnh chỉ là một sự gương ép, giả dối.

Tương lai của những người tù cải tạo chúng tôi khi ấy là gì? Có phải chăng là cái vé để đi đến một chân trời xán lạn của xứ Hoa Kỳ vàng son? Quả thật là một sự mỉa mai! Đối với chúng tôi thì chỉ mong điều ấy là một “phép lạ” để cứu chúng tôi ra khỏi trại giam mà thôi. Mười mấy năm khổ sở, có những lúc xuống tận cùng địa ngục của trần gian, chúng tôi chỉ mong thoát khỏi nơi ấy để nhìn thấy lại gia đình, để sống bên những người thân cho hết phần đời còn lại của mình.

Quả thật chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam mà người dân lại có giấc mơ “đào tẩu” lớn như vậy! Ngoài xã hội cũng như trong trại giam, đàn ông, đàn bà, trẻ em, tất cả chỉ muốn bằng mọi cách rời khỏi cái đất nước có đầy những bậc “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” này. Thật là một điều lạ lùng. Có ai đó đã nói một câu rất cay đắng “*nếu cái cột đèn mà biết đi thì nó cũng đi khỏi đất nước này nữa!*” Một câu nói đùa, nhưng chắc cũng không xa với thật tế. Vậy thì chúng ta có nên đặt lại câu hỏi mà VC thường dùng trong những ngày chúng mới vào miền Nam rằng “*ai thắng ai giữa chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa Tư Bản*” hay không?

Riêng cá nhân tôi thì giống như nhiều người khác, cuối cùng dục tính trong con người tôi cũng không thể khắc phục được, tôi đã bước chân vào “cái vòng lẩn quẩn” với một

người phụ nữ. Mặc dù mỗi người có một trường hợp khác nhau nhưng tựu chung thì cũng là vấn đề sinh lý và nhu cầu vật chất.

Cô ta là con gái của một trại viên ở trại Hà Nam Ninh chuyển về. Lúc ấy tôi còn đang ở phòng vẽ bên ngoài trại. Cô ấy và hai đứa con trai thường lên thăm ba và ông ngoại. Mỗi lần như vậy thì con của cô ta hay đến phòng vẽ chơi với tôi. Thỉnh thoảng cậu con mang cho tôi món này món nọ. Tôi nghĩ đó cũng là một sự cư xử thường tình của một người dân đi thăm nuôi đối với một người tù. Ngoài cô ấy ra thì cũng có nhiều người khác biếu quà cho tôi. Do đó tôi chỉ nhận và cảm ơn về lòng tốt của mọi người.

Tháng 11 năm 1989, ba cô ấy được thả ra với lý do già yếu bệnh tật, và sau đó thì phòng vẽ của tôi cũng được dời vào trong trại. Tôi không có gì để nhớ! Đến đầu năm 1990, trong lúc thăm gặp tôi thì mẹ tôi cho biết rằng có một người nào đó muốn thay thế bà lên thăm nuôi tôi. Tôi rất ngạc nhiên nhưng lại bảo mẹ tôi từ chối dùm.

Tháng 8 năm 1990, trong lúc phong trào các phụ nữ được giới thiệu lên thăm các trại viên nổi lên rầm rộ thì cô ấy lại lên. Một lần, hai lần, rồi nhiều lần liên tiếp cho đến khi cô ấy xin được ở lại. Trong hoàn cảnh ấy tôi không biết đối phó ra sao, thêm vào đó vì đã “ăn chay” quá lâu lại tự nhiên có một người đàn bà dâng hiến cho mình, tôi không thể cưỡng lại được dục vọng. Cô ấy lại là một người đàn bà rất đòi hỏi về xác thịt! Thế là tôi đã nhắm mắt xuôi tay cho “cuộc thế xoay vần!” Đến khi nhận ra được rằng mình đang đùa với lửa thì mọi việc đã muộn màng, tôi không làm thế nào để bước lui được nữa.

Vào tháng 11 năm 1990, chỉ mới hơn ba tháng sau lần đầu tiên cô ấy lên thăm tôi thì trại có lệnh cho chúng tôi khai báo những thân nhân sẽ đi theo với chúng tôi sang Mỹ! Các cán bộ thì bần tin rằng việc này là do phía của phái đoàn Mỹ yêu cầu. Nghe tin này tôi nghĩ ngay đến vợ con tôi; thế là tôi đã viết thư gửi về yêu cầu vợ tôi cho tôi được ghi tên hai mẹ con vào danh sách thân nhân rồi sau này ra sao tôi cũng chấp nhận. Nói là nói vậy thôi chứ tôi biết trong thâm tâm tôi vẫn còn yêu vợ tôi, tôi chỉ có một hy vọng duy nhất là sẽ nối lại tình xưa! Vợ tôi đã từ chối đề nghị này và bảo rằng hãy để yên cho vợ tôi mà chỉ nên lo cho mẹ và con tôi mà thôi.

Không biết tại sao cô ấy biết được việc làm này của tôi. Thế là một “trận giặc” đã xảy ra ở nhà thăm nuôi đêm hôm đó. Cô ấy chỉ muốn chiếm đoạt cả linh hồn lẫn thể xác tôi cho một mình cô ấy. Cô ấy còn nói với tôi rằng “*con cái thì muốn để lúc nào mà không được!*” Cô ta không muốn tôi lo cho cả con tôi nữa. Tôi rất bực mình bảo cô ta đừng bao giờ lên gặp tôi nữa nhưng rồi cô ta vẫn cứ lên. Ở trong hoàn cảnh của trại cải tạo thì tôi không còn cách nào khác hơn là phải ra gặp. Một phần vì chán nản bởi lời từ chối của vợ, một phần vì dục tính, câu chuyện cứ kéo dài mãi cho đến ngày tôi ra khỏi trại, rắc rối mãi cho đến ngày tôi rời khỏi đất nước.

Đây là trường hợp của cá nhân tôi; tôi không biết các trường hợp khác xảy ra như thế nào. Nhưng có điều tôi nghĩ chắc ít ai có thể giữ được lâu dài cái chuyện mua bán tình cảm như vậy!

Vào thời gian này thì ngoài việc đi lao động cầm chày và đội đi thăm nuôi, chúng tôi có thêm một sinh hoạt khác, đó là học tiếng Anh. Có lẽ mọi người đang chuẩn bị để đi Mỹ! Từ trước việc này bị cấm đoán rất chắc chắn trong các trại cải tạo. Bất cứ một tài liệu sách báo nào viết bằng tiếng ngoại quốc như Anh, Pháp vân vân mà bị khám phá

đều bị tịch thu, người lưu trữ thì bị giam kỷ luật. Nội quy của trại cũng có nói rằng “không được nói tiếng nước ngoài” vì họ cho rằng điều đó là việc truyền bá một nền văn hóa “phản động và đồi trụy”. Đến giờ thì họ lại “bỏ ngớ”, chẳng những không cấm đoán mà còn nhờ cả trại viên dạy cho họ tiếng Anh nữa.

Học tiếng Anh trong trại thì chỉ học qua sách vở, tạp chí và tự điển. Tuy nhiên lúc ấy có một trại viên nguyên là một giáo sư Anh ngữ ở Sài Gòn trước đây tên là Việt Huy, hay Nguyễn Đình Huy. Và rồi ông Huy đã trở thành “ông thầy” cho nhiều người. Sau này khi được thả ra ông Huy đã ở lại nước hoạt động tiếp và lại bị bắt vào trong trại.

Đầu năm 1991, lần đầu tiên chúng tôi được nhận mỗi người một gói quà do các bạn đã sang Mỹ góp nhau gửi về làm quà Tết cho chúng tôi. Những món quà mà đã bao lâu rồi tôi không thấy, trong đó có cả những lon bia Budweiser, những gói thuốc lá Marlboro. Họ còn gửi cho chúng tôi cả tiền dollar nữa, nhưng phải đổi ra tiền Việt Nam để xài. Thế là các cán bộ lại có dịp vào ăn Tết với trại viên! Giờ đây họ lại đề cập cả việc “xuất cảnh” đối với chúng tôi. Họ mong rằng khi sang Mỹ rồi thì chúng tôi hãy “nhớ” đến họ -nghĩa là nhớ gửi cho họ những món quà như vậy! Thật là một sự “duy vật” hơn bất cứ một sự duy vật nào.

Thêm vào đó thì thời gian này là lúc mà Liên Xô và các nước Đông Âu bắt đầu tan rã. Những cán bộ VC lúc ấy rất lo lắng không biết số phận của nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa và số phận của chính họ rồi sẽ ra sao. Tôi vẫn nhớ vào tháng tám năm 1991, khi các đơn vị Cộng Sản bao vây điện Cẩm Linh, các cán bộ trong trại đã tỏ ra rất vui mừng. Họ đến phòng chúng tôi và “cá” với chúng tôi rằng Gorbachev sẽ thất bại và Liên Xô sẽ trở lại với chủ nghĩa Cộng Sản. Nhìn thấy hoàn cảnh chúng tôi, họ liên tưởng đến tình cảnh của chính họ; họ lo sợ một khi Cộng Sản Việt Nam sụp đổ thì số phận của họ sẽ ra sao. Tên cán bộ trực trại còn nói với tôi sau khi nghe tin Yeltsin làm chủ trở lại tình hình ở Liên Xô rằng: “Các anh đi cải tạo còn có Mỹ nhận đi, đến phiên chúng tôi không biết ai sẽ nhận chúng tôi đây?”

Từ khi mới bước chân vào trại luôn luôn nghe những lời sắt máu, chửi bới, nào là “Đế Quốc Mỹ là quân xâm lược”, nào là “lũ ngụy quyền là bọn tay sai” đến bây giờ thì tất cả đều xoay ngược chiều. Chúng tôi nghĩ đó quả thật là một phép lạ! Nếu không có cái “phép lạ” này có lẽ là chúng tôi đã rũ xương ở chốn rừng thiêng nước độc của miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa rồi. Tôi nghĩ rằng dù cho có cố gắng bóp méo lịch sử tới đâu đi nữa thì rồi họ cũng không thể thoát được sự đào thải của định luật phát triển tự nhiên. Con người vẫn mãi mãi là con người chứ không bao giờ là những con khi biến thành người, càng không thể là những rô bô được điều khiển bởi những nút bấm!

Chương 52. Ngày về.

Sau gần hai tháng đi lâm sản với các phạm nhân hình sự rồi cuối cùng thì tôi cũng về với các bạn của tôi. Nhu ra điều kiện là trước khi cho về đội 20 thì tôi phải vẽ cho hắn ta mười lăm bức tranh để trang trí trong khu vực mới ở Z30C, tức là K2 của trại Z30D. Tôi thấy đó không phải là một điều kiện mà là một mệnh lệnh. Hắn ta là trại trưởng mà tôi là tù, vậy thì tôi phải làm những gì mà hắn ta ra lệnh.

Trước đó thì Lê Minh Đảo, đội trưởng đội 23, có cho tôi biết là Nhu có ý định trả tôi về với nhóm của chúng tôi. Ngẫm nghĩ, tôi thấy rất tức cười về việc này. Nhu là ông vua trong trại, muốn làm gì thì có mọi quyền hành để làm có gì mà phải đánh tiếng trước? Tuy nhiên tôi biết hẳn ta muốn tôi phải có lời “xin xỏ” với hắn để tôi được hẳn ban “đặc ân”! Do đó tôi nói với anh Đảo rằng anh ấy hãy nói với Nhu để tôi được về đội 20. Thế là sau thời gian khoảng hai tháng để hoàn tất 15 bức tranh, tôi được chuyển về đội 20 và đi lao động với đội này.

Lúc còn ở phòng vẽ bên ngoài trại, mỗi buổi trưa tôi vẫn thường đi câu cá ở khu vực gần nhà lô của đội 23 gần bờ suối, tuy nhiên tôi không biết rõ đội này làm lao động như thế nào. Đội 20 có nhiệm vụ chính là chăm sóc một vườn trồng điều nằm cách trại khoảng bốn cây số về hướng Quốc Lộ Số 1. Mỗi buổi sáng, chúng tôi xuất trại như thường lệ để đi đến nhà lô của đội. Hơn năm năm kể từ ngày bắt đầu đi vẽ tranh, tôi chỉ làm việc có một mình hoặc với Diệp, bây giờ đi lao động chung với các bạn bè, tôi cảm thấy vui hơn. Công việc làm của chúng tôi cũng không có gì là vất vả, chỉ làm cỏ vun gốc những cây điều hay trồng một ít bắp. Chính yếu là có hoạt động ngoài trời cho bớt cuồng chân tay trong trại giam. Buổi trưa thì treo võng nằm ngủ một giấc trong nhà lô cho đến lúc báo thức để làm lao động tiếp tục. Chiều về ghé tắm ở bờ suối hay tắm ở giếng nước trong nhà lô rồi nhập trại.

Vì tương đối gần Quốc Lộ nên chúng tôi có cơ hội thuận tiện để mua sắm các thứ cần thiết. Hàng ngày cán bộ quản giáo cho phép Hòa hay một vài người khác đi chợ mua sắm cho chúng tôi. Có lúc có những người dân ghé qua nhà lô để bán cho chúng tôi thịt rừng mà họ đánh bắt được hoặc chuối, bánh vân vân. Đôi khi các cán bộ còn làm “thịt cây” và mua rượu về nhậu với trại viên nữa!

Các cán bộ quản giáo và vũ trang đi theo đội 20 thường có những bữa ăn đặc biệt vì hầu như ngày nào trong đội cũng có người đi thăm nuôi. Một chút ít quà cáp để mua lấy sự thoải mái cũng là chuyện thường tình.

Vào lúc này thì Nhu đang chú tâm vào việc khai thác khu vực mới ở Z30C, nếu có dịp thì hẳn chỉ ghé qua đội 23 chứ không khi nào đến khu vực của đội 20. Vì thế chúng tôi không phải lo việc đối phó với hắn. Đây cũng là lúc mà tôi tránh gặp mặt Nhu để khỏi phải bị hắn nhắc nhở tới việc vẽ tranh nữa. Những thời gian đi lao động vất vả thì làm công việc vẽ tranh là một cách để tránh né lao động, còn lúc này tôi không thích làm việc ấy một chút nào!

Hàng ngày đi lao động với đội; tối về tôi tập thể dục ở ngoài sân khu nhà số 1. Nếu thích thì vào xem truyền hình hay ghé qua khu vui chơi để đấu láo với các nữ tù ở đội văn nghệ, hoặc vào hội trường xem video. Có lúc thì vào phòng ngồi trò chuyện với bạn bè, nghe những tin tức “sốt dẻo” hay uống vài thang “thuốc bổ” để mà hy vọng. Cứ thế mà thời gian trôi qua!

Sáng ngày 16 tháng giêng năm 1992, chỉ còn hơn mười ngày nữa đến Tết thì tôi được thả ra khỏi trại! Có khoảng phân nửa chúng tôi được thả trong một đợt trước Tết, số còn lại thì được thả ra sau Tết năm ấy.

Nhiều lúc tôi suy nghĩ rằng khi được nghe tên mình trong lệnh phóng thích chắc là tôi sẽ rất vui mừng, nhưng thật tế thì không có như vậy. Tôi hoàn toàn đứng đưng khi nghe tên mình được ra khỏi trại cải tạo. Xem đó như là một điều tất nhiên.

Trở vào buồng để dọn dẹp đồ đạc trước khi ra về, tôi giao cho Uy một vài món cần thiết còn bao nhiêu thì cho Lập, phạm nhân hình sự làm chung với tôi trong phòng vẽ. Tôi chỉ mang về chiếc ba-lô đã cũ và cái mũ là hai thứ mà tôi mang theo từ lúc vào trường Chu Văn An, tôi cũng không quên mang về một bộ đồ tù còn mới để ghi nhớ. Tôi lại phải dìu anh Sỹ ra cổng trại để nhận giấy ra trại. Anh ấy quá yếu vì bị bệnh. Số tiền trại phát để đi đường thì hầu hết chúng tôi góp nhau gửi vào cho Lân, đang là trưởng ban Thi Đua, là một trại viên cải tạo đã bị xử án chung thân ở trại Tiên Lãng.

Cầm tờ giấy ra trại trên tay, tôi lững thững đi bộ ra tới con đường đất hướng về phía Quốc Lộ Số 1 thì nghe có tiếng xe gắn máy ở phía sau lưng. Tur, lúc ấy là trưởng phân trại K1 của trại Z30D ngừng xe lại bảo tôi leo lên để anh ta đưa tôi ra tới đường cái đón xe đò về nhà. Tur đã từng là cán bộ quản giáo của đội “mía” lúc tôi mới về trại Z30D, người đã giúp tôi gặp vợ tôi qua đêm để giải quyết chuyện gia đình vào năm 1983, là cán bộ quản giáo đội mộc vào thời gian tôi còn làm ở đội này, và cũng thường lén Nhu ghé vào phòng vẽ để nhờ tôi vẽ dùm những bức tranh cho vợ anh ta dạy học trường cấp một ở thị xã. Bên cạnh Nhu giống như một hung thần thì Tur lại là một con người có cách cư xử rất nhã nhặn.

Một chủ thuyết sai lầm không nhất thiết phải sản sinh những con người xấu, tôi nghĩ.

Trên chuyến xe đò, mọi người nhìn tôi dò hỏi. Họ đều biết tôi vừa mới được ra khỏi trại cải tạo. Tất cả đều rất ngạc nhiên khi biết rằng tôi đã đi cải tạo từ năm 1975, sau gần 17 năm trường. Họ cứ tưởng rằng không còn chúng tôi trong các trại cải tạo nữa! Anh tài xế và anh lơ xe từ chối không nhận tiền mà tôi trả anh ấy lại còn bảo rằng tôi vừa mới được ra trại thì tiền đâu mà trả!

Ngồi trên xe đò, tôi suy nghĩ về hoàn cảnh của mình khi về đến nhà rồi bỗng nhiên tôi lầm nhẫm bài thơ “Ngày về” của Tố Hữu, một thi sĩ của Bắc Việt:

“Rồi một hôm nào cỡi áo xanh,

“Hết cùm, hết xích, hết roi canh.

“Nghiêng vai trút nhẹ đời giam cầm,

“Anh trở về anh của gia đình.

“Đây nẻo làng quen tự bé thơ,

“Tre non ngọt ngọn ý mong chờ.

“Nóc nhà ai khói lam lên đó,

“Có phải nhà anh tự thưở xưa?

“Có lẽ con anh lớn lắm rồi?

“Chúng đương đùa nghịch hét vang cười.

“Anh về nên chúng ngừng vui lại,

“Bờ ngõ rồi la: Cha, cha ơi!

“Và vợ anh đương thổi lửa chiều,

“Rung mừng quăng đĩa, bỏ nồi niêu.

“Đôi hàng tóc xõa tung không búi,

“Ôm lấy anh mà khóc, giận, yêu!

“Nhưng ngõ nhà xưa đã tới đây,

“Cột sơn còn đó, liếp tre gãy.

“Bảng mờ ai khắc tên lên đó,

“Anh thấy sao như kẻ lạc loài.

“Chân muốn vô song lại ngập ngừng.

“Chó nhà đâu đã sửa người dung?

“Anh nhìn lên lên vườn cau mới,

“Và tấm bình phong đứng lạnh lùng.

“Vâng chính xưa anh ở chốn này.

“Tre già còn đó, miếu còn đây.

“Lòng băng khuâng mãi ôn ngày cũ,

“Chợt tiếng người đâu: Chú hỏi ai?

“Anh hỏi nhà anh? Không phải đây!

“Rồi thôi quay đóng cửa then cài.

“Để ngoài sương gió chiều se lạnh.

“Bên khóm tre già, khách đứng ngây!”

Bao nhiêu giấc mơ “tương phùng” thế mà giờ đây trên đường về tôi lại cảm thấy bơ vơ, lạc lõng làm sao! Làm gì có được cái cảnh “Rung mừng quăng đĩa bỏ nồi niêu, đôi hàng tóc xõa tung không búi, ôm lấy anh mà khóc giận yêu!” Phải chăng chính vì vậy mà khi nghe tên ra về tôi chẳng thấy một chút gì là vui mừng hơn hờ?

“Anh sẽ về, em ơi, anh sẽ về.

“Dù đêm khôn cùng, hay mất hết người thân yêu,

“Hay em không còn như thiên đường xưa,

“Cũng gắng trở về chết nơi ra đời!”

Vâng, rồi cũng đến ngày tôi phải về mà thôi, dù về để mà nhìn thấy cảnh đau lòng, để nhìn thiên đường hạnh phúc đã đổ vỡ, thì cũng phải về để “chết nơi ra đời!” Lời của bài hát sao mà đúng với tâm trạng của tôi quá như vậy!

Xe đã đến Ngã Tư Hàng Xanh. Con đường Xa Lộ Sài Gòn – Biên Hòa ở đoạn này quá tấp nập hơn cả những ngày tháng trước năm 1975. Xe xích lô rất nhiều, họ bu quanh chiếc xe đồ để mời khách. Tôi định đi bộ về nhà, nhưng rồi không hiểu tại sao tôi lại bước lên một chiếc xích lô và nói với anh phu xe: “Anh cho tôi về Ngã Tư Bình Hòa.”

Anh ta vừa đạp xe vừa hỏi chuyện:

- “Có phải anh mới ra trại cải tạo không?”

- “Sao anh biết?”

- “Thì nhìn cách ăn mặc và cái ba lô của anh là biết ngay mà!”

- “Chắc anh đã đón nhiều người như tôi rồi phải không?”

- “Cũng khá khá!” Anh ta cười “Tôi cũng đi cải tạo hết gần một năm, trước là trung sĩ Thủy Quân Lục Chiến. Còn anh sao mà về trễ quá vậy?”

- “Tôi cũng không biết sao, có lẽ không tiến bộ nên họ cứ giữ mãi!”

- “Chắc các cha khai báo thành khẩn quá chứ gì?”

Tôi cười với anh ta mà không trả lời. Tôi đã nghe quá nhiều cách nói này. Thành khẩn hay không thành khẩn. Tiến bộ hay không tiến bộ. Tại sao có những người trước kia có cấp bậc và chức vụ cao mà vẫn được thả ra sớm hơn những người có cấp bậc và chức vụ thấp? Tại sao chúng tôi phải ở lại thêm bốn năm trong khi hầu như mọi người đã được ra về từ năm 1988? Tất cả những điều đó đối với tôi giờ này không có gì là quan trọng cả. Điều mà tôi đang suy nghĩ chính là tôi đang trên đường về nhà và tôi sẽ phải chứng kiến một số phận hẩm hiu mà tôi đã biết trước!

Con đường từ Hàng Xanh qua Bà Chiểu đông nghẹt xe cộ. Chiếc xích lô đạp với chiếc cang xe cao ngóc lên khác hẳn với những chiếc xích lô đạp trước kia cứ úi vào những chiếc xe đạp và xe gắn máy để tiến tới khiến tôi phát khiếp. Sài Gòn không còn là Sài Gòn nữa. Sài Gòn bây giờ là Thành Phố Hồ Chí Minh. Cũng vì vậy mà tôi không còn nhận ra một nét quen thuộc nào của Sài Gòn ngày xưa. Đường xá nhộn nhịp hơn, cái nhộn nhịp bừa bãi! Hàng quán đầy dẫy khắp mọi nơi, mọi nhà, mọi ngõ ngách. Những con đường trông chật hẹp hẳn lại vì nhà cửa lấn ra tới tận lề đường, nhiều căn nhà còn bao luôn cột đèn đường vào bên trong. Xe cộ chạy ngang dọc không theo một trật tự nào hết. Đúng là họ đã “giải phóng” Sài Gòn và giải phóng luôn cái “ý thức” của người dân Sài Gòn!

Chiếc xích lô quẹo phải qua đường Lê Quang Định. Khu chợ Bà Chiêu với cái tên chợ vẫn còn kia, nhưng ngôi trường “Nam Tĩnh Lý” và “Trường Trung Học Hồ Ngọc Cẩn” không nhìn thấy được. Hàng quán đã che lấp cổng trường và hàng rào quanh trường. Bao nhiêu kỷ niệm thời ấu thơ của tôi đang hiện về khi xe chạy trên đoạn đường này; một đoạn đường mà không biết bao nhiêu năm tháng từ thời bắt đầu cắp sách đến trường cho đến năm cuối của bậc trung học tôi đã lê bước đi qua. Tôi đã thuộc lòng gần như từng viên đá, từng bậc thềm. Thế mà giờ đây nó hiện ra trước mắt tôi lạ lẫm làm sao! Chỉ còn có con đường nằm trơ trọi còn hai bên lề đường thì không còn đâu nữa. Bộ hành và xe cộ cùng chia xẻ lòng đường vốn đã quá nhỏ hẹp này!

Xe đã đến Ngã Tư Bình Hòa. Con đường cắt ngang là con đường gì đó nhỉ? Tôi rất ngỡ ngàng khi nhìn thấy cái tên rất kỳ khôi trên tấm bảng chỉ tên đường: “*Nơ Trang Long!*” Tôi không thể nào quên được tên của con đường này. Cái tên Nguyễn Văn Học mà ngôi mộ vẫn nằm trong một công viên ở góc đường ấy với đường Chi Lăng, đối diện với “Trường Vê”. Giờ đây nó đã đổi thành con đường Nơ Trang Long, một cái tên rất xa lạ. Thôi cũng phải như vậy mà thôi; bởi vì Sài Gòn đã là Thành Phố Hồ Chí Minh thì đường Nguyễn Văn Học trở thành đường Nơ Trang Long cũng quá đúng với lý lẽ của nó.

Tim tôi bắt đầu đập nhanh hơn, tôi cố hướng mắt nhìn về phía căn nhà của mình, nơi mà tôi đã sống suốt quãng đời thơ ấu. Quang cảnh đã hoàn toàn thay đổi. Những bãi đất trống phía bên kia đường không còn nữa. Những cái sân nằm yên lặng sau những hàng rào phía trước các căn nhà cũng không còn thấy đâu. Thay vào đó là những kiến trúc tấp nập lấn ra tới tận mặt đường. Dầu sao thì tôi vẫn không quên được vị trí của nhà mình; tôi ra dấu cho anh phu xích lô dừng lại.

Bỗng tôi nghe có tiếng la lớn ở nhà bên cạnh: “A! Tụi bây ơi, anh Hai về kìa!”

Quay lại nhìn người vừa nói, tôi không thể nhận ra được là ai. Ngày tôi đi thì những cô gái này chỉ là những đứa bé mà giờ đây thì chúng đã tay bồng tay mang. Hai đứa em tôi đang bán hàng trong nhà chạy ra, và rồi mẹ tôi cũng ra đón tôi vào. Tôi đã trở về nhà sau mười sáu năm bảy tháng hai ngày!

Princess City, Indiana

Mùa Xuân năm 2002.

KALE

Liên lạc tác giả KALE: thongtinlls3@gmail.com

Nguồn: <http://tuxtini.com/2013/03/27/17-nam-trong-cac-trai-cai-tao-cua-csvn>

www.vietnamvanhien.net